50

VĂN TÂN

★

CÁCH MẠNG TÂY SƠN

TIMSACH.COM.VN

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN SỬ ĐỊA
HÀ-NỘI — 1958

VĂN TÂN

CÁCH MẠNG TÂY SƠN

TIMSACH.COM.VN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN SỬ ĐỊA
HÀ-NỘI — 1958

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng chí Trần Huy Liệu trong **Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa** *số 14 Tháng 2 năm 1956 gọi phong trào Tây-sơn là cách mạng Tây-sơn. Trong bản báo cáo* **Bàn về cách mạng Việt-nam** *đọc tại Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Lao động Việt-nam Tháng 2 năm 1951, đồng chí Trường-Chinh nhận phong trào Tây-sơn là « một cuộc vận động cách mạng của nông dân rộng khắp toàn quốc và có tính chất chống phong kiến phản động ở trong nước và ngoài nước ».*

Theo tinh thần những tài liệu kể trên, sách này lấy tên là **Cách mạng Tây-sơn.**

Về mặt tài liệu, **Cách mạng Tây-sơn** *trước hết viết theo những tài liệu bằng chữ Hán, rồi đến những tài liệu bằng chữ Việt-nam, cuối cùng là những tài liệu bằng chữ Pháp như đã ghi rõ trong bảng* **Sách báo tham khảo** *in ở đầu sách.*

Theo tinh thần khoa học « thực sự cầu thị », tác giả **Cách mạng Tây-sơn** *đã căn cứ vào những tài liệu các loại hiện có mà đưa ra một số ý kiến nhằm đánh giá cuộc cách mạng Tây-sơn, vai trò lịch sử của anh hùng Nguyễn Huệ, và tìm những nguyên nhân thành công cũng như những nguyên nhân thất bại của cách mạng Tây-sơn.*

Nhận định của tác giả về cách mạng Tây-sơn có một vài điểm khác với các nhận định đã có về cách mạng Tây-sơn. Tác giả đánh bạo đưa những nhận định ấy ra với hy vọng được cùng với các bạn yêu lịch sử dân tộc thảo luận về cách mạng Tây-sơn để cuối cùng đi đến một nhận thức đúng đắn về cuộc cách mạng ấy.

Hà-nội, Tháng 11 năm 1957

VĂN TÂN

TIMSACH.COM.VN

SÁCH BÁO THAM KHẢO

SÁCH BẰNG CHỮ HÁN

1. — Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập quyển 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30 và 31
2. — Lê quý dật sử.
3. — Tây sơn thủy mạt khảo.
4. — Bang giao hảo thoại quyển I và quyển II của Ngô gia văn phái.
5 — Gia định thông chí.
6. — Nghệ an chí của Bùi Tồn Trai.
7. — Tang thương ngẫu lục của Kính phủ và Tùng niên.
8. — Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ.
9. — Đại nam nhất thống chí (Bình định tỉnh)
10. — Khâm định Việt sử thông giám cương mục của Quốc sử quán.
11. — Lịch triều hiến chương loại chí (Bang giáo chí và Binh chế chí) của Phan Huy Chú.
12. — Đông hoa lục.
13. — Quân doanh kỷ lược của Trần Nguyên Nhiếp.
14. — Hồ tôn thế phả.
15. — Đại Nam thực lục quyển I, II và III.
16. — Bắc hành lược ký của Lê Quýnh.

SÁCH BÁO BẰNG CHỮ VIỆT-NAM

1. — Quang Trung Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc của Hoa Bằng (xuất bản lần 2).
2. — La sơn Phu tử của Hoàng Xuân Hãn.

3. — Tập san nghiên cứu Văn Sử Địa số 14.
4. — Bàn về cách mạng Việt nam của Trường Chinh.
5. — Vấn đề hình thành dân tộc Việt nam của Đào Duy Anh.
6. — Việt nam sử lược của Trần Trọng Kim.
7. — Đông Thanh. tạp chí.
8. — Tôn Sĩ Nghị — Lê Chiêu Thống — Quang Trung của Lê Văn Hòe.
9. — Lược khảo binh chế Việt nam qua các thời đại của Tiên-đàm Nguyễn Tường Phượng.
10. — Nguyễn Cư Trinh với quyển Sãi vãi của Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật.

SÁCH BẰNG CHỮ PHÁP

1. — Histoire moderne du Pays d'Annam của Ch. B. Maybon.
2. — Le plateau d'Ankhê của Ch. Trinquet.
3. — Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne của Jean Chesneaux.
4. — L'Annam ses provinces et ses ressources của J. L. Fontana.
5 — L'Asie centrale của Maurice Courant.
6. — Histoire de l' Extrême orient của René Grousset.

TIMSACH.COM.VN

XÃ HỘI VIỆT NAM TRƯỚC NGÀY ANH EM TÂY SƠN KHỞI NGHĨA

Nước Việt-nam từ thế kỷ thứ XIV đã có một nền kinh tế hàng hóa và tiền tệ phát triển tới một chừng mực nhất định. Đến thế kỷ XVII, sự tiếp xúc với các nước tư bản phương Tây và các thương nhân Nhật-bản đã kích thích mạnh nền kinh tế hàng hóa và tiền tệ của nước ta, ở Đường ngoài cũng như ở Đường trong. Theo tài liệu của các thương nhân hoặc các giáo sĩ phương Tây, thì hồi nửa sau thế kỷ XVII, các thương nhân Anh và Pháp đã được chúa Trịnh cho phép mở các hiệu buôn ở Phố Hiến. Ở Kẻ chợ (Hà-nội) hồi bấy giờ, các thương nhân ngoại quốc cũng đi lại buôn bán rất sầm uất. Câu : *Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến* đã chứng minh sự thực ấy.

Theo *Vấn đề hình thành của dân tộc Việt-nam* của ông Đào Duy Anh, thì, «Ngoài Kẻ chợ và Phố Hiến là hai đô thị mậu dịch lớn, dọc bờ biển Bắc bộ, gần các cửa sông lớn, còn có các thị trường nhỏ hơn, các tàu ngoại quốc thường ghé trước khi đến Kẻ Chợ và Phố Hiến. Ở những chợ nhỏ ấy, họ cũng thường gặp những người Nhật kiều và Hoa

kiều, vi như ở làng Giang ở gần Cửa Cấm. Cũng có khi ở một bến nào, tàu ngoại quốc đậu lại để buôn bán thì thương nhân bản quốc kéo đến dựng lều ở đó để buôn bán với tàu ấy, lập thành một cái chợ lâm thời, khi tàu đi thì chợ lại tan ». (*Vấn đề hình thành của dân tộc Việt-nam* trang 96 và 97).

Thời kỳ nửa sau thế kỷ XVII là thời kỳ chúa Trịnh cần nhiều tiền để ăn tiêu xa xỉ và để xây dựng cung điện, chùa chiền cho nên nghề khai mỏ, nhất là mỏ đồng đặc biệt phát triển.

Đấy là tình hình nông nghiệp và thương nghiệp ở Đường ngoài. Còn ở Đường trong bấy giờ thì « Chúa Nguyễn đương phải xây dựng một Nhà nước trên cơ sở kinh tế còn yếu ớt và lạc hậu, lại càng cần sự thông thương của người ngoại quốc để được cung cấp những vật liệu cần dùng, bởi thế thái độ của chúa Nguyễn về ngoại thương có thể nói là còn tương đối rộng hơn thái độ Chúa Trịnh. Người ngoại quốc được ưu đãi nhất cũng là người Nhật-bản và người Trung-quốc. Người Trung-quốc đến trước người Nhật-bản đã xây dựng hai thương phụ là Hội-an phố (tức Fai-Fo) ở Quảng-nam và Thanh-hà phố ở gần Phú-xuân ». (*Vấn đề hình thành của dân tộc Việt-nam* trang 97.)

Tóm lại, tình hình công nghiệp và thương nghiệp Đường ngoài cũng như ở Đường trong nước Việt-nam hồi thế kỷ XVII đã tạo những điều kiện khách quan thuận lợi cho nhân tố tư bản chủ nghĩa trong nền kinh tế nảy mầm và phát triển. Nhưng chính sách kinh tế của Chúa Trịnh ở Đường

ngoài cũng như của Chúa Nguyễn ở Đường trong về căn bản là chính sách phản động. Chúa Trịnh cũng như Chúa Nguyễn cho tàu bè các nước qua lại buôn bán không phải nhằm mục đích làm cho kinh tế trong nước phồn vinh, mà chủ yếu là để mua những hàng hóa cần thiết cho đời sống xa hoa của họ và những vật dụng cần thiết cho quân đội của họ như diêm tiêu, diêm sinh, súng đạn, chì v.v...

Việc buôn bán với các thương nhân ngoại quốc do bọn phong kiến thống trị giữ độc quyền, nhân dân tuyệt đối không được tham dự. Đã thế, bọn quan lại lại tìm đủ mọi cách để xách nhiễu các thương nhân ngoại quốc, có khi chúng mưu mô để cướp không hàng hóa của họ. Vì vậy đến thế kỷ XVIII, thì việc buôn bán với thương nhân ngoại quốc sút kém hẳn đi. Tình trạng này đã ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình kinh tế trong nước, đặc biệt là tình hình công nghiệp và thương nghiệp làm cho công nghiệp và thương nghiệp bị đình đốn suy vi, không ngóc đầu lên được nữa.

Nông nghiệp của nước Việt-nam hồi nửa sau thế kỷ XVII và nhất là hồi thế kỷ XVIII cũng hết sức đời tệ ở Đường ngoài. Trong thời kỳ này những nạn mất mùa, vỡ đê luôn luôn xảy ra. Nông dân đói khổ và càng ngày càng bần cùng hóa, phải bán ruộng đất cho địa chủ. Việc quan lại, địa chủ chiếm đoạt ruộng đất của nông dân nghiêm trọng đến nỗi năm 1711, Trịnh Cương phải ra lệnh cấm «các nhà quyền qui thế gia, các nha viên cùng các nhà hào phú không được thừa lúc các xã dân nghèo

khổ phiêu lưu mà thác cớ mua ruộng đất để chiếm làm của riêng, tùy tiện lập thành trang trại, dung nạp dân đinh lưu vong để làm người bả canh» (*Lịch sử Việt-nam* Đào Duy Anh, trang 294).

Năm 1728, các xứ Thanh-hóa và Nghệ-an bị nạn bão lụt, mùa màng hư hỏng hết, nhân dân rất đói khổ. Trịnh Cương cho lấy ở kho ra sáu vạn quan tiền để chẩn cấp cho dân đói. Nhưng vì cần nhiều tiền để làm cung điện và chùa chiền, nên ngay năm đó (1728) Trịnh Cương lại đánh thuế tư điền nặng hơn trước. Do đó đời sống của nông dân lại càng cơ cực.

Khi Trịnh Giang lên thay cha là Trịnh Cương làm chúa, tình hình Đường ngoài lại càng khủng hoảng trầm trọng.

Giang là người ngu tối, dâm ô, càn rỡ. Khi được Trịnh Cương cho phép lập phủ tiết chế để tập làm chính trị, Giang đã tỏ ra là một người hư hỏng. Về mùa nực, y cho đổ nước vào một cái bồn nước lớn bằng đá để y cùng với cung nữ tắm. Y hoang dâm quá độ, nên mắc bệnh. Nguyễn Công Hãng là người được Trịnh Cương cử làm tư giảng cho Giang, thấy Giang ngu tối và chơi bời quá, đã mật tâu với Cương rằng: «Thế tử không kham nổi trách nhiệm», Cương đã có ý muốn bỏ Giang. Giang biết thế, vội lấy tiền dút Đặng phi là vợ yêu của Trịnh Cương để Đặng phi bênh vực Giang. Do đó Cương vẫn dùng dằng, chưa truất ngôi thế tử của Trịnh Giang. Rồi Cương thình lình bị bệnh mất. Đặng phi mưu với hoạn quan đưa Giang lên

ngôi chúa. Khi đã được nối ngôi cha, Giang tạ ơn Đặng phi là người đã giúp mình, rồi kể bệnh của mình cho Đặng phi biết. Đặng phi bày cách chữa cho Giang, rồi hai người tư thông với nhau. Không bao lâu, Đặng thị có mang, tiếng đồn ra ngoài phủ chúa, Giang sai người đem Đặng phi sang giấu ở chùa Long cung bên Kinh bắc (Bắc-ninh). Bà Thái phi biết chuyện, liền bắt Đặng phi phải thắt cổ chết để giập tiếng xấu đi.

Giang sai sửa chữa chùa Quỳnh-lâm và chùa Sùng-nghiêm (1). Để sửa chữa hai ngôi chùa này, Giang sai lấy gỗ ở phủ Cổ-bi đóng bè đưa về. Dân ba huyện Đông-triều, Thủy-dường, Chí-linh (Hải-dương) phải phục dịch rất vất vả. Để tiện cho việc chở gỗ, Giang sai khai sông, hàng ngày dùng đến hàng vạn nhân công. Sau đó, Giang lại sai làm chùa Hồ-thiên và chùa Hương-hải (2).

Một hôm đang chơi đùa ở trong cung, Giang bị sét đánh hụt. Từ đấy, y bị bệnh thần kinh, hễ nghe tiếng sấm sét là chân tay y run lẩy bẩy. Bọn hoạn quan là Hoàng Công Phụ bảo Giang rằng: « Đấy là dâm báo, chỉ có cách đào hầm mà ở thì mới tránh khỏi ».

---

(1) Chùa Quỳnh-lâm ở chân núi Quỳnh-lâm, xã Hà-lôi, huyện Đông-triều, tỉnh Hải-dương do Khổng Minh Không đời nhà Lý làm ra.

Chùa Sùng-nghiêm ở xã Nam-giản huyện Chí-linh, tỉnh Hải-đương.

(2) Chùa Hồ-thiên ở Bắc-ninh. Chùa Hương-hải ở xã Phụ-vệ, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương.

Giang nghe lời, sai làm cung Thưởng-trì ở xã Hoàng-mai (1) để ở. Từ đấy, bọn Hoàng Công Phụ nắm cả quyền chính. Phụ đưa vây cánh là Thực quận công lên giữ chức quyền phủ sứ. Quận Thực ngầm đem em trai của y vào phủ chúa giả làm chúa Trịnh. Chúa Trịnh giả này thường ở trong buồng tối, đêm đêm nó gọi cung nữ đến để gian dâm. Nhiều cung nữ có mang với nó. Thợ may ở cung Thượng-y (sở may áo cho chúa Trịnh) thấy kích thước quần áo của chúa không phải là kích thước xưa, liền bàn tán cùng nhau. Tiếng đồn ra ngoài phủ chúa.

Khi Bồi tung hữu tư giảng là Nguyễn Quý Cảnh làm đảo chính đánh đổ Trịnh Giang đưa Trịnh Doanh (em Trịnh Giang) lên cầm quyền, thì tên chúa Trịnh giả vội trốn thoát, nhưng các cung nữ bị chúa giả gian dâm và các vương tử đẻ sau khi Trịnh Giang ra ở cung Thưởng-trì đều bị bỏ rọ ném xuống sông Hồng cho chết đi.

Trong tình trạng chính sự đổ nát như thế, các cuộc khởi nghĩa của nông dân liên tiếp nổ ra mỗi ngày một nhiều, và mỗi ngày một mạnh.

Năm 1737 nhà sư Nguyễn Dương Hưng kéo dân nghèo ở các miền Sơn-tây và Thái-nguyên nổi lên chống lại chính quyền Chúa Trịnh. Nghĩa quân của Nguyễn Dương Hưng vừa bị đánh bại xong, thì các tôn thất nhà Lê do Lê Duy Mật đứng đầu lại nổi lên mưu đánh úp kinh thành. Cơ mưu bại

---

(1) Xã Hoàng-mai xưa thuộc huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông, nay thuộc ngoại thành Hà-nội. Có sách chép cung Thưởng-trì là cung Tiên-túc nền cung Thưởng xuân của triều nhà Lý trước.

lộ, Lê Duy Mật cùng đồ đảng chạy vào miền thượng du Thanh-hóa dựa vào núi rừng để chống lại quân Trịnh.

Cũng năm 1738 lại nổ ra các cuộc khởi nghĩa ở Ninh-xá, ở Mộ-trạch và Ngân-già của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và Vũ Trác Oánh. Năm 1738 còn có cuộc khởi nghĩa của Hoàng Văn Chất ở Đông-yên (nay là huyện Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên). Ngoài ra lại còn cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu tức Quận He ở núi Đồ-sơn và đảo Vân-đồn, và cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Danh Phương năm 1740 ở miền Tam-đảo.

Các cuộc khởi nghĩa trên, trừ cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật và của Hoàng Văn Chất, trước sau đều bị Trịnh Doanh đánh tan, nhưng tình trạng khủng hoảng của nhà nước phong kiến Đường ngoài không phải vì thế mà có thể cứu vãn được. Sau khi đánh bại được các cuộc khởi nghĩa của nông dân, Trịnh Doanh cố gắng chỉnh đốn lại các bộ máy của nhà nước phong kiến. Nhưng cố gắng của Trịnh Doanh chỉ tạm thời hòa hoãn được các mâu thuẫn, chứ không thể giải quyết từ căn bản các mâu thuẫn ấy. Cho nên đến năm 1767, khi Doanh chết, và con là Trịnh Sâm lên thay, thì tình hình xã hội Đường ngoài lại khủng hoảng trầm trọng hơn.

Sâm vừa lên thay cha, thì em Sâm là Trịnh Đệ mưu với bọn Phạm Huy Cơ định giết Sâm để đoạt lấy ngôi chúa. Việc bại lộ Đệ và Cơ đều bị giết. Sau đó, Sâm lại sai hoạn quan là Hoàng Ngũ Phúc vu tội cho thái tử Lê Duy Vỹ rồi giết đi.

Sâm là người dâm đãng vô độ. Trong khi nghĩa quân của Lê Duy Mật hoạt động ở miền Hương-sơn và miền Thanh-chương thuộc hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh, và nghĩa quân của Hoàng Văn Chất hoạt động ở miền Hưng-hóa, thì Sâm chỉ nghĩ cách bóc lột nhân dân để lấy tiền ăn chơi xa xỉ. Sâm say mê Đặng thị Huệ, và dung túng cho anh em họ hàng Đặng thị Huệ ức hiếp nhân dân. Theo sách *Tang thương ngẫu lục*, thì em trai Đặng thị Huệ là Đặng Mậu Lân thường đem hàng chục thủ hạ cầm khí giới đi rong chơi các nơi ở Kinh đô và các miền nông thôn nữa. Hễ gặp xe nhà quyền quí, người nào nó không ưa là nó gây sự để đánh hoặc giết. Gặp đàn bà con gái có sắc đẹp là nó sai chăng màn ở giữa đường để hãm hiếp, người nào cự lại thì nó cắt đầu vú đi. Chồng hay cha mẹ người nào dám nói thì nó bẻ răng, có khi đánh chết. Trịnh Sâm không những không trừng trị nó, mà lại còn đem con gái yêu gả cho nó nữa.

Sâm đã mắc bệnh trĩ lại hoang dâm, nên đau ốm luôn luôn, y rất sợ gió, ngày đêm ở trong thâm cung đóng kín cửa, giữ Đặng thị Huệ ở bên mình. Thị Huệ sinh được đứa con trai đặt tên là Cán. Cán mắc bệnh sài mòn, ốm đau quặt quẹo luôn, Thị Huệ câu kết với Hoàng Đình Bảo để tranh ngôi thế tử cho con mình là Cán. Phe của Khải có Nguyễn Lệ là trấn thủ Sơn-tây, và Nguyễn Khắc Tuấn là trấn thủ Kinh Bắc. Mùa thu năm 1780, Khải nhân thấy Sâm ốm nặng, mưu với Nguyễn Lệ và Nguyễn Khắc Tuấn là hễ Sâm chết thì giết Hoàng Đình Bảo và Đặng thị Huệ đi. Mưu bị lộ, Khải bị bắt giam, Nguyễn Lệ và Nguyễn Khắc Tuấn bị giết.

Từ ngày Khải bị hạ ngục, Cán khỏi bệnh lên sởi và mỗi ngày một khỏe ra. Thấy thế, Sâm mừng lắm. Đặng thị Huệ cùng bè đảng khuyên Sâm sớm lập Cán làm thế tử. Sâm nghe lời. Thế là Cán mới lên năm tuổi đã được lập làm thế tử. Tháng mười 1782, thấy bệnh mình mỗi ngày một nguy kịch, Sâm cho gọi Hoàng Đình Bảo lại giao cho Đình Bảo việc ủng hộ Trịnh Cán rồi mất. Cán được đưa lên nối nghiệp cha, năm ấy mới lên sáu tuổi. Hoàng Đình Bảo được tự do ra vào phủ chúa, y tư thông với Đặng thị Huệ. Tiếng đồn ra ngoài, trong dân gian có câu ca dao:

Trăm quan có mất như mở
Để cho Huy quận(1) *vào sờ chính cung.*

Đình Bảo tức lắm, y sai đặt móc câu ở chợ và cho rao khắp các nơi rằng: ai bàn đến việc phủ chúa sẽ bị móc lưỡi ra mà cắt đi.

Nhưng ở ngoài đường, ngoài chợ, lời đồn đại vẫn cứ mỗi ngày một lan rộng, không có cách gì cấm được. Có dư luận cho rằng: « Đình Bảo có dị chí. » Lại có dư luận cho rằng: « Tân vương bị bệnh nặng, Đình Bảo tư thông với Đặng thị Huệ và mưu giết thế tử Trịnh Khải đi ». Bấy giờ có một người chân tay của Trịnh Khải là Dự Vũ uống rượu say rồi lẻn vào quân đội ngầm bảo mọi người rằng: « Thế tử không có tội gì, Đặng thị Huệ là đứa cay nghiệt, nó làm mê hoặc tiên vương để đoạt lấy ngôi chúa, Đình Bảo vốn có ý làm phản, nó đã lợi dụng tân vương còn nhỏ tuổi dễ sai khiến, nó phụ họa với Đặng thị Huệ để thực hiện cái kế thoán

---

(1) Huy quận công là tước của Hoàng Đình Bảo.

đoạt. Nay tân vương mắc bệnh nặng, biến loạn tất sinh ra. Quân sĩ chúng ta đều là người ở nơi Thang mộc[1], đều là nanh vuốt của quốc gia, và đều có lòng trung nghĩa cả. Nếu chúng ta một lòng tôn phù, thì công lao ghi sử sách còn ai hơn nữa.»

Thế rồi đến Tháng 11 năm 1782, kiêu binh nổi lên giết Hoàng Đình Bảo, mở ngục thất rước Trịnh Khải ra tôn lên làm chúa, giáng Trịnh Cán xuống làm Cung quốc công (mấy ngày sau thì Cán chết). Đặng thị Huệ bị giáng xuống làm thứ nhân rồi uống thuốc độc tự tử. Kiêu binh sau khi đưa Trịnh Khải lên ngôi chúa, liền chia nhau đi cướp phá các nơi ở kinh thành. Phàm những nhà có họ hàng với Đặng thị Huệ và Hoàng Đình Bảo đều bị cướp phá, kinh thành náo động. Sau đó vài ngày, tình hình kinh thành tuy trở lại yên tĩnh, nhưng kiêu binh thì mỗi ngày một ngông nghênh, càn rỡ không còn sức nào kiềm chế nổi nữa. Họ đã kéo nhau đến vây nhà hai viên đại thần là Tham tụng Nguyễn Lệ và quyền phủ sự Dương Khuông. Lệ phải trốn vào phủ chúa rồi chạy lên Sơn-tây với em đang làm trấn thủ ở đấy. Khuông trốn vào phủ chúa. Nhà cửa của Lệ và của Khuông bị kiêu binh đốt phá. Sau đó, kiêu binh kéo đến phủ chúa, đòi chúa phải giao Dương Khuông cho họ. Trịnh Khải và Dương Thái phi phải bỏ tiền ra chuộc mạng cho Khuông. Từ đấy, kiêu binh thực sự làm chủ kinh thành, và tha hồ làm bậy.

Nguyễn Lệ sau khi chạy lên Sơn-tây bàn với em là Nguyễn Điều dem quân các trấn về kinh vấn

---

(1) Nơi dấy nghiệp của vua chúa.

tội kiêu binh. Kiêu binh được tin, một mặt cắt nhau đêm ngày canh gác phủ chúa, khiến cho Trịnh Khải không thể làm gì được, một mặt chia nhau đi các làng cướp phá.

Trong khi kiêu binh hoành hành ở kinh đô như thế, thì dân nghèo ở miền An-Quảng (miền Đông nam bờ bể Bắc bộ bây giờ) theo Thiêm Liên nổi lên đánh lại triều đình. Năm 1785 và những năm sau, những nạn ngập lụt, hạn hán, mất mùa, đói kém lại xảy ra luôn. Thây người chết đói nằm đầy đường. Trịnh Khải hạ lệnh cho người giầu bỏ tiền ra mua quan chức để lấy tiền chẩn cấp cho dân đói, nhưng không ai ứng mệnh cả. Khải liền bắt nhà giầu bỏ tiền ra để giúp nhà nghèo đói.

Đó là tình hình Bắc-hà trước ngày quân Tây-sơn Bắc tiến.

Còn tình hình miền đất từ sông Gianh trở vào Nam?

Ở Đường trong, trong thời kỳ Trịnh—Nguyễn hưu binh, thì bọn Chúa Nguyễn, bọn qui tộc và bọn quan lại mỗi ngày một đi sâu vào con đường ưu du hưởng lạc. Để lấy tiền ăn tiêu xa xỉ, bọn phong kiến qui tộc tăng lợi suất tô tức, tăng các thứ thuế và chiếm đoạt ruộng đất của nông dân.

Lịch sử Việt nam của ông Đào Duy Anh viết về bọn Chúa Nguyễn Đường trong như sau : « Nguyễn Phúc Chu tự phụ là thông Phật học, làm chùa rất nhiều — tự hiệu là Thiên túng đạo nhân — mà có đến 146 đứa con vừa trai vừa gái... Nhưng đến Nguyễn Phúc Khoát thì sự xa xỉ của Chúa Nguyễn lên đến cực điểm.

Lên ngôi năm 1736, đến năm 1749, Phúc Khoát xưng vương hiệu, để tỏ rõ rằng mình làm vua một nước tự chủ. Nghỉ bèn xây lại đô thành theo quy mô to lớn, dựng cung điện rất tráng lệ. Để có tiền thêm mà chi dụng, nghỉ sai đúc tiền bằng kẽm trắng cho có lợi. Phúc Khoát ăn tiêu rất xa xỉ. Bọn quyền quý cũng bắt chước nghỉ mà đua nhau ăn chơi. Trong cung cũng như ở nhà bọn quyền quý, không có mấy ngày là không có yến tiệc, ca nhạc và hát tuồng. Mỗi nhà quyền quý có ban hát tuồng hay ban ca nhạc riêng. Chúng rất yêu chuộng bọn ca nhi để thỏa mãn lòng dâm dục...

Phúc Thuần nối ngôi Phúc Khoát, từ khi nhỏ đã thích chơi hát tuồng, lại vì dâm dục quá độ cho nên có bệnh dương suy. Tự nghỉ không gần đàn bà được, thì nghỉ bắt bọn ca đồng nuôi trong cung dâm loạn với bọn cung nữ để nghỉ ngồi xem. Hai người cậu nghỉ là Nguyễn Hoãn chưởng thủy cơ(1), thì uống rượu say suốt ngày đêm và Nguyễn Nghiễn chỉ huy hữu trung cơ thì hiếu sắc, vợ và thiếp có đến 120 người». (Sách đã dẫn trang 317 — 318).

Sau khi Nguyễn Phúc Khoát chết, quyền thần là Trương Phúc Loan âm mưu lập con thứ 16 của Phúc Khoát là Phúc Thuần mới mười hai tuổi để dễ bề chuyên quyền độc đoán. Loan là người tham lam bạo ngược. Y đã ăn lễ của các giáo sĩ và các thương nhân các nước tư bản phương Tây để ức chế các nhà chùa. Cuối cùng, y lại ăn cướp không

---

(1) Tên một chức thượng tướng thủy quân.

tiền bạc của các thương nhân phương Tây (1). Vì vậy, nhà chùa ghét y, mà các giáo sĩ cũng căm y. Y tự tôn làm quốc phó. Ở trong triều, ai không theo y thì y giết. Cho nên hầu hết các triều thần đều không phục y, nhưng đành phải nhắm mắt theo y để được yên thân. Một mình y ăn ngụ lộc ở năm cửa nguồn là nguồn Sái, nguồn Thu-bồn ở Quảng-nam, nguồn Trà đinh, nguồn Trà-vân ở Bình-định, nguồn Đồng-hương ở Khánh-hòa. Ở các cửa nguồn này mỗi năm y thu đến bốn năm vạn quan tiền. Loan lại phụ trách tàu vụ (cơ quan của triều đình Đường trong trông nom việc tàu bè các nước vào cửa bể buôn bán). Y hay ăn của đút của thương nhân ngoại quốc, và hay mua quịt hàng của thương nhân ngoại quốc. Vàng bạc châu báu, Loan có hàng kho. Y xây biệt thự Phấn-dương để chứa của. Sau một trận nước lụt vào nhà, y cho phơi vàng đầy sân (2). Mỗi năm y bắt lính phải nộp không cho hắn năm gánh dây mây để y dùng làm lạt thay những dây xâu tiền đã hỏng. Loan công nhiên bán quan bán tước để lấy tiền. Y dung túng cho gia nhân đày tớ ức hiếp và cướp bóc của nhân dân.

---

(1) Theo Pi-e Poa-vơ-rơ (Pierre Poivre) thì Loan đã ăn quịt của y một số tiền bạc trị giá bằng ba ngàn quan tiền.

(2) Theo Pi-ê Poa-vơ-rơ thì: «Vị quyền thần này (Trương Phúc Loan) mỗi năm có thể thu lợi được bốn năm vạn quan, lại thêm ba bốn vạn quan về việc kiểm soát tàu bè... Vị quan đó giầu đến nỗi, sau một vụ nước lụt, vàng của ông đựng trong hòm đem phơi bầy ra khắp cả sân mới hết».

Tóm lại dưới triều Nguyễn Phúc Khoát và Nguyễn Phúc Thuần nhân dân ở Đường trong sống một cuộc đời cơ cực. Thương nhân khó làm ăn buôn bán vì thái độ lật lọng của Trương Phúc Loan và bọn quan lại khác. Nông dân bị đoạt ruộng đất. Tất cả bị sưu thuế nặng nề.

Năm 1751, Nguyễn Cư Trinh là tuần phủ Quảng-ngãi, có viết thư về triều báo cho Nguyễn Phúc Khoát biết ba điều làm khổ nhân dân như sau: một là phải cấp lương cho binh lính, hai là phải nuôi voi cho nhà nước, ba là phải nộp tiền án phí cho quan. Nguyễn Cư Trinh lại nêu lên bốn điều tệ chính như sau: 1) Các quan phủ, huyện chỉ chuyên khám xét và xử đoán việc kiện tụng, còn việc thu thuế lại giao cho một viên quan khác, như vậy thì phiền nhiễu cho dân quá. — 2) Các quan phủ huyện không có lương, chỉ trông vào việc bắt bớ, tra tấn mà lấy tiền lễ, như thế là làm cho của cải của dân hao đi, phong tục thêm xấu đi. — 3) Dân lậu có hai thứ: Có kẻ thì trốn thuế má, có kẻ vì đói rét phải xa quê hương, thế mà đều coi là một hạng, bắt ghi tên vào sổ để đánh thuế, cho nên dân nghèo hoảng sợ phải lưu tán, lẩn trốn vào rừng, còn dân xã phải nộp đầy thuế, nên không chịu nổi. — 4) Vua và các nhà quyền quý hay sai người đi săn bắn, cùng là kiếm gà chọi, ngựa tốt, do đó sinh ra nhiều sự nhũng nhiễu nhân dân.

Tóm lại, xã hội Việt-nam ở Đường ngoài và ở Đường trong trước ngày khởi nghĩa ở Tây-sơn đã khủng hoảng đến cực điểm; giai cấp phong kiến thống trị đã biến thành đối tượng căm thù

của nhân dân, nhất là nông dân. Tình hình xã hội đã phân hóa giai cấp phong kiến thống trị, và đẩy các giai cấp, các tầng lớp nhân dân vào con đường khởi nghĩa. Để giải quyết các mâu thuẫn xã hội, các giai cấp bị áp bức, chủ yếu là nông dân ở Đường trong cũng như ở Đường ngoài, ngoài khởi nghĩa, không có con đường giải phóng nào khác.

Cách mạng Tây-sơn đã bùng nổ và phát triển trong những điều kiện khách quan thuận lợi như vậy.

TIMSACH.COM.VN

VÀI NÉT VỀ TỈNH BÌNH-ĐỊNH NƠI CHÔN RAU CẮT RỐN CÁCH MẠNG TÂY-SƠN

Trước năm 1799, Bình-định là phủ Qui-nhơn, năm 1799 Nguyễn Phúc Ánh đánh chiếm được Qui-nhơn, y đổi Qui-nhơn làm Bình-định.

Cũng như các tỉnh khác ở miền Nam Trung-bộ, Bình-định là một tỉnh có nhiều núi. Bờ bể Bình-định lởm chởm những mỏm đá lớn màu chàm của dãy Trường-sơn đâm ra trông như muôn ngàn đầu rắn khổng lồ đua nhau lao ra bể đùa giỡn với những làn sóng bạc liên tiếp từ ngoài khơi ào ào dồn tới. Ở đây núi non và biển cả đã hòa hợp với nhau để dựng lên một thành lũy thiên nhiên kiên cố che chở cho toàn tỉnh Bình-định ở phía tây. Đèo Cù-mông rất hiểm trở hồi thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX nằm ở địa giới Bình-định và Phú-yên, là một thành lũy thiên nhiên kiên cố khác che chở cho Bình-định ở phía Nam. Ở phía bắc dãy Bình-chương cao 622m bò qua đường quốc lộ số 1 ra đến bể là một cản trở lớn cho các cuộc hành quân từ Quảng-ngãi vào Nam. Về phía tây, cao nguyên Công-tum và cao nguyên Pờ-lây-cu, xứ

sở của đồng bào Thượng(1) yêu tự do, yêu đất nước, là chỗ dựa đáng tin cậy cho cả miền Bình-định.

Bình-định quả là một địa khu xung yếu, thuận lợi cho lúc giữ thế thủ cũng như khi khởi thế công, đúng như sách *Đại Nam nhất thống chí* đã nói.

Sông ngòi ở Bình-định tuy có nhiều, nhưng ngắn và ít tiện lợi cho việc giao thông. Ở nhiều sông chỉ có thuyền nan là có thể đi lại được vào mùa mưa lũ mà thôi.

Do hình thế mặt đất gồ ghề, nhiều núi, Bình-định ít đồng bằng. Cánh đồng bằng đáng kể nhất là cánh đồng bằng Bình-định ở hai bên đường quốc lộ số 1. Còn các cánh đồng bằng khác đều nhỏ hẹp nằm xen kẽ ở giữa các giãy núi đua nhau bò ra bờ bể. Trừ cánh đồng bằng Bình-định là ít bị hạn hán, còn các cánh đồng bằng khác thường thường bị nạn tiêu khô.

Bình-định có ba miền: miền Bồng-sơn ở phía bắc là miền trù phú nhất, miền Tam-thục gồm toàn bộ lưu vực các sông ở quanh thị xã Qui-nhơn, miền cao nguyên An-khê là miền có nhiều rừng núi và thường bị hạn hán luôn.

Bình-định là một tỉnh mới được ghi vào bản đồ nước Việt-nam từ năm 1471 là năm vua Lê Thánh tôn cả phá quân Chiêm-thành ở Chà-bàn

---

(1) Tiếng chung chỉ các dân tộc thiểu số ở Tây-nguyên, thời Pháp thuộc vẫn gọi là người Mọi.

và bắt sống được vua Chiêm là Trà Toàn. Từ đấy, việc di dân Việt-nam vào Bình-định bắt đầu.

Sau khi Chúa Nguyễn cát cứ miền Nam, thì việc khai thác Bình-định cũng như các tỉnh khác ở Đường trong được xúc tiến mạnh hơn. Công việc kinh doanh của Chúa Nguyễn gặp một trở ngại là sự thiếu nhân công ở tất cả những đất đai mới chiếm được ở Đường trong. Để giải quyết nạn thiếu nhân công, Chúa Nguyễn thường đem tù binh và những tội phạm đi khai khẩn đất hoang.

Năm 1655, lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh Trịnh—Nguyễn, quân Chúa Nguyễn khởi thế công vượt sông Gianh, chiếm bảy huyện thuộc tỉnh Nghệ-an ở phía nam sông Lam. Nhân dịp này, Chúa Nguyễn (Nguyễn Phúc Tần) bắt một số đông nhân dân ở bảy huyện kia mang vào Nam để khai khẩn đất hoang. Tổ tiên Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ là một trong những gia đình bị cưỡng bách di cư này.

Từ năm 1675 cho đến năm 1774, họ Trịnh và họ Nguyễn nghỉ đánh nhau, Chúa Nguyễn thừa dịp này ra sức kinh doanh ở các tỉnh Đường trong để có một cơ sở kinh tế vững chắc, khả dĩ duy trì được tình trạng cát cứ lâu dài. Công việc kinh doanh của Chúa Nguyễn làm cho xã hội Đường trong nảy ra hai giai cấp lớn : giai cấp phong kiến là giai cấp thống trị gồm có những người trong họ tôn thất, những người quý thích, những công thần hay con cháu công thần của Chúa Nguyễn,

những quan lại văn võ các cấp. Đẳng cấp bình dân gồm các giai cấp bị trị như thương nhân, thủ công và nông dân.

Tình hình xã hội ở Bình-định đại khái cũng như tình hình ở các tỉnh khác ở Đường trong hồi ấy. Nông dân ở Bình-định hồi ấy một phần là những người Châm bị đồng hóa, một phần là đồng bào Thượng, một phần là những tù binh tội phạm và những người bị cưỡng bách di cư. Những tù binh tội phạm và những người bị cưỡng bách di cư này đã khai khẩn đất hoang và lập ra khá nhiều trại ấp ở Bình-định. Những năm mưa thuận gió hòa, nông dân Bình-định sống tương đối no ấm. Gặp những năm hạn hán — mà hạn hán ở Bình-định nhất là ở miền tây Bình-định lại xảy ra luôn — đời sống của họ rất khó khăn, cực nhọc.

Đấy là tình hình nông dân Bình-định vào những năm đầu của thời kỳ Trịnh — Nguyễn hưu chiến, là những năm mà bọn phong kiến qui tộc còn có chí tiến thủ và đang chăm lo kiến thiết. Trong những năm ấy, dù sao nông dân Bình-định còn có ruộng mà cày. Đến khi bọn phong kiến qui tộc quay ra sống một cuộc đời ưu du hưởng lạc, thì nông dân bị chiếm đoạt ruộng đất và bị khổ sở về các thứ sưu cao thuế nặng.

Vấn đề ruộng đất ở Bình-định hồi thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX hơn ở bất cứ nơi nào khác là vấn đề hết sức quan thiết đến đời sống nông dân. Nông dân Bình-định bị đoạt mất ruộng đất hay bị bóc lột quá lắm, thì không có cách nào sống cả. Vì

ngoài nghề nông ra, nông dân Bình-định hồi ấy hầu như không có nghề nào khác nữa. Sự buôn bán với đồng bào Thượng không có gì quan trọng cả. Thương nhân Bình-định mỗi năm mấy chuyến nhất định đem muối, nồi đồng, thanh la, vải, cuốc, lưỡi búa lên các miền rừng núi đổi cho đồng bào Thượng để lấy gạo, ngô, lạc, sừng hươu, thuốc lá, trầu không, mây, lợn. Sự buôn bán ở Bình-định hồi thế kỷ XVIII, thế kỷ XIX và mười năm đầu thế kỷ XX, vẫn là sự đổi chác một số đồ dùng cần thiết giữa người Kinh và người Thượng mà thôi Nông dân Bình-định ở vào cái thế thiếu ruộng thì chết đói, cho nên vấn đề ruộng đất ở Bình-định lúc nào cũng là một vấn đề gay go. Năm 1771, nông dân Bình-định theo anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đứng lên là vì ruộng đất. Năm 1816, nhân Phạm Đình Hưng đề nghị sửa đổi lại chế độ điền thổ ở Bình-định, Gia-long có nói: « Nếu bây giờ ta lấy lại ruộng đất của các chủ ruộng thì có thể sẽ có biến động ».

Ở câu nói đó, Gia-long tỏ ra đã hiểu rõ tầm quan trọng của vấn đề ruộng đất ở nơi chôn rau cắt rốn cuộc khởi nghĩa Tây-sơn. Tuy vậy đến năm 1839, Tự Đức nghe theo đề nghị của Võ Xuân Cẩn đã ra lệnh cho Võ Xuân Cẩn và Doãn Uẩn về tỉnh Bình-định sửa đổi lại chế độ ruộng đất đã dựng ra hồi khởi nghĩa Tây-sơn. Việc sửa đổi chế độ ruộng đất này cũng là một trong những động cơ làm bùng ra cuộc khởi nghĩa Bình-định năm

1886 do Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền và Nguyễn Đức Nhuận lãnh đạo (1).

Trong tỉnh Bình-định, miền An-khê lại là miền hiểm trở vào bậc nhất. Từ An-khê, khi khởi thế công có thể đánh huyện lỵ Bình-khê, tiến vào huyện Tuy-viễn để rồi đoạt Qui-nhơn; và khi đã làm chủ Qui-nhơn thì bắc có thể đánh ra Quảng-ngãi, nam có thể uy hiếp Phú-yên. Khi phải giữ thế thủ, thì từ An-khê có thể rút về miền Pờ-lây-cu hay là miền Công-tum hầu như bất khả xâm phạm vào hồi thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX. Năm 1771, anh em Tây-sơn từ ấp Kiên-thành thuộc huyện Tuy-viễn trở về An-khê để khởi nghĩa chính là vì thế.

Miền đất mà ta gọi là An-khê gồm có hai thôn: thôn An-khê và thôn Cửu-an. Thôn An-khê hồi thế kỷ XVIII gọi là Tây-sơn, khi Nguyễn Phúc Ánh đánh bại nhà Tây-sơn đổi ra làm An-sơn, sau lại đổi ra làm An-khê.

Miền Thượng đạo An-khê là xứ sở của đồng bào Thượng. Những đồng bào này, năm 1750 đã chứng kiến việc Nguyễn Phúc Khoát sai Nguyễn Cư Trinh đem quân đi «tiễu» những đồng bào Thượng ở thung lũng sông Trà-khúc và sông An-

---

(1) Năm 1886 Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận theo tiếng gọi Cần vương đã lãnh đạo nông dân Bình định đứng lên, nhưng nguyên nhân khiến cho nông dân đứng lên lại là vấn đề ruộng đất. Theo viên giám binh Ch. Trinquet, trong quyển Cao nguyên An-khê (Le plateau d'Ankhê) thì cuộc khởi nghĩa năm 1886 cũng lấy cao nguyên An-khê làm căn cứ.

lão thuộc tỉnh Quảng-ngãi, giáp với tỉnh Bình-định. Những đồng bào Thượng mà người ta vẫn gọi là Mọi Đá Vách ấy bị Nguyễn Cư Trinh đàn áp, khủng bố. Rất có thể một phần những người Thượng bị đàn áp ấy đã chạy sang Bình-định sống ở miền rừng núi. Người Thượng ở An-khê cũng như người Thượng ở các miền khác cũng không ưa gì bọn vua quan Chúa Nguyễn và do đó họ đã ủng hộ nghĩa quân Tây-sơn ngay từ lúc nghĩa quân mới nổi lên.

TIMSACH.COM.VN

DÒNG DÕI ANH EM TÂY SƠN

Anh em Tây-sơn là con Hồ Phi Phúc và Nguyễn thị Đồng sinh sống ở trại Tây-sơn, huyện Bình-khê. Hồ Phi Phúc và Nguyễn thị Đồng sinh được bốn con : ba trai một gái. Ba trai là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ.

Theo *Nghệ-an chí* của Bùi Tồn Trai, thì tổ tiên Hồ Phi Phúc quê ở làng Thái-lão, huyện Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an. Sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30 nói rằng : Cha Nguyễn Nhạc quê ở huyện Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an, đời vua Thịnh-đức nhà Lê (1653 — 1657) tổ bốn đời bị quân chúa Nguyễn bắt đưa về an trí ở ấp Tây-sơn, tỉnh Quy-nhơn (đời Gia-long đổi ra làm Bình-định).

Sách *Việt-nam sử lược* của Trần Trọng Kim nói rõ ràng rằng : Ông thân sinh ra Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ là Hồ Phi Phúc vốn quê ở Nghệ-an.

Khi nghiên cứu thân thế và thơ văn Hồ Xuân Hương, thấy ông thân sinh ra nữ thi nhân họ Hồ là Hồ Phi Diễn (1), tôi đã đặt ra câu hỏi : Hồ Phi

---

(1) Xem *Hồ Xuân Hương với các giới phụ nữ, văn học và giáo dục* của Văn Tân, in lần thứ hai, Nhà xuất bản Sông Lô.

Diễn có liên quan gì đến Hồ Phi Phúc người thân sinh ra Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ không ?

Sau khi nghiên cứu tập *Hồ tôn thế phả* (gia phả họ Hồ) tôi tìm ra manh mối chứng minh rằng : Hồ Phi Phúc và Hồ Phi Diễn đều có chung một ông tổ là Hồ Sĩ Anh ở làng Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an.

Hồ Sĩ Anh có năm con trai là Hồ Thế Viêm, Hồ Phi Cơ, Hồ Danh Liễu, Hồ Phi Tích (1), Hồ Phi Đoan.

Hồ Phi Cơ sinh ra Hồ Phi Gia (làm quan đến chức huấn đạo đời Lê Hi-tôn). Hồ Phi Gia sinh ra Hồ Phi Diễn và Hồ Phi Lãng (đều đỗ tú tài). Hồ Phi Diễn là người thân sinh ra Hồ Xuân Hương.

Hồ Thế Viêm sinh ra Hồ Phi Khang. Theo *Hồ tôn thế phả*, Hồ Phi Khang đã di cư đến xã Nhân-sơn, huyện Quỳnh-lưu. Hồ Phi Khang có năm con trai là Hồ Phi Phú, Hồ Phi Thọ, Hồ Phi Trù, Hồ Phi Phúc, Hồ Phi Huống đều di cư với cha đến xã Nhân-sơn, huyện Quỳnh-lưu. Rồi *Hồ tôn thế phả* không chép gì đến con cháu Hồ Phi Phúc nữa.

Như vậy ta ngờ rằng Hồ Phi Khang sau khi di cư đến xã Nhân-sơn và sinh năm con trai, thì ông bị quân Chúa Nguyễn do Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật chỉ huy bắt vào khoảng năm 1653 — 1657 đời vua Thịnh-đức nhà Lê. Có lẽ Hồ Phi Khang đã bị bắt cùng với năm con trai, cho

---

(1) Hồ Phi Tích đỗ hoàng giáp đời vua Lê Hi-tôn (1680) làm quan đến thượng thư, được phong tước Quỳnh quận công.

nên *Hồ tôn thế phả* không ghi gì về con cháu Hồ Phi Phú, Hồ Phi Thọ, Hồ Phi Trù, Hồ Phi Phúc, Hồ Phi Huống nữa.

Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập thì tổ tiên Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ — là Hồ Phi Khang theo nhận định trên — bị bắt ở huyện Hưng-nguyên. Nhưng theo *Tây-sơn lược thuật* (sách viết tay của Viện Cổ học Đông phương), thì tổ tiên Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ là người huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an.

Vậy thời Hồ Phi Khang bị quân Nguyễn Phúc Tần bắt ở huyện Quỳnh-lưu, hay ở huyện Nghi-xuân, hay ở huyện Hưng-nguyên?

Sự khác nhau về địa điểm này, theo tôi, không quan trọng lắm. Rất có thể Hồ Phi Khang sau khi rời về Nhân-sơn (huyện Quỳnh-lưu) lại dời về huyện Hưng-nguyên hay Nghi-xuân, rồi bị bắt ở đó. Cũng có thể người chép *Hồ tôn thế phả* sau khi thấy tôn tộc Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ bị thảm họa tru-di (1) đã cố ý chép sai địa điểm di cư của Hồ Phi Khang để tránh những vạ vịt có thể xảy ra.

---

(1) Sau khi đánh bại triều đại Tây-sơn, Gia-long cho giải Nguyễn Quang Toản về Phú-xuân, rồi dùng cực hình giết chết Nguyễn Quang Toản và các người cùng họ. Mả Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ bị khai quật, rồi xương bị tán nhỏ, đầu lâu bị bỏ vào ngục tối. Năm Minh mạng thứ 12 con Nguyễn Nhạc là Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Lương, cháu là Nguyễn Văn Đàu bị bắt, rồi bị tội chém ngang lưng. Sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập cũng nói: Tôn tộc Tây-sơn không còn một mống nào.

Lúc Hồ Phi Khang bị bắt, rồi bị an trí ở ấp Tây-sơn để khai khẩn đất hoang là lúc Chúa Nguyễn đang cần người để kiến thiết. Một người vốn dòng dõi một tôn tộc thi thư như Hồ Phi Khang, hẳn đã chiếm được một địa vị xã hội nào đó ở ấp Tây-sơn. Cho nên con ông là Hồ Phi Phúc mới được làm chủ trại Tây-sơn, và cháu ông là Nguyễn Nhạc lại làm chủ trại Tây-sơn, rồi làm biện lại tuần Vân-đồn. Sách *Nghệ-an chí* viết rằng: «Nhạc nhờ giàu có được làm chủ trại». Những điều đó chứng minh rằng gia đình Hồ Phi Phúc là một gia đình khá giả ở trại Tây-sơn.

Tây-sơn ngoại sử của Sở Cuồng viết: «Sau anh em ông Nhạc đổi họ làm họ Nguyễn, là theo họ mẹ và cũng để cho ứng với lời sấm rằng: «Phù Nguyễn trì thống». Đến Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ mới đổi họ Hồ ra họ Nguyễn». Có lẽ sự thật là như vậy. Nhưng lý do khiến cho Nguyễn Nhạc đổi họ Hồ ra họ Nguyễn như ông Sở Cuồng đưa ra thì không đúng lắm. Anh em Tây-sơn là những người am hiểu sự đời. Có chăng họ chỉ lợi dụng lời sấm, chứ họ không tin lời sấm. Việc họ đổi họ Hồ ra họ Nguyễn không phải chỉ vì họ muốn theo họ mẹ là Nguyễn thị Đồng, mà chủ yếu là vì họ muốn cho dòng họ của họ cũng là dòng họ của viên chúa phong kiến ở Đường trong lúc bấy giờ để cho dễ làm ăn và hoạt động. Trước Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, tác giả bài *Sãi vãi* là Nguyễn Cư Trinh đã từng bỏ họ cũ đi lấy họ mới là họ viên trùm phong kiến ở Đường trong. Nguyễn Cư Trinh vốn dòng họ Trịnh là một vọng tộc đời đời

làm quan ở Bắc hà. Khi Mạc Đăng Dung giết vua Cung hoàng, cướp ngôi nhà Lê, Nguyễn Cư Trinh đem gia quyến chạy vào Thuận-hóa. Khi Chúa Nguyễn bắt đầu kinh doanh đất Thuận — Quảng, Nguyễn Cư Trinh đổi họ Trịnh ra họ Nguyễn...

Trong anh em Tây-sơn, thì Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đều là người có tài, riêng Nguyễn Huệ lại có tài kiệt xuất.

Ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ được cha là Hồ Phi Phúc cho theo học Giáo Hiến (1) là một nhà nho đang ấp ủ một mối bất bình lớn đối với chế độ xã hội Đường trong. Nguyên là môn khách của ngoại hữu Trương Văn Hạnh, sau khi Trương Văn Hạnh bị Trương Phúc Loan giết, Giáo Hiến chạy vào ấp An-thái rồi mở trường vừa dạy văn dạy võ ở dấy. Thấy anh em Nguyễn Nhạc có tài, Giáo Hiến rất mến trọng. Chính Giáo Hiến đã khuyến khích anh em Nguyễn Nhạc dấy quân đánh Chúa Nguyễn. Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đã chịu ảnh hưởng xâu xa của Giáo Hiến vậy.

Khi thôi học, Nguyễn Nhạc thỉnh thoảng có lên miền Thượng-đạo (tức miền cao nguyên An-khê bây giờ) mua trầu không của đồng bào Thượng mang về xuôi bán (có lẽ Nhạc đem sản vật ở miền xuôi lên cao nguyên An-khê đổi lấy trầu không của đồng bào Thượng). Trong những dịp này, hẳn

---

(1) Sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* không ghi họ Giáo Hiến nhưng theo *Tây-sơn ngoại sử* của Sở Cuồng, thì Giáo Hiến, họ Trương (Trương Hiến) và là con Trương Văn Hạnh.

Nhạc đã tuyên truyền đồng bào Thượng theo mình để cùng đánh chúa Nguyễn, vì Nhạc biết đồng bào Thượng thù ghét chúa Nguyễn. Cho nên khi khởi nghĩa, Nhạc đã dời ấp Kiên-thành cùng hai em là Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ lên lập trại ở miền Thượng-đạo. Các sử sách cũ thường chép rằng : Trong thời gian làm biện lại (1) tuần Vân-đồn, Nguyễn Nhạc đánh bạc mất hết tiền thuế, bị đốc trưng Đẳng (2) truy nã rất riết, Nhạc sợ tội bỏ trốn lên miền Thượng đạo rồi cùng với hai em khởi nghĩa.

Theo tôi, việc Nguyễn Nhạc đánh bạc mất hết tiền thuế bị truy nã chạy lên núi khởi nghĩa, có lẽ do các sử gia triều Nguyễn bịa đặt ra để làm giảm giá trị cuộc khởi nghĩa của anh em Tây-sơn. Chứ thật ra những người có chí lớn và có tài lớn như anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ không phải đợi đến lúc tiêu hết tiền thuế mới biết đi vào con đường khởi nghĩa của nông dân.

Theo sử sách cũ, Nguyễn Nhạc là người có nhiều mưu trí đầu tiên đã xướng xuất ra cuộc khởi nghĩa Tây-sơn. Khi Nguyễn Nhạc dấy quân thì Nguyễn Huệ mới mười chín tuổi. Theo *Quang-Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc* của Hoa Bằng, thì « Nguyễn Huệ tóc quăn da sần » lúc nhỏ thường gọi là chú Thơm. Tiếng nói Huệ sang sảng như chuông lớn, mắt sáng như điện, Huệ nhiều mưu lắm mẹo, lại khỏe và can đảm, khi ra trận

---

(1) Chức quan lại cấp dưới trông nom việc thu thuế ở cửa nguồn.

(2) Tên viên quan đôn đốc việc thu thuế, không rõ họ.

thường đi trước quân sĩ, cho nên Huệ được nhiều quân sĩ mến phục. Chính sử sách của nhà Nguyễn cũng nhận như thế.

★

Căn cứ vào việc ông thân sinh ra Nguyễn Nhạc là Hồ Phi Phúc làm chủ trại Tây-sơn, việc ba anh em Tây-sơn đều được theo học Giáo Hiến từ thuở nhỏ, việc Nguyễn Nhạc làm chủ trại Tây-sơn, rồi làm biện lại tuần Vân-đồn, ta thấy rằng anh em Tây-sơn xuất thân không phải là nông dân như ta thường tưởng, mà là tầng lớp phong kiến hạng dưới, mà nguyện vọng và quyền lợi rất giống với nguyện vọng và quyền lợi nông dân ở nước Việt-nam hồi nửa cuối thế kỷ XVIII.

TIMSACH.COM.VN

ANH EM NGUYỄN NHẠC
NGUYỄN HUỆ DẤY QUÂN

Khi ở ấp Tây-sơn cũng như ở ấp Kiên-thành, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã sống với những người đầy bất mãn với triều chính đương thời. Là bởi, như chúng ta đã biết, những người khai khẩn đất hoang ở ấp Tây-sơn cũng như ở ấp Kiên-thành đều là tù binh, tội phạm của chúa Nguyễn, hay những người ở nơi khác bị chúa Nguyễn cưỡng bách di cư vào ấp Tây-sơn hay ấp Kiên-thành. Những người này vốn sống đã khó khăn, lại phải nai lưng làm cho ra thóc gạo để « cấp lương cho binh lính, nuôi voi cho nhà nước, và nộp án phí cho quan ». Đến khi Trương Phúc Loan làm quốc phó nắm giữ cả chính quyền, thì đời sống của họ đã bị dồn đến chân tường. Ngẩng nhìn lên miền rừng núi An-khê, họ thấy đồng bào Thượng cũng căm giận hà chính của Trương Phúc Loan như họ.

Anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã sống giữa sự bất bình của hầu khắp các hạng người trong xã hội Đường trong, và sự phân hóa sâu sắc trong giai cấp thống trị (chia làm hai phái : phái xu nịnh Trương Phúc Loan và phái tôn thất bị tước đoạt hết quyền lợi). Cho nên năm 1771 tức

năm Cảnh-hưng thứ 32 nhà Lê là một năm mất mùa đói kém, khi Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ dời ấp Kiên-thành kéo về miền Thượng-đạo An-khê (Tây-sơn) lập đồn khởi nghĩa, họ được tất cả các tầng lớp nhân dân đứng lên hưởng ứng.

Nhìn vào hàng ngũ nghĩa quân lúc đầu tiên, ta thấy có Huyền Khê, một nhà tri thức hào phú có tiếng bỏ tiền ra ủng hộ ; Nguyễn Thung, một nhà thổ hào có thế lực cũng nức lòng đi với nghĩa quân ; đồng bào Thượng thiện chiến cũng tham gia nghĩa quân.

Đánh chiếm được nơi nào, Nguyễn Nhạc cho lấy tài sản của nhà giàu chia cho dân nghèo, trừ bọn trộm cướp và bọn quan lại tham nhũng. Cho nên nghĩa quân được nhân dân hoan nghênh và ủng hộ. Lực lượng nghĩa quân mỗi ngày một lớn, thanh thế nghĩa quân mỗi ngày một mạnh.

Để phân hóa giai cấp thống trị, Nhạc vạch cho mọi người thấy rõ tội ác của Trương Phúc Loan và chủ trương của mình : « Nay gian thần Trương Phúc Loan hối lộ công hành, làm nhơ bẩn và rối loạn triều chính, ta cử binh diệt Loan. Hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương con Thái bảo là người nhân hậu thông minh, ta nên lập làm vua để yên vương thất ».

Cách tuyên truyền của Nhạc hẳn đã có tác dụng làm rã rời hàng ngũ quân địch hay ít nhất cũng trung lập được một bộ phận giai cấp thống trị. Cho nên, ngay từ lúc Nguyễn Nhạc dấy quân, người đương thời không gọi nghĩa quân là giặc, mà gọi là quân đội của hoàng tôn (tức quân đội của địch phái Nguyễn Phúc Dương), còn quân đội

của triều đình, thì họ gọi là quân quốc phó (quốc phó Trương Phúc Loan). Câu :

Binh triều, binh quốc phó
Binh ó, binh hoàng tôn (1)

tỏ ra nhân dân đương thời coi quân đội của triều đình chúa Nguyễn là quân đội riêng của quyền thần Trương Phúc Loan.

Mùa thu năm qui tỵ (1773) thấy nghĩa quân đã mạnh, Nguyễn Nhạc đem quân từ ấp Tây-sơn, đánh chiếm ấp Kiên-thành... Khi nghĩa quân đã chiếm được một phần lớn tỉnh Bình-định, thì Nguyễn Nhạc lĩnh chức đệ nhất trại chủ, trực tiếp chỉ huy hai huyện Phù-ly và Bồng-sơn, cử Nguyễn Thung làm đệ nhị trại chủ chỉ huy huyện Tuy-viễn, Huyên Khê làm đệ tam trại chủ phụ trách việc quân lương.

Lúc này ở miền cao nguyên còn sót một số người Chiêm-thành đang sống dưới quyền cai trị của một nữ chúa tên là Thị Hỏa, Nguyễn Nhạc đã liên minh với vị nữ chúa này (2) hẹn với vị nữ chúa lập trại ở Thạch-thành để nương dựa lẫn nhau. Ở miền An-tượng lúc ấy có một ông bầu gánh hát tuồng tên là Nhưng Huy và một người kép hát tuồng tên là Tứ Linh là những người căm ghét hà chính của Trương Phúc Loan, nghĩa quân cũng kéo được Nhưng Huy và Tứ Linh(3) để làm vây cánh.

---

(1) Khi lâm trận xung phong, nghĩa quân hay la ó, hò hét, cho nên người đương thời gọi là quân ó.

(2) Thị Hỏa sau khi kéo về lập trại ở Thạch-thành được ít lâu thì bị Tống Phúc Hiệp giết.

(3) Nhưng Huy và Tứ Linh sau đều bị Nhạc giết.

Đến đây lực lượng nghĩa quân đã đủ mạnh, thanh thế nghĩa quân đã đủ lớn để có thể tính đến việc đánh chiếm Qui-nhơn mà làm chủ cả tỉnh Bình-định.

Sử sách cũ ghi rằng: Nhạc đã dùng kỳ mưu để hạ Qui-nhơn. Kỳ mưu ấy như thế này: Nhạc tự ngồi vào một cái cũi, bảo quân sĩ khiêng cũi lên nộp tuần phủ Qui-nhơn là Nguyễn Khắc Tuyên, nói là đã bắt được Biện Nhạc. Nguyễn Khắc Tuyên tin là thật, mở cửa thành cho khiêng cũi vào. Đến đêm khi nghĩa quân ở ngoài ngầm tiến đến ngoài thành, thì ở trong thành Nhạc phá cũi ra mở cổng thành. Nghĩa quân ập vào thành đánh giết quan quân và chiếm lấy thành. Nguyễn Khắc Tuyên và một số quan quân phải bỏ thành chạy trốn.

Cái mưu trên quả là có kỳ, nhưng không khỏi có tính chất mạo hiểm. Là bởi chỉ sai một ly thì cái mưu ấy không những không thực hiện được, mà linh hồn của nghĩa quân lúc ấy là Nguyễn Nhạc cũng sẽ bị hy sinh vô ích nữa. Thật thế, Nguyễn Khắc Tuyên làm gì không biết rằng Nguyễn Nhạc là thủ lĩnh số 1 của nghĩa quân lúc bấy giờ, cho nên không đời nào Tuyên cứ để Nhạc ngồi ở cũi mà không đóng gông giam vào ngục tối. Tuyên chỉ cần xử trí với Nhạc như xử trí với một tên tướng cướp thường cũng đủ làm cho kế hoạch nghĩa quân tan vỡ hết.

Một người nổi tiếng là có nhiều cơ trí như Nguyễn Nhạc phỏng có mạo hiểm một cách dại dột như thế không?

Huống chi xét thế lực nghĩa quân lúc bấy giờ, ta thấy nghĩa quân đã ở vào cái thế có thể giải phóng Qui-nhơn bằng sức mạnh. Ai cũng biết sau khi Nguyễn Nhạc, Nguyễn Thung chia nhau đóng giữ các huyện Phù-ly, Bồng-sơn và Tuy-viễn, thì Qui-nhơn đã ở vào cái thế bị bao vây, từ phía bắc và phía tây, chỉ còn rảnh mặt bể và đường liên lạc với miền Nam. Lúc ấy trong thành Qui-nhơn làm gì không có những người, kể cả những người có một quyền vị nào nữa, căm ghét bọn Trương Phúc Loan và Nguyễn Khắc Tuyên sẵn sàng làm nội ứng cho nghĩa quân để cho nghĩa quân có thể đánh chiếm được Qui-nhơn được dễ dàng.

Vì vậy ta ngờ rằng cái kỳ mưu kia chỉ là một chuyện do nhân dân vì yêu Nguyễn Nhạc mà thêu dệt ra đó thôi.

Sau khi làm chủ Qui-nhơn, Nguyễn Nhạc kéo quân tiến lên phía bắc đánh chiếm Kiều-dương và Đạm-thủy, tịch thu các kho thóc ở hai căn cứ này. Đốc trưng Đăng và khâm sai Lương vội bỏ hai căn cứ này chạy trốn. Nhạc thúc quân đuổi theo giết được khâm sai Lương và Đốc trưng Đăng. Thế là đến đây nghĩa quân đã hoàn toàn làm chủ cả một phủ Qui-nhơn.

Nghe tin Qui-nhơn thất thủ, Trương Phúc Loan sai chưởng cơ (chức võ quan cao cấp của chúa Nguyễn) là Nguyễn Cửu Thống và Nguyễn Cửu Sách, đồng nhung là Tống Sùng, tán lý là Đỗ Văn Hoảng mang quân vào Qui-nhơn đánh nghĩa quân. Tướng sĩ của chúa Nguyễn bấy lâu chỉ lo ăn chơi,

mất hết tinh thần chiến đấu, nay bỗng phải ra trận, kẻ nào kẻ ấy sợ xanh mắt. Họ bỏ tiền ra đút lót Trương Phúc Loan để xin được ở lại. Những kẻ không đút lót Trương Phúc Loan phải ra trận đều oán giận Loan và chán nản. Cho nên hễ gặp nghĩa quân là họ thường bỏ chạy, và khi lâm nguy thì họ đầu hàng.

Trong khi triều đình chúa Nguyễn đang điều động quân đội, thì quân Tây-sơn đã tiến vào Quảng-ngãi. Ở đây quân Tây-sơn được một phong trào nông dân do Chàng Lía tức Doan (1) lãnh đạo hưởng ứng, cho nên đã đánh chiếm các địa điểm ở Quảng-ngãi một cách khá nhanh, rồi tiến vào Quảng-nam gặp quân chúa Nguyễn ở Bến Ván (2). Thấy quan quân, nghĩa quân rút về Thạch-tân (3). Quân chúa Nguyễn đuổi theo bị phục binh của Tây-sơn đánh bại, bọn Nguyễn Cửu Thống, Tống Sùng, và Đỗ Văn Hoằng đều bị giết. Trận đại thắng này đưa thanh thế quân Tây-sơn lên một mức rất cao. Quân Tây-sơn đi đến đâu được nhân dân ở đấy hưởng

---

(1) Lía là con một nông dân nghèo ở Bình-định, cha mất sớm. Đầu tiên Lía cùng bọn vong mạng đi cướp của nhà giàu chia cho dân nghèo, sau Lía kéo nông dân hoạt động ở Quảng-ngãi đánh lại quan quân. Các cuộc hoạt động của Lía làm cho quân Tây sơn tiến vào Quảng-ngãi được dễ dàng.

(2) *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* chép là Bản-tân. *Quang-trung Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc* của ông Hoa Bằng cũng chép là Bản-tân. *Lịch sử Việt-nam* của ông Đào Duy Anh chép là Bến-Ván.

(3) *Quang-trung Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc* chép là Bến-đá, một địa điểm thuộc phủ Thanh-bình, tỉnh Quảng-nam.

ứng. Bấy giờ ở Quảng-nam có hai thương nhân Trung quốc là Tập Đình và Lý Tài kéo đồ đảng nổi dạy hưởng ứng quân Tây-sơn. Quân của Tập Đình tự xưng là Trung nghĩa quân, quân của Lý Tài là Nghĩa hòa quân. Nguyễn Nhạc liên kết ngay với Tập Đình và Lý Tài để làm vây cánh. Rồi Nhạc kén chọn những người cao lớn, cho cạo đầu bện đuôi sam giả làm người Trung quốc. Trước khi ra trận Nhạc cho những người này uống rượu cởi trần, cổ đeo giấy vàng, giấy bạc để biểu thị quyết tâm chiến đấu. Những toán quân này đánh rất hăng, đến đâu thường làm cho quan quân bỏ chạy.

Quân chúa Nguyễn phải bỏ chạy không những vì những toán quân trên khỏe và liều mạng, mà chủ yếu là vì hầu hết các tầng lớp nhân dân đều ủng hộ nghĩa quân. Khi nghĩa quân tiến vào Quảng-nam, thì trong khối đoàn kết của họ, ngoài nông dân, phú hào, thổ hào, nho sĩ, đồng bào Thượng, người Chiêm-thành, người Cao-mên, người Xiêm (1), lại bao gồm cả người Trung-quốc nữa.

Tháng Chạp năm quý tỵ (1773) Chúa Nguyễn cử Tôn-thất Hương làm tiết chế, đem nội quân và thân binh đánh quân Tây-sơn Quân của Tôn-thất Hương đến núi Bích-kê thuộc huyện Phù-mỹ tỉnh Bình-định thì bị phục binh của Tập Đình và Lý Tài đổ ra đánh tan, Tôn-thất Hương bị giết. Ở Quảng-ngãi, cai cơ (chức võ quan

---

(1) Trong bức thư gửi về Pháp đề ngày 6-12-1786, Lơ-Roy (Le Roy) cho biết rằng: «Lính của họ (Tây sơn) có một bộ phận gồm những người Mường, Man-di, Xiêm, v.v...»

cao cấp) là Tôn-thất Bàn vội cho quân rút lui. Quân Tây-sơn, thừa thắng chiếm các phủ Diên-khánh và Bình-khang. Thế là khoảng đất từ Quảng-ngãi đến Bình-thuận đều do quân Tây-sơn kiểm soát. Khi tiến vào Quảng-nam quân Tây-sơn cũng thường thường thắng lợi, duy có một trận bị quân của cai đội Nguyễn Cửu Dật đánh cho đại bại, phải rút về thủ hiểm ở Thiên-lộc, tại phía nam Sài-thị (1)

Mùa xuân năm giáp ngọ (1774) Chúa Nguyễn điều động quân đội các nơi, rồi cử Tôn-thất Thăng làm đại tướng đem quân đi đánh quân Tây-sơn. Thấy thế quân Tây-sơn mạnh lắm, Thăng hoảng sợ, đang đêm bỏ quân đội chạy trốn một mình.

Mùa hạ năm giáp ngọ (1774), trấn thủ Long hồ là Tống Phúc Hiệp và cai bạ (chức quan văn như chức bố chánh) là Nguyễn Khoa Thuyên thống lĩnh quân đội năm doanh, truyền hịch đi các nơi mộ thêm quân lính. Sau khi chuẩn bị đầy đủ, Tống Phúc Hiệp chia quân đội làm hai đường thủy lục đều tiến. Quân Tây-sơn phải lui. Quân chúa Nguyễn lại chiếm Bình-thuận, Diên-khánh và Bình-khang, sau đó lại chiếm cả Phú-yên nữa. Nhưng lực lượng quân chúa Nguyễn không đủ để tiếp tục khởi thế công, cho nên sau khi chiếm lại được ba phủ Diên-khánh, Bình-thuận, Bình-khang, thì thủy quân chúa Nguyễn đóng ở Lâm-đàm, bộ binh đóng ở Xuân-đài để cầm cự với quân Tây-sơn.

---

(1) *Quang-trung Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc* ghi là Chợ Củi, *Đại Nam chính biên liệt truyện* Sơ tập chép là Sài-thị.

Quân Tây-sơn tuy không khởi thế công được nữa, nhưng họ đã có một căn cứ lớn và vững để sau này có thể dựa vào đó mà phát triển lực lượng. Căn cứ ấy cắt khoảng đất do Chúa Nguyễn kiểm soát ra làm hai đoạn không liên lạc được với nhau hay khó liên lạc được với nhau: Đoạn ở phía Bắc gồm có Thuận-hóa và các miền lân cận, và đoạn phía Nam từ Phú-yên trở vào Nam. Vì quân chúa Nguyễn ở vào hai miền đất không liên lạc được với nhau, cho nên sau này họ dễ bị quân chúa Trịnh đánh bại cũng như dễ bị quân Tây-sơn tiêu diệt.

TIMSACH.COM.VN

QUÂN TRỊNH TIẾN VÀO NAM

Ở Bắc-hà, từ sau khi phá tan các cuộc khởi nghĩa của nông dân, Trịnh Sâm mỗi ngày một ngông nghênh tự đắc, y cho y có thể làm được bất cứ việc gì. Giữa lúc Sâm đang tự cao tự đại như thế thì viên trấn thủ Nghệ-an là Bùi Thế Đạt báo cho Sâm biết tình hình nội biến ở Đường trong. Được tin Sâm mừng lắm. Y cho cái mộng chiếm lại đất đai ở Đường trong đã đến ngày thành sự thực. Y quyết kế đem quân nam tiến. Hoàng Ngũ Phúc được cử làm thượng tướng quân, Bùi Thế Đạt làm đại tướng quân, đem ba vạn quân đi trước; còn Sâm tự cầm đại quân đi sau đến đóng ở Hà-trung để tiếp viện.

Trước khi Hoàng Ngũ Phúc xuất quân, Sâm tự viết một bức thư vạch chiến lược nam chinh rồi sai người cầm đưa cho Ngũ Phúc. Bức thư ấy có những câu: « Ông đến Nghệ-an nên tùy cơ mà liệu định, trước hãy đưa thư cho biên tướng của bên Nguyễn nói thác rằng chuyến này đi chỉ cốt để phòng quân Tây-sơn để dò xem tình ý đã. Nếu Tây-sơn đã yếu thì lại đưa thư cho Nguyễn, bày tỏ ý ấy rồi lại kéo binh về, chớ đừng để họ sinh nghi, lại gây hiềm khích ở biên giới... »

Tuy xuất thân là hoạn quan, nhưng Hoàng Ngũ Phúc là một viên tướng có tài. Chính Ngũ Phúc đã dự đắc lực vào việc đánh bại cuộc khởi nghĩa nông dân do Nguyễn Hữu Cầu lãnh đạo. Dưới trướng Ngũ Phúc có những tay kiệt hiệt như Hoàng Đình Bảo, Nguyễn Hữu Chỉnh, v.v...

Khi kéo quân vào đất Đường trong, Ngũ Phúc tuyên bố là y đem quân Nam tiến lần này là để đánh đổ quyền thần Trương Phúc Loan, và để giúp Chúa Nguyễn đánh dẹp quân Tây-sơn. Lúc này các tướng sĩ có năng lực của Chúa Nguyễn đều bị điều động đi đánh quân Tây-sơn, ở Thuận-hóa chỉ còn lại những người già yếu không có tinh thần chiến đấu. Vì vậy quân đội của Hoàng Ngũ Phúc tiến vào đất Chúa Nguyễn như tiến vào chỗ không người. Tháng chín năm giáp ngọ, quân của Ngũ Phúc chiếm châu Bố-chính, Tháng mười năm đó, quân của Ngũ Phúc vượt sông Gianh, chiếm đồn Cao-lao, doanh Bố-chính, doanh Lưu-đồn và doanh Trạm. Tất cả các tướng sĩ ở doanh Cát (Ải-tử) đều xin hàng Ngũ Phúc.

Bây giờ Tôn-thất Nghiễm đang cầm đại quân tiến vào Quảng nam đánh quân Tây-sơn. Khi được tin cáo cấp ở biên giới gửi về, Nguyễn Phúc Thuần cho triệu Tôn-thất Nghiễm trở về để đối phó với quân của Hoàng Ngũ Phúc. Phúc Thuần lại cử Nguyễn Cửu Dật làm tả quân đại đô đốc giữ việc đối phó với quân Tây-sơn ở phía nam.

Tình hình triều đình Nguyễn Phúc Thuần lúc này thật rất mực nguy nan: Ở phía nam bị quân Tây-sơn uy hiếp, ở phía bắc bị quân Trịnh tiến công.

Khi quân Trịnh tiến đến Bồ-đề, huyện Minh-linh, Hoàng Ngũ Phúc cho người cầm thư đưa cho Nguyễn Phúc Thuần, khuyên Phúc Thuần đầu hàng. Phúc Thuần một mặt sai bắt Thương Phúc Loan(1) nộp cho Ngũ Phúc và dâng vàng bạc để xin bãi binh, nhưng một mặt khác vẫn cho đem quân ra chống cự. Nhưng thế quân Trịnh rất mạnh, quân Nguyễn lại phải rút lui, mặc cho quân Trịnh nhằm Phú-xuân tiến phát. Đầu năm 1774, Nguyễn Phúc Thuần bỏ Phú-xuân đem vàng bạc châu báu, gia quyến, họ hàng và hơn một trăm thân binh xuống thuyền chạy vào cửa Tư-dung, đổ bộ lên Tư-dung rồi vượt đèo Hải-vân chạy vào Quảng-nam. Hoàng Ngũ Phúc vào Phú-xuân rồi lại cho quân tiến vào Quảng-nam.

Nguyễn Phúc Thuần lại phải cùng với cháu là Nguyễn Phúc Ánh đưa gia quyến vượt bể chạy vào Gia-định. Trước khi đi, y phong cho hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương làm đông cung cho mang quân lui về đóng giữ Câu-đề(2) để yên lòng quần chúng. Nguyễn Nhạc sai người ép Nguyên Phúc Dương về với mình để có thể mượn danh nghĩa tôn phù hoàng tôn mà hiệu triệu mọi người. Nhạc huy động rất nhiều lực lượng đuổi bắt hoàng tôn Nguyên Phúc Dương. Đốc xuất Diện và tiên

---

(1) Khi Loan đã là tù binh của Hoàng Ngũ Phúc, con Loan đem rất nhiều vàng đến dâng Ngũ Phúc để xin tha cho cha. Mùa đông năm bính thân (1776) Loan bị giải ra Bắc-hà rồi chết ở dọc đường.

(2) *Lịch sử Việt-nam* của Đào Duy Anh chép là Cu-đề, *Đại nam chính biên liệt truyện* chép là Câu-đề.

phong Tường lĩnh 2.000 quân đồn ở Thúy-loan, Bồ-bản làm quân thương đạo; Tập Đình và Lý Tài đem 2.000 quân đồn ở Ba-độ làm quân trung đạo: đốc chiến Phong và hồ tướng Hãn đem 2.000 quân đồn ở Hà-trung làm quân hạ đạo. Nhạc hẹn ai đưa được hoàng tôn về, thì người ấy lập được công to nhất. Quân của đốc xuất Diện và tiên phong Tường bắt được Nguyên Phúc Dương. Nhưng Diện và Tường bị Phúc Dương tuyên truyền nên bằng lòng theo Phúc Dương vào Nam. Bọn Phúc Dương đi đến Vu-gia thì bị bọn Lý Tài ép trở lại Hội-an với Nguyễn Nhạc.

Ngày 9 Tháng hai năm ất mùi (Tháng Ba 1775) quân Trịnh do Hoàng Ngũ Phúc chỉ huy vượt đèo Hải-vân tiến vào Quảng-nam, thì gặp quân Tây-sơn, Nguyễn Nhạc liền sai Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, còn tự Nhạc làm hậu đội tiến ra đón đánh quân Trịnh ở Cẩm-sa. Quân của Tập Đình xông trận rất hăng, quân Trịnh địch không nổi. Hoàng Ngũ Phúc thấy thế liền cho Hoàng Đình Thể và Hoàng Phùng Cơ thúc quân kỵ vào đánh quân của Tập Đình. Hai bên đánh nhau rất kịch liệt, kết cục quân của Tập Đình chết đến quá nửa.

Thấy thế không lợi, Nguyễn Nhạc cho Tập Đình rút lui đem quân về đóng ở Bến-ván, rồi Nhạc tự đem hoàng tôn Nguyên Phúc Dương về Quy-nhơn.

Quân Trịnh tiến vào chiếm đóng Quảng-nam, trong khi ấy, quân Nguyễn do Tông Phúc Hiệp chỉ huy đóng ở Phú-yên. Quân Tây-sơn bị kẹp vào giữa. Biết mình đang ở vào một thế nguy hiểm

Nhạc một mặt cho đem vàng bạc châu báu lên miền rừng núi Tây-sơn, một mặt đưa hoàng tôn Nguyên Phúc Dương về Hà-liêu, An-thái để khi cần thì có thể dựa vào rừng núi An-khê mà chống lại quân địch.

Tháng sáu năm ất mùi (1775) quân Trịnh không quen thủy thổ Quảng-nam bị chết dịch rất nhiều. Hoàng Ngũ Phúc phải cho quân dừng lại để nghỉ ngơi.

Nguyễn Nhạc liền cho Phan Văn Tuế mang thư và vàng lụa sang đưa cho Ngũ Phúc, xin nộp ba phủ Quảng-ngãi, Quy-nhơn và Phú-yên cho quân Trịnh và xin làm tiền khu cho quân Trịnh để tiến đánh quân Nguyễn. Ngũ Phúc cũng biết Nhạc muốn dùng kế hoãn binh để nuôi lực lượng, nhưng vì bấy giờ quân Trịnh đã mỏi mệt và đang ốm đau nhiều, nên Ngũ Phúc chấp nhận đề nghị của Nguyễn Nhạc rồi sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem ấn, cờ và kiếm phong cho Nhạc làm Tây-sơn hiệu trưởng tráng tiết tướng quân.

Tuy vậy, Ngũ Phúc vẫn biết anh em Tây-sơn là kẻ địch đáng sợ của mình, cho nên năm 1775 khi còn đóng ở Chu-ổ(1) thuộc tỉnh Quảng-ngãi, Ngũ Phúc có bảo các tướng tá bộ hạ rằng: « Tây-sơn bây giờ đương như ngọn lửa bốc mạnh. Tôi thì già mất rồi, còn các tướng, tôi e không phải là địch thủ của họ! »

Sau khi tạm hòa với quân Trịnh ở mặt bắc, Nguyễn Nhạc tìm cách phát triển lực lượng vào

---

(1) Địa điểm ở địa đầu tỉnh Quảng-ngãi.

phía nam. Nhạc sai người đến bản doanh Tống Phúc Hiệp ngỏ ý xin hàng. Nhạc lại đem con gái là Thị Hương gả cho hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương, rồi cho người đến nói với Tống Phúc Hiệp rằng Nhạc muốn lo việc khôi phục Phú-xuân. Phúc Hiệp cho người đến bản doanh Nguyễn Nhạc để xem hư thực ra sao. Lúc sứ của Phúc Hiệp sắp đến, Nhạc mời Nguyễn Phúc Dương lên ngồi trên sập kê ở giữa nhà, Nhạc đứng ở bên tả, Tôn-thất Chất đứng ở bên hữu. Khi sứ giả của Phúc Hiệp đến nơi, thì Nhạc trịnh trọng tuyên bố: « Năm doanh tướng sĩ từ ngàn dặm làm việc cần vương thật là đã hết lòng trung nghĩa. Nay quốc phó đã trừ xong, chúng ta nên rước hoàng tôn lên ngôi để yên nghiệp lớn. Đó là cái công muôn đời, phải cùng với các tướng sĩ mưu toan ».

Sứ giả của Phúc Hiệp nói : « Minh công có lòng tôn phù như vậy, danh nghĩa lừng lẫy ai chẳng nghe theo. Nay quân năm doanh đến thì đóng ở đâu? »

Nhạc trầm ngâm một lúc rồi nói : « Việc ấy xin diện hạ xử trí, thế nào chúng tôi cũng xin tuân mệnh ».

Nguyễn Phúc Dương nói : « Các ông liệu mà làm » (Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập quyển 30 tờ 71 b) Nhạc im không nói gì. Sau đó Nhạc biên thư giảng hòa giao cho sứ giả của Tống Phúc Hiệp cầm về. Rồi Nhạc lại cho Tôn Thất Chất vào Phú-yên nói cho Phúc Hiệp biết ý Nhạc muốn tôn phù hoàng tôn để yên xã tắc. Phúc Hiệp tin là thật, nên không phòng bị nữa.

Thừa lúc Phúc Hiệp sơ hở, Nhạc sai em là Nguyễn Huệ mang quân đánh úp Phú-yên, giết chết cai đội (chức võ quan) Nguyễn Văn Hiền, bắt sống được cai cơ Nguyễn Khoa Kiến. Năm ấy Nguyễn Huệ mới hai mươi ba tuổi. Đó là lần đầu tiên, Huệ chỉ huy một chiến dịch lớn và thu được toàn thắng (chiếm được Phú-yên, giết và bắt được tướng địch).

Nhạc cho Lý Tài giữ Phú-yên, sau Lý Tài quay ra hàng Tống Phúc Hiệp.

Lúc này Hoàng Ngũ Phúc đang đóng quân ở Chu-ổ, Nhạc báo cho Ngũ Phúc biết công hạ Phú-yên của mình, rồi xin Ngũ Phúc phong chức tước cho em mình là Nguyễn Huệ. Ngũ Phúc nghe theo phong cho Huệ làm Tây sơn hiệu tiền phong tướng quân.

Quân Trịnh bấy giờ đang mắc bệnh dịch, quân lính chết đến quá nửa. Ngũ Phúc thấy tiếp tục tiến vào Nam thì không lợi, liền cho quân trở về Phú-xuân, dọc đường y ốm rồi chết.

Quân Trịnh vừa rút khỏi Quảng-nam, thì Tôn-thất Quyền và Tôn-thất Xuân lại khởi binh đánh lại Nguyễn Nhạc. Quân của Quyền và Xuân có Trương Phúc Tá làm mưu sĩ và được một phú thương Trung-quốc tên là Tất đem tiền bạc giúp đỡ, nên thanh thế rất mạnh và đã chiếm được phủ Thăng và phủ Điện. Nhạc dốc lực lượng ra đánh dẹp. Năm ấy (1775) là năm đói kém, quân của Quyền, của Xuân thiếu lương (có lẽ tại không được nông dân ủng hộ) bị quân Tây-sơn đánh tan.

Nhạc lưu Nguyễn Văn Duệ ở lại giữ Quảng-nam rồi đem quân trở về Quy-nhơn để chuẩn bị tiến quân vào Nam tiêu diệt quân chúa Nguyễn. Và khi quân Tây-sơn Nam tiến, thì Nguyễn Nhạc không còn lo gì ở phía Bắc nữa. Vì ở phía bắc, từ ngày Hoàng Ngũ Phúc kéo quân từ Quảng-nam rút về Phú-xuân rồi ốm chết ở dọc đường, thì chúa Trịnh không để ý gì đến miền Nam nữa.

TIMSACH.COM.VN

NGUYỄN HUỆ DIỆT CHÚA NGUYỄN, PHÁ QUÂN XIÊM

Mùa Xuân năm bính thân (1776) Nguyễn Nhạc sai em là Nguyễn Lữ đem thủy binh vào đánh Gia-định, chiếm Sài-gòn, Phiên-trấn, Trấn-biên (nay là Biên-hòa) và Long-hồ, Nguyễn Phúc Thuần đầu tiên phải chạy ra Trấn-biên rồi lại phải chạy ra Bà-rịa. Y cho người về Bình-khang gọi Tống Phúc Hiệp mang quân vào cứu viện. Phúc Hiệp được tin mang quân từ Bình-khang vào đánh quân Tây-sơn, lấy lại được Trấn-biên. Bấy giờ ở Mỹ-tho có một người tên là Đỗ Thanh Nhơn đứng lên mộ binh đánh lại quân Tây-sơn. Đỗ Thanh Nhơn, theo *Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 28, là người quê quán ở huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên làm hữu đội trưởng (chức võ quan của chúa Nguyễn) chiến thuyền của họ Nguyễn được ít lâu thì Phú-xuân bị quân Hoàng Ngũ Phúc đánh chiếm. Đỗ Thanh Nhơn theo Nguyễn Phúc Thuần chạy vào Quảng-nam, rồi vượt biển vào Gia-định. Ở Gia-định Đỗ Thanh Nhơn đã lập ra quân Đông-sơn để chọi lại quân Tây-sơn (Đông, Tây chọi nhau). Quân Đông-sơn chừng độ 3.000 người, phần lớn

là người Mỹ-tho. Họ mặc quần áo màu vàng tro có vằn đen như da cọp; mặt mũi họ cũng tô vẽ rất cổ quái cốt để uy hiếp tinh thần quân địch. Quân Đông-sơn lập căn cứ ở Ba-giồng (tên chữ Hán là Tam-phụ) là một nơi có nhiều cồn, nhiều đồi rất tiện lợi cho việc dùng binh. Ở Ba-giồng, quân Đông-sơn đã làm nhiều đồn trại và đã đánh quân Tây-sơn nhiều trận thắng lợi.

Đỗ Thanh Nhơn lấy danh nghĩa ủng hộ chúa Nguyễn, đem quân Đông-sơn đánh chiếm Sài-gòn, nhưng khi quân Đông-sơn vào Sài-gòn, thì Nguyễn Lữ đã cho đem hết thóc gạo ở kho xuống thuyền chở về Qui-nhơn.

Trong khi Nguyễn Lữ thắng trận ở Gia-định thì ở Qui-nhơn Nguyễn Nhạc cho lấy đá ong xây lại thành Đồ-bàn là kinh đô cũ của Chiêm-thành rồi tự xưng là Tây-sơn vương và cho đúc ấn vàng. Nhạc phong cho Nguyễn Lữ làm thiếu phó, Nguyễn Huệ làm phụ chính. Còn các bộ hạ khác tùy theo công lao đều được phong chức tước cả.

Nhạc cho đem hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương an trí ở chùa Thập-tháp (Bình-định). Cuối năm 1776 Phúc Dương vượt biển chạy vào Gia-định. Nghe tin Phúc Dương chạy vào Gia-định, Lý Tài mang quân hạ Sài-gòn rồi lập Phúc Dương làm Tân chính vương, tôn Nguyễn Phúc Thuần (Định vương) làm Thái thượng vương.

Năm đinh dậu (1777) Nguyễn Nhạc sai Đỗ Phú Tuấn đi sứ ra Bắc xin chúa Trịnh Sâm cho Nhạc cai trị tỉnh Quảng-nam. Sâm bấy giờ đang

chán việc binh, liền phong cho Nhạc làm Quảng-nam trấn thủ tuyên úy đại sứ tước Cung quốc công.

Sau khi được Chúa Trịnh phong cho chức tước, Nhạc lại sai Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ đem quân thủy bộ vào đánh Gia-định. Lý Tài mang quân ra cự, bị quân Tây-sơn đánh tan. Nguyễn Phúc Dương (Tân chính vương) phải chạy trốn về Trà-tân (thuộc Định-tường). Khi Nguyễn Huệ đánh chiếm được Ba-vạc (thuộc Vĩnh-long), thì Nguyễn Phúc Thuần phải chạy về Long-xuyên. Huệ thúc quân đuổi theo bắt và giết được Phúc Thuần và Phúc Dương. Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ để tổng đốc Chu, hồ tướng Hãn, tư khấu Oai, điều khiển (một chức quan) Hòa, cai cơ Chấn ở lại giữ Gia-định, rồi lại đem quân về Qui-nhơn.

Năm mậu tuất (1778), sau bảy năm chiến đấu, Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Thái-đức, đổi thành Đô-bàn làm Hoàng đế thành, phong cho Nguyễn Lữ làm Tiết chế, Nguyễn Huệ làm Long nhương tướng quân.

Lúc ấy cháu Nguyễn Phúc Thuần là Nguyễn Phúc Ánh tụ tập tướng tá cũ và tân binh ở Long-xuyên, rồi tiến quân đến Sa-đéc. Được quân Đông-sơn của Đỗ Thanh Nhơn giúp sức, Nguyễn Phúc Ánh đánh bại bọn tổng đốc Chu và chiếm lại thành Sài-gòn.

Nguyễn Nhạc lại sai tổng đốc Chu, tư khấu Oai theo Phạm Ngạn mang thủy quân vào đánh Trấn-biên, Sài-gòn. Nguyễn Phúc Ánh mang quân đón đánh. Đỗ Thanh Nhơn đem quân Đông-sơn đánh chém được tư khấu Oai ở Bến-nghé (Ngưu-

chử). Tổng binh của Nguyễn Phúc Ánh là Nguyễn Văn Hoằng chém được tướng Tây-sơn là Liêm và Lăng. Phạm Ngạn phải mang quân chạy trốn. Quân Nguyễn Phúc Ánh thừa thắng chiếm lại Bình-thuận và uy hiếp phủ Diên-khánh.

Giữa những thắng lợi ấy, các tướng sĩ của Nguyễn Phúc Ánh tôn y làm đại nguyên soái nhiếp quốc chính. Năm ấy là năm canh tý (1779), Nguyễn Phúc Ánh mới mười bảy tuổi. Năm sau (1780) Phúc Ánh xưng vương, y phong cho Đỗ Thành Nhơn làm ngoại hữu phụ chính thượng tướng công. Đỗ Thành Nhơn cậy công lộng quyền, bị Phúc Ánh dùng mưu giết chết (1).

Quân Đông-sơn nghe tin Đỗ Thanh Nhơn bị giết chán nản bỏ đi cả. Từ đó lực lượng Nguyễn Phúc Ánh yếu hẳn đi.

Nghe tin Đỗ Thanh Nhơn bị giết, Nguyễn Nhạc mừng nói rằng : « Hữu Phương (biệt hiệu Đỗ Thanh Nhơn) chết rồi, còn các tướng khác thì không đáng lo nữa » (*Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30 tờ 10b). Rồi Nhạc sai Nguyễn Huệ đem chiến thuyền vào cửa bể Cần-giờ đánh quân Nguyễn ở Ngã-bảy (Thất kỳ giang). Quân Nguyễn thua to phải rút về thủ hiểm ở Ba-giồng. Sài-gòn lại trở về quân Tây-sơn.

Tháng Tư năm nhâm dần (1782) Nguyễn Huệ mang quân đến Lữ-phụ, bày trận quay lưng ra sông đánh quân Nguyễn Phúc Ánh rất hăng, quân

---

(1) Phúc Ánh giả ốm mời Đỗ Thanh Nhơn đến nhà riêng rồi bắt mà giết.

Nguyễn tan vỡ, Phúc Ánh chạy ra đảo Phú-quốc. Nguyễn Huệ lại mang quân về Qui-nhơn, để bọn Đỗ Nhàn và hộ bộ Bá ở lại giữ Gia-định. Tháng Tám năm nhâm dần chưởng cơ quận công của Nguyễn Phúc Ánh là Chu Văn Tiếp từ Phú-yên kéo quân vào cứu Gia-định đánh bọn hộ bộ Bá của quân Tây-sơn phải bỏ Gia-định chạy trốn. Nguyễn Phúc Ánh lại trở về Sài-gòn.

Năm qui mão (1783), Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ lại vào cửa Cần-giờ đi ngược dòng sông lên đánh quân Chu Văn Tiếp. Quân Chu Văn Tiếp tan vỡ. Nguyễn Phúc Ánh lại chạy về căn cứ Ba-giồng. Nguyễn Hoàng Đức đi hộ vệ Phúc Ánh bị quân Tây-sơn bắt sống. Nguyễn Phúc Ánh vội cưỡi thuyền chạy ra Côn-lôn. Phò mã Tây-sơn là Trương Văn Đa mang chiến thuyền đuổi theo suýt bắt được Phúc Ánh. Lúc đó nhân có dông tố nổi lên, trời tối sầm lại, Phúc Ánh chạy thoát và trốn về đảo Phú-quốc.

Nguyễn Huệ để Trương Văn Đa ở lại giữ Gia-định, rồi lại mang quân về Qui-nhơn.

Sau trận đại bại trên, Phúc Ánh từ đảo Phú-quốc chạy sang Xiêm cầu cứu vua Xiêm. Năm Giáp thìn (1784) vua Xiêm là Chất-tri cho tướng Chiêu Tăng và tướng Chiêu Sương mang 20.000 thủy binh và 300 chiến thuyền kéo sang Gia-định giúp Phúc Ánh, đánh lấy Rạch-giá, Ba-thác, Trà-ôn, Mân-thít, Sa-đéc. Phò mã Tây-sơn là Trương Văn Đa mang quân đón đánh bị quân Xiêm đánh cho đại bại. Quân Xiêm ỷ thế cậy công đi đến đâu cướp bóc

của nhân dân đến đấy. Chúng gây nhiều sự tàn ác, nên ai ai cũng oán giận chỉ mong chờ quân Tây-sơn đến đánh đuổi chúng đi.

Từ Qui-nhơn, Nguyễn Huệ được tin quân Xiêm đang hoành hành quấy nhiễu ở miền Nam, Huệ lại đem quân vào Gia-định. Nguyễn Huệ nhử cho quân Xiêm đến gần Rạch-gầm và Xoài-mút ở phía tây Mỹ-tho rồi thả phục binh ra đánh. Hai vạn quân Xiêm bị quân Tây-sơn giết gần hết chỉ còn vài nghìn người lóc nhóc theo đường rừng núi chạy trốn về Xiêm. Theo *Đại Nam thực lục*, thì sau trận đại bại này, quân Xiêm sợ quân Tây-sơn như cọp.

Sau khi đánh đuổi được quân Xiêm, quân Tây-sơn được đại đa số nhân dân Gia-định hoan nghênh và ủng hộ. Cùng với sự đại bại của quân Xiêm, Nguyễn Phúc Ánh cũng mất hết đất ở Gia-định. Ý cùng gia quyến và một số bầy tôi chạy sang Xiêm lần nữa để tìm cách cầu viện nước ngoài.

Quét sạch quân Xiêm xong, Nguyễn Huệ để đô đốc Đặng Văn Trấn ở lại giữ Gia-định rồi lại đem quân về Qui-nhơn. Đất Gia-định là một miền đất mới. Ở đây một giai cấp địa chủ mới do sự khai khẩn đất đai đã ra đời. Giai cấp địa chủ này ủng hộ bọn phong kiến Chúa Nguyễn, họ chưa mâu thuẫn sâu sắc với nông dân. Quân Đông-sơn của Đỗ Thanh Nhơn sở dĩ hoạt động được ở Ba-giồng là nhờ dựa được vào địa chủ. Nguyễn Phúc Ánh hoạt động được ở Gia-định cũng vì có địa chủ ủng hộ.

Sau những trận đánh thắng quân của Phúc Ánh, đáng lẽ quân Tây-sơn phải để lại một nhân vật vừa có tài quân sự vừa có tài chính trị để vừa bình định hẳn miền Gia-định, vừa tổ chức lại các bộ máy nhà nước mới làm cho nhân dân Gia-định có thể an tâm sản xuất và tin tưởng ở chế độ Tây-sơn.

Nếu quân Tây-sơn làm được như vậy, thì năm 1784 sau trận đánh bại quân Xiêm đuổi Nguyễn Phúc Ánh chạy ra ngoại quốc, thì Phúc Ánh khó mà tìm được chỗ dựa ở Gia-định để rồi lại trở về hoạt động. Tiếc rằng sau bốn lần đại thắng quân Phúc Ánh, Nguyễn Huệ đều mang quân trở về Qui-nhơn, giao việc trấn thủ Gia-định cho một võ tướng tầm thường. Do đó sau mỗi lần đại quân Tây-sơn rút khỏi Gia-định trở ra Qui-nhơn, thì Nguyễn Phúc Ánh hay đò dẫng lại hoạt động, lòng dân từ chỗ hướng về quân Tây-sơn (nhất là sau trận thắng quân Xiêm), do sự tuyên truyền xảo quyệt và sự hoạt động của bọn Nguyễn Phúc Ánh lại dần dần quay trở lại với Phúc Ánh.

Tại sao sau bốn lần đánh thắng Nguyễn Phúc Ánh, Nguyễn Huệ đều vội vội vàng vàng mang ngay đại quân trở về Qui-nhơn, không ở lại Gia-định để tổ chức lại sản xuất và xây dựng các bộ máy chính quyền?

Tại Nguyễn Huệ coi vấn đề Gia-định là một vấn đề thuần túy quân sự chăng? Tại Nguyễn Huệ bị Nguyễn Nhạc gọi về chăng?

Ngày nay chúng ta không dựa được vào một tài liệu lịch sử nào để trả lời dứt khoát các câu hỏi ấy. Chúng ta chỉ biết rằng việc quân Tây-sơn sau mỗi lần đánh chiếm được Gia-định, không chịu để một nhân vật có tài ở lại giữ Gia-định là một thất sách không nhỏ về quân sự và về chính trị của Tây-sơn. Sự thất sách ấy tạo điều kiện cho Nguyễn Phúc Ánh trở về Gia-định hoạt động.

TIMSACH.COM.VN

NGUYỄN HUỆ HẠ PHÚ-XUÂN, TIẾN RA BẮC

Đánh bại quân Xiêm và đuổi Nguyễn Phúc Ánh ra khỏi Gia-định, Nguyễn Nhạc quay về tính chuyện phía bắc. Lực lượng quân Tây-sơn lúc này đã đủ mạnh để có thể đương đầu thắng với quân Trịnh. Cho nên Nhạc quyết kế hạ Phú-xuân. Trong công việc đánh chiếm Phú-xuân, Nhạc được một người giúp việc đắc lực là Nguyễn Hữu Chỉnh (1).

TIMSACH.COM.VN

Nhạc cử Nguyễn Huệ giữ chức tiết chế quân thủy và quân bộ, Nguyễn Hữu Chỉnh làm hữu

---

(1) Chỉnh người Đông-hải huyện Chân-phúc, tỉnh Nghệ-an đỗ hương cống từ hồi còn ít tuổi. Sau Chỉnh chuyên tập võ nghệ, lên kinh đô thi tạo sĩ nhưng không đỗ. Để tiến thân, Chỉnh làm môn khách cho Hoàng Ngũ Phúc, được Ngũ Phúc trọng dụng. Năm 1775, Chỉnh được Ngũ Phúc sai đem ấn, cờ, kiếm sang bản doanh quân Tây-sơn phong cho Nguyễn Nhạc làm tráng tiết tướng quân. Sau khi Ngũ Phúc chết, Chỉnh lại nương nhờ Hoàng Đình Bảo là con nuôi Ngũ Phúc. Khi Đình Bảo làm trấn thủ Nghệ-an, Chỉnh làm hữu tham quân cho Đình Bảo. Ở Nghệ-an Chỉnh nổi tiếng là tay giỏi thủy chiến và được người đương thời gọi là con diều bể.

quân đô đốc, Vũ Văn Nhâm con rể Nhạc làm tả quân đô đốc, chia hai đường thủy bộ cùng tiến đánh Phú-xuân. Trấn thủ Phú-xuân bấy giờ là Phạm Ngô Cầu là người vô tài hay nghi kỵ lại tham và ác. Nguyễn Huệ sai Nguyễn Hữu Chỉnh viết thư cho phó tướng của Phạm Ngô Cầu là Hoàng Đình Thể khuyên Thể ra hàng. Nhưng Huệ lại cho đưa thư này sang Phạm Ngô Cầu. Hoàng Đình Thể trước cùng với Nguyễn Hữu Chỉnh đều là môn khách của Hoàng Ngũ Phúc. Cho nên khi nhận được bức thư ly gián, Phạm Ngô Cầu ngờ là Hoàng Đình Thể đã bí mật thông với quân Tây-sơn để đầu hàng.

Khi quân Tây-sơn kéo đến trước thành Phú-xuân, Cầu sai Hoàng Đình Thể mang quân ra đánh. Quân của Thể đánh rất hăng, hai cha con Thể cùng quân bản bộ giết được vài trăm quân Tây-sơn, thì hết thuốc đạn. Nhưng Cầu không tiếp tế đạn được cho quân của Thể. Thể giận lắm, định trở về thành giết Cầu rồi lại ra đánh quân Tây-sơn, nhưng trông lên thành, Thể đã thấy Cầu cho kéo cờ trắng hàng quân Tây-sơn. Thể đành quay ra cầm đoản đao cùng con xông vào đánh quân Tây-sơn. Kết quả hai cha con đều tử trận. Đốc thị quân Trịnh là

Rồi Chỉnh được cai quản tiền ninh cơ ở Nghệ-an và được phong tước bằng lĩnh hầu. Sau khi kiêu binh nổi lên phế Trịnh Cán, giết Hoàng Đình Bảo, thì Chỉnh đem gia quyến chạy vào Qui-nhơn hàng quân Tây-sơn. Chỉnh bày mưu vạch kế cho Nguyễn Nhạc và được Nguyễn Nhạc trọng dụng. Chỉnh đem tình hình Phú-xuân báo cho Nhạc biết, và khuyên Nhạc lấy Phú-xuân.

Nguyễn Trọng Đang cùng các tướng khác cũng tử trận.

Nguyễn Huệ vào Phú-xuân, Phạm Ngô Cầu tự trói mình đến nộp Huệ. Huệ sai giải Cầu về Qui-nhơn. Rồi ở Qui-nhơn Cầu bị Nhạc chém đầu.

Sau khi hạ xong thành Phú-xuân, Huệ phái quân đi đánh đồn Cát-doanh (ở xã Ái-tử, huyện Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị), Đồng-hới (thuộc huyện Lệ-thủy, tỉnh Quảng-bình). Nghe tin quân Tây-sơn kéo đến, tướng Trịnh là Ninh Tốn ở Đồng-hới vội bỏ thành chạy trốn. Tướng Trịnh đóng ở đồn Cát-doanh cũng bỏ chạy. Chỉ trong mấy ngày tất cả đất Thuận-hóa nam từ Phú-xuân, bắc đến sông Gianh bị quân Tây-sơn chiếm hết.

Chiếm được Thuận-hóa, một mặt Nguyễn Huệ cho người cầm thư về Qui-nhơn báo tin thắng trận cho Nguyễn Nhạc biết, một mặt cho sửa sang lũy Đồng-hới để phòng thủ.

Ý Huệ muốn ngừng chiến. Nhưng Nguyễn Hữu Chỉnh khuyên Huệ nên thừa thắng kéo quân ra lấy Bắc-hà. Chỉnh bảo Huệ: « Ông đánh một trận lấy được Thuận-hóa, uy vũ đã rung động Bắc-hà, phép hành quân có ba điều: một là *thời*, hai là *thế*, ba là *cơ*. Có đủ ba điều ấy thì đánh đâu cũng thắng. Nay tình hình Bắc-hà, tướng thì lười biếng, quân thì kiêu ngạo, ta nên thừa thắng lấy Bắc-hà. Đó là *thời* và *cơ* không nên bỏ mất ».

Huệ nói: « Bắc-hà có rất nhiều nhân tài khinh thường thế nào được ».

Chỉnh nói: « Nhân tài Bắc-hà chỉ có một mình Chỉnh mà thôi. Chỉnh mà đi thì trong nước trống không. Ông không nên nghi ngờ nữa ».

Huệ cười và nói: « Người ta thì tôi không nghi, tôi chỉ nghi có ông đó thôi ».

Chỉnh thất sắc, vội xin lỗi: « Tôi nói quá ra thế để tỏ ra Bắc-hà không có nhân tài mà thôi ».

Huệ lấy lời ngọt ngào an ủi Chỉnh cho Chỉnh an tâm. Rồi Huệ bảo Chỉnh: « Một nước đã dựng được mấy trăm năm, nay nhất đán đến đánh, người ta sẽ cho quân mình là quân gì? »

Chỉnh nói: « Nay Bắc-hà đã có đế lại có vương (có vua Lê lại có chúa Trịnh), đó là một việc đại biến từ xưa đến nay chưa có bao giờ. Họ Trịnh tuy là phụ chính, nhưng thực ra chỉ hiếp chế vua Lê. Người trong nước từ lâu đã biết thế là bậy. Sở dĩ họ chưa dám cựa quậy là vì chưa đủ sức đó thôi. Nay tướng quân lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh, thì thiên hạ ai là không hưởng ứng. Cơ hội này, nghìn năm mới có là một ».

Huệ nói: « Ông nói phải lắm. Nhưng làm trái mệnh trên hay sao? »

Chỉnh nói: « Sách *Xuân Thu* có nói: Làm trái mệnh là việc nhỏ, lập được công là việc lớn. Đã có công thì sao gọi là trái mệnh được. Huống chi tướng ở ngoài, mệnh vua cũng không theo. Ông há lại không biết thế ư? » *(Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30 tờ 19b và tờ 20).

Nghe lời Chỉnh nói, Huệ mừng lắm liền quyết kế đem quân tiến ra đánh Bắc-hà.

Rồi một mặt Huệ cho người đưa thư về Qui-nhơn báo cho vua Thái-đức biết ý định của mình, một mặt điều động quân bắc tiến. Huệ sai Chỉnh đem thủy quân vượt biển ngược dòng sông vào chiếm Vị-hoàng (thành phố Nam-định ngày nay) rồi đốt lửa làm hiệu. Còn Huệ tự đem đại đội chiến thuyền tiến theo sau. Đi qua các trấn Nghệ-an và Thanh-hóa, Chỉnh cho quân đổ bộ để hư trương thanh thế. Trấn thủ hai trấn này là Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thùy không dám chống lại. Quân Chỉnh đến Vị-hoàng, viên trấn thủ Vị-hoàng bỏ chạy. Chỉnh đoạt được tất cả các kho lương ở Vị-hoàng có đến một trăm vạn hộc thóc, rồi cho đốt lửa báo tin cho Nguyễn Huệ biết. Lúc ấy là ngày 6 Tháng 6 năm bính ngọ (1786). Quân Nguyễn Huệ ra đến Nghệ-an thì gặp gió nồm, mấy trăm chiến thuyền của Huệ tiến về Bắc như bay, khí thế thật là hùng vĩ. Phụ lão Nghệ-an và Thanh-hóa trông thấy thế than rằng:

— Cõng rắn cắn gà nhà, quả là tội Cống Chỉnh. Nhưng cũng là một hành động ít có ở đời! (*Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập quyển 30, tờ 21a).

Quân Nguyễn Huệ chiếm Vị-hoàng làm chấn động Thăng-long. Trịnh Khải vội sai Thái đình hầu Trịnh Tự Quyền thống suất bộ binh xuống Sơn-nam nghênh chiến. Đinh Tích Nhưỡng được lệnh đem thủy quân đến Lỗ-giang đón đánh quân Tây-sơn. Nhưỡng dàn chiến thuyền thành hàng chữ nhất (—) để đón đánh chiến thuyền Tây-sơn. Hồi ấy nước lụt vừa rút, đến đêm Huệ cho năm chiếc thuyền tiến vào hàng trận chiến thuyền của Nhưỡng. Quân lính của Nhưỡng tranh nhau bắn.

Năm chiếc thuyền của Tây-sơn tuyệt nhiên không bắn trả lại. Đến sáng khi Nhưỡng mới biết năm chiếc thuyền ấy là năm chiếc thuyền không, thì thuốc đạn đã bắn hết cả rồi. Lúc bấy giờ chiến thuyền của Huệ thuận gió tiến lên, đại bác của Huệ bắn ầm trời. Một cây cổ thụ trúng đạn đổ. Quân của Trịnh Tự Quyền tan vỡ. Đinh Tích Nhưỡng vội chạy trốn. Trấn thủ Sơn-nam là Đỗ Thế Đận cũng bỏ Sơn-nam chạy trốn. Tình hình các nơi rối loạn. Ai cũng nghĩ đến chạy cho mau để thoát thân.

Chiến thuyền Tây-sơn tiến thẳng đến Hiến-doanh (tức Phố Hiến thuộc Hưng-yên). Nguyễn Huệ một mặt truyền hịch tỏ ý phù Lê diệt Trịnh, một mặt thúc quân nhằm Thăng-long tiến phát. Ở Thăng-long bấy giờ kiêu binh vẫn không ai sai khiến nổi. Trịnh Khải phải gọi lão tướng Hoàng Phùng Cơ trấn thủ Sơn-tây về chống giữ Thăng-long. Hoàng Phùng Cơ đem bộ binh đến đóng ở hồ Vạn-xuân và cho thủy binh đóng ở bến Thủy-ái. Bộ binh và thủy binh của Trịnh bị quân của Nguyễn Huệ phá tan. Huệ cho quân sĩ ở trên thuyền vừa hò reo và đánh trống tiến thẳng đến bến Tây-luông. Hoàng Phùng Cơ vội chạy trốn. Trịnh Khải bất đắc dĩ phải đem kiêu binh ra trận. Quân Tây-sơn dùng ống phun lửa phụt lửa vào quân Trịnh, quân Trịnh lại tan vỡ. Trịnh Khải phải bỏ chạy lên phía Sơn-tây. Y đến làng Hạ-lôi, huyện Yên-lãng, tỉnh Phúc-yên, thì bị nhân dân bắt nộp cho quân Tây-sơn. Dọc đường Khải rạch bụng rút ruột ra tự tử. Khi người ta khiêng xác Khải đến trước mặt Huệ, Huệ vỗ vào thây Khải mà nói : « Đẹp trai thế này, giá sớm hàng ta thì có phải không mất

phú quí không. Sao phải tự sát thế cho khổ ! « (*Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30 tờ 22a).

Rồi Huệ truyền cho quân lính lấy vương lễ tống táng cho Khải.

Ngày 26 Tháng Sáu năm bính ngọ (1786) Huệ kéo quân vào Thăng-long. Trước hết Huệ cho người báo cho vua Lê Hiển-tôn biết ngày mai Huệ sẽ vào bệ kiến nhà vua. Ngày 27 Tháng Sáu Huệ dẫn các tướng lĩnh và Nguyễn Hữu Chỉnh đến yết kiến vua Lê ở điện Vạn-thọ. Huệ sụp lạy. Vua Lê cho người nâng lên rồi mời ngồi ở một chiếc sập riêng. Vua ôn tồn úy lạo Huệ.

Huệ nói :

— Thần quật khởi ở ấp Tây-sơn, từ lâu vẫn ngưỡng mộ thánh đức. Nay nhân họ Trịnh lăng bức, thiện hạ mượn tay thần để diệt đi. Đó là nhờ uy đức của bệ hạ mới được như vậy (1).

Vua khiêm tốn nói rằng đó là công lao của Huệ. Huệ nói :

— Chi của thần là tôn phù Lê thất, đâu dám kể công. Sự việc ngày nay đều do ý trời cả. Vì như thuyền bè thì thần có thể điều khiển được, đến như nước lụt xuống và gió thổi mạnh, thì sức thần làm sao mà sai khiến được. Trời xui bệ hạ thống nhất bờ cõi. Từ nay trở đi gây dựng kỷ cương khiến cho trong ấm ngoài êm, thì thần cũng được nhờ ơn vậy (1).

Huệ chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh nói với vua Lê :

---

(1) Những chỗ đối thoại đều lấy ở *Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30, tờ 22 và 23.

— Người này là bầy tôi cũ của bệ hạ đây. Thần đến được đây là nhờ sức người này (1)

Vua Lê nói :

— Chỉnh được đến đây cũng do lệnh công giúp cho chứ.

Chỉnh khấu đầu lạy tạ. Rồi Huệ và Chỉnh cáo lui. Từ đấy tình hình lại trở lại yên ổn. Các quan đi trốn lại lục tục trở về. Chỉnh nói với Huệ rằng :

— Tướng quân lần này ra đây lấy danh nghĩa tôn phù thì nên làm cho thực sự. Ngày hôm qua bái yết nhà vua mới là tư yết. Sự việc chưa bầy tỏ được với thiên hạ. Tướng quân nên chọn ngày làm lễ triều kiến khiến cho cả nước được biết. Như thế mới là hành động chính đại(1)

Huệ nghe lời liền chọn ngày mồng 7 tháng bầy xin vua Lê thiết đại triều ở điện Kính-thiên. Đến ngày hôm đó Huệ dẫn đầu tướng sĩ theo cửa Đoan-môn vào điện Kính-thiên. Huệ làm lễ lạy năm lạy vái ba vái, trình bày mục đích diệt Trịnh phù Lê, rồi đem sổ sách quân dân dâng lên vua Lê. Vua Lê tiếp nhận rồi ban chiếu thống nhất và cho yết ở cửa Đại-hưng.

Ngày hôm sau vua Lê Hiển-tôn cho người sang đại bản doanh của Nguyễn Huệ đóng ở phủ Chúa Trịnh cũ, phong cho Huệ làm nguyên soái dực chính phù vận uy quốc công. Huệ bái nhận rồi sai người sang hoàng cung vua Lê tạ ơn. Huệ bảo riêng Chỉnh rằng :

---

(1) Những chỗ đối thoại đều lấy ở *Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập quyển 30, tờ 22 và 23.

— Ta mang mấy vạn quân ra đây, một trận định được Bắc-hà, một thước đất một người dân đâu không phải là của ta. Giả sử muốn xưng đế, xưng vương làm gì không được. Sở dĩ ta nhún nhường không làm là vì hậu với nhà Lê đó mà thôi. Cái tên nguyên soái với quốc công đối với ta có hơn gì đâu. Định lấy cái danh hão để lung lạc ta hay sao ? *(Đại Nam chính biên liệt truyện,* sơ tập quyển 30 tờ 23b).

Chỉnh biết Huệ bất mãn, liền xin vua Hiển tôn đem cô gái thứ hai mươi mốt là công chúa Ngọc Hân mới mười sáu tuổi vừa đẹp vừa giỏi văn thơ gả cho Huệ.

Hôm làm lễ cưới công chúa Ngọc Hân, vua Lê Hiển-tôn tuy mệt nhưng cũng cố thiết triều để nhận lễ mừng. Ngày hôm sau nhà vua ốm nặng. Ngọc Hân mời Huệ vào thăm, Huệ nói: « Ta từ xa đến đây, người trong nước chưa tin. Giả sử ta vào chầu, vạn nhất vua cha xa giá chầu trời thì có phải tự ta mua lấy sự nghi kỵ vào mình không? »

Ngày 17 tháng bảy năm bính ngọ (1786) vua Hiển-tôn mất, thọ 70 tuổi.

Công chúa Ngọc Hân vốn không ưa tự tôn Lê Duy Kỳ, và muốn lập Lê Duy Cẩn làm vua. Công chúa nói riêng với Huệ, Huệ sinh ra do dự muốn hoãn ngày làm lễ lập tự tôn. Các triều thần thấy thế lấy làm lo sợ lắm. Còn các tôn thất thì dều kêu rằng công chúa muốn làm lỡ việc lớn. Công chúa sợ quá, vội nói với Huệ, xin Huệ lập Duy Kỳ. Huệ nghe theo. Thế là tự tôn Lê Duy Kỳ được đưa lên ngôi vua lấy niên hiệu là Chiêu-thống.

Xong lễ đăng quang của Lê Chiêu-thống, đến lễ thành phục vua Hiển-tôn. Hôm cử lễ, Huệ mặc áo tang trắng dứng ở bên tả điện. Khi hành lễ có một kẻ chấp sự tủm tỉm cười, Huệ sai lôi ra đem chém. Ngày 25 tháng bảy làm lễ rước linh cữu xuống thuyền để đem về Thanh-hóa, Huệ mặc tang phục thân đi đưa linh cữu đến tận bến sông. Huệ lại sai bộ tướng là Nguyễn Văn Kỷ và Nguyễn Hữu Chỉnh mặc áo trắng đi hộ tống linh cữu đến tận lăng Bàn-thạch thuộc huyện Lôi-dương, trấn Thanh-hóa.

TIMSACH.COM.VN

TỪ VIỆC NGUYỄN NHẠC RA BẮC ĐẾN CUỘC XUNG ĐỘT GIỮA NGUYỄN NHẠC VÀ NGUYỄN HUỆ

Khi mang quân ra Bắc-hà, Nguyễn Huệ có biên thư vào Qui nhơn báo cho vua Thái-đức Nguyễn Nhạc biết ý định của mình. Nhận được thư Huệ, Nhạc lấy làm lo. Nhạc cho Huệ đã coi thường mình. Nếu Huệ bắc tiến thành công, thì Nhạc không thể kiềm chế nổi Huệ nữa. Cho nên nhận được thư Huệ, Nhạc vội cho người đến Phú-xuân bảo Huệ đình việc ra Bắc. Nhưng khi thư đến Phú-xuân, thì Huệ đã vượt biển kéo quân ra Bắc. Thế rồi sau đó Nhạc lại được tin Huệ đã hạ được Thăng-long.

Bắc-hà là nơi người nhiều của lắm, chiếm được Bắc-hà thì lực lượng Huệ sẽ mạnh vô cùng. Nhạc thấy phải cất công ra Bắc-hà một phen để xem tình hình ra sao. Cho nên đến tháng tám năm bính ngọ (1786), Nhạc đem 500 thân binh và 100 voi lật đật từ Qui-nhơn ra Phú-xuân lấy thêm quân lính rồi lại đi gấp đường ra Thăng-long. Sau bảy ngày đêm, Nhạc ra đến Thăng-long. Nhân dân Bắc-hà náo động cho rằng anh em Tây-sơn có ý khác. Có người đã vội khuyên vua Chiêu-thống dâng biểu xin hàng Nguyễn Nhạc để giữ vững ngôi

vua. Hôm Nguyễn Nhạc vào Thăng-long, vua Chiêu-thống thân ra đón tận ngoài cửa Nam-giao, còn trăm quan thì qui đón ở hai bên đường. Không để ý đến những nghi lễ đón tiếp ở dọc đường, Nhạc thúc quân lính cứ đi và cho người báo cho vua Chiêu-thống biết rằng ngày hôm sau Nhạc sẽ gặp vua Chiêu-thống.

Ngày hôm sau, vua Chiêu-thống thân đến thăm Nhạc. Nhạc đứng đón ở trên thềm, sai Huệ xuống thềm rước nhà vua lên nhà. Vào nhà, Nhạc ngồi ghế giữa, vua Chiêu thống ngồi ghế bên phía tây. Huệ ngồi ghế bên phía đông. Thấy vua Chiêu-thống ngỏ ý muốn cắt đất để khao quân, Nhạc gạt đi và nói :

— Vì họ Trịnh chuyên chế cho nên chúng tôi phải tôn phù. Nếu là đất của họ Trịnh thì một tấc cũng không để ; còn đất của nhà Lê thì một tấc cũng không dám lấy. Chỉ mong Tự hoàng giữ vững kỷ cương cho yên đất nước để cho hai nước chúng ta đời đời hòa hiếu. Đó là phúc của hai nước vậy.

Vua Chiêu-thống mời Nhạc ở lại ít lâu để giúp mình. Nhạc hứa sẽ giúp đỡ. Nhưng sau đó Nhạc ngầm cùng với Huệ sửa soạn trở về Nam.

Nhân dịp này Tả quân Vũ Văn Nhâm vốn ghét Chỉnh liền nói với Huệ rằng :

— Chỉnh là kẻ trốn tránh cùng đường phải về với ta. Nay ta phí mấy vạn người để làm vây cánh cho hắn thì còn gì dại hơn nữa. Vả hắn thường nói : « Ở Bắc hà chỉ có hắn là nhân tài. Chi bằng bây giờ ta bỏ hắn ở lại. Người Bắc oán hắn đến

xương tủy, ta mượn tay họ để giết hắn đi. Khi Chỉnh chết rồi, ta sẽ lấy Bắc-hà (Theo *Quang Trung anh hùng dân tộc* của Hoa Bằng trang 96). Huệ cho là phải.

Ngày 17 tháng tám năm bính ngọ (1786), Huệ giữ Chỉnh ở lại đại bản doanh nói chuyện suốt ngày, trong khi ấy quân sĩ Tây-sơn được lệnh chuẩn bị trở về Nam và khuân hết của cải lấy được ở kho Chúa Trịnh xuống thuyền. Đêm hôm 17 rạng ngày 18 tháng tám, sau khi đã sửa soạn xong xuôi, Huệ cùng với vua anh là Nguyễn Nhạc đem toàn bộ quân Tây-sơn thuận dòng sông kéo ra bể để vào Nam. Trước khi nhổ neo, Huệ cho người đến gõ cửa cung vua Lê Chiêu-thống từ biệt nhà vua để vô Nam. Sáng ngày 18 Nguyễn Hữu Chỉnh mới biết tin toàn bộ chiến thuyền quân Tây-sơn đã nhổ neo vào Nam. Chỉnh lo sợ quá. Nhân dân Bắc-hà, nhất là bọn phong kiến ủng hộ chúa Trịnh đang ghét Chỉnh. Chỉnh biết rằng không có quân Tây-sơn che chở thì khó mà sống yên được ở Bắc-hà. Vì vậy ngay ngày 18, Chỉnh vội cùng với vài mươi thủ hạ chạy ra bến sông cướp được một chiếc thuyền buồm, rồi cho giương buồm lên để xuôi Nam theo quân Tây-sơn..

Nhân dân Thăng-long được tin đuổi theo lấy gạch ngói ném Chỉnh. Chỉnh phải giết vài người mới đi thoát được.

Khi anh em Tây-sơn qua Nghệ-an, thì bị mấy toán quân của Lê Hân, cựu quản hậu thắng cơ ở Nghệ-an, Lê Đình Hoán, cựu quản hữu uy cơ ở Nghệ-an đánh úp ở núi Đại-huệ thuộc làng Sa-

nam, huyện Nam-đường (Nghệ-an). Nhưng kết quả quân của bọn Lê Hàn bị quân Tây-sơn đánh cho thua lớn và bị chết đến tám, chín phần mười.

Đến trấn Nghệ-an, Huệ cho đóng quân lại hơn mười ngày, vừa để nghỉ ngơi vừa để thu xếp mọi việc. Huệ giao cho Nguyễn Văn Duệ trách nhiệm giữ Nghệ-an, sai đô đốc Chiêu Viễn đóng ở Hà-trung, Vũ Văn Nhâm đóng ở Đồng-hới làm thế ỷ giốc với Nguyễn Văn Duệ.

Vừa lúc ấy, Chỉnh cũng vào đến Nghệ-an. Huệ an ủi Chỉnh và bảo Chỉnh rằng: « Hiện nay tướng Trịnh là Hoàng Phùng Cơ và Đinh Tích Nhưỡng hãy còn; ngoài Bắc không có ông ở lại thì không xong ». *(Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30 tờ 24b).

Rồi Huệ tặng Chỉnh hai mươi lạng vàng, hai trăm lạng bạc và khuyên Chỉnh ở lại Nghệ-an để cùng làm việc với Nguyễn Văn Duệ.

Trước khi xuống thuyền về Nam, Huệ bảo khẽ Vũ Văn Nhâm rằng: « Chỉnh là kẻ vong mạng, bi thế nó mới về với ta. Nó quỉ quyệt lắm không thể tin được. Người Bắc căm giận nó lắm. Ta muốn bỏ nó cho họ giết đi, nên lúc vô Nam ta không cho nó biết. Chẳng ngờ nó lại trốn chết theo ta về tận đây. Kể về tình nghĩa không lẽ không dung. Giờ ta cho nó ở lại Nghệ-an là quê hương của nó. Các ngươi phải hợp lòng hợp sức phòng giữ cho cẩn thận. Hễ nó muốn chi và lòng người yêu ghét nó ra sao, các ngươi phải dò xét cho kỹ. Thấy có sự gì khác, phải lập tức mật báo cho ta biết ».

Về đến Quy-nhơn, Nhạc phong cho Huệ làm Bắc bình vương cai quản khoảng đất từ đèo Hải-vân trở ra Nghệ-an. Nguyễn Lữ được phong làm Đông-định vương coi đất Gia-định; còn Nhạc tự xưng làm Trung ương hoàng đế, đóng đô ở Qui-nhơn (Hoàng đế thành).

Đến đây mâu thuẫn giữa Nhạc và Huệ nổ tung ra.

Huệ bất bình với Nhạc vì Nhạc không giao đất Quảng-nam cho Huệ. Trong khi đánh Bắc-hà diệt Chúa Trịnh, Huệ lấy được rất nhiều của cải của họ Trịnh. Những của cải ấy khi đem xuống thuyền chở vào Nam thì Nhạc chiếm đoạt hết (1).

Nhạc cũng ghét Huệ, vì Huệ không coi Nhạc ra gì, khi ra Bắc, Huệ đã tự tiện làm theo ý muốn, mà không thèm hỏi Nhạc.

Theo sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập thì Huệ sai quan lại bộ là Hồ Đồng làm hịch kể tội Nhạc. Nhạc tức giận toan mang quân đánh Huệ, thì Huệ đã đem 60.000 quân vào Qui-nhơn đánh Nhạc. Quân của Huệ vây thành Qui-nhơn luôn ba bốn tháng trời. Nhạc sai đắp thành cố thủ Qui-nhơn và cho người mang thư vào Gia-định gọi đô đốc Đặng Văn Trấn mang quân ra cứu viện.

Huệ cho quân vào Phú-yên đón đánh Đặng Văn Trấn, và đánh cho quân của Trấn thua chạy tan tành, và bắt sống được Trấn.

---

(1) Có sách lại cho rằng Nhạc tức Huệ, vì Huệ đã chiếm tất cả của cải lấy được ở Bắc-hà.

Huệ lại cho đắp một ụ đất lớn ở sát thành Quy-nhơn rồi cho kéo đại bác lên đó để bắn vào thành.

Quân Nhạc ở trong thành cũng bắn ra rất dữ. Mấy lần Huệ cho quân xung phong đánh vào thành, kết cục đều bị đánh lui và bị thiệt hại nặng.

Trong bức thư viết ngày 6 tháng sáu năm 1787 giáo sĩ Đút-xanh (Doussain) có nói về sự thiệt hại của Huệ như sau: « Sau hai ba tháng đánh nhau, Huệ bị mất tới nửa quân, phải ra lệnh gọi hết thảy mọi người ra nhập ngũ. Trong nhân dân biết bao nỗi đau đớn!... Biết bao điều khổ sở! »

Giáo sĩ La-bác-ten (Labartelle) trong bức thư viết tháng sáu 1787 cũng nói về sự thiệt hại của cuộc chiến tranh Nhạc — Huệ: « Huệ và Nhạc đánh nhau tới nay đã được ba tháng rồi. Phần lớn nhân dân phải ra lính theo Huệ đi đánh nhau đã bị hy sinh ở trên bãi chiến trường ».

Nhạc bị vây ở Qui-nhơn luôn mấy tháng, tình thế khá khốn đốn, Nhạc phải lên bờ thành gọi Huệ ra nói chuyện rồi khóc bảo Huệ rằng:

— Nỡi da nấu thịt, sao em nỡ hại anh? (*Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30, tờ 14b).

Rồi hai anh em cùng nhìn nhau mà khóc. Sau đó, hai bên đều bãi binh định điều kiện giảng hòa: Nhạc lấy Bến Ván làm biên giới để khoảng đất từ Quảng-ngãi trở vào Nam cho Nhạc làm chủ, khoảng đất từ phủ Thăng, phủ Điện trở ra Bắc do Huệ làm chủ.

Cuộc xung đột võ trang đến đây tuy đã chấm dứt, nhưng hai bên Nhạc và Huệ sau đó vẫn nghi nhau. Sự nghi ngờ này không những tồn tại suốt thời Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, mà còn tồn tại mãi trong thời con Nguyễn Nhạc là Nguyễn Bảo, và con Nguyễn Huệ là Nguyễn Quang Toản nữa.

Cuộc xung đột giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ là một cơ hội tốt cho Nguyễn Phúc Ánh lại trở về hoạt động ở Gia-định và khuyến khích Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Văn Duệ và Vũ Văn Nhâm theo nhau làm phản.

TIMSACH.COM.VN

NGUYỄN HỮU CHỈNH MƯU PHẢN VÀ BỊ GIẾT

Sau khi Nguyễn Huệ trở về Nam, thì Nguyễn Hữu Chỉnh ngầm gây thế lực để chiếm Nghệ-an. Chỉnh một mặt thu dụng bọn lưu vong, một mặt cho luyện tập hương dũng để chờ thời cơ, và cái thời cơ rất thuận lợi cho Chỉnh là việc Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ xung đột và hiềm khích lẫn nhau bắt đầu xảy ra từ cuối năm 1786, sau khi anh em Tây-sơn từ Bắc-hà trở về Nam.

Anh em Tây-sơn trở về Nam, thì Thăng-long ở vào một tình thế bấp bênh. Cả kinh đô chỉ còn là một cái thành trống rỗng, chỉ có thường dân và một số quan văn ở chung quanh vua Chiêu-thống. Ở các nơi hào mục nổi lên mỗi người chiếm giữ một miền. Bọn vô lại thừa dịp đi cướp bóc lung tung. Các bầy tôi cũ của họ Trịnh lại nhảy ra hoạt động. Những bầy tôi họ Trịnh này lại chia ra làm hai phái xung đột nhau kịch liệt: phái Dương Trọng Tế ở Kinh-bắc ủng hộ Trịnh Lệ, phái Đinh Tích Nhưỡng và Hoàng Phùng Cơ ủng hộ Trịnh Bồng. Hai phái đánh nhau, phái Trịnh Lệ đại bại phải bỏ chạy về phía Bắc. Trịnh Bồng thắng và bức

vua Chiêu-thống phong cho mình làm nguyên soái Yên đô vương. Trịnh Bồng lại ức chế vua Lê và nắm hết quyền bính trong nước. Vua Chiêu-thống cho người vào Nghệ-an mời Nguyễn Hữu Chỉnh ra giúp mình đánh họ Trịnh. Chỉnh đem binh từ Nghệ-an ra Thăng-long và để chân tay là Lê Duật ở lại với Nguyễn văn Duệ ở Nghệ-an. Chỉnh đuổi được Trịnh Bồng và được vua Chiêu-thống phong cho chức Bình chương quân quốc trọng sự đại tư đô tước Bằng trung công. Rồi Chỉnh liên tiếp đánh thắng và bắt được Dương Trọng Tế (Trọng Khiêm); đánh bại và bắt được Hoàng Phùng Cơ ở Cầu Phùng (huyện Đan-phượng, tỉnh Hà-đông); đánh quỵ hẳn bọn Trịnh Bồng vào cuối mùa thu năm đinh mùi (1787).

Sau những thắng lợi trên, Chỉnh mỗi ngày một ngông nghênh tự đắc. Chỉnh chuyên quyền, độc đoán, cho chân tay nắm giữ các chức trọng yếu ở triều đình và ở các trấn. Chỉnh lập ra doanh Võ thành quân và đóng ở phủ Chúa Trịnh cũ. Mọi việc trong nước, Chỉnh tự ý giải quyết không hỏi gì đến vua Lê. Một lần nữa vua Chiêu-thống lại bị đặt vào địa vị bù nhìn. Hành động của Chỉnh làm cho mọi người thất vọng. Hào kiệt các nơi lại nổi lên đánh Chỉnh hoặc tự đánh lẫn nhau.

Tuy đắc chí ở miền Bắc, Chỉnh vẫn luôn luôn theo dõi tình hình ở miền Nam. Thấy Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ xung đột nhau, Chỉnh thích lắm. Chỉnh luôn luôn viết thư cho Nguyễn Văn Duệ ở Nghệ-an và cho đem vàng bạc vào biếu Duệ, Chỉnh muốn câu kết với Duệ để chiếm lấy

Nghệ-an. Mộng của Chỉnh là sau khi lấy được Nghệ-an sẽ xây lại lũy Hoành-sơn, lấy sông Gianh làm địa giới để phân chia Nam và Bắc làm hai nước như thời trước. Mộng của Chỉnh nếu thành sự thực, Chỉnh sẽ ngang nhiên đàng hoàng làm chúa ở miền Bắc hệt như chúa Trịnh thời trước vậy.

Âm mưu của Chỉnh bị Vũ Văn Nhâm nhìn thấu và biên thư vào Phú-xuân báo cho Nguyễn Huệ biết. Được tin Huệ căm giận lắm, nhưng lúc bấy giờ Huệ đang xung đột với anh là Nguyễn Nhạc, chưa thể mang quân ra Bắc được, Huệ chỉ sai Vũ Văn Nhâm đi gấp đường ra Nghệ-an bắt Nguyễn Văn Duệ, vì Duệ là tướng cũ của Nhạc đã âm mưu với Chỉnh chiếm cứ Nghệ-an.

Vũ Văn Nhâm ra đến Hà-trung, thì Duệ biết tin vội theo đường núi chạy về Qui-nhơn với Nguyễn Nhạc. Vũ Văn Nhâm vào Nghệ-an thu lấy quân của Duệ rồi một mặt chia quận đi đóng giữ các nơi hiểm yếu, một mặt cho người cầm thư ra Bắc hỏi tội Nguyễn Hữu Chỉnh, theo đúng lời dặn của Nguyễn Huệ. Nhận được thư của Nhâm, Chỉnh sợ lắm, vội cho người cầm thư vào cho Vũ Văn Nhâm phân trần ý định của mình. Theo lời dặn của Nguyễn Huệ, Nhâm biên thư an ủi Chỉnh.

Lúc này quân Nguyễn Huệ đang vây đánh Qui-nhơn, cuộc xung đột Nhạc — Huệ đang ở giai đoạn kịch liệt.

Chỉnh muốn thừa dịp này dùng thủ đoạn ngoại giao đòi lại đất Nghệ-an.

Chỉnh nói ý muốn đó với vua Chiêu-thống rồi cử một sứ bộ đi Nam. Sứ bộ gồm có Trần Công Sán,

Ngô Nho và hoàng thân Lê Duy Hiên. Trước khi lên đường, Trần Công Sán bảo Chỉnh rằng : « Nguyễn Huệ là người sâu hiểm tráo trở rất khó lường. Đi chuyến này, tôi dù cố nói, nhưng chưa chắc ông ta đã chịu nghe đâu. Tuy vậy tôi xin gắng tranh biện ráo riết, dù chết cũng cam. Sau khi tôi đi, ông nên cẩn thận. Những nơi giáp giới ở miền Thanh-hóa, nên chia quân đóng đồn để chặn bộ binh ; các cửa bể ở miền Sơn-nam nên đóng cọc cắm rào để ngăn thủy binh bên địch. Nếu họ bội ước đến đánh, thì ta đã sẵn sàng để đối phó rồi ».

Chỉnh nói : « Xin tiên sinh cứ đi, đừng lo ngại. Lời lẽ tiên sinh ai mà chẳng chuyển ? Bằng không xong việc, thì cái thuật dùng binh của tiểu sinh đây tưởng chưa mấy kẻ đã ăn đứt. Vạn nhất có biến thì tiểu sinh há lại không làm được một phen sấm vang, chớp bủa, biển lệch, núi nghiêng hay sao ? Nguyễn Huệ dẫu kiệt liệt đến đâu cũng chưa dễ giở được thủ đoạn gì. Tiên sinh không cần phải căn dặn kỹ quá ».

Trần Công Sán vào đến Phú-xuân đưa thư của vua Chiêu-thống cho Nguyễn Huệ. Huệ xem thư cả giận, ném thư xuống đất, quát :

— Đứa nào làm cái thư này ? Nói toàn những lời vô nghĩa lý ! Có phải là mưu thằng Chỉnh không ? Nó là một tên bơ vơ cùng đường nhờ ta tô mày vẽ mặt mới được nên người. Bây giờ nó bay nhảy ở Bắc hà, hiệu lệnh một nước, nghiễm nhiên làm như chúa Trịnh xưa. Nay nó chống lại ta, muốn tranh lấy xứ Nghệ. Không giết thằng này

còn trị ai được nữa ? Nó chỉ quen múa mép lừa người. Ta có phải con nít đâu mà các ngươi chực lừa gạt ?

Rồi Huệ sai giam bọn Sán xuống ngục. Ngô Văn Sở xin giết bọn Sán đi. Huệ không nghe và nói với Trần Văn Kỷ rằng :

— Việc biến ở trong nhà không nên để cho ngoài biết. Bắc sứ đến đây, cho về thì lộ tình hình trong nước, giết đi thì mang tiếng.

Sau đó Huệ sai đô đốc Vũ Văn Nguyệt đưa bọn Sán xuống thuyền về nước. Đến cửa bể Đan-nhai, Nguyệt cho người lặn xuống bể dục thuyền chở bọn Sán. Thế là cả bọn Sán chết đuối ở cửa bể Đan- nhai thuộc hải phận trấn Nghệ-an.

Bọn Sán đi được ít lâu, thì anh em Tây-sơn giảng hòa với nhau. Nguyễn Huệ lúc này mới có thì giờ ngảnh về phía bắc. Việc Huệ phải làm đầu tiên là trừ Nguyễn Hữu Chỉnh đang ngạo nghễ lộng quyền ở Bắc-hà. Huệ sai Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đem quân ra Nghệ-an bàn với Vũ Văn Nhâm kế hoạch đánh Chỉnh. Huệ cử Nhâm làm tiết chế thủy binh và bộ binh, mang quân ra Bắc. Trước khi bọn Ngô Văn Sở lên đường, Huệ bảo Sở: « Nhâm là một tướng tài, nhưng ta vẫn không tin hắn. Chuyến này cho hắn giữ ấn tiết chế, cầm trọng binh coi chư tướng, gánh vác quân quốc trọng sự chưa chắc đã không khỏi sinh biến đâu. Ta chỉ lo hắn, chứ Bắc-hà thì có lo gì. Các ngươi nên xem xét cẩn thận, hễ có điều chi phải mật báo cho ta biết ».

Tháng 11 năm đinh mùi (1787) quân của Vũ Văn Nhâm ra đến Thanh-hóa. Trấn thủ Thanh-hóa là Lê Duật người của Chỉnh vội mang quân chạy về phía bắc sông Trinh-giang. Quân của Ngô Văn Sở men theo đường núi, ngầm vượt qua sông Tất-mã (không biết có phải là sông Mã không?) đánh tập hậu vào quân Lê Duật. Quân Lê Duật tan vỡ, Lê Duật bị giết.

Ở Thăng-long, Chỉnh nghe tin Vũ Văn Nhâm kéo quân tiến ra Bắc, liền cử Nguyễn Như Thái làm thống lĩnh, Ninh Tốn làm tham tán quân vụ mang quân vào Thanh-hóa đón đánh quân Vũ Văn Nhâm. Nguyễn Như Thái kéo quân đến Chu-cầu (thuộc huyện Thanh-liêm, tỉnh Hà-nam), thì được tin Lê Duật đã tử trận. Thái vội gọi Ninh Tốn lại bảo rằng: «Theo binh pháp, ai chiếm được núi giữ được núi thì kẻ đó thắng. Núi Tam-điệp là một hàng rào ngăn cách trong và ngoài, thật là hiểm yếu thiên nhiên. Ta phải mang quân ngay đến chiếm giữ núi ấy, đừng để quân Tây-sơn chiếm mất. Làm như vậy, thì từ Trường-yên (địa điểm thuộc huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình) trở ra Bắc, vẫn còn là địa hạt của ta. Bỏ mất địa lợi ấy, thì một dải Sơn-nam đất phẳng đường liền, khó lòng mà tranh hùng với chúng được».

Ninh Tốn cho là phải. Rồi Thái và Tốn thúc quân đi gấp đường để qua bến đò Gián-khẩu. Thái sai quân đóng giữ bến Gián-khẩu rồi tự dẫn đại quân theo đường tắt đến bến đò Nghệ (thuộc trại Nghệ, làng Đại-hữu, huyện Gia-khánh, tỉnh Ninh-bình), để đánh vào lưng quân Tây-sơn. Quân Thái

mới đến làng Điềm-xá (thuộc huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình) thì gặp quân Tây-sơn. Thái bị quân Tây-sơn đánh bại, phải quay trở lại.

Trong khi Thái đang hành quân như thế, thì quân Vũ Văn Nhâm đã vượt núi Tam-điệp, cho nên Thái chưa đến núi Tam-điệp, thì đã thấy quân Tây-sơn hiện ra ở đàng trước mặt. Thái vỗ ngựa la : « Chết rồi! Sao chúng nó nhanh như thế?! »

Quân Tây-sơn xông vào đánh Thái, Thái thua to bỏ chạy rồi bị quân Nhâm bắn chết. Ninh Tốn được tin vội bỏ quân lính một mình chạy trốn.

Tin Lê Duật và Nguyễn Như Thái bại trận và bị giết đưa về Thăng-long, vua Chiêu-thống và triều thần thất sắc nhìn nhau, không biết làm thế nào. Nhà vua cho người tìm Nguyễn Hữu Chỉnh. Lúc ấy Chỉnh cũng đang cuống quit. Chỉnh chạy vào nhà trong bảo con là Nguyễn Hữu Du :

— Ta có bốn chiến tướng thì Duật và Thái đã tử trận rồi, còn Tuyển ở Sơn-nam, Thước ở Kinh-bắc bây giờ có gọi về cũng không kịp. Nước đã đến chân. Ta phải tự làm tướng cầm quân ra trận. Còn con, con phải sửa soạn binh lương cùng đi với cha mới được.

Du nói :

— Con xin đi trước, quyết chiến một phen với chúng, chứ không dám để bận đến cha. Xin cha đi sau đốc chiến.

Du lại thêm để yên lòng Chỉnh :

— Con xin đi lấy đầu thằng Vũ Văn Nhâm đem về nộp cha.

Rồi Chỉnh và con sửa soạn cất quân đi. Vua Chiêu-thống trao cờ tiết và cây việt cho Chỉnh và dụ rằng :

— Chuyến này khanh đi quan hệ đến sự an nguy của xã tắc. Mong khanh sớm báo tin thắng trận cho trẫm được yên lòng.

Chỉnh nói cứng với vua Chiêu-thống :

— Văn Nhâm không phải là địch thủ của thần. Thần chỉ đi đốc chiến, còn bắt Văn Nhâm thần chỉ sai một tỳ tướng cũng đủ rồi.

Đoạn Chỉnh và Du kéo hơn ba vạn quân đi đón đánh quân Vũ Văn Nhâm.

Nguyễn Hữu Du đi trước. Đến sông Thanh-quyết, Du sai đắp lũy đất ở bắc ngạn sông, dựng mười tám đồn để phòng giữ. Lúc ấy vào Tháng chạp âm lịch. Đêm giá lạnh lắm. Quân linh của Du phải đốt lửa lên để sưởi. Vũ Văn Nhâm cho quân linh lội qua sông, khoét lũy đất rồi cứ nhằm chỗ có ánh lửa mà bắn vào. Quân của Nguyễn Hữu Du bị trúng đạn chết rất nhiều. Quân Du hoảng sợ rồi tan vỡ. Chỉnh ở Bình-vọng được tin quân Du tan vỡ, cuống quít không biết đối phó ra sao. Các tướng sĩ cũng mất hết tinh thần chiến đấu, người nào người nấy chỉ nghĩ chạy thoát thân. Họ nói với Chỉnh :

— Thế giặc mạnh lắm. Ta không thể tranh phong với họ được. Vả kinh thành ít quân, không giữ được. Chi bằng kéo quân về chạy sang Kinh-bắc chia quân đóng giữ các nơi, lấy sông Nhị-hà làm bờ cõi, rồi sẽ liệu chước đánh giữ là hơn cả.

Sau khi Nguyễn Hữu Du mang tàn binh chạy về Bình-vọng, hai cha con Nguyễn Hữu Chỉnh lật đật kéo quân chạy về Thăng-long, đến tối thì Chỉnh vào thành. Một mặt Chỉnh bảo vợ con thu xếp đồ đạc chạy trốn, một mặt sai viên tham tri chính sự Nguyễn Khuê chạy vào hoàng cung bảo vua Chiêu-thống: « Sớm mai phải sang Kinh-bắc lánh nạn. »

Vua Chiêu thống sợ hết hồn, vội chạy sang Vũ thành quân doanh nắm lấy tay Chỉnh hỏi: « Sự thể đã đến thế này tính làm sao bây giờ ? »

Chỉnh nói :

— Ở kinh đô trừ cửa ô, còn mặt tây nam chưa có hào lũy, trống trải như thế đánh cũng không được, mà giữ cũng không được. Phen này Tây-sơn thừa thắng kéo ra, ta lấy gì làm phên giậu để giữ mình được.

Chỉnh lại thêm :

— Hiện nay ở Kinh-bắc có Nguyễn Cảnh Thước là người dũng lược đáng tin cậy. Ở đấy có thành trì kiên cố để ẩn náu, sông lớn để ngăn ngừa, có thể giữ thế thủ được. Xin bệ hạ hãy xa giá sang Kinh-bắc, rồi hạ chiếu cần vương cho các trấn Thái-nguyên, Sơn-tây, Hải-dương và Sơn-nam, thì chẳng bao lâu nữa sẽ chiêu tập được một đạo binh lớn. Bấy giờ ta sẽ liệu cơ hành sự, thì mới khôi phục được cơ đồ.

Chỉnh lại tiếp tục để yên lòng vua Chiêu-thống:

— Quân Tây-sơn đi xa chắc mỏi lại có sông cách trở, chắc không dám đuổi ta nữa.

Rồi Chỉnh giục vua :

TIMSACH.COM.VN

— Xin bệ hạ hồi cung, mời hoàng thái hậu đi trước. Thần sẽ đem tướng sĩ đến đợi ở bên sông (Theo *Quang Trung anh hùng dân tộc* của Hoa Bằng).

Nhà vua đành nghe lời Chỉnh trở về cung. Lúc ấy bọn côn đồ nổi lên cướp bóc dân chạy loạn. Trên đường về cung, nhà vua bị một kẻ túm áo, sờ lưng nắn túi, thấy nhà vua không có gì nó mới buông nhà vua ra cho đi. Về đến hoàng cung nhà vua cho gọi lính thị vệ, thì phần lớn đã trốn mất chỉ còn lại có ngót hai chục tên. Nhà vua vội cùng hoàng thái hậu, các cung nhân và tôn thất chạy ra bờ sông tìm thuyền chạy sang Kinh-bắc.

Chập tối hôm sau, Vũ Văn Nhâm kéo quân vào Thăng-long. Nhâm cho ngay bộ tướng là Nguyễn Văn Hòa mang quân vượt sông Nhị sang Kinh-bắc, đuổi bắt Nguyễn Hữu Chỉnh. Lúc này Nguyễn Hữu Chỉnh cùng con là Nguyễn Hữu Du và một số văn thần đã vượt sông Nhị chạy sang Kinh-bắc. Đến trấn Kinh-bắc, thì quân lính của Chỉnh đã bỏ trốn gần hết, chỉ còn lại 430 người và 60 cỗ ngựa. Chỉnh đã mệt mà không dám nghỉ. Y đem tàn binh vượt sông Như-nguyệt (sông Cầu) Chỉnh vừa đến núi Tam-tầng (thuộc huyện Việt-yên tỉnh Bắc-giang) thì quân của Nguyễn Văn Hòa ập kéo đến. Chỉnh đành miễn cưỡng đem quân ra nghênh chiến. Quân của Nguyễn Văn Hòa chia làm hai cánh. Một cánh đánh vỗ vào mặt trước quân Chỉnh, một cánh đi vòng sau núi đánh vào lưng quân Chỉnh. Bị đánh hai mặt, quân Chỉnh rối loạn, Hữu Du bị bắt và bị chém đầu. Chỉnh vội

phi ngựa chạy trốn. Chỉnh chạy đến Mục-sơn (1) thì ngã vật xuống, vì ngựa bị thương. Quân Tây-sơn kéo đến toan chém Chỉnh, thì Chỉnh kêu to:

— Cứ bắt sống tớ mà nộp lấy công, đừng giết tớ ở đây vội.

Quân Tây-sơn trói Chỉnh nhốt vào cũi, treo đầu Hữu Du ngay ở thành cũi rồi khiêng về Thăng-long.

Vũ Văn Nhâm cho kể tội Chỉnh rồi sai xẻ xác Chỉnh ra từng mảnh (2).

Đời con diều bể đến đây là chấm dứt, và lịch sử Việt-nam đến đây cũng sang một trang mới. Cũng đến đây, quân đội Tây-sơn dù sao cũng mất một nhân vật có tài kiêm văn võ. Nhân vật ấy đi vào con đường phản bội một phần cũng vì thấy Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ xung đột lẫn nhau.

TIMSACH.COM.VN

---

(1) Địa điểm thuộc phủ Yên-thế, tỉnh Bắc-giang.

(2) Có thuyết nói Chỉnh bị xử tội « tứ mã phanh thây ».

NGUYỄN HUỆ RA BẮC-HÀ LẦN THỨ HAI: GIẾT VŨ VĂN NHÂM

Sau khi giết được Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhâm nắm hết quyền bính ở Bắc-hà một miền đất rộng và trù phú hơn cả miền đất mà Nguyễn Huệ đang cai trị. Nhâm thấy nắm lấy Bắc-hà thì có thể gây được một cơ đồ vững mạnh. Từ lâu Nhâm vẫn nuôi một chí riêng. Vốn là một tướng tài của Chúa Nguyễn, Nhâm đã di theo Chúa Nguyễn đánh trận nhiều phen và đã làm đến chức tiết chế. Trong một trận đánh nhau với quân Nguyễn Huệ ở Gia-định, Nhâm bị quân Nguyễn Huệ bắt sống. Nhâm đã toan tự tử, sau nghe lời Nguyễn Huệ, Nhâm xin hàng vua Thái-đức rồi được vua Thái-đức mến tài phong cho chức tước và đem gả con gái cho. Khi phát quân ra đánh Phú-xuân, vua Thái-đức đặt Nhâm ở dưới quyền chỉ huy của tiết chế Nguyễn Huệ. Hạ Phú-xuân xong, Nhâm theo luôn Nguyễn Huệ ra Bắc. Nhâm đã lập được nhiều công. Khi diệt xong họ Trịnh trở về Nam, Nguyễn Huệ để Nhâm ở lại Hà-trung để cùng với bọn Nguyễn Văn Duệ và Nguyễn Hữu Chỉnh giữ đất Nghệ-an. Trong cuộc xung đột giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ, hắn Nhâm phải nghĩ ngợi

nhiều, tuy vậy bề ngoài Nhâm vẫn tỏ một thái độ trung lập, coi cuộc xung đột hầu như không liên quan gì đến mình cả. Hồi đóng ở Đồng-hới đã có lần Nhâm xin về chầu vua Thái-đức nhưng Huệ không cho. Sau khi giết xong Cống Chỉnh, Nhâm thấy mình đã ở vào cái thế có thể biệt lập riêng một giang sơn.

Bọn cựu thần nhà Lê có kẻ bảo Nhâm rằng: « Người Bắc-hà tuy oán Chỉnh sâu, nhưng vẫn nhớ nhà Lê. Tự quân đã đi rồi chưa biết bao giờ lại về triều. Nay có Sùng nhượng công Lê Duy Cẩn, khi tiên đế (vua Hiển-tôn) còn sống đã được lập làm đông cung, sau cuộc biến năm nhâm dần bị kiêu binh truất bỏ. Ông nên lập Sùng nhượng công rồi yết bảng ra cửa Đại-hưng hiệu triệu triều thần, thì không bao lâu các quan văn võ sẽ đến. Việc thiên hạ sẽ dễ như trở bàn tay. »

Nhâm nghe lời cho đón Lê Duy Cẩn lên làm Giám quốc đóng ở bên tả điện Cần-chính. Duy Cẩn theo lời Vũ Văn Nhâm cho gọi các quan về, nhưng không ai đến. Người kinh kỳ thấy bộ dạng Lê Duy Cẩn đều gọi y là anh « dề lại giám quốc ».

Thấy thế Ngô Văn Sở nói với Nhâm rằng:

— Tôi xem mặt mũi Sùng nhượng công như thế, thì sai khiến được ai. Từ xưa đến nay thiên hạ không phải là vật riêng của một nhà nào. Nếu có thể lấy được, thì nên lấy đi, việc gì phải mượn một anh bơ vơ làm giám quốc để làm bù nhìn. (Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ* tập quyển 30 tờ 28).

Nhâm nói:

— Lòng người Bắc-hà còn nhớ nhà Lê, cho nên không thể không tạm theo nguyện vọng của mọi người. Các ông chỉ cần biết đánh khỏe mà thôi. Còn việc đó tôi đã có chủ ý.

Sở lặng im không nói gì. Khi ra ngoài, Sở bảo Phan Văn Lân rằng:

— Tiết chế khinh người quá lắm. Hắn có tài đức gì mà dám coi ta như bọn lính (*Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập quyển 30 tờ 28b).

Rồi Sở đem tất cả những hành vi phản nghịch của Nhâm viết thư cho người cầm về Phú-xuân báo cho Nguyễn Huệ biết. Trong thư Sở lại lấy Phan Văn Lân làm chứng nữa. Nhận được thư của Sở, Nguyễn Huệ nói:

— Thằng chó chết Vũ Văn Nhâm! Ta vốn biết nó sẽ làm phản, thì nay quả nhiên như thế! (Sách đã dẫn tờ 28b).

Lập tức Huệ cho kiểm điểm binh mã rồi hạ lệnh xuất sư. Huệ cùng quân lính ngày đêm đi gấp đường, chỉ hơn mười hôm đã đến Thăng-long. Huệ vào thành vào lúc canh tư một ngày vào Tháng Tư năm mậu thân (1788). Nhân dân kinh đô đang say sưa trong giấc ngủ của một đêm đầu mùa hạ. Huệ vào bản doanh của Vũ Văn Nhâm, thì Nhâm cũng đang ngủ. Huệ sai võ sĩ Hoàng Văn Lợi đâm chết Nhâm ngay ở trên giường rồi cho khiêng xác vứt ra đàng sau phủ đường.

Ngày hôm sau Nguyễn Huệ cho mời văn võ bách quan lại để xếp đặt công việc. Sùng nhượng

công Lê Duy Cẩn vẫn được để làm giám quốc. Ngô Văn Sở được cử thay Vũ Văn Nhâm. Các triều thần nhà Lê đều được Huệ phong cho chức tước.

Bấy giờ Trần Văn Kỷ tiến cử Ngô Thời Nhiệm người làng Tả Thanh-oai, huyện Thanh-oai, đỗ tiến sĩ đời Lê là người có tài. Huệ rất trọng Nhiệm và phong cho Nhiệm làm thị trung trực học sĩ. Huệ chỉ Nhiệm, bảo Trần Văn Kỷ rằng:

— Người này do ta tái tạo đây.

Nhiệm lạy tạ. Liền đó Nhiệm lại tiến cử Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Nha, Nguyễn Bá Lan, Nguyễn Du (không phải Nguyễn Du tác giả *Truyện Kiều*), Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn. Huệ phong cho Phan Huy Ích làm thị trung ngự sử. Nguyễn Thế Lịch làm hiệp biện đại học sĩ. Còn các người khác đều được trọng dụng.

TAILIEU.VN

Tuy vậy bọn cựu thần nhà Lê có nhiều người không chịu ra làm quan, có người trốn tránh, có người tự tử, có người vin cớ già ốm không ra làm quan.

Huệ lưu bọn nội hầu Phan Văn Lân, chưởng phủ Nguyễn Văn Dụng, đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, hộ bộ Trần Thuận Ngôn, học sĩ Ngô Thời Nhiệm ở lại cùng với Ngô Văn Sở giữ Thăng-long và Bắc-hà.

Trước khi mang quân trở vào Nam, Huệ cho đặt tiệc mời mọi người đến dự rồi nói:

— Sở, Lân là nanh vuốt của ta, Dụng, Ngôn là tâm phúc của ta, Nhiệm là bày tôi mới của ta.

Ngày nay ta giao việc quân quốc mười một trấn ở Bắc-hà cho các ngươi. Các ngươi phải liệu mà làm việc. Có việc nên họp bàn với nhau, đừng có phân bì cũ mới. Lòng mong muốn của ta là như vậy (Sách đã dẫn tờ 29).

Hôm các cựu thần nhà Lê đến yết kiến Huệ ở điện Chính trung, Huệ liếc mắt nhìn khắp mọi người, rồi hỏi thử một người:

— Ông làm gì?

Viên quan kia đáp:

— Thưa, tôi đỗ thám hoa.

Huệ lại hỏi:

— Thám hoa là cái chi? Đỗ thám hoa có làm đặng chánh tổng không? (Theo *Quang Trung Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc* của Hoa bằng).

Huệ truyền mọi người lên cả trên thềm, rồi dõng dạc tuyên bố:

— Lê Chiêu-thống vốn do ta lập nên, nhưng Chiêu-thống là người ngu tối, ươn hèn, không gánh vác nổi trách nhiệm. Khi ta về Nam, nhà vua nghe theo Cống Chỉnh, tự gây ra sự bại vong. Thật cũng đáng thương. Nay lập Sùng Nhượng công làm giám quốc để giữ việc tế tự nhà Lê. Ta e rằng sau này Chiêu-thống lại trở về, tranh giành với Sùng Nhượng công. Người trong nước lại dồ cho ta gây ra mối loạn. Cho nên ta phải để đại tư mã Ngô Văn Sở ở lại để giúp Sùng Nhượng công. Đợi khi nào bốn phương đã yên ổn, ta sẽ triệu Sở về. Ta thật không coi Bắc-hà là mối lợi... (Theo *Đại Nam chính biên*

liệt truyện, sơ tập và *Quang Trung anh hùng dân tộc* của Hoa bằng).

Thu xếp công việc đâu vào đấy, Nguyễn Huệ lại kéo quân trở về Nam.

★

Nguyễn Huệ sau khi giết Vũ Văn Nhâm, vẫn để Lê Duy Cẩn làm một viên giám quốc bù nhìn, mà chưa dám công khai chiếm hẳn Bắc-hà, là vì Huệ biết rằng trong đám sĩ phu Bắc-hà vẫn còn nhiều người nhớ tiếc nhà Lê. Nhưng thực ra sau khi vua Chiêu-thống theo Nguyễn Hữu Chỉnh chạy sang Kinh-bắc, bỏ kinh thành cho Vũ Văn Nhâm, thì Huệ đã tính đến việc tổ chức lại các bộ máy chính quyền ở Bắc-hà rồi. Huệ để bọn Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, Ngô Thời Nhiệm, Nguyễn Văn Dụng, v.v... ở lại Thăng-long chính là để làm việc đó. Trong tờ chiếu gửi cho Nguyễn Thiếp đề ngày 3 tháng chín năm mậu thân (1788), Huệ cũng tỏ ra muốn thay nhà Lê mà làm chủ Bắc-hà. Mấy câu này trong tờ chiếu đã nói lên ý muốn ấy: «Đế vương mà dấy lên là bởi mệnh trời. Quả nhân theo thời dẹp loạn, vốn không phải lấy thiên hạ làm giầu. Ngày trước khi trở lại Thăng-long chính lòng không phải không muốn giữ dòng Lê để làm rạng việc tốt. Nhưng trải xem qua các con cháu nhà Lê thấy đều dại hèn không thể làm cho dân chúng theo được. Vả triều Lê đã hết, có muốn phù cũng chẳng làm sai được mệnh trời đã định» (*La sơn Phu tử* của Hoàng Xuân Hãn trang 123).

VUA CHIÊU THỐNG RƯỚC QUÂN THANH VÀO VIỆT NAM XÂM LƯỢC

Sau khi Thăng-long thất thủ về tay Vũ Văn Nhâm, vua Chiêu-thống chạy sang Kinh-bắc định nương nhờ viên trấn thủ Kinh-bắc là Nguyễn Cảnh Thước. Nhà vua không những không được giúp đỡ mà lại bị thủ hạ của Nguyễn Cảnh Thước lột mất áo long bào. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh bị bắt, nhà vua chạy vào một sơn trại thuộc huyện Bảo-lộc để nương nhờ một người thổ hào tên là Nguyễn Trọng Linh. Thấy Linh có ý muốn phản mình, nhà vua lại chạy đến Chi-linh nương nhờ Trần Quang Châu và Lê Ban.

Theo tiếng gọi cần vương lúc này quân « nghĩa dũng » các nơi đang nổi dậy đánh lại quân Tây-sơn.

Khi Ngô Văn Sở được cử thay Vũ Văn Nhâm đóng giữ Thăng-long, thì Sở được Trần Liên do Đinh Tích Nhưỡng ở Hải-dương sai đến cho biết chỗ vua Chiêu-thống đang ẩn náu.

Sở sai ngay một trăm lính theo Trần Liên đi suốt đêm đến nơi vua Chiêu-thống đang lẩn trốn để bắt nhà vua. Kết quả cả một trăm lính của Sở

bị thủ hạ của Trần Quang Châu và Lê Ban giết chết.

Tức giận Sở phái quân đi đánh bọn Châu và Ban ở Hải-dương. Vua Chiêu-thống đang đêm phải bỏ căn cứ ở Hải-dương đi Hoàng-giang tìm Hoàng Viết Tuyển, nửa đường được tin Viết Tuyển bị quân Tây-sơn đánh bại phải chạy vào Nghệ-an. Nhà vua đành thả thuyền đi về Nam, đến Biện-sơn thì gặp Lê Ban; nhà vua lại cùng với Lê Ban vào Thanh-hóa. Sau đó nhà vua khi thì trốn tránh ở Kinh-bắc, lúc thì lẩn quất ở Lạng-giang. Cuối cùng nhà vua nấm ẩn ở Phượng-nhãn rồi cho bọn Lê Duy Đản và Trần Danh Án sang Trung-quốc cầu cứu nhà Thanh. Trước đây, khi Thăng-long mới thất thủ, nhà vua đã sai Lê Quỳnh cùng với vài mươi người tôn-thất hộ vệ bà thái hậu Nguyễn thị và cung quyến lên Cao-bằng nương nhờ viên đốc trấn ở đấy là Nguyễn Huy Túc (có sách chép là Nguyễn Công Túc) để Nguyễn Huy Túc đưa sang Trung-quốc. Ngày 9 tháng 5 năm mậu thân (1788) Nguyễn Huy Túc vừa đưa bọn Lê Quỳnh và thái hậu đến Bắc-sơn (thuộc phủ Hòa-an, tỉnh Cao-bằng) chỗ biên giới Việt — Trung, thì quân Tây-sơn cũng đuổi đến nơi, bọn Túc phải xin quan nhà Thanh cho qua sông để nương nhờ ở đất Trung-quốc. Quân Tây-sơn định xông vào bắt, nhưng vì có quân Thanh đứng đấy, nên họ không dám qua sông. Nhờ vậy bọn Nguyễn Huy Túc vừa dàn ông vừa dàn bà tất cả là sáu mươi hai người sang được bên kia biên giới vào đất Quảng-tây. Tuần phủ Quảng-tây là Tôn Vĩnh Thanh đem việc bọn

Túc xin sang nương nhờ ở đất Quảng-tây tâu về cho vua Thanh là Kiền-long biết. Vua Kiền-long ra lệnh cho Tôn Vĩnh Thanh xét hỏi bọn Túc xem có phải thực là người của nhà Lê chạy sang cầu cứu hay là do thám của quân Tây-sơn. Vua Kiền-long lại dặn Tôn Vĩnh Thanh rằng: « ...Hiện nay gia quyến Lê Duy Kỳ phải xếp đặt chỗ ở cho thỏa đáng, dẫu tốn bao nhiêu của kho nhà nước cũng không nên tiếc... » (Theo *Đông hoa lục*).

Sau đó Nguyễn Huy Túc viết thư xin tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị đem binh sang Việt-nam cứu viện nhà Lê. Về việc này, Tôn Vĩnh Thanh có nói với Tôn Sĩ Nghị rằng:

— Gây sự ở ngoài biên giới, lợi hại không phải là nhỏ. Nhà Lê tuy đáng thương thật, nhưng thế lực Tây-sơn chưa chắc đã suy kém như thế. Nguyễn Huệ là tay thảo trạch dấy lên, cầm quân từ thuở nhỏ. Một phen ra tay mà đánh đổ được một triều đại có đã hơn ba trăm năm, thì sức nó không phải là yếu đâu. Một sớm giong ruổi vào nơi viêm chướng chưa chắc đã đánh được, mà cho được chăng nữa cũng chẳng vinh gì. Xin ngài xét cho kỹ. Gương của Hoàng Phúc, Trương Phụ thời Vĩnh-lạc, Tuyên-đức đã mờ dâu. (Theo *Quang Trung anh hùng dân tộc* của Hoa Bằng trang 154—155).

Tôn Sĩ Nghị nói:

— Tai nạn của cố thần, không lẽ không cứu *(Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 130 tờ 29—30).

Rồi Nghị cho gọi bọn Lê Quỳnh đến hỏi.

Quỳnh nói:

— Nhà Lê đã có nước được hơn ba trăm năm này lấy ân huệ kết dân tâm, lấy lễ nghĩa bồi dưỡng sĩ khí. Chỉ vì họ Trịnh hiếp chế, lòng người tức giận. Tây-sơn thừa hấn mượn danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh, cho nên người trong nước không chống cự. Không ngờ kẻ kia dấc chí càng càn rỡ ngông cuồng, chiếm cứ quốc đô, khiến cho Tự quân phải chạy ra ngoài. Nay nếu thượng quốc mang quân đến biên giới để cứu viện, người trong nước nghe thấy ai không phấn khởi, quyết chí phục thù. Tưởng không đến nỗi phí sức của thiên triều nhiều vậy. (Sách đã dẫn tờ 30a).

Lúc ấy bọn Trần Danh Án và Lê Duy Đản cũng sang đến Quảng-tây, vào yết kiến viên phân phủ họ Vương ở phủ Thái-bình (tỉnh Quảng-tây). Họ khóc lóc kể nông nỗi nhà tan nước mất của vua Lê. Viên phân phủ họ Vương đem ý kiến của bọn Trần Danh Án để dạt lên tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh và tổng đốc Tôn Sĩ Nghị.

Sau khi nghe lời cầu cứu của bọn Trần Danh Án, Tôn Sĩ Nghị mới biết đích rằng Nhà Lê đã mất nước. Nghị bảo bọn liêu thuộc:

— Nước Nam xưa vốn thuộc nhà Hán nhà Đường. Mãi đến đời Tống họ Đinh mới dấy lên, giữ lấy nước. Từ đó, đời nọ nối đời kia gây thành một nước độc lập. Nay cuộc thế đổi thay, họ không giữ nổi, có lẽ trời muốn ban cho ta chiếm làm quận huyện chăng?

Rồi Nghị viết biểu dâng lên vua Kiền-long trình bày rõ tình hình nước Việt-nam và xin vua

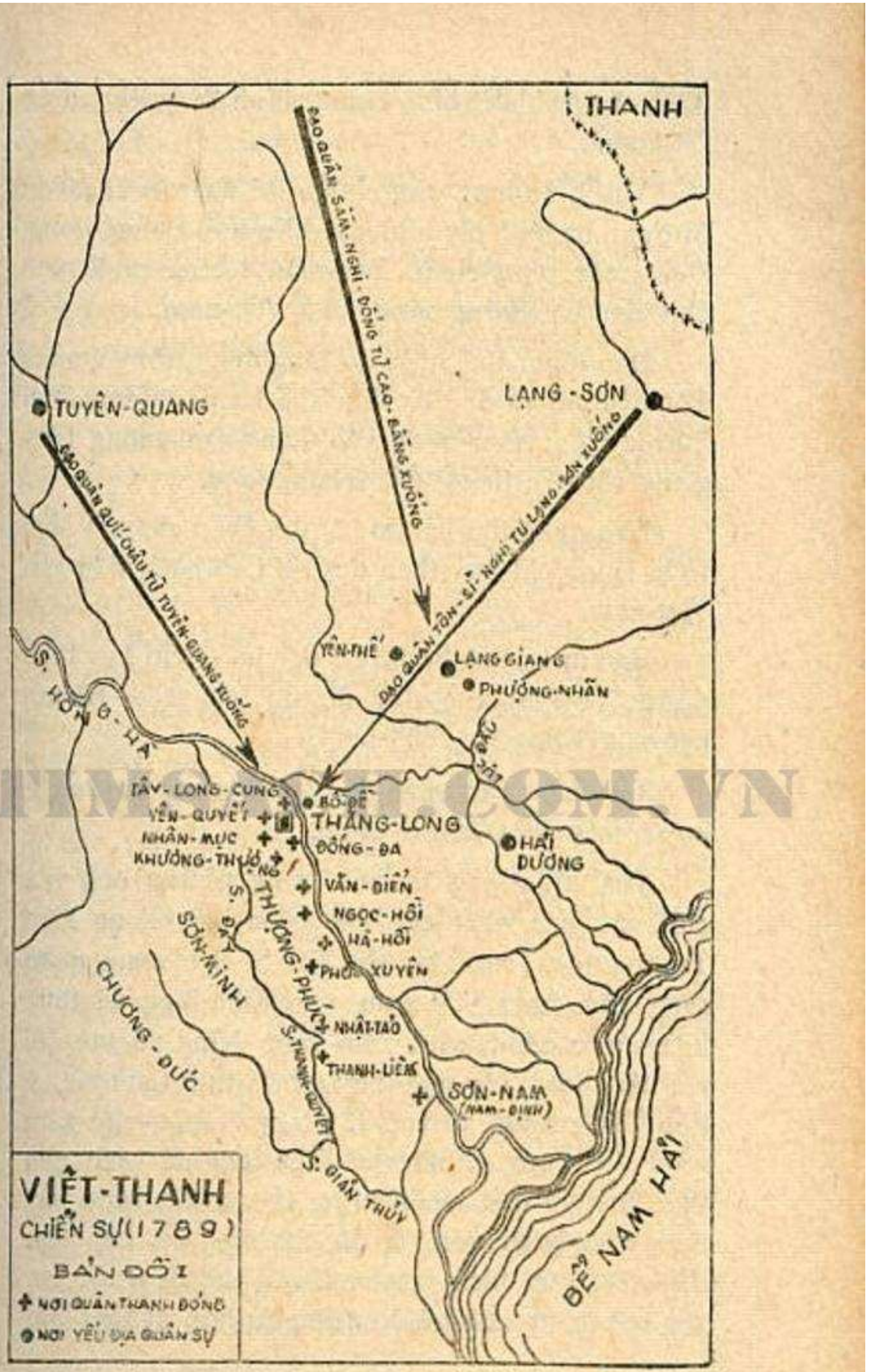

TIMSACH.COM.VN

Kiền-long khởi binh sang kinh lý việc nước Việt-nam.

Vua Kiền-long ưng chuẩn lời tâu xin của Tôn Sĩ Nghị, hạ lệnh lấy binh mã bốn tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Quý-châu, Vân-nam (tất cả là 20 vạn chia làm ba đường sang đánh Việt-nam.

Đạo quân thứ nhất do tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị và đề đốc Hứa Thế Hanh chỉ huy theo đường trấn Nam-quan vào Lạng-sơn xuống Bắc-giang rồi tiến thẳng đến Thăng-long.

Đạo quân thứ hai do tri phủ Điền-châu là Sầm Nghi Đống chỉ huy theo đường Cao-bằng tiến vào Việt-nam.

Đạo quân thứ ba do đề đốc họ Ô chỉ huy theo đường Tuyên-quang (tức đường Lào-cai — Hà-nội ngày nay) tiến vào Việt-nam.

TIMSACH.COM.VN

Tất cả ba đạo quân đó đều đặt dưới quyền chỉ huy tối cao của Tôn Sĩ Nghị.

Vua Kiền-long là một trong những ông vua giỏi vào bậc nhất của các triều đại phong kiến Trung-quốc. Trước khi cho Tôn Sĩ Nghị mang quân sang xâm lược Việt-nam, vua Kiền-long đã thực hiện được chính sách xâm lược bằng võ lực đối với các nước Tây-vực (bây giờ là tỉnh Cam-túc và tỉnh Tân-cương) và với Tây-tạng. Trong việc xâm lược Việt-nam, chính vua Kiền-long đã vạch cho Tôn Sĩ Nghị một chiến lược, theo chiến lược này thì «việc quân nên từ đỏ, không nên hấp tấp. Hãy nên đưa hịch truyền thanh thế đi trước, và cho các quan nhà Lê về nước củ hợp nghĩa binh,

tìm Tự quân nhà Lê đem ra đứng đầu để đối địch với Nguyễn Huệ thử xem sự thể thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta kéo đến ai chẳng gắng sức.

«Nguyễn Huệ tất phải tháo lui. Ta nhân dịp ấy mà sai Tự quân đuổi theo rồi đại binh của ta theo sau, như thế không khó nhọc mấy mà nên được công to. Đó là mẹo hay hơn cả.

«Vi bằng suốt người trong nước nửa theo đằng nọ, nửa theo đằng kia, thì Nguyễn Huệ tất không chịu lui.

«Vậy ta hãy đưa thư sang tỏ bảo đường họa phúc, xem nó đối đáp làm sao. Đợi khi nào thủy quân ở Mân (Phúc-kiến), Quảng đi đường bể sang Thuận-hóa và Quảng-nam rồi, bộ binh sẽ tiến lên sau. Nguyễn Huệ trước sau thụ địch thế tất phải chịu. Bấy giờ ta sẽ nhân mà làm ơn cho cả hai bên: Tự đất Thuận-hóa, Quảng-nam trở vào Nam thì cho Nguyễn Huệ; tự châu Hoan, châu Ái trở ra Bắc thì phong cho Tự quân nhà Lê. Ta đóng đại binh lại để kiềm chế cả hai bên, rồi sẽ có xử trí về sau».

Xem chiến lược trên, thì thấy rằng vua Kiền-long quả là một ông vua thông thạo phép dùng binh. Và xem lời sớ tấu của Tôn Sĩ Nghị dưới đây, ta sẽ thấy Nghị cũng là một viên tướng khá thâm độc: «.... Nội lực nhà Lê yếu lắm, rồi ra chắc cũng không giữ nổi nước đâu. Nay họ sang cầu viện đối với danh nghĩa bề ngoài không lẽ triều đình ta không cứu... Nhân dịp này nếu hưng phục cho nhà Lê được rồi ta sẽ đặt thú binh mà giữ lấy

nước. Thế là vừa có ơn với Lê, lại vừa lấy được An-nam. Thật là nhất cử lưỡng lợi ».

Khi trao trách nhiệm tổng chỉ huy ba đạo quân Thanh sang xâm lược Việt-nam không phải là vua Kiền-long không biết chọn người. Tôn Sĩ Nghị chính là một trong những viên tướng đã được nhà vua cử sang xâm lược Tây-tạng năm 1751 được thắng lợi. Trước khi kéo quân sang xâm lược Việt-nam, Tôn Sĩ Nghị đã tâu xin với vua Kiền-long cho người đi sứ nước Xiêm-la khuyên vua Xiêm mang quân đánh miền Nam Việt-nam, còn việc đánh miền Bắc nước Việt-nam, Tôn Sĩ Nghị tự đảm nhiệm. Nghị định dùng hai gọng kìm khổng lồ một gọng từ Trung-quốc đưa xuống, một gọng từ Xiêm-la đưa lên kẹp quân Tây-sơn vào giữa.

Kế hoạch của Nghị không được vua Kiền-long chấp nhận (có lẽ vì nhà vua sợ quân Xiêm bất lực chăng?).

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 28 (1) tháng mười năm đinh mùi (1788), tức năm Kiền-long thứ 53, đạo quân chủ lực (quân Lưỡng Quảng) do Tôn Sĩ Nghị tự chỉ huy từ Quảng-tây xuất phát. Nghị dặn tướng sĩ phải nghiêm chỉnh tuân thủ tám điều quân luật, trong đó có ba điều dưới đây:

— Ở ngoài quan ải (chỉ nước Việt-nam) núi non hiểm trở địa thế dễ mai phục. Cho nên trước hết phải bạt bỏ đá núi, phát sạch rừng nứa, khiến cho trông ra quang đãng có thể yên tâm tiến phát.

---

(1) Theo *Bắc hành lược ký* của Lê Quýnh thì là ngày 24 Tháng Mười.

Thấy ở đâu có đất mới mấp mô thì phải để ý xem xét kẻo mắc mưu qui quyệt.

— Người Nam khi ra trận hay dùng voi là giống mà người Thanh không quen, cho nên hễ gặp voi thường hay chạy trốn. Nhưng có biết đâu rằng sức voi tuy mạnh, nhưng chỉ là con vật có huyết khí không thể chống nổi đò dẫn hỏa của ta. Vậy hễ thấy voi ra trận, ở xa thì bắn súng, đến gần thì đánh bằng dao và cung làm cho voi bị thương phải chạy rồi tự giày đạp lẫn nhau, quân ta thừa cơ mà đánh chắc thắng không còn ngờ gì nữa.

— Quân Nam đều dùng một thứ ống phun thuốc súng gọi là hỏa hổ. Khi hai quân giáp chiến, quân Nam tất phải dùng thứ hỏa hổ ấy để đốt cháy quần áo người ta khiến cho phải rút lui. Nhưng hỏa hổ còn kém xa súng của ta. Hiện ta đã chế được mấy trăm chiếc mộc bằng da trâu sống. Nếu thấy quân Nam bắn hỏa hổ, thì quân ta một tay cầm mộc để đỡ lửa, một tay cầm dao để chém.

Khi quân Thanh đến trấn Nam-quan, Tôn Sĩ Nghị cho đưa thư sang Việt-nam báo cho mọi người biết: Ai bắt sống được Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đem nộp sẽ được công dầu.

Tướng Tây-sơn giữ cửa ải là Nguyễn Văn Diễm và Phan Đức Khải xem thư xong, mặt tái đi như gà cắt tiết. Ai nấy đều lo sợ. Chỉ trong một ngày binh linh người Thổ đã trốn đi quá nửa. Phan Khải Đức thấy thế vội sang cửa ải xin hàng. Nguyễn Văn Diễm thấy thế cô vội mang quân chạy trốn về xuôi.

Ngô Văn Sở được tin quân Thanh sắp nhập quan, vội cho thảo một bức thư ký tên Sùng Nhượng công Lê Duy Cẩn rồi cho bọn Nguyễn Nha đưa đến Tôn Sĩ Nghị xin hoãn binh.

Tôn Sĩ Nghị bác bỏ thư của Sở, rồi cứ cho quân vượt trấn Nam-quan vào Lạng-sơn, rồi tiến xuống Bắc-giang. Khi thế quân Thanh hăng hái ào ào tiến như nước vỡ bờ. Quân Thanh tiến khá nhanh, vì mỗi tên lính lại có một người thường dân đi kèm theo để mang đồ đạc.

• Ngày 15 tháng mười một năm đinh mùi (1788) quân Thanh đến Thị-cầu, một thị trấn ở cách thị xã Bắc-ninh năm cây số về phía đông-bắc.

Thăng-long náo động. Ngô Văn Sở cho mời các quan văn võ lại để bàn kế hoạch đối phó. Viên chưởng phủ là Nguyễn Văn Dụng nói:

— Cuối đời Trần, quân Minh sang chiếm nước ta. Bọn Hoàng Phúc, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Liễu Thăng đều là những tướng kiệt hiệt. Vua Lê Thái tổ khởi nghĩa ở Lam-sơn, so sức khó lòng địch lại chúng. Nhưng vua Lê biết hành binh, khéo mai phục, nhằm chỗ yếu của giặc kéo ra đánh giết, nên ít mà đánh được nhiều, làm khốn Vương Thông ở Đồng-tân (1), giết Liễu Thăng ở Mã-yên. Võ công ấy nghìn thu vẫn còn thơm. Nay quân Thanh vượt suối trèo non từ xa đi lại. Chúng mệt lắm rồi. Ta đang nhàn rỗi, sức còn mạnh. Chi bằng đặt sẵn quân phục ở nơi hiểm

(1) Một bến sông Nhị ngày nay.

yếu, đợi chúng đến đồ ra đánh giết, lo gì không thắng ?

Ngô Thời Nhiệm nói :

— Tình cảnh giống nhau, nhưng thời thế lại khác. Hồi nội thuộc nhà Minh, cả nước căm giận thói tham tàn độc ác của quân Ngô, ai cũng muốn dấy lên đánh đuổi chúng. Cho nên vua Lê hô một tiếng xa gần đều hưởng ứng theo. Khi đánh quân Minh, người nào cũng trổ tài, ra sức. Nghe tin thắng trận, ai cũng hớn hở vui mừng. Lòng người như thế, nên mai phục được kín đáo không ai để lộ cho giặc biết... Bây giờ khác hẳn, các bô thần nhà Lê đâu đâu cũng có. Nghe tin quân Thanh sang viện họ đều nghển cổ trông mong, hòng nhờ ngoại viện để mưu hưng phục. Vả dân mình lại nông nổi, mắc cái mưu độc « diệt Hồ lập Trần » thuở trước, họ nô nức đi đón quân Thanh. Như vậy quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm hay không, quân số ít hay nhiều, thế nào chẳng có nội công báo cho họ biết. Quân Thanh sẽ nhân cái kế của ta mà vật lại ta, đồ ra bốn mặt lùng bắt quân mai phục cho kỳ hết, chẳng hóa ra ta tự mua lấy cái chết hay sao? Quân cơ đã lộ còn mong đánh úp được ai? (Theo *Hoàng Lê nhất thống chí.*)

Sở hỏi :

— Nếu vậy thì tính làm sao bây giờ ?

Nhiệm nói :

— Phép dụng binh chỉ có đánh và giữ. Quân Thanh nay kéo sang, thanh thế đang lừng lẫy

Người mình có lắm kẻ làm nội ứng, đồn đại quá lời làm cho nhân tâm nhốn nháo. Ta sai người ra khỏi thành làm việc gì là bị họ bắt giết. Vả lính Bắc-hà lúc này hay trốn lắm. Đem quân lính như thế đi đánh khác nào xua dê đi đánh hổ, thế nào cũng thua. Muốn đóng cửa thành để cố giữ, lại ngại không tin được lòng người. Đánh đã không xong, giữ cũng không được, thì chỉ còn một kế rút lui nhử địch vào nội địa. Theo tôi, tướng quân nên sớm truyền lệnh cho thủy quân đóng thật nhiều lương thực vào các thuyền cho tải đến đồn Biện-sơn trước. Rồi ta sẽ kéo cờ giống trống kéo bộ binh về giữ núi Tam-điệp liên lạc với thủy quân. Bấy giờ sẽ phi báo cho Đại vương biết cũng chưa muộn (Theo *Hoàng Lê Nhất thống chí*).

Sở nghe lời Nhiệm, mật truyền lệnh cho các trấn Kinh-bắc, Thái-nguyên, Lạng-sơn phao tin lên rằng mang quân về dập lũy ở sông Nguyệt-đức, nhưng thực ra là ngầm thu quân để rút lui. Sở lại ra lệnh cho các trấn thủ Hải-dương, Sơn-tây phải lập tức hội sư ở Bắc-thành, Sơn-nam, rồi sửa soạn thuyền tầu đợi thủy quân đến thì cùng kéo đi.

Sở xếp đặt mọi việc vừa xong, thì quân Thanh đã vượt trấn Nam-quan. Phan Văn Lân thấy quân Tây-sơn rục rịch rút lui, tức giận nói :

— Quân không cần nhiều, nước không cần lớn, nay chúng ta cầm quân ở ngoài, địch đến không đánh, mới nghe tiếng đồn mà đã sợ rồi vội vàng rút lui. Như thế sao gọi là tướng được?

(*Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30 tờ 21a).

Rồi Lân đem một ngàn quân tinh nhuệ qua sông Nguyệt-đức để đánh quân Thanh.

Đến tối thì Lân đến sông Nguyệt-đức. Lúc này quân Thanh đã đồn ở núi Tam-tầng. Lân ra lệnh cho quân sĩ bơi qua sông. Hồi ấy là tháng mười một, trời rét, rất nhiều quân lính bị chết đuối, những kẻ sang được bờ bên kia sông thì bị quân Thanh giết. Khi quân Tây-sơn đã vượt sông, người nào người ấy rét run cầm cập. Tuy vậy, Lân thúc quân tiến đánh quân Thanh. Nhưng quân của Lân bị quân của Trương Sĩ Long đánh cho thua lớn. Lân chỉ còn một người một ngựa chạy về Thăng-long. Thấy vậy, Ngô Văn Sở lại càng hoảng sợ. Sở vội bí mật ra lệnh cho quân đội tuần tự rút lui về đóng ở núi Tam-điệp rồi cho Nguyễn Văn Tuyết phi ngựa mang thư vào Phú-xuân cáo cấp với Bắc bình vương Nguyễn Huệ.

QUÂN THANH CHIẾM CỨ BẮC HÀ

Trong khi quân Tây-sơn lần lượt rút về dẫy Tam-điệp, thì quân Thanh vẫn nhằm Thăng-long tiến gấp. Sau khi đánh bại đội quân của Phan Văn Lân ở bắc ngạn sông Nguyệt-đức, quân Thanh càng vững dạ tiến lên.

Ngày 25 tháng mười một năm mậu thân (1788) đạo quân chủ lực của Tôn Sĩ Nghị kéo vào chiếm Thăng-long đã vắng bóng quân Tây-sơn (1)

Trước đó vua Chiêu-thống đã vội vã qua sông, cho người sửa soạn màn trướng ở điện Kính-thiên để mời Tôn Sĩ Nghị vào đóng.

Nghị xua tay nói:

— Chỗ ấy có nhiều điều bất tiện cho việc hành quân, không phải là bản doanh của đại tướng được.

---

(1) Theo *Quang Trung Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc* của Hoa Bằng và các sách khác, thì ngày quân Thanh vào Thăng-long là ngày 21 tháng mười một, nhưng theo *Quân doanh kỷ lược* của Trần Nguyên Nhiếp bí thư của Tôn Sĩ Nghị, thì là ngày 25 tháng mười một. Theo *Bắc hành lược ký* của Lê Quýnh, thì là ngày 22.

Rồi Nghị sai quân sĩ chia đồn đóng ở ngoài bãi sông, và cho bắc cầu phao qua sông Nhị để quân lính tiện qua lại.

Vài ngày sau, Nghị theo lệnh của vua Kiền-long làm lễ ở điện Kính-thiên phong cho vua Chiêu-thống làm An-nam quốc vương.

Tuy được phong làm An-nam quốc vương rồi, mà khi viết văn thư, vua Chiêu-thống vẫn phải đề niên hiệu Kiền-long như người Trung-quốc vậy.

Ngày ngày vua Chiêu-thống cưỡi ngựa đi trước, Lê Quỳnh cưỡi ngựa theo sau, cùng với vài mươi lính hầu sang đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị ở Tây-long cung (1) (nay là đền Tây-luông ở gần ngõ Hồng-phúc) để chịu lệnh của Tôn Sĩ Nghị.

Từ ngày vào Thăng-long không tốn một mũi tên, không mất một viên đạn, Tôn Sĩ Nghị sinh ra kiêu ngạo. Nghị lại càng kiêu ngạo hơn nữa khi được tin các lộ quân Qui-châu và Vân-nam đều đã vào Việt-nam như vào chỗ không người. Đến ngay vua Chiêu-thống, Nghị cũng coi khinh. Trước mắt Nghị nhà vua chỉ còn là một tên để lại có nhiệm vụ phải vâng theo mệnh lệnh của y. Có lần vua Chiêu-thống xin yết kiến Nghị, Nghị không tiếp và sai người ra bảo vua Lê rằng:

— Hôm nay không có việc quân quốc gì, xin ngài hãy về cung nghỉ.

Thế là vua Chiêu-thống lại cùng với bọn Lê Quỳnh lẽo đẽo trở về hoàng cung để hôm sau lại

---

(1) Thời ấy còn có bến Tây-long có lẽ ở chỗ bờ sông Nhị gần đền Tây-luông bây giờ.

lẽo đẽo đến Tây-long cung chầu chực lệnh của Tôn Sĩ Nghị.

Tuy vậy vua Chiêu-thống vẫn không biết thế là nhục. Nhà vua vốn là người khí lượng hẹp hòi, khắc nghiệt. Từ ngày được quân Thanh đem về Thăng-long, nhà vua chỉ nghĩ đến chuyện báo ân báo oán. Ba vị hoàng thúc trước kia đã cộng tác với quân Tây-sơn bị nhà vua sai đem chặt chân rồi vứt ra giữa chợ ở trong cung. Một tôn nữ kết hôn với tướng Tây-sơn đã có mang, bị bắt rồi bị nhà vua sai đem mổ bụng.

Theo gương vua Chiêu-thống, bọn Lê Quỳnh cũng chỉ nghĩ đến việc trả thù riêng.

Khi ban thưởng công, vua Chiêu-thống cũng chỉ thăng chức cho bọn Trần Danh Án, Lê Duy Đản, Lê Quỳnh, Phan Đình Dữ, Vũ Trinh, Nguyễn Đình Giản, Chu Doãn Lê, v.v... là bọn đã vì nhà vua chạy sang Trung-quốc cầu cứu hay theo nhà vua chạy trốn hồi trước. Còn rất nhiều cựu thần và hào kiệt khác ở các nơi, nhà vua tuyệt nhiên không nói đến.

Thái độ của vua Chiêu-thống đối với cựu thần nhà Lê làm cho lòng người chán nản. Thái độ khúm núm của nhà vua đối với Tôn Sĩ Nghị làm cho mọi người buồn và giận. Nhiều người đã nói:

— Nước Nam từ khi có vua đến giờ không thấy ông vua nào hèn hạ đến thế! Tiếng làm vua mà phải theo niên hiệu nhà Thanh. Việc gì cũng phải bẩm với quan tổng đốc, thế thì có khác gì thời nội thuộc!

Ở Bắc-hà hồi này nhân dân đang đói khổ. Mấy năm nay thiên tai và chiến tranh liên tiếp xảy ra làm cho nhân dân đã nghèo xơ xác. Khi quân Thanh thế chân quân Tây-sơn chiếm đóng các nơi, thì quân Thanh lại đua nhau đi cướp bóc của nhân dân. Ở ngay giữa Thăng-long, đặc biệt là ở phường Hà-khẩu, quân Thanh công nhiên hãm hiếp đàn bà con gái trước mặt mọi người. Nông dân các nơi đặc biệt là nông dân ở quanh Thăng-long và ở Kinh-bắc hàng ngày phải nộp cho quân Thanh các thứ như bò, lợn, gà, vịt, thóc, gạo, rơm cỏ, tre, nứa để quân Thanh ăn uống và làm đồn làm lũy. Đời sống của nhân dân Bắc-hà do đó lại càng cơ cực.

Đến đây, những người vốn nghi ngờ quân Tây-sơn cũng thấy rằng sự có mặt quân Tây-sơn ở Bắc-hà là cần thiết. Những người tin vua Chiêu-thống cũng phải nhận rằng nhà vua chỉ là một tên bù nhìn bán nước. Những người vốn trông chờ quân Thanh cũng thấy rõ rằng quân Thanh là quân cướp nước hung tàn.

Trong khi nghi ngờ, chán nản, oán giận đang tràn ngập ở lòng người Bắc-hà, thì vua Chiêu thống và bọn thân thần vẫn an nhiên chỉ lo việc báo oán, và quân Thanh chỉ nghĩ đến việc ăn chơi, chè chén, hãm hiếp và cướp bóc mà thôi.

Trước tình trạng ấy, viên hiến sát phó sứ Ngô Tưởng Đạo ở Kinh-bắc có dâng sớ lên vua Chiêu-thống đại ý nói rằng: « ...Việc binh quý ở thần tốc. Gặp cơ hội có thể làm được, thì sao phải chuyên cậy vào ngoại binh để hơi một tý là lại

nghỉ đến hàng tuần. Hiện giờ quân cần vương ở các lộ ai chẳng muốn cố công gắng sức để đền bồi ? Hiện nay quân kia (quân Tây-sơn) đã lui, ta nên đem ngay đại binh đuổi đánh làm như sét đánh không kịp bưng tai. Hai trấn Thanh, Nghệ biết tin tất nhiên hưởng ứng. Nguyễn Huệ ở tận nam Hoành-sơn, còn bọn Ngô Văn Sở không có quân cứu lại ở vào cái thế xa cách trắc trở không thông được với nhau, thì không đầy mười ngày có thể bắt sống được cả. Khi đã tước hết được vây cánh của họ, ta sẽ lần lượt phá sào huyệt của họ. Cái cơ trung hưng ở ngay đấy ».

Nhưng vua Chiêu-thống lúc bấy giờ thì nghĩ gì đến đánh với chác ! Vì việc đánh chác nhà vua trông cậy ở quân Thanh. Quân Thanh bấy giờ đang chủ quan khinh địch. Chúng vào Thăng-long từ ngày 25 tháng mười một, sang đến tháng chạp, chúng vẫn không tính đến việc đánh quân Tây-sơn. Thấy thế, một cố cung nhân đã nói với bà thái hậu như sau :

— Nguyễn Huệ là tay anh hùng lão luyện, gan góc, giỏi việc dùng binh. Lúc ra Bắc khi vào Nam, hắn thần xuất quỉ một không ai có thể lường được. Hắn bắt Nguyễn Hữu Chỉnh như bắt đứa trẻ con, giết Vũ Văn Nhâm như giết con lợn. Không một ai dám nhìn thẳng vào mặt hắn bao giờ. Hắn trở tay lườm mắt là làm cho người ta sợ quá là sợ sấm sét. Tôi trộm e rằng không bao lâu nữa hắn lại đến đây. Tôn Tổng đốc đem đạo quân như thế địch với hắn thì địch sao cho nổi. Đại nhân chẳng qua là khách sang đây chỉ nghe ngóng tình

thế khó hay dễ rồi liệu bài tiến hay thoái đó thôi. Nhưng còn quốc gia thì ra sao?

Do các nơi giục giã, các quan nhà Lê xin Tôn Sĩ Nghị xuất quân. Nghị cười nói rằng:

— Hết năm dến nơi rồi. Việc gì phải hấp tấp như thế. Không cần phải đánh vội. Quân giặc đang gầy ta đang nuôi cho chúng béo để cho chúng tự đến dâng thịt.

Và thật ra lúc này Nghị cũng chưa thể tiến quân được, vì lộ quân Vân-nam do đề đốc Ô chỉ huy tuy đã vào Việt-nam, nhưng vẫn chưa ở vào cái thế có thể tấn công ngay được.

Đến ngày 23 tháng chạp thám mã của quân Thanh ở các nơi báo cho Tôn Sĩ Nghị biết rằng: Quân Tây-sơn đang lấy người ở trấn Thanh-hóa và trấn Nghệ-an làm lính. Liền đó lại có tin: Quân Tây-sơn đang rồn rập nhằm Thăng-long tiến phát. Theo *Quân doanh kỷ lược* của Trần Nguyên Nhiếp là bí thư của Tôn Sĩ Nghị, thì quân Tây-sơn «xếp thành hàng lại có voi đi kèm để giúp sức».

Cũng theo *Quân doanh kỷ lược*, thì khi được tin trên, Tôn Sĩ Nghị cho «đề phòng trước, cho quân đi đóng giữ ở tất cả các nơi hiểm yếu tại trên khắp bốn ngả đường; còn đại quân thì sáng chiều tập dượt để chuẩn bị tác chiến»(1).

---

(1) *Quân doanh kỷ lược* là tập bút ký của bí thư Tôn Sĩ Nghị là Trần Nguyên Nhiếp gồm ba quyển sách viết tay từ đời Kiền-long, hiện để ở *Quốc lập đồ thư quán* Bắc-kinh. Ông Trần Văn Giáp đã tìm ra tài liệu trên hồi cuối năm 1954.

Như vậy là khi quân Tây-sơn tiến ra đến Thanh-hóa, thì Tôn Sĩ Nghị đã biết tin và đã bắt đầu bố trí sự đề phòng. Ở phía tây-nam Thăng-long Nghị đã có một hệ thống đồn lũy khá kiên cố gồm những vị trí từ Phú-xuyên đến Thăng-long. Xa hơn nữa ở Sơn-nam bấy giờ đã có quân của nhà Lê là Hoàng Phùng Nghĩa đóng giữ. Rải rác từ Sơn-nam đến Phú-xuyên hẳn còn nhiều toán quân khác của nhà Lê.

Vì thấy trước mình có những lực lượng và những vị trí khá kiên cố như thế, cho nên Nghị ung dung cho quân sĩ ăn Tết và quyết định đến ngày 6 tháng giêng năm kỷ dậu (1789) sẽ xuất quân nam tiến.

Kể ra thì Nghị cũng đã cho phân bố lực lượng đề phòng chu đáo rồi mới cho quân ăn Tết. Nhưng điều mà Nghị không đề phòng được là cái tinh thần bất khuất chống xâm lăng của dân tộc Việt-nam. Chính cái tinh thần ấy trước đấy hơn 300 năm đã đánh bại quân Minh sau mười năm kháng chiến trường kỳ và gian khổ, và đến đấy cũng chính cái tinh thần ấy cộng với tài dùng binh kỳ lạ của vua Quang-trung đã cả phá hai mươi vạn quân Thanh trong mười ngày chiến đấu chớp nhoáng.

VUA QUANG TRUNG XUẤT QUÂN CẢ PHÁ QUÂN THANH

Cầm thư cấp cáo của Ngô Văn Sở, Nguyễn Văn Tuyết phi ngựa trạm về Phú-xuân. Ngày 24 tháng mười một năm mậu thân, Tuyết đến Phú-xuân trình thư cho Bắc bình vương Nguyễn Huệ. Xem thư xong Huệ quát :

— Đàn chó Ngô kia sao dám rông rỡ ? (*Đại Nam chính biên liệt truyện sơ* tập quyển 30 tờ 32).

Rồi Huệ hạ lệnh khởi binh ra Bắc đánh quân Thanh.

Các tướng khuyên Huệ trước hết hãy chính vị hiệu để ràng buộc lòng người Nam, Bắc rồi sẽ xuất quân. Huệ nghe lời, liền sai lập đàn ở phía nam núi Ngự-bình làm lễ tế trời đất rồi lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Quang-trung năm thứ nhất. Ngày ấy là ngày 25 tháng mười một năm mậu thân tức ngày Tôn Sĩ Nghị kéo quân vào Thăng-long. Ngay đó sau khi lễ đăng quang đã cử hành, bộ binh và thủy binh của vua Quang-trung cũng bắt đầu xuất phát. Ngày 29 đại binh đến Nghệ-an, nhà vua cho quân sĩ nghỉ lại hơn mười ngày để kén

lính mới. Dân đinh Nghệ-an bấy giờ cứ ba người lấy một. Tổng cộng quân đội cả cũ lẫn mới được 10 vạn, nhà vua chia quân Thuận-hóa và Quảng-nam ra làm bốn doanh tiền hậu tả hữu, tân binh Nghệ-an làm trung quân ; voi chiến được mấy trăm thớt. Rồi nhà vua cho làm lễ duyệt binh tại ngay trấn Nghệ-an. Nhà vua cưỡi voi duyệt ngũ quân rồi tuyên bố :

— « Quân Thanh kéo sang xâm lược, hiện nay đương chiếm Thăng-long, các ngươi đã biết chưa ?

« Trong vòng trời đất chia theo phận sao Dực, sao Chẩn, Nam, Bắc vẫn riêng một non sông. Người nước Bắc không phải nòi giống ta, thì tất khác lòng khác dạ. Từ nhà Hán về sau, họ cướp đất đai ta, cá thịt nhân dân, vơ vét của cải, nòng nổi ấy thật là khó chịu ! Người nước ai cũng phải nghĩ đánh đuổi đi.

« Đời Hán có Trưng nữ vương, đời Tống có Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái-tổ. Các Ngài không chịu bó tay ngồi nhìn quân ngoại tàn bạo, nên phải thuận lòng người dấy quân nghĩa, đánh đuổi chúng đi. Trong những khi ấy, Nam, Bắc dâu lại phận đó, bờ cõi yên ổn, vận nước lâu dài. Từ nhà Đinh đến nay, chúng ta không phải cái khổ Bắc thuộc. Lợi hại được thua, chuyện cũ rành rành là thế.

« Nay người Thanh không soi gương Tống, Nguyên, Minh lại sang mưu chiếm nước ta, đặt làm quận huyện ! Vậy ta phải vùng đứng lên mà trừ đi !

« Các anh em, hạng người có tri thức, có tài năng, phải cùng ta đồng lòng gắng sức khiến cho việc lớn được nên, chứ đừng giở thói nhị tâm. Hễ việc phản trắc lộ ra, ta quyết giết không tha một ai. Bấy giờ đừng trách ta không bảo trước. »

Bấy giờ ở núi Thiên-nhận trên địa giới hai huyện Hương-sơn và Thanh-chương có người ẩn sĩ có tài lớn là Nguyễn Thiếp hiệu là Khải-xuyên. Vua Quang-trung cho mời Nguyễn Thiếp đến hỏi rằng :

— Quân Thanh lại đây, ta đem quân ra đánh. Mẹo đánh và giữ cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ xem ra làm sao ?

Nguyễn Thiếp nói :

— Nay trong nước trống không, nhân tâm tan nát. Quân Thanh từ xa đến không biết tình hình quân ta mạnh yếu thế nào, không biết thế nên chiến thủ thế nào. Vả nó có bụng khinh địch. Nếu đánh gấp đi thì không quá mười ngày sẽ phá tan. Nếu trì hoãn một chút thì khó lòng mà được nó.

Vua Quang-trung mừng lắm, nói :

— Ông nói chính hợp ý tôi (Nam Sử liệt truyện khảo cứu III của Lê Thước Thông trong *Nam phong* số 102, 1926).

Sau khi đã chuẩn bị chu đáo, nhà vua ra lệnh cho quân năm doanh cùng tiến phát. Quân lính vừa đi vừa hát rất nhộn nhịp nên quên cả mệt nhọc đi. Các sử sách cũ đều chép rằng : Quân vua Quang-trung từng tốp ba người một, luân phiên

nhau hai người cáng một người, người nào cũng được cáng, người nào cũng phải cáng, hết lượt người nọ đến người kia, vì vậy quân lính vừa đi nhanh vừa không kiệt sức.

Có lẽ khi vua Quang-trung hành quân, nhà vua đã lấy thường dân cáng đồ đạc hoặc võ khí cho quân lính, hoặc cáng bệnh binh. Cho nên người đương thời tưởng quân lính của nhà vua cáng lẫn nhau. Chứ thật ra trên một quãng đường dài từ Nghệ-an ra đến Thăng-long, hoặc gần Thăng-long, quân lính không thể nào cáng lẫn nhau như thế được.

Một mặt vua Quang-trung cho quân tiến phát, một mặt nhà vua lại dùng kế để làm kiêu lòng quân địch. Nhà vua sai bọn Trần Danh Bình dẫn đầu một sứ bộ gồm 18 người đến Thăng-long đưa cho Tôn Sĩ Nghị ba đạo bẩm văn, một đạo nhân danh Giám quốc Lê Duy Cẩn, một đạo nhân danh quần thần văn võ, một đạo nhân danh nhân dân xin Tôn Sĩ Nghị hãy cho đóng quân ở trấn Nam-quan để tra xét nội tình nhà Lê và Tây-sơn từ trước đến giờ.

Nhà vua lại cho đem nộp cho Tôn Sĩ Nghị bọn tuần dương binh là bọn Hắc Thiên Tôn gồm 40 người do Ngô Hồng Chấn(1) tướng Tây-sơn ở Thăng-long bắt được từ trước.

Tôn Sĩ Nghị xem bẩm văn liền xé phăng ngay đi, rồi sai đem bọn Trần Danh Bình ra giết. Đoạn

---

(1) Tên do vua Quang-trung tự đặt ra để chỉ một viên tướng nào đó. Có lẽ là Ngô Văn Sở chăng?

Nghị cho truyền hịch đi các nơi kể tội quân Tây-sơn, và báo cho mọi người biết y sẽ mang quân đánh thẳng vào Quảng-nam bắt sống bọn Nguyễn Huệ mới thôi.

Từ đấy Nghị lại càng ngông nghênh khinh địch, cho rằng quân Tây-sơn đã khiếp sợ oai của quân Thanh. Trong khi ấy, quân Tây-sơn từ Nghệ-an đang rồn rập tiến gấp ra dãy Tam-điệp.

Ngày 20 tháng chạp, quân Tây-sơn đến núi Tam-điệp. Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân phủ phục ở vệ đường xin chịu tội.

Vua Quang-trung bảo bọn Sở và Lân rằng:

— Các ngươi theo ta làm đến chủ soái. Ta đem mười một trấn ủy cho các ngươi, cho các ngươi được tự tiện hành động. Thấy giặc đến các ngươi chưa đánh trận nào đã chạy trốn. Tội các ngươi thật đáng chết. Các ngươi chỉ giỏi nghề võ, gặp giặc thì đánh khỏe. Còn tìm cơ chế thắng thì không phải là ngón sở trường. Cho nên trước khi về Nam ta đã để Ngô Thời Nhiệm ở lại làm việc với các ngươi. Vả lại Bắc-hà mới yên, lòng người chưa theo phục. Thành Thăng-long bốn mặt đều là chiến trường, không có chỗ nào hiểm trở có thể giữ vững được. Các ngươi đóng quân ở đấy, ngoài thì giặc Thanh xâm lấn, trong thì người Bắc làm nội ứng, các ngươi xoay xở làm sao cho được!

Các ngươi đem toàn quân tạm tránh mũi nhọn của giặc để trong thì kích lệ lòng căm tức của quân sĩ, ngoài thì làm tăng lòng kiêu căng của giặc. Đó cũng là kế nhử giặc. Mới nghe ta đã đoán

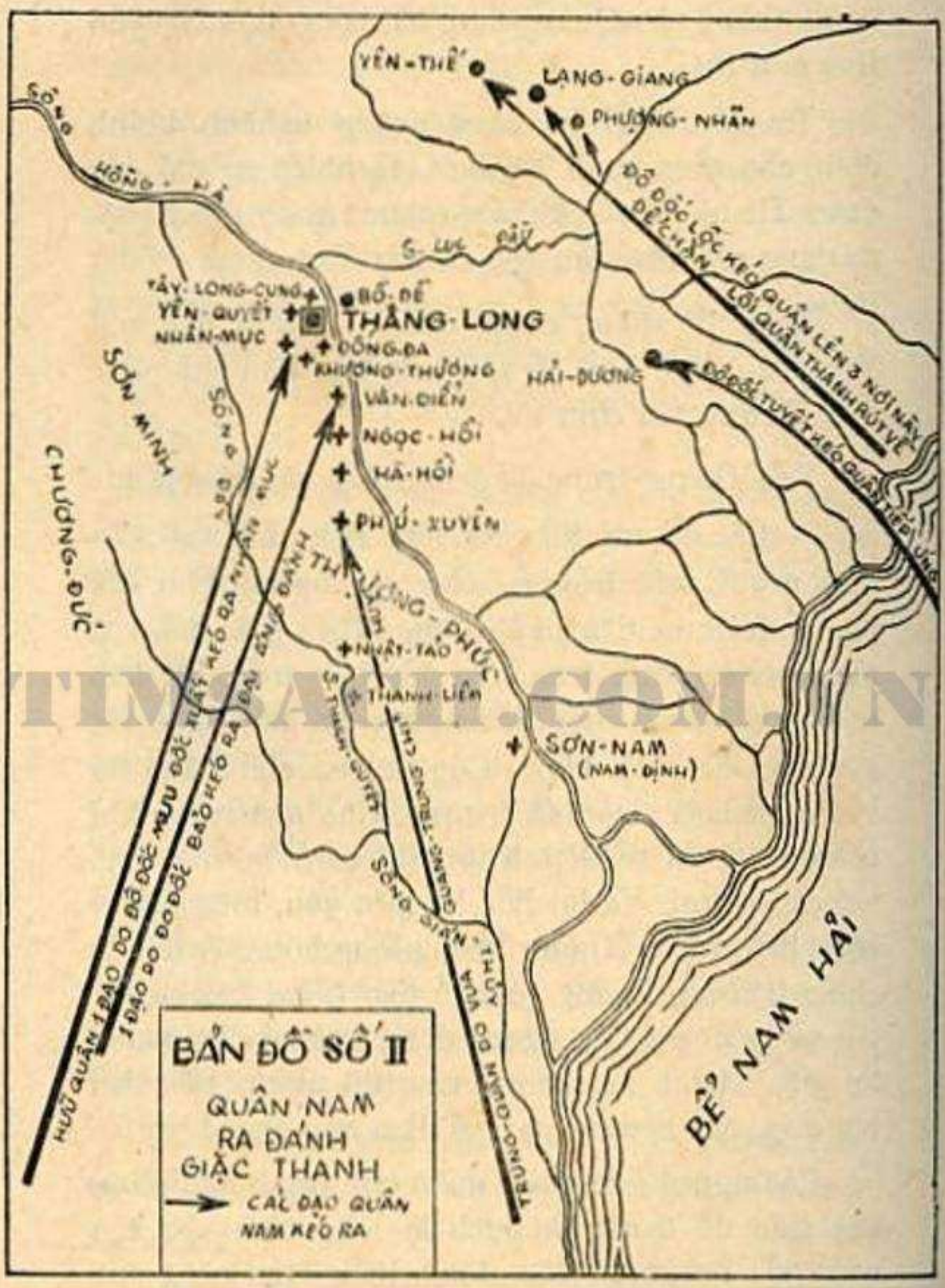

TIMSACH.COM.VN

là kế của Ngô Thời Nhiệm, đến khi hỏi Văn Tuyết thì quả nhiên là đúng. Nay ta cho các ngươi đái tội lập công (Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30 tờ 33a).

Bấy giờ Ngô Thời Nhiệm cũng ra lạy tạ. Nhà vua lại nói:

— Nay ta đến đây, tự đốc việc quân, đánh hay giữ đã có kế cả rồi, chỉ trong mười ngày nữa, thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh. Nhưng nước Thanh lớn hơn nước ta đến mười lần. Bị thua tất Thanh lấy làm thẹn, chắc phải tìm cách rửa hờn. Nếu cứ để binh lửa liên miên, thật không phải là phúc của nhân dân, lòng ta sao nỡ. Vì vậy sau khi thắng trận phải khéo dùng từ lệnh thì mới dập tắt được lửa binh. Việc từ lệnh đó ta sẽ giao cho Ngô Thời Nhiệm.

Nhà vua lại nói thêm:

— Cứ để cho ta mươi năm nữa, nước ta giầu dân ta mạnh, thì ta có sợ gì chúng?

Đoạn nhà vua truyền lệnh mở tiệc khao quân và phán:

— Nay hãy tạm ăn tết Nguyên-đán trước. Đợi đến sang xuân ngày mồng 7 vào Thăng-long lại mở tiệc ăn mừng. Các ngươi cứ ghi lấy lời của ta xem có sai không? (*Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30, tờ 33a).

Sau khi quân sĩ đã ăn Tết, vua Quang-trung truyền gọi các tướng lại ban bố kế hoạch tấn công như sau:

Toàn bộ quân đội chia làm hai lộ quân. Lộ thứ nhất là lộ quân chủ lực tiến từ Ninh-bình đến

Thăng-long, gồm có ba cánh: Cánh thứ nhất do vua Quang-trung thân tự chỉ huy tiến theo con đường mà ngày nay ta gọi là đường quốc lộ số 1; cánh thứ hai đặt dưới quyền chỉ huy của đô đốc Bảo tiến theo đường núi đi tắt ra Vân-đình rồi đánh vào vị trí địch ở làng Đại-áng thuộc huyện Thanh-trì (Hà-đông), cánh này đem theo voi chiến và ngựa chiến có nhiệm vụ yểm hộ cho sườn trái của cánh thứ nhất; cánh thứ ba cũng có voi chiến và ngựa chiến do đô đốc Mưu[1] chỉ huy xuyên qua núi tiến theo con đường mà ngày nay ta gọi là đường quốc lộ số 6 (Hòa-bình — Hà-nội) đánh vào vị trí địch ở làng Nhân-mục (làng Mọc, Thanh-trì — Hà-đông), uy hiếp sườn phía tây thành Thăng-long. Cánh thứ hai và cánh thứ ba như vậy là lẻn vào trong lòng địch để bất ngờ đánh vào các vị trí của địch.

Lộ quân thứ hai chia làm hai cánh tiến theo đường thủy: Cánh thứ nhất do đô đốc Tuyết chỉ huy đổ bộ vào Hải-dương rồi đánh vào các vị trí địch ở Hải-dương, uy hiếp mặt đông Thăng-long khiến cho quân địch phải phân chia lực lượng ra đối phó với mặt này, do đó tạo điều kiện cho lộ quân thứ nhất tiến được dễ dàng. Cánh quân thứ hai do đô đốc Lộc chỉ huy cũng dùng thuyền đi gấp đường chiếm lấy các miền Lạng-giang, Phượng-nhãn, Yên-thế (nay đều thuộc tỉnh Bắc-giang) để chặn đường rút lui của quân Thanh.

Sau khi bố trí xong kế hoạch tác chiến, hai lộ quân cùng được lệnh tiến quân. Đến ngày 30 Tết,

---

(1) Có sách nói là đô đốc Long, theo *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* thì là đô đốc Mưu.

đại quân của vua Quang-trung đã vượt bến đò Gián-khẩu thuộc sông Gián-thủy (Ninh-bình) cách Hà-nội 76 cây số. Từ Gián-khẩu, quân Tây-sơn lại tiến nhanh về phía Nam-định và Hà-nam. Ở Nam-định lúc ấy có quân đội của vua Chiêu-thống do cựu tướng nhà Lê là Hoàng Phùng Nghĩa chỉ huy. Thấy quân Tây-sơn rầm rộ kéo đến, quân của Hoàng Phùng Nghĩa chưa giao chiến đã tan vỡ và bỏ chạy đến sông Thanh-quyết (tên một khúc sông Đáy thuộc huyện Thanh-liêm tỉnh Hà-nam). Các toán quân do thám của quân Thanh thấy vậy cũng vội chạy cho nhanh. Vua Quang-trung thúc quân truy kích gắt gao. Quân Tây-sơn đuổi đánh đến Phú-xuyên (Hà-đông) thì bắt được toàn bộ quân do thám của quân Thanh. Vì vậy khi quân Tây-sơn đã tiến đến sát nách Thăng-long rồi, mà Tôn Sĩ Nghị vẫn coi là vô sự và vẫn ung dung thưởng xuân ở Tây-long cung cùng với một bầy tướng lĩnh!

Nhưng đoạn đường từ Phú-xuyên đến Thăng-long không dễ dàng như đoạn đường từ Nam-định đến Phú-xuyên. Vì trên đoạn đường từ Phú-xuyên đến Thăng-long, quân Thanh có nhiều vị trí phòng thủ khá kiên cố. Vị trí kiên cố đầu tiên trong hệ thống các vị trí phòng thủ này là vị trí đóng ở làng Hà-hồi, ở ngay bên cạnh phủ Thường-tín (Hà-đông). Đêm hôm mồng ba Tết năm kỷ dậu (1789) quân Tây-sơn bí mật kéo đến vây chặt đồn Hà-hồi, rồi một mặt hò reo ầm ỹ để uy hiếp tinh thần quân Thanh, một mặt bắc loa kêu gọi quân Thanh sớm dầu hàng để khỏi chết một cách vô ích. Công tác chính trị này—vì đó là một công tác

chính trị của quân Tây-sơn — đã đem lại kết quả lớn: Toàn bộ quân Thanh đóng ở đồn Hà-hồi mất hết tinh thần chiến đấu đều xin đầu hàng. Trận toàn thắng này làm cho quân Tây-sơn lại càng phấn khởi, và càng tin tưởng ở trận thắng cuối cùng.

Sau khi hạ đồn Hà-hồi, quân Tây-sơn rầm rộ tiến đánh đồn Ngọc-hồi, xây dựng trong làng Ngọc-hồi nằm trên đường quốc lộ số 1 ở giữa phố Quán Gánh và ga Văn-điển, cách Thăng-long mười hai cây số. Hạ được đồn Ngọc-hồi có nghĩa là chọc được một lỗ thủng quan trọng vào phòng tuyến vây quanh Thăng-long để đánh thẳng vào Thăng-long. Nhận rõ vị trí quan trọng của đồn Ngọc-hồi, vua Quang-trung đã tập trung một lực lượng lớn để đánh chiếm kỳ được lấy vị trí ấy. Một trăm voi chiến được thả đi trước mở đường cho bộ binh tiến theo sau. Ở đồn Ngọc-hồi lúc này quân Thanh đã được tin Hà-hồi bị mất và quân Tây-sơn đang tiến đến Ngọc-hồi. Viên chỉ huy đồn Ngọc-hồi đã cho kỵ binh đi đón đánh quân Tây-sơn. Ngựa chiến của quân Thanh trông thấy voi chiến của quân Tây-sơn hoảng sợ gầm thét và quay trở lại. Quân Tây-sơn thừa thế đánh bừa lên. Quân Thanh rối loạn bị giết rất nhiều, số còn lại chạy về đồn cố thủ. Vua Quang-trung ruổi quân truy kích tiến sát đến đồn thì trời đã tờ mờ sáng. Đồn Ngọc-hồi chung quanh có cắm chông sắt, trên đường đi lại, nhiều chỗ có chôn địa lôi; trong đồn một lực lượng quan trọng có đầy đủ võ khí có nhiệm vụ chống giữ đồn. Về phía quân Tây-sơn, vua

Quang-trung đã thấy rõ rằng trận đánh Ngọc-hồi có một tầm quan trọng quyết định đối với trận hạ Thăng-long, cho nên trước khi cho quân đánh Ngọc-hồi, nhà vua đã cho đốt hết lương thực và cho quân lính quàng khăn vàng vào cổ để biểu thị quyết tâm chiến đấu: Một là thắng hai là chết, chứ không chịu lùi.

Khi quân Tây-sơn bắt đầu đánh đồn, thì quân Thanh ở trong đồn bắn súng ra rất dữ. Vua Quang-trung cho lấy 60 tấm ván gỗ rồi cho ghép lại thành 20 tấm lá chắn lớn. Các tấm lá chắn đều được phủ rơm đã tẩm nước. Rồi cứ mười người khỏe mạnh lưng đeo gươm ngắn khiêng một tấm, đằng sau có hai mươi quân lính cầm binh khí tiến theo sau. Thấy quân Tây-sơn rầm rộ xung phong, quân Thanh dùng thuốc súng chứa trong các ống bắn ra làm cho khói lửa bốc lên mù mịt hòng làm cho quân Tây-sơn không biết đường nào mà tiến lên. Gió bắc quạt khói lửa vào quân Tây-sơn đang tiến sát vào đồn. Một lúc gió xoay chiều quay ra gió nam hất khói lửa vào phía quân Thanh làm cho quân Thanh rối loạn. Quân Tây-sơn thừa thế cầm lá chắn tiến lên. Khi đã vào tới đồn, quân Tây-sơn bỏ lá chắn ra, rút gươm ngắn xông vào quân Thanh mà chém. Quân Thanh hoảng sợ chạy tán loạn nhảy cả vào những chỗ mà chúng đã chôn địa lôi. Thành thử quân Thanh chết rất nhiều vì những địa lôi do chúng đã chôn.

Trong khi cánh quân chính do vua Quang-trung thân chỉ huy đánh đồn Ngọc-hồi, thì mũi giùi bao vây vu hồi của đô đốc Bảo và đô đốc Mưu

cũng thọc vào sườn quân địch. Cánh quân của đô đốc Bảo đánh ở sườn tây đồn Ngọc-hồi, cánh quân của đô đốc Mưu đánh qua làng Nhân-mục rồi chọc thẳng vào đồn làng Khương-thượng (1) đánh Sầm Nghi Đống ở đấy. Sầm Nghi Đống bị đánh bất ngờ, không kịp đối phó phải thắt cổ tự tử.

Đến đây hệ thống phòng thủ Thăng-long của quân Thanh đã rối loạn và vỡ lung tung. Quân Thanh thua chạy hỗn độn. Một cánh quân Thanh đang chạy về phía đê Yên-diên (nay là Yên-kiện) thì gặp một toán quân Tây-sơn đang mở cờ giống trống tiến ngược đường đê. Không biết đấy chỉ là một toán nghi binh, quân Thanh vội quay trở lại định chạy về phía làng Đại-áng, thì không ngờ một toán quân Tây-sơn có voi chiến đi kèm từ làng Đại-áng tiến ra đánh đồn quân Thanh vào đầm Mực (Mặc-dàm) ở Quỳnh-đô (2) rồi tiêu diệt quân Thanh ở đấy.

Sau khi hạ đồn Ngọc-hồi, đồn Khương-thượng quân Tây-sơn tràn qua các đồn Văn-điển, đồn Yên-quyết, rồi rầm rộ tiến đánh thẳng vào Thăng-long. Quân Tây-sơn đi đến đâu thì quân Thanh tan vỡ đến đấy. Các tướng Thanh như Hứa Thế Hanh, Trương Sĩ Long, Thượng Duy Thăng đều chết trận.

Sáng sớm ngày mồng 5 tháng giêng, Tôn Sĩ Nghị nghe thấy tiếng súng nổ liên hồi ở phía tây-

---

(1) Tức đồn Đống-đa. Nhưng nhiều người lại cho Đống-đa ở Thái-hà ngày nay.

(2) Nay thuộc làng Cổ-điển, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông.

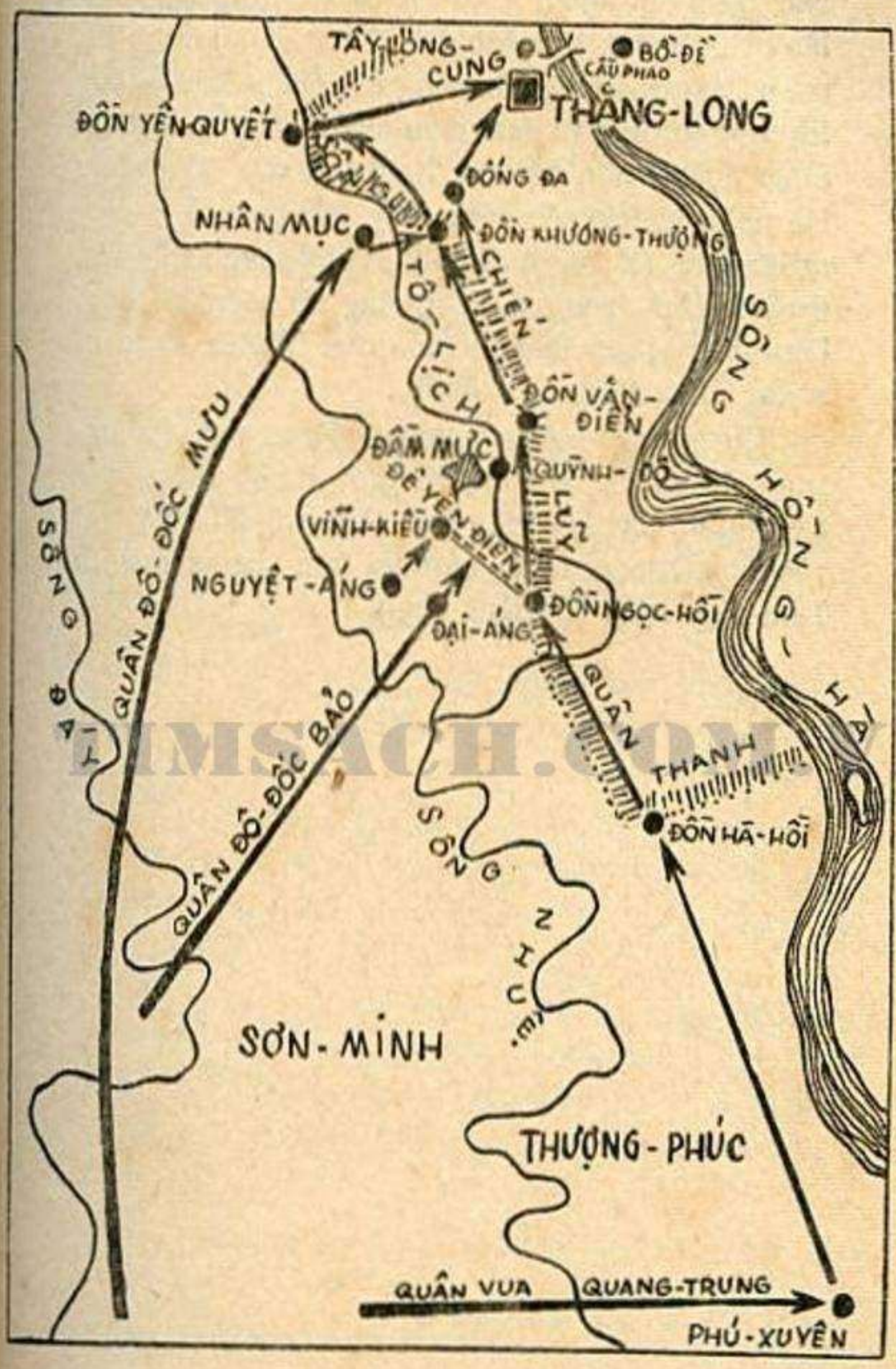

TIMSACH.COM.VN

bắc. Nghị cho quân kỵ đi do thám rồi tự trèo lên lầu nghe ngóng tình hình. Một lúc Nghị được tin quân Tây-sơn đã hạ đồn của quân Điền-châu ở làng Khương-thượng và đang tiến nhanh về phía Thăng-long. Sợ hết hồn hết vía, Nghị chỉ còn kịp nhảy lên ngựa không yên cùng mấy tên quân kỵ chạy ra bờ sông Nhị vượt cầu phao chạy sang Kinh-bắc. Quân Thanh theo gót Nghị cũng đổ xô chạy theo. Cầu phao bị gẫy, hàng vạn quân Thanh bị ném xuống dòng sông chết đuối...

Chiều ngày mồng 5 tháng giêng, vua Quang-trung áo chiến sám sịt vì khói thuốc súng ngồi trên mình voi thân dẫn đại binh và 80 thớt voi vào Thăng-long, đúng như lời hứa với ba quân ở Tam-điệp ngày 30 tháng chạp.

TIMSACH.COM.VN

TÔN SĨ NGHỊ VÀ QUÂN THANH TRÊN ĐƯỜNG CHẠY TRỐN

Lúc lộ quân của Tôn Sĩ Nghị bị phá ở Thăng-long cũng là lúc lộ quân Vân-nam — Qui-châu đã kéo đến Sơn-tây (1). Thấy lộ quân chủ lực bị phá, lộ quân Vân — Qui sợ bị chặn mất đường về, nên cũng vội rút lui cho nhanh.

Thế là chỉ một trận trong một khoảng thời gian mười ngày, quân Tây-sơn đã phá xong 20 vạn quân Thanh.

Sau khi vào Thăng-long, vua Quang-trung một mặt cho yết bảng yên dân, một mặt cho quân vượt sông Nhị truy kích tàn quân của Tôn Sĩ Nghị.

Lại nói, sau khi vượt cầu phao chạy sang bên kia sông Nhị, Tôn Sĩ Nghị vội cho thu nhặt một số quân Thanh rồi tớ thầy cắm cổ chạy về phía Bắc. Đến huyện Phượng-nhãn (Bắc-giang) Nghị

---

(1) Sơn-tây bấy giờ gồm cả Phú-thọ và Vĩnh-yên. Cho nên không rõ Sơn-tây nói trong sử sách là thị xã Sơn-tây ngày nay hay là một địa điểm nào đó thuộc tỉnh Phú-thọ hay tỉnh Vĩnh-yên ?

vừa xuống ngựa nghỉ, thì bỗng có tin báo : Quân Tây-sơn do đô đốc Lộc chỉ huy sắp đón đường chặn đánh. Nghị quẳng cả sắc thư, ấn tín, cờ hiệu, bài lệnh, bản đồ rồi cùng bộ hạ chạy trốn cho nhanh. Nghị chạy đến trấn Nam-quan, thì vua Chiêu-thống và một lũ thân thần cũng chạy tới nơi. Nhà vua khóc nói với Tôn Sĩ Nghị :

— Tôi không giữ nổi xã tắc, may được tướng quân sang cứu, cảm kích vô cùng ! Nay tướng quân bỏ đi, tôi không dám phiền giúp nữa. Xin chúc tướng quân về triều được vạn phúc. Còn tôi xin quay về ở lại đất nước, thu nhặt dân binh, mưu toan công việc khôi phục.

Tôn Sĩ Nghị lấy tay viết vào một tấm gỗ bảy chữ « Quang Bình (1) bất diệt tắc bất hưu » (Quang Bình không bị diệt, thì không thôi). Rồi Nghị bảo vua Chiêu-thống :

TVSACH.COM.VN

— Tôi đã dâng biểu xin thêm binh mã rồi, chẳng bao lâu đại quân sẽ kéo đến tiếp cứu. Trấn Nam-quan ở gần quân địch, kho lương lại không có, không tiện dùng dằng ở lại. Chi bằng hãy sang Nam-ninh rồi sẽ liệu sau.

Thế rồi nhà vua theo Tôn Sĩ Nghị chạy sang Trung-quốc để rồi không bao giờ về nữa.

Đến đây, đất nước Việt-nam đã hết bóng quân xâm lược. Tin đại thắng của Tây-sơn tràn sang Trung-quốc. Người Trung-quốc ở miền giáp biên

---

(1) Một tên khác của vua Quang-trung thường dùng để giao thiệp với nhà Thanh.

giới Việt — Trung nghe tin Tôn Sĩ Nghị bại trận, tướng quân Tây-sơn thừa thắng tràn sang Trung-quốc, bảo nhau kéo về phía bắc để lánh nạn để lại miền đất giáp biên giới Việt — Trung đến vài trăm dặm không có bóng người.

Trở lên trên, chúng tôi đã dựa vào tài liệu trong các sử sách Việt-nam mà viết về cuộc chiến thắng oanh liệt của quân Tây-sơn do vua Quang-trung thân tự chỉ huy.

Trong cuộc giao tranh giữa nước này với nước khác, lịch sử chiến tranh của nước này viết thường khác lịch sử chiến tranh do nước đối phương đã viết ra. Vì vậy về cuộc chiến tranh Pháp — Phổ năm 1870, sử gia Pháp viết một khác mà sử gia Đức viết lại một khác. Thiên kiến dân tộc đã làm cho sử gia Pháp cũng như sử gia Đức nhìn nhận sự thật một cách khác nhau. Muốn phản ánh trung thành những sự kiện lịch sử đã thật sự xảy ra, sử gia bởi vậy phải nghiên cứu không những lịch sử chiến tranh do người nước mình viết, mà còn phải nghiên cứu lịch sử chiến tranh do người nước đối phương viết nữa.

Khi viết *Cách mạng Tây-sơn*, chúng tôi đã cố gắng tuân theo yêu cầu đó: Chúng tôi đã nghiên cứu không những sử sách về cuộc chiến tranh Việt — Thanh do người Việt-nam viết, mà chúng tôi còn nghiên cứu sử sách về cuộc chiến tranh ấy do người Trung-quốc viết nữa.

Trong các sử sách của Trung-quốc viết về cuộc chiến tranh Việt — Thanh, có *Quân doanh kỷ lược* của Trần Nguyên Nhiếp. Trần Nguyên Nhiếp giữ

chức bí thư của Tôn Sĩ Nghị cho đến ngày Phúc Khang An được vua Kiền-long cử làm tổng đốc Lưỡng Quảng thay Tôn Sĩ Nghị. Trong *Quân doanh kỷ lược*, Trần Nguyên Nhiếp có viết về việc quân Tây-sơn tấn công quân Thanh và việc Tôn Sĩ Nghị cùng quân Thanh chạy trốn như sau :

« Ngày mồng 1 tháng giêng năm Kiền-long thứ 54 (1789), quân giặc (chỉ quân Tây-sơn) nhằm lúc quân đội ta trong quân doanh ta đang ăn tết Nguyên-đán, bỏ núi lén đi ngoài cánh đồng đột nhiên kéo đến, múa giáo hò reo thế rất hung tợn. Quân ta vội vàng bày trận đón đánh, một mặt phái thêm quân sĩ chia nhau đi tiếp ứng các đồn ở trên bốn ngả đường để phòng giữ, và vạch rõ kế hoạch cho các nơi cứu ứng nhau như thế nào.

« Một cuộc ác chiến kéo dài luôn trong bốn ngày bốn đêm liền, quân ta người thì bị đạn, người thì bị đao chém mỗi lúc một nhiều, số lượng về sau không sao tính được nữa.

« Ngày mồng 5, mới tờ mờ sáng, đội voi chiến của giặc từ sau núi xông lại. Quân ta vội lấy đại bác bắn rất rát vào giữa đội voi chiến. Đội này lập tức chia ra làm hai cánh đánh vòng ra bên tả và bên hữu. Trong khi đó, quân tiền phong của địch xông thẳng vào đại doanh của ta. Lúc đó thế giặc càng ngày càng đông. Quân ta chia nhau xung kích. Quân giặc hợp lại đông như kiến cỏ, thế lực ồ ạt giống như nước thủy triều dâng lên...! Tôi được tin đại doanh ta vỡ, bị đội voi chiến đốt cháy, vì trên lưng mỗi con voi có ba bốn tên quân giặc chít khăn đỏ ngồi ném tung hỏa cầu lưu hoàng

ra khắp mọi nơi, đốt cháy cả người nữa. Tôi lại được tin Cung Bảo (tên hiệu Tôn Sĩ Nghị) đã tự dẫn quân chạy qua sông Phú-lương (sông Nhị), còn các doanh trại cũng đều triệt binh. Vì sợ quân tiền phong thế cô bị khốn, nên đã gấp rút hạ lệnh thoái triệt, mọi người đều đã rút mau như lúc đã tiến quân.

« Kinh thành nhà Lê (Thăng-long) cách trấn Nam-quan hơn 2.000 dặm. Trên dọc đường ta vốn đã đặt sẵn sàng mười tám kho lương thực. Nay vì thấy thế giặc dữ tợn quá, sợ làm cỗ sẵn cho giặc ăn, cho nên đến đâu Cung Bảo đều hạ lệnh đốt cháy. Thành ra quân ta (theo sau) không có gì ăn, bắt buộc phải vừa đánh vừa chạy.

« Từ kinh thành nhà Lê sang đò Phú-lương rồi các miền đi qua phần nhiều là những nơi núi non hẻo lánh, đường đi quanh co rẽ ngang rẽ dọc; chúng tôi luôn luôn lạc lối, không tìm được nẻo đi. Bất cứ gặp ai, người cày người cuốc, đàn ông, đàn bà... chúng tôi đều phải hỏi thăm đường. Nhờ có họ chỉ bảo cho mới tìm về được tới trấn Nam-quan.

« Tôi với Chế hiến (tên chức quan của Tôn Sĩ Nghị) đói cơm khát nước, không kiếm đâu ra được ăn uống, cứ phải đi suốt bảy ngày bảy đêm mới đến trấn Nam-quan. Các quan tùy tùng lục tục tới sau. Chế hiến lại cho thu tập quân lính doanh nào doanh ấy rồi bổ sung cho từng doanh số lượng khi giới đạn dược, thiếu vì đã bỏ rơi ».

Ở đoạn văn trên trong *Quân doanh kỷ lược*, Trần Nguyên Nhiếp đã miêu tả cuộc tấn công của

quân Tây-sơn và cuộc rút lui thảm hại của Tôn Sĩ Nghị đúng sự thực — đúng sử sách của người Việt-nam đã viết về cuộc tấn công và cuộc rút lui ấy.

Câu « quân giặc nhầm lúc quân sĩ trong quân doanh ta đang ăn tết Nguyên-đán » phù hợp với việc quân Tây-sơn mở cuộc tấn công vào lúc quân Thanh đang mải miệt ăn tết Nguyên-đán để đến mồng 6 tháng giêng mới cất quân đi đánh Tây-sơn. Câu « quân giặc... đột nhiên kéo đến » ăn khớp với việc quân Tây-sơn đã bắt được toàn bộ quân do thám của quân Thanh ở Phú-xuyên làm cho Tôn Sĩ Nghị không biết gì về cuộc tiến quân của Tây-sơn.

Đoạn văn của Trần Nguyên Nhiếp còn chứng minh thêm cuộc rút lui thảm hại của Tôn Sĩ Nghị và quân đội của y. Y chạy thất điên bát đảo đến nỗi lạc đường lạc lối lung tung, đến nỗi « đói cơm khát nước không kiếm đâu ra được ăn uống ». Quân đội của y cũng chạy đến nỗi quẳng cả võ khí ở dọc đường.

Trận đánh thắng quân Thanh do vua Quang-trung thân tự chỉ huy quả là một võ công oanh liệt vào bậc nhất trong lịch sử nước Việt-nam. Trong lịch sử Việt-nam chưa bao giờ có một trận quét sạch 20 vạn quân xâm lược trong một thời gian chớp nhoáng mười ngày như trận đại thắng của vua Quang-trung vào đầu năm 1789 vậy.

BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG CỦA VUA QUANG TRUNG TRONG TRẬN ĐẠI PHÁ QUÂN THANH

Quân Tây-sơn do vua Quang-trung chỉ huy đã đại phá 20 vạn quân Thanh trong mười ngày ghi một võ công đệ nhất vào lịch sử dấu tranh quân sự của dân tộc Việt-nam.

Nhân tố nào đã quyết định sự thắng lợi oanh liệt kỳ lạ đó của vua Quang-trung?

TAILIEU.COM.VN

Xét quá trình diễn biến cuộc hành quân đánh quân Thanh, ta thấy sở dĩ vua Quang-trung đã giành được thắng lợi là vì những nhân tố sau này:

1) *Thời cơ.* — Khoảng thời gian từ cuối tháng chạp đến mồng 5 tháng giêng là thời gian quân Thanh do chủ quan khinh địch, đang chuẩn bị ăn Tết hay đang ăn Tết đồng thời cũng là thời gian mà nhân dân Việt-nam ở Bắc-hà đang căm giận quân Thanh, chán ghét vua Chiêu-thống. Qua thời gian này quân Thanh (gồm cả lộ quân do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy và cả lộ quân Vân — Quí) sẽ phối hợp với nhau để khởi thế công. Để dọn đường cho quân Thanh rất có thể vua Chiêu thống sẽ theo lệnh Tôn

Sĩ Nghị mở một chiến dịch tuyên truyền. Lòng căm giận quân Thanh của người ta có thể vì vậy mà nguội bớt đi. Muốn thắng nhanh quân Thanh phải đánh chúng vào khoảng từ cuối tháng chạp đến mồng 5 tháng giêng là lúc chúng ít đề phòng nhất. Qua thời gian đó, nhân tố bất ngờ sẽ mất đi, lộ quân Vân — Quí và lộ quân Lưỡng Quảng có đủ thì giờ phối hợp hành động, « nghĩa binh » của vua Chiêu-thống có đủ thì giờ để tập trung hoạt động, thì cuộc chiến tranh Việt — Thanh sẽ thành cuộc chiến tranh tràng kỳ. Việc đánh nhanh quân Thanh để thắng nhanh do đó là một chiến lược cần phải thực hiện và có đủ điều kiện để thực hiện. Nguyễn Thiếp sở dĩ bảo vua Quang-trung [« Nếu đánh gấp đi thì không quá mười ngày sẽ phá tan. Nếu trì hoãn một chút thì khó lòng mà được nó », chính là vì vậy.

Vả để kéo dài thì thủy quân Mân, Quảng của nhà Thanh có thì giờ vượt biển, đánh vào Thuận-hóa hay Quảng-nam, thì quân Tây-sơn sẽ không khởi thế công được nữa, và sẽ bị hãm vào cái thế bị đánh cả mặt trước lẫn mặt sau.

2) *Việc chỉ đạo chiến dịch đúng đắn.* — Quân Thanh có 20 vạn, quân Tây-sơn chỉ có 10 vạn. Mang 10 vạn quân ra để đánh 20 vạn quân là một hành động ít khi mang lại thắng lợi. Nhìn hình thế chiến sự Việt — Thanh, ta thấy 20 vạn quân Thanh gồm ba lộ quân đóng ở ba đường chính : đường thứ nhất từ Lạng-sơn qua Bắc-giang, Bắc-ninh xuống Thăng-long; đường thứ hai từ Cao-bằng qua Thái-nguyên xuống Thăng-long; đường

thứ ba từ Tuyên-quang xuống Sơn-tây. Trong ba lộ quân trên, mới có lộ quân do Sầm Nghi Đống chỉ huy và lộ quân do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy liên lạc được với nhau để phối hợp tác chiến. Hai lộ quân này đều là quân Lưỡng Quảng cả. Còn lộ quân Vân — Quí do đề đốc họ Ô chỉ huy mãi đến ngày mồng 5 tháng giêng mới đến Sơn-tây nghĩa là chưa có đủ thì giờ để phối hợp tác chiến với lộ quân Lưỡng Quảng. Thấy rõ tình hình này vua Quang-trung đã quyết định tập trung lực lượng đánh vào quân Lưỡng Quảng là quân chủ lực của Tôn Sĩ Nghị. Khi đã phá được quân chủ lực, thì quân Vân — Quí của đề đốc Ô tự nhiên phải rút cho nhanh. Chiến lược của vua Quang-trung phảng phất giống chiến lược của quân Giải phóng Trung-quốc khi quân Giải phóng khởi thế công. Khi đã có đủ điều kiện cần thiết để phản công, quân giải phóng Trung-quốc không dàn mỏng lực lượng để đánh quân Tưởng Giới Thạch ở khắp mọi nơi, mà chú ý tập trung lực lượng mở chiến dịch Hoài — Hải để tiêu diệt chủ lực quân của Tưởng Giới Thạch. Chủ lực quân Tưởng Giới Thạch sau khi bị đánh quị ở mặt trận Hoài — Hải, quả nhiên quân đội của Tưởng ở các nơi khác không sao ngóc đầu được lên nữa, do đó, các quân đó lần lượt đều bị quân giải phóng Trung-quốc tiêu diệt một cách dễ dàng.

Vua Quang-trung nhằm đánh vào chủ lực quân của Tôn Sĩ Nghị, do đó quân của nhà vua từ chỗ ít nhờ được tập trung cao độ đã hóa ra nhiều. Nhà vua đánh vào chủ lực quân của Tôn

Sĩ Nghị, nhưng nếu chỉ đánh vào một hướng, thì Tôn Sĩ Nghị vẫn có khả năng để tập trung quân đội. Cho nên nhà vua đã đánh chủ lực quân của Tôn Sĩ Nghị bằng nhiều hướng làm cho Tôn Sĩ Nghị phải phân tán lực lượng và bối rối không biết quân Tây-sơn đã đánh những nơi nào. Tiến đánh chủ lực quân của Tôn Sĩ Nghị bằng nhiều hướng còn tạo ra điều kiện để bao vây vu hồi quân địch và tiêu diệt quân địch từng bộ phận một nữa. Xét cuộc hành quân của vua Quang-Trung, ta thấy nhà vua đã đánh quân Thanh theo hai hướng lớn: Hướng trước mặt Thăng-long và hướng Hải-dương—Bắc-giang. Hướng trước mặt Thăng-long là hướng chủ yếu. Chủ lực quân Tây-sơn tập trung ở hướng này. Chủ lực quân Tây-sơn ở hướng này lại chia làm ba mũi. Mũi thứ nhất là mũi chủ yếu do vua Quang-trung tự chỉ huy tiến theo con đường quốc lộ số 1 ngày nay chọc vào Phù-xuyên rồi Hà-hồi rồi Ngọc-hồi. Ngoài ra lại còn mũi do đô đốc Bảo chỉ huy theo đường núi vượt qua Vân-đình rồi thọc vào làng Đại-áng để bao vây vu hồi; và mũi do đô đốc Mưu chỉ huy tiến theo đường số 6 ngày nay đánh vào làng Nhân-mục tức là lẻn vào sau lưng quân địch để đánh quân địch một cách bất ngờ.

3) *Tốc độ hành quân nhanh chóng.* — Trước sau bao giờ các cuộc hành quân của vua Quang-trung cũng là những cuộc hành quân thần tốc. Những cuộc hành quân thần tốc này làm cho quân Tây-sơn bao giờ cũng giữ được thế chủ động và đánh cho quân địch những đòn bất ngờ chí tử.

Trong chiến dịch đại phá quân Thanh, vua Quang-trung lúc nào cũng giữ được tốc độ hành quân nhanh chóng. Ngày 30 Tết quân của nhà vua mới đến bến đò Giản-khẩu cách Thăng-long 76 cây số. Trên quãng đường 76 cây số này, còn có « nghĩa binh » của vua Chiêu-thống; từ Phú-xuyên đến Thăng-long lại có nhiều vị trí dịch khá kiên cố như vị trí Ngọc-hồi chẳng hạn. Thế mà tính trung bình, quân Tây-sơn mỗi ngày hành quân được hơn 15 cây số. Từ Hà-hồi đến Thăng-long, quân Thanh có nhiều đồn lũy, có đồn kiên cố như đồn Ngọc-hồi, vậy mà trung bình quân Tây-sơn cũng tiến được 12 cây số một ngày. Đồn Ngọc-hồi cách Thăng-long 12 cây số, buổi sáng quân Tây-sơn mở cuộc tấn công vào đồn, buổi chiều quân Tây-sơn đã làm chủ Thăng-long. Trong cuộc đại chiến 1914 — 1918, tốc độ hành quân cao nhất của quân Anh — Pháp là 11 cây số một ngày, còn bình thường chỉ có ba cây số một ngày. Trong cuộc đại chiến thứ hai, tốc độ hành quân của quân các nước tư bản cũng không hơn gì. Chỉ có Hồng quân Liên-xô khi phản công quân đội Đức mới tiến được từ 20 cây số đến 30 cây số một ngày mà thôi.

So sánh qua loa như thế cũng đủ thấy rằng phép hành quân của quân Tây-sơn quả là thần tốc. Phép hành quân ấy là một trong những nhân tố làm cho quân Tây-sơn luôn luôn giành được thắng lợi chớp nhoáng và hãm quân địch vào thế bị động.

4) *Chính nghĩa ở về phía quân Tây-sơn.* — Quân Tây-sơn chiến đấu để bảo vệ đất đai của Tổ

quốc đuổi quân xâm lược Mãn Thanh giày xéo đất nước, cướp bóc của nhân dân, cho nên quân Tây-sơn hăng hái dũng cảm, và được nhân dân hết lòng ủng hộ. Vì có nhân dân ủng hộ cho nên quân Tây-sơn đã bắt hết được quân do thám của Tôn Sĩ Nghị ở Phú-xuyên. Vì có nhân dân ủng hộ, quân của đô đốc Bảo đã lẻn được vào sau lưng quân giặc bất ngờ đánh vào vị trí địch ở làng Đại-áng thuộc huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông. Cũng nhờ có nhân dân ủng hộ, đô đốc Mưu đã lẻn được vào làng Nhân-mục, rồi thọc ra phá quân Điền-châu ở làng Khương-thượng, uy hiếp sườn phía tây thành Thăng- long. Và quân của đô đốc Lộc sở dĩ dám kéo lên tận Lạng-giang, Phượng-nhỡn, Yên-thế để chặn đường rút lui của quân Thanh là vì quân đó được nhân dân giúp đỡ hay che chở.

Nhân tố chính nghĩa có một ý nghĩa quyết định đối với các thắng lợi của quân Tây-sơn. Nhờ có chính nghĩa quân Tây-sơn đã hành quân được nhanh chóng, biết được địch tình, mà địch không biết được tình hình quân Tây-sơn.

GIẢNG HÒA VỚI NHÀ THANH

Ngay từ khi kéo quân đến núi Tam-điệp trên đường ra Thăng-long tiêu diệt quân Thanh, vua Quang-trung đã tính đến việc giảng hòa với nhà Thanh sau khi thắng trận, và đã ủy cho Ngô Thời Nhiệm dùng từ lệnh tiến hành việc giảng hòa. Cho nên khi kéo quân vào Thăng-long, vua Quang-trung lập tức ra lệnh cấm giết bại binh Thanh mỗi khi bắt được. Nhà vua lại cho phép quân Thanh được ra thú. Nhờ chính sách khoan hồng này, số quân Thanh bị bắt và giải về Thăng-long có hơn 800 người, họ đều được cấp lương ăn và quần áo mặc.

Khi đem 800 tù binh này trả về Trung-quốc, vua Quang-trung có viết cho viên tả giang binh bị đạo ở Quảng-tây là Thang Hùng Nghiệp một bức thư trong đó có những câu: «... trượng phu làm việc bao giờ cũng minh bạch, không giết kẻ đã xuống ngựa xin hàng, nên đối với họ tôi đã nhất nhất thu nuôi cả. Nay đã điều tra cẩn thận, thì số quan quân hiện còn ở quốc đô vào hơn 500 người. Ngoài số 200 tên do quân bản bộ đem đến những nơi trấn thủ và ngót 100 bị đau ốm bị tật dịch ra, tôi giao cho bồi thần là bọn Nguyễn Hữu Trù đem

đến cửa ải nộp trả hơn 550 tên. Còn 200 tên nữa thì đang đi đường khác sẽ lục tục nộp sau... »

Trước việc nhân dân Trung-quốc ở miền biên giới Việt — Trung khi thấy quân Thanh đại bại lốc nhốc chạy về phía bắc Quảng-tây, vì tưởng quân Tây-sơn tràn sang Trung-quốc, vua Quang-trung cũng viết thư cho Thạng Hưng Nghiệp để nói lên ý chí hòa bình của mình : « Tôi không hề có ý xâm phạm biên giới để mang tội với thượng quốc ».

Trong khi vua Quang-trung đang dọn đường để đi đến chỗ giảng hòa với nhà Thanh, thì ở Yên-kinh vua Kiền-long cả giận khi được tin 20 vạn quân Thanh đã bị tiêu diệt và bị đuổi ra khỏi Việt-nam. Tức thì vua Kiền-long một mặt cho gọi Tôn Sĩ Nghị về Yên-kinh hậu cứu, một mặt cử Phúc Khang An làm tổng đốc Lưỡng Quảng, đốc suất 50 vạn quân của chín tỉnh, định ngày kéo đến trấn Nam-quan đánh Việt-nam một lần nữa để rửa hờn.

Nhưng cất 50 vạn quân của chín tỉnh sang đánh Việt-nam không phải là một việc dễ dàng. Gương 20 vạn quân do Tôn Sĩ Nghị bị đại phá trong mười ngày còn sờ sờ ra đó, một ông vua sáng suốt như Kiền-long làm gì không biết.

Biết vua Kiền-long đang ở vào một cái thế khó xử, đánh cũng dở mà không đánh cũng dở, cho nên vua Quang-trung ngay sau khi đuổi quân Thanh ra khỏi Thăng-long đã bảo Ngô Thời Nhiệm :

— Nay họ bị ta đánh thua, nhịn thì nhục mà muốn đánh báo thù thì cũng khó. Muốn cho dân nghỉ, nước yên, ta tất phải tạm gác can qua, dũng

đến lễ vật. Vậy khanh là tay giỏi từ lệnh, phải lập tức đưa thư sang Thanh dàn xếp cho êm chuyện đi.

Sau đó nhà vua sai Ngô Thời Nhiệm viết biểu đưa sang nhà Thanh xin xưng thần và cầu hòa. Hô hồ hầu (1) được cử làm sứ giả mang tờ biểu sang Trung-quốc. Hô hồ hầu đến Quảng-tây đưa tờ biểu cho Thang Hùng Nghiệp. Thang xem biểu thấy vua Quang-trung tuy một mặt vẫn xưng thần, nhưng mặt khác lại tỏ ra ngạo nghễ, không chịu khuất. Những câu sau đây trong tờ biểu tỏ ra vua Quang-trung không chịu lùn vua Kiền-long, và không chịu để mất quốc thể : « Ôi, đường đường là Thiên triều lại đi tranh hơn thua với tiểu đi, thì tất phải chiến tranh liên miên để thỏa lòng tham. Đó là điều Thánh thượng không nỡ. Vạn nhất chiến sự kéo dài, thế đến như vậy, thì cũng không phải là điều thần mong muốn, và cũng không dám biết. »

Kèm theo tờ biểu, vua Quang-trung lại gửi cho Thang Hùng Nghiệp một bức thư biểu thị một thái độ rất cứng cỏi : « Thiên triều không chịu khoan dung một chút, cứ muốn động binh, thế là làm nước nhỏ không được phục nước lớn, thì bấy giờ Đại quốc có dạy bảo gì tôi cũng xin theo. »

Xem biểu và xem thư xong, Thang Hùng Nghiệp biết vua Quang-trung là người rất có ý thức về lực lượng của mình và không bao giờ chịu khuất để làm những điều nhục nhã đến quốc thể. Thang nói với Hô hồ hầu :

---

(1) Nhiều sách chép là Hám hồ hầu.

— Ngày nay không phải là lúc hai bên đang giao chiến, sao lại nói bằng toàn một giọng tức giận thế này. Nói như thế này thì muốn được phong tước hay là muốn tái khởi chiến tranh ?

Rồi Thang dìm tờ biểu kia đi, không dâng lên vua Kiền-long nữa.

Đoạn cùng với Phúc Khang An, Thang ra sức dàn xếp để vua Kiền-long chấp nhận đề nghị giảng hòa của vua Quang-trung. Kết quả đến Tháng tư năm kỷ dậu (1789) 50 vạn quân của chín tỉnh được lệnh bãi bỏ. Để khỏi bẽ mặt, vua Kiền-long đòi vua Quang-trung phải nhận mấy điều kiện sau này :

1. — Lập đền thờ Hứa Thế Hanh, và hàng năm vào mùa xuân và mùa thu phải làm lễ tế viên bại tướng đã tử trận ấy.

2. — Sang triều cận vua Kiền-long vào dịp bát tuần vạn thọ cử hành vào năm 1790 ở Yên-kinh.

Hai điều kiện trên đều được vua Quang-trung chấp thuận. Thế là từ đấy giữa Việt-nam và nhà Thanh mở ra một thời kỳ giao thiệp hòa bình.

Sau khi đặt vững cơ sở giảng hòa với nhà Thanh, vua Quang-trung vời các quan văn võ lại và dặn mọi người rằng :

— Việc phòng thủ Bắc-thành (Bắc-hà) ta giao cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân. Phàm việc từ lệnh trong triều, ta giao cho Ngô Thời Nhiệm và Phan Huy Ích, cho tùy tiện mà định liệu. Phàm việc không quan trọng, thì bất tất phải bẩm báo cùng ta. Rồi nhà vua lại đem đại quân trở vào Nam.

Lúc này tình hình ở Nam đang nghiêm trọng, Nguyễn Ánh đã chiếm được toàn bộ miền Gia-định, đang ra sức phát triển nông nghiệp và tăng cường binh bị. Trong khi ấy, vua Thái-đức ở Qui-nhơn, ngày đêm vẫn ung dung ưu du hưởng lạc như sống trong một nước thái bình vô sự.

Về việc vua Quang-trung sau khi cả phá quân Thanh, lại mang đại binh trở vào Phú-xuân, có sách cho rằng nhà vua vào Phú-xuân để luyện tập quân đội đánh nhà Thanh. Theo giáo sĩ La-bút-xơ (Labousse), thì sau khi thủy quân của Nguyễn Nhạc bị thủy quân của Nguyễn Phúc Ánh đánh bại ở Thị-nại (1792), vua Quang-trung cho luyện tập thủy binh và bộ binh để rồi kéo vào miền Gia-định đánh Nguyễn Phúc Ánh để trả thù cho anh và để trừ mối họa hoạn về sau.

Có lẽ hai thuyết đều đúng cả, vua Quang-trung muốn đánh nhà Thanh, lại muốn đánh cả Phúc Ánh nữa. Nhưng trước khi đánh nhà Thanh, nhà vua cần phải đánh cho tan lực lượng của Phúc Ánh để thống nhất đất nước. Vì việc thống nhất đất nước là điều kiện tiên quyết để đánh thắng nhà Thanh.

CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO

1. – Đối với nhà Thanh

Trong lịch sử phong kiến Việt-nam, chưa bao giờ nước Việt-nam được vua Trung-quốc nể vì bằng thời Tây-sơn. Suốt thời Tây-sơn, lúc nào vua quan nhà Thanh cũng nhìn nước Việt-nam bằng con mắt e dè và kính nể. Địa vị Việt-nam do đó được đề cao.

Năm 1789, vua Quang-trung sai cháu là Nguyễn Quang Hiển cùng bọn bầy tôi là Vũ Huy Tấn, Ngô Vi Quý, Nguyễn Đình Cử sang sứ nhà Thanh.

Đến Yên-kinh, sứ bộ Việt-nam được triều đình nhà Thanh tiếp rước rất long trọng. Khi sứ bộ về nước, vua Kiền-long gửi tặng vua Quang-trung một chuỗi hạt trai.

Năm 1790 vua Kiền-long được tin mẹ vua Quang-trung đã tám mươi tuổi hay đau yếu, cho người mở kho Thượng phương lấy ra một cân nhân sâm tốt nhất hạng gửi tặng vua Việt-nam. Đấy là chưa kể bốn lạng nhân sâm khác do Phúc Khang An gửi tặng nhà vua từ trước.

Năm 1790, Phúc Khang An biên thư giục vua Quang-trung sửa soạn sang Trung-quốc triều cận vua Kiền-long vào tiết bát tuần vạn thọ. Vua Quang-trung phúc thư nói rằng vì mẹ vừa mới mất không tiện đi xa, và xin cho con là Nguyễn Quang Thùy đi thay.

Phúc Khang An cho người sang Việt-nam bảo cho vua Quang-trung biết rằng nhà vua thế nào cũng phải sang Yên-kinh triều cận, nếu không thể đi được, thì nên tìm một người giống nhà vua cho đi thay. Vì thế vua Quang-trung lấy một người cháu gọi nhà vua bằng cậu tên là Phạm Công Trị cho đóng vai vua Quang-trung giả rồi cùng với bọn Ngô Văn Sở, Đặng Văn Trấn, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tuấn v.v... đem các lễ vật và hai thớt voi sang Trung-quốc dự lễ bát tuần vạn thọ vua Kiền-long. Vua Quang-trung giả được đón tiếp cực trọng thể và được vua Kiền-long ban thưởng rất hậu. Vua Kiền-long cho vời vị vua giả đến Nhiệt-hà là nơi nhà vua đang nghỉ mát.

Ngày 11 Tháng bảy năm canh tuất (1789), vua giả được vua Kiền-long tiếp ở hành cung tại Nhiệt-hà và được tặng một bài thơ như sau:

瀛 藩 八 祝 値 時 巡
Doanh phiên nhập chúc trị thì tuần
初 見 渾 如 舊 識 親
Sơ kiến hồn như cựu thức thân
伊 古 未 聞 來 象 國
Y cổ vị văn lai Tượng quốc
勝 朝 往 事 鄙 金 人
Thắng triều vãng sự bỉ kim nhân

九 經 柔 遠 祇 重 驛
Cửu kinh nhu viễn chi trùng dịch
嘉 會 於 今 勉 體 仁
Gia hội ư kim miễn thể nhân
武 偃 文 修 順 天 道
Vũ yển văn tu thuận thiên đạo
大 清 祚 永 萬 千 春
Đại thanh tộ vĩnh vạn thiên xuân.

Nghĩa là : Nước phiên ngoài biển vào chức thọ vào lúc ta đi tuần. Mới gặp nhau mà đã như quen biết đã lâu. Từ xưa chưa từng nghe việc vua nước Tượng (Việt-nam) đến triều cận bao giờ. Cái việc triều trước bắt cống người vàng là đáng bỉ. Đạo vỗ yên người xa là một trong chín đạo thường; nhà Thanh coi trọng việc đi sứ. Gặp vận hội tốt như ngày nay, nên thể theo lòng nhân của ta. Thuận đạo trời ta xếp việc võ, lo việc văn. Nhà Thanh truyền nối lâu dài đến muôn nghìn năm.

Ở bài thơ trên, vua Kiền-long tuyên bố : lệ bắt cống người vàng là đáng khinh bỉ !

Nhưng có phải tự nhiên nhà vua tuyên bố như thế đâu !

Từ đời Lê Thái-tổ, các triều vua Việt-nam vẫn phải đúc người vàng mang sang cống triều đình Trung-quốc để bồi thường việc Lê Nhân Chú đã giết Liễu Thăng (1427), một viên tướng của quân Minh. Sau đó, các vua Lê, vua Mạc, rồi vua Lê vẫn theo lệ đúc người vàng cống cho vua Trung-quốc. Đến đời vua Lê Dụ-tôn, Nguyễn Công Hãng đã dùng tài ngoại giao buộc vua Trung-quốc hủy bỏ

lệ cống người vàng. Đến đời vua Quang-trung, Phúc Khang An lại đòi triều đình Việt-nam phải cống người vàng. Nhân dịp này vua Quang-trung có viết thư cho Phúc Khang An một bức thư trình bày đủ lý lẽ để bác hẳn lệ cống người vàng. Kết quả, vua Kiền-long phải nhượng bộ. Từ đấy, lệ cống người vàng được bãi hẳn.

Thời Lê mạt, sáu châu thuộc Hưng-hóa và ba động thuộc Tuyên-quang bị bọn thổ ty nhà Thanh xâm chiếm, nhiều lần ta đòi không được. Đến thời Quang Trung, nhà vua viết thư cho tổng đốc Lưỡng Quảng yêu cầu định lại địa giới hai nước Việt — Thanh cho minh bạch.

Tổng đốc Lưỡng Quảng vin cớ rằng biên giới hai nước đã phân định, không chịu xét vấn đề do vua Quang-Trung đưa ra. Tức lắm, vua Quang-trung liền ra sức luyện tập binh mã, chế tạo chiến thuyền, ngầm có ý đánh lấy Lưỡng Quảng. Nhà vua thường nói :

— Để cho ta mấy năm dưỡng uy súc nhuệ, thì ta có sợ gì họ !

Năm 1792, sau khi cho quân sĩ nghỉ ngơi, luyện tập được ba năm, vua Quang-trung bắt đầu thăm dò thái độ nhà Thanh.

Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* thì : « Năm nhâm tý (1792) Huệ sai người làm biểu sang nhà Thanh cầu hôn để dò xét thái độ vua Thanh, muốn mượn chuyện này để làm cớ khởi binh, nhưng rồi bị bệnh không làm được. »

Người được cử đi sứ nước Thanh để làm nhiệm vụ trên là Vũ Văn Dũng. Ngoài việc cầu hôn, Vũ Văn Dũng còn xin đất Lưỡng Quảng để đóng đô nữa.

Cả hai yêu cầu đều được vua Kiền-long chấp nhận: Nhà vua bằng lòng cho vua Quang Trung tỉnh Quảng-tây để làm đất đóng đô, và cho sửa soạn nghi lễ để làm lễ vu quy cho công chúa Thanh triều kết duyên với hoàng đế Việt-nam.

Nhưng chỉ sau đó vài hôm, Vũ Văn Dũng nhận được một tin sét đánh: vua Quang-trung mất! Do đó mọi việc đều xếp lại.

Lại nói một mặt vua Quang-trung sai sứ đi cầu hôn và xin đất Lưỡng Quảng để đóng đô, một mặt khác nhà vua ráo riết chuẩn bị mọi phương sách, tạo đủ mọi điều kiện để đánh nhà Thanh.

Khi quân Mãn Thanh được Ngô Tam Quế mở cửa quan cho vào xâm chiếm Trung-quốc, thì nhiều nhân sĩ của nhà Minh không phục nhà Thanh tổ chức ra *Thiên địa hội* nhằm tập hợp lực lượng đánh đổ nhà Thanh khôi phục nhà Minh. *Thiên địa hội* hoạt động ở nhiều tỉnh Trung-quốc. Vua Quang-Trung đã liên lạc với *Thiên địa hội* và giúp đỡ tổ chức này trong các việc gây ra các vụ biến loạn ở miền duyên hải phía nam Trung-quốc.

Vua Quang-trung lại giúp đỡ những toán quân mà ta vẫn gọi là bọn Tầu-ô (người Trung-quốc) để bọn này đánh phá các tỉnh Quảng-đông, Phúc-kiến, Giang-tô và Chiết-giang. Quan quân nhà Thanh khổ sở vì bọn Tầu ô, và biết rằng vua

Quang-trung đã ngầm giúp đỡ bọn ấy. Nhưng trước uy lực lớn mạnh của nhà vua, họ dành phải làm ngơ cho êm chuyện.

2. – Đối với Lào và Diến-điện.

Khi vua Chiêu thống chạy sang Trung-quốc, thì Lê Duy Chi khởi binh đánh chiếm Tuyên-quang và Cao-bằng. Duy Chi dựa vào bọn Thổ tù Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng, và câu kết với bọn tù trưởng các tộc ở Vạn-tượng, Trấn-ninh, Qui-hợp để mưu đánh chiếm Nghệ-an. Vua Quang-trung sai đốc trấn Nghệ-an là Trần Quang Diệu làm đại tổng quản, và đô đốc Nguyễn Văn Uyển mang 5.000 quân tinh nhuệ theo đường núi Nghệ-an tiến đánh quân đội của bọn tù trưởng Lào đã câu kết với bọn Lê Duy Chi. Tháng sáu năm tân hợi (1791) quân của Trần Quang Diệu chiếm được Trấn-ninh, bắt sống được tướng Lào là Chiêu Kiểu và Chiêu Nam. Tháng Tám năm ấy chiếm Qui-hợp. Tháng mười đánh đuổi vua Lào chạy ra khỏi Vạn-tượng, chiếm voi, ngựa, chiêng, trống, rồi kéo ra tận biên giới Lào—Xiêm. Sau đó quân đội của bọn Lê Duy Chi, Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng cũng bị phá ở miền Bảo-lạc; Duy Chi, Phúc Tấn, Văn Đồng bị giết.

Từ dấy các vua Lào thường phải triều cống Việt-nam.

Uy lực Việt-nam còn sang đến cả Diến-điện nữa. Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện*, thì dưới triều Quang-trung, nước Diến-điện cũng sai sứ theo

đường Hưng-hóa sang thông hiếu với nước Việt-nam.

Tóm lại dưới thời Quang-trung, nước Việt-nam có một địa vị hiển hách vào bậc nhất ở Đông Nam châu Á. Về phía bắc, nước Việt-nam được vua quan nhà Thanh vì nể, về phía Tây, nước Việt-nam được các nước Xiêm, Mên, Lào và Diến-điện kính trọng.

TIMSACH.COM.VN

CHÍNH SÁCH CÁN BỘ

Lần đầu tiên được Nguyễn Nhạc cho cầm quân vào đánh bọn Tống Phúc Hiệp ở Qui-nhơn, Nguyễn Huệ đã tỏ ra là người biết trọng dụng nhân tài. Vì vậy, Huệ được các tướng sĩ mến phục. Năm 1775, viên tham tán của Nguyễn Phúc Thuần là Nguyễn Đăng Trường bị Huệ bắt trên đường chạy theo Nguyễn Phúc Thuần. Không những Huệ không giết Đăng Trường, mà lại lấy lễ tân sư để đãi Đăng Trường. Tuy vậy, Đăng Trường cũng nhất định không chịu theo Huệ. Huệ có hỏi Đăng Trường: « Thày đi chuyến này liệu có xoay lại nổi trời đất không? Sau này có hối, e muộn mất rồi! »

Đăng Trường nói: « Tài trai ở đời lấy trung hiếu làm đầu. Tôi nay dắt mẹ đi tìm chúa, đối với đại nghĩa rất là quang minh. Còn cũng hay thông, được hay hỏng, là do số chứ có gì hối hận! »

Huệ khen là khẳng khái rồi tha cho đi với Nguyễn Phúc Thuần.

Năm 1777, quân của Huệ lại bắt được Đăng Trường. Huệ liền hỏi Đăng Trường: « Lần này thì thầy định liệu sao? » Đăng Trường trả lời: « Bây

giờ chỉ còn có chết thôi, cần gì phải hỏi nữa ! » Đến lúc này Huệ mới chịu giết Đăng Trường.

Sau khi lên ngôi vua, Nguyễn Huệ lại càng trọng dụng nhân tài. Những văn quan, võ tướng như Ngô Thời Nhiệm, Trần Văn Kỷ, Phan Huy Ích, Ngô Văn Sở, Trần Quang Diệu đều là những nhân vật có tài, và đều vì vua Quang-trung mà ra công gắng sức.

Chính sách trọng dụng nhân tài của vua Quang-trung thể hiện rõ rệt nhất là ở thái độ của nhà vua đối với La-sơn phu tử Nguyễn Thiếp.

Nguyễn Thiếp sinh năm 1723 tại xã Nguyệt-ao, tổng Lai-thạch, huyện La-sơn, trấn Nghệ-an (nay là huyện Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh)(1), năm 1743 đỗ giải nguyên, làm quan đến tri huyện, đến năm 1768 xin từ quan rồi lên ở ẩn ở núi Thiên-nhận là một dãy núi ở vào chỗ giáp giới hai huyện Hương-sơn và Thanh-chương. Thời Nguyễn Thiếp làm quan là thời chế độ phong kiến Việt-nam đang lủng củng và suy vi.

Năm 1767, Trịnh Doanh chết, Trịnh Sâm lên nối ngôi cha. Liền ngay đó xảy ra việc Trịnh Đệ định đoạt ngôi chúa của Sâm. Sâm giết Đệ và đồng đảng. Sau đó Sâm lại sai bọn hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc vu tội cho thái tử Lê Duy Vỹ để giết đi. Thời Trịnh Sâm có hai cuộc khởi nghĩa nông dân quan trọng : cuộc khởi nghĩa của Hoàng Văn Chất và cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật, con vua Lê Dụ-tôn. Năm 1729, vua Dụ-tôn bị Trịnh Cương buộc phải thoái vị để nhường ngôi báu cho cháu Cương là Lê Duy Phương. Ít lâu, Lê Duy Phương

(1) *Theo La-sơn phu tử* của Hoàng Xuân Hãn, trang 17.

lại bị Trịnh Giang giết hại. Lê Duy Mật liền cùng với một số người hoàng tộc chạy vào miền thượng du Thanh-hóa dấy binh đánh lại họ Trịnh. « Năm Trịnh Doanh được lập (1740) cũng là năm vua Cảnh-hưng lên ngôi, Duy Mật đã kéo quân đến vùng Mỹ-lương, Chương-đức (miền tây tỉnh Hà-đông hiện nay), nhưng bị quân Trịnh đánh lui. » (*La-sơn phu tử* của Hoàng Xuân Hãn, trang 71).

Theo sách trên thì khi « nghe tin Trịnh Sâm mới lên ngôi, Duy Mật lại kéo quân xuống đánh các huyện Hương-sơn và Thanh-chương là nơi Nguyễn Thiếp đang cai trị.

« Tuy Duy Mật mang tiếng là giặc, nhưng sự khởi loạn có chính nghĩa là giành quyền chúa Trịnh để phù Lê, trong thâm tâm, Nguyễn Thiếp không thể trách Duy Mật được, mà có lẽ còn mong cho được thành công. » Thế mà chính thầy mình là Nguyễn Nghiễm lại được sai đi dẹp loạn.

« Làm việc cũng không chính đáng, can gián cũng không ăn thua mà có lẽ lại còn bị liên lụy. Chắc rằng vì cớ ấy, cho nên Nguyễn Thiếp mới cáo quan về vườn. » (sách đã dẫn, trang 71)

Sau khi Nguyễn Thiếp về ở ẩn, danh tiếng ông lại càng vang dậy. Năm 1780, Trịnh Sâm cho người triệu ông ra Thăng-long, để hỏi về việc chính sự. Trong dịp này ông có khuyên Trịnh Sâm là không nên làm việc thoán đoạt.

Cuối năm 1786, đại nguyên soái Nguyễn Huệ cho hai viên đại thần mang vàng bạc lên núi Thiên-nhận mời Nguyễn Thiếp xuống núi giúp anh em Tây-sơn.

Nguyễn Thiếp không nhận lễ vật và từ chối cả việc xuống núi giúp các lãnh tụ Tây-sơn.

Ngày 10 tháng tám năm 1787, Bắc bình vương Nguyễn Huệ lại sai hai viên đại thần mang thư và lễ vật đến mời Nguyễn Thiếp một lần nữa.

Nguyễn Thiếp lại từ chối. Bắc bình vương vẫn không nản lòng. Cũng năm 1787, vương lại viết một bức thư dài, lời lẽ rất thống thiết, lý luận rất chặt chẽ, rồi cho quan hình bộ thượng thư Hồ Thuyên mang lên núi mời Nguyễn Thiếp lần thứ ba. Nguyễn Thiếp lại từ chối. Cuối năm 1787, nhân đi gấp đường ra Bắc để giết Vũ Văn Nhâm, Bắc bình vương lại viết thư mời Nguyễn Thiếp xuống Phù-thạch để nói chuyện với vương. Khi hội kiến với Bắc bình vương, Nguyễn Thiếp vẫn nhất định không xuống núi giúp vương, và chỉ nhận suông là sẽ chọn đất để dựng đô cho vương mà thôi.

Sau khi lên ngôi hoàng đế, vua Quang-trung vẫn một lòng quý Nguyễn Thiếp. Thấy Thiếp càng từ chối, nhà vua càng ân cần, qui mến. Thái độ kính trọng nhân tài của Quang-trung kết quả chinh phục được nhà ẩn sĩ ở núi Thiên-nhận. Năm 1789, Nguyễn Thiếp chịu nhận chức Sùng chức viện viện trưởng của vua Quang-trung và khuyên vua Quang-trung làm nhiều điều bổ ích.

CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Các sử sách ghi chép về phong trào Tây-sơn không để một tài liệu nào nói về chính sách công nghiệp của vua Quang-trung. Theo Lê Thúc Thông trong *Nam phong tạp chí* số 102, khi vua Quang-trung mang quân ra Thăng-long đánh Tôn Sĩ Nghị, nhà vua có nói với Nguyễn Thiếp rằng: «Tôi muốn khí dụng gì cũng chẳng phải mua của nước Tàu». Nguyễn Thiếp có nói: «Chỉ có thuốc bắc là phải mua của Tàu mà thôi.»

Với câu nói trên, vua Quang-trung tỏ ra muốn nước Việt-nam có một nền kinh tế độc lập với Trung-quốc. Nhà vua muốn cho nhân dân Việt-nam tự sản xuất ra những hàng hóa — khí dụng — vẫn phải mua của Trung-quốc.

Chính sách kinh tế này nếu được thi hành tất nhiên sẽ làm cho tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp Việt-nam phát triển mạnh.

Nhưng độc lập về kinh tế theo vua Quang-trung quan niệm không có nghĩa là đoạn tuyệt sự giao lưu kinh tế với các nước lân bang, mà trái lại, lại cần có sự giao lưu kinh tế với các nước lân bang thì nền kinh tế Việt-nam mới phồn vinh

được. Chứng cớ là ngay sau khi giảng hòa với nhà Thanh, vua Quang-trung phái người sang Trung-quốc điều đình với triều đình Mãn Thanh việc mở chợ buôn bán ở Bình-thủy-quan (thuộc tỉnh Cao-bằng) và Du-thôn-ải (thuộc tỉnh Lạng-sơn). Vua Quang-trung lại đề nghị với vua Thanh miễn đánh thuế cho việc buôn bán ở các chợ trên. Đề nghị này được vua Thanh ưng chuẩn. Vua Thanh cũng bằng lòng để cho Việt-nam mở một nha hàng ở Nam-ninh (Quảng-tây) để cho người Việt-nam được sang đó buôn bán.

Đối với nhà buôn các nước phương tây, vua Quang-trung cũng cho họ những điều kiện cần thiết để họ khả dĩ buôn bán dễ dàng với nhân dân Việt-nam. Để khuyến khích thương nghiệp, nhà vua ra lệnh miễn cho nhân dân miền Bắc thuế điệu là thứ thuế tạp dịch.

TIMSACH.COM.VN

Chính sách kinh tế nói trên của vua Quang-trung nếu được thực hiện, và được thực hiện trong một thời gian tương đương đầy đủ, thì rất có thể kinh tế tư bản chủ nghĩa sẽ có cơ hội để phát sinh và phát triển ở Việt-nam.

Chính sách nông nghiệp của vua Quang-trung cũng rất đáng cho chúng ta chú ý.

Nước Việt-nam (cả Đường trong lẫn Đường ngoài) từ năm anh em Tây-sơn khởi nghĩa (1771) đến năm vua Quang-trung cả phá quân Thanh (1789) luôn luôn sống trong cảnh chiến tranh loạn lạc, và mất mùa, dịch lệ. Trong khoảng thời gian mười tám năm ấy, nhân dân Việt-nam bị chết chóc

khá nhiều. Theo tài liệu sử cũ, thì số người bị chết chiếm tới 4 hay 5 phần 10 dân số. Tình hình chung trong nước lúc bấy giờ là ruộng nhiều người ít, những người còn sống phải đóng thuế điền rất nặng. Do đó có nhiều người bỏ ruộng đất đi làm ăn nơi khác.

Sau khi phá xong quân Thanh, vua Quang-trung để ý ngay đến tình trạng ấy. Nhà vua đã hạ chiếu khuyến nông, đại khái nói :

— « Ít lâu nay trong nước bị binh lửa, đinh tán điền hoang, số đinh điền so với trước kia mười phần kém đến bốn năm phần. Nay trong nước đã bình định cần phải phục hồi dân phiêu tán, khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, làm cho dân du thủ du thực trở về với ruộng đất. Vậy trước kia người nào ngụ ở địa phương khác, hoặc đến ở quê vợ, quê mẹ, hoặc vì làm nghề buôn bán, để trốn tránh lao dịch, thì trừ những người đã ghi tên vào sổ xã khác được ba đời rồi, còn hết thảy phải trở về nguyên quán, xã khác không được chứa chấp. Những ruộng công, ruộng tư trước bỏ hoang, nay phải trở về cày cấy, không được bỏ hoang nữa, để ruộng thực canh khỏi phải chịu không thuế. Lý dịch xã sở tại phải xét sổ đinh thực tại có bao nhiêu suất, phiêu tán mới về làng bao nhiêu suất, ruộng thực khẩu được bao nhiêu mẫu, hạn đến tháng chín khai thành sổ để nộp...

Xã nào ruộng hoang để quá hạn không khai khẩn, nếu là ruộng công sẽ phải chiểu theo nguyên ngạch thuế điền thu gấp đôi, nếu là ruộng tư

sẽ phải tịch thu làm của công, ngạch thuế cũng theo như ruộng công». (Rút ở *Ngô gia văn phái Hàn các anh hoa* của Ngô Thời Nhiệm đăng trong *Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa* số 14 tháng hai 1956).

Trong *Lịch sử Việt-nam* quyển hạ, tác giả ông Đào Duy Anh viết về chính sách ruộng đất của vua Quang-trung như sau: «Nguyễn Huệ hạ chiếu «khuyến nông» để khiến nhân dân chăm nom bản nghiệp. Nguyễn Huệ ra lệnh phàm những người kiều ngụ tha phương trốn tránh sai dịch, hoặc có thê hương mẫu quán mà đến ở, hoặc vì buôn bán mà ngụ cư, hễ đã vào làng sở tại từ ba năm trở lên thì cho ở, còn ngoài ra bắt về bản quán để làm ăn. Phàm ruộng công tư bỏ hoang, những người ấy được nhận lấy mà cày cấy.

Các chức dịch, các xã trưởng và thôn trưởng phải khai rõ số ruộng thực khẩn và số ruộng hoang cùng với số đinh thực tại và số dân phiêu bạt mới về trình sổ lên huyện để đệ lên triều đình làm căn cứ mà bổ thuế.

Xã nào ruộng tư bỏ hoang đã đến hạn mà chưa có người nhận canh, thì cứ do chức dịch và hộ hạng xã ấy phải chịu trách nhiệm về việc đóng thuế. Lệnh ấy buộc bọn chức dịch phải hết sức tìm cách làm cho dân phiêu lưu trở về làng mà làm ăn, và đã có kết quả là chia một phần ruộng đất cho dân lưu vong để giữ họ vào bản nghiệp». (sách đã dẫn, trang 339 — 340).

Về thuế ruộng, năm 1789 vua Quang-trung hạ chiếu cho các trấn sửa lại sổ điền để đánh

thuế cho công bằng, ruộng công và ruộng tư chia ra làm ba hạng như sau :

— Ruộng công mỗi mẫu nộp từ 50 bát (hạng ba) đến 150 bát (hạng nhất).

— Ruộng tư mỗi mẫu nộp từ 20 bát (hạng ba) đến 40 bát (hạng nhất).

Ngoài ra mỗi mẫu còn phải nộp một tiền về tiền thập vật và 30 đồng về tiền khoán khố.

TIMSACH.COM.VN

CHÍNH SÁCH VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC.

Không những vua Quang-trung « muốn khi dụng gì cũng chẳng mua của nước Tàu », nhà vua lại muốn đến văn tự cũng không mượn của Trung-quốc nữa.

Tương truyền rằng năm 1786 khi kéo quân ra Bắc đánh họ Trịnh, Nguyễn Huệ đã sai Nguyễn Hữu Chỉnh làm bài hịch bằng chữ nôm kể tội họ Trịnh, trong đó có những câu :

Vả bây giờ thần ninh chúa hôn, gương bình trị lòng trên ắt muốn.

Lại gặp lúc binh kiêu dân oán, sửa kỷ cương tài cả phải ra tay.

Năm 1788 sau khi ra Thăng-long giết Vũ Văn Nhâm, Bắc bình vương về đến Nghệ-an, đã tự viết một bức thư bằng chữ nôm cho Nguyễn Thiếp. Bức thư (1) viết bằng son Tầu ấy có những câu như sau :

« Chiếu truyền La-sơn Phu tử Nguyễn Thiếp khâm tri. Ngày trước ủy cho Phu tử về Nghệ-an

---

(1) Bức thư này được ông Hoàng Xuân Hãn chụp ảnh cho in trong *La-sơn Phu tử* do ông soạn

tưởng địa làm đồ cho kịp kỳ này hồi ngự. Sao về tới đó chưa thấy dặng việc gì. Nên hãy giá hồi Phú-xuân kinh hưu tức sĩ tốt...»

Sau khi phá tan quân xâm lược Mãn Thanh, vua Quang-trung tổ chức ngay lại việc học nhằm phát triển giáo dục trong nhân dân và đào tạo nhân tài cho chế độ mới. Theo chế độ thi cử mới của nhà vua, thì các nho sinh và sinh đồ cũ (tức những người dưới thời chúa Trịnh đã bỏ tiền ra mua danh hiệu ấy) đều phải thi lại cả.

Tương truyền rằng mỗi khoa thi hương đến kỳ đệ tam, các sĩ tử phải làm thơ phú bằng chữ nôm là thứ chữ được coi gần như là chữ chính thức của dân tộc Việt-nam lúc bấy giờ.

Cái mộng của vua Quang-trung không phải là chỉ dùng chữ nôm làm phương tiện tuyên truyền chủ trương, chính sách, mà còn muốn dùng chữ nôm làm một lợi khí để xây dựng một nền học thuật Việt-nam.

Nhằm mục đích ấy, năm 1792 nhà vua lập Sùng chính thư viện ở Nghệ-an, và cử Nguyễn Thiếp làm viện trưởng để tổ chức việc dịch sách chữ Hán ra chữ nôm. Cùng với bọn Nguyễn Công, Nguyễn Thiện, Phan Tô Định, Bùi Dương Lịch, Nguyễn Thiếp đã dịch xong sách *Tiểu học* và sách *Tứ thư*, vua Quang-trung có biên thư khen thưởng và giao cho việc dịch *Kinh Thi* và *Kinh Dịch* nữa.

Chính sách trọng dụng chữ nôm của vua Quang-trung một mặt được nhân dân và các bậc thức giả hoan nghênh và ủng hộ, nhưng một mặt

khác nó lại bị bọn phản động, bọn hủ nho phản đối. Tiêu biểu cho bọn phản động và hủ nho này là Phạm Thái tức Chiêu Lý. Trong bài « Chiến tụng Tây hồ phú », Phạm Thái đã viết hai câu sau này để nhạo báng việc dùng chữ nôm và phong trào văn học đang lên ở dưới triều đại Tây-sơn:

Chữ lối cua bò lăng nhăng thư thảo.

Thơ rồng chó chạy láo nháo xướng thù

Năm 1794 nhân việc Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng xung đột nhau, vua Cảnh-thịnh (tức Nguyễn Quang Toản, con vua Quang-trung) sai Phan Huy Ích thảo một tờ chiếu bằng chữ nôm để dàn hòa sự tranh chấp giữa Diệu và Dũng.

Năm 1799 nhân dịp Vũ hoàng hậu Lê Ngọc Hân mất, Phan Huy Ích lại được lệnh làm một bài văn tế bằng chữ nôm để tế Vũ hoàng hậu.

Về việc học vua Quang-trung không những chỉ chú trọng đến việc học ở các lộ phủ như ở thời Lê, nhà vua còn lưu ý đến việc học ở xã nữa. Mỗi xã đều có nhà xã học, chọn người có học thức trong xã làm xã giảng dụ để dạy dỗ con em trong xã. Nhờ vậy dưới thời Tây-sơn giáo dục đã phát triển hơn thời Lê — Trịnh.

Vua Quang-trung lại lấy các đền từ ở các phủ dùng làm nơi giảng học ở phủ.

Với chính sách này, vua Quang-trung tỏ ra muốn hạn chế sự mê tín trong nhân dân. Nhà vua bắt những nhà sư nào không xứng đáng đi tu phải hoàn tục và chỉ những nhà sư có học và có đức mới được ở chùa. Nhà vua lại bắt phá các

chùa nhỏ ở các làng, để các làng chung gỗ, gạch làm một ngôi chùa lớn ở mỗi phủ hoặc mỗi huyện.

«Có điều đáng chú ý là khi Tây-sơn cầm chính quyền, đạo Gia-tô cũng được tiến hành tấn tới. Chứng cớ ấy ta thấy ở câu này trong bức thư của giáo sĩ Le Roy gửi cho Blandin đề ngày 18 tháng bảy 1793: «Từ khi nhà Tây-sơn lên làm chủ, tôn giáo được tấn bộ» (*Quang Trung Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc* của Hoa Bằng trang 292).

TIMSACH.COM.VN

CHÍNH SÁCH QUÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ

Không phải vua Quang-trung chỉ muốn đòi nhà Thanh phải trả «sáu châu ở Hưng-hóa» và «ba động ở Tuyên-quang» mà thôi, nhà vua còn muốn «đòi» hai tỉnh Quảng-đông và Quảng-tây nữa.

Triều Kiền-long của nhà Thanh là một triều thịnh trị, vua Kiền-long là một ông vua giỏi. Nên đòi những đất đai nói trên, bởi vậy, chỉ có thể thực hiện được bằng võ lực. Cho nên ngay sau khi giảng hòa với nhà Thanh, vua Quang-trung đã chú ý chăm lo việc binh bị. Nhà vua muốn có một đạo quân hùng mạnh đủ sức để đối phó với nhà Thanh. Năm 1790 nhà vua ra lệnh làm lại hộ tịch, chia dân đinh làm 4 hạng:

1) Hạng vị cấp cách gồm những người từ chín tuổi đến 17 tuổi.

2) Hạng trai tráng gồm những người từ 18 đến 55 tuổi.

3) Hạng lão gồm những người từ 56 tuổi đến 60 tuổi.

4) Hạng lão nhiêu gồm những người từ 61 tuổi trở lên.

Trong phép sửa định lại hộ tịch, chỉ có một sự phân biệt là sự phân biệt về tuổi, mà không có sự phân biệt về đẳng cấp, chức vị. Để tránh sự gian lận, vua Quang-trung lại sai chiếu hộ tịch mà phát cho mỗi suất đinh một cái thẻ gọi là « tín bài » trong đề bốn chữ « Thiên hạ đại tín ». Tín bài này là một thứ chứng minh thư ai cũng phải đem theo, gặp người chức dịch xét hỏi, thì phải xuất trình. Ai không có thẻ là lậu dân bị bắt xung quân hay bị phát lưu đi những nơi rừng núi. Lậu dân ở làng nào thì lý dịch ở làng ấy phải chịu trách nhiệm. Khi cần lấy lính, nhà nước căn cứ vào hộ tịch, mà lấy lính. Cứ ba suất đinh lấy một người làm lính.

Về mặt tổ chức, thì quân đội gồm có trung quân, tiền quân, tả quân, hữu quân, hậu quân như hồi đánh quân Thanh. Quân đội lại chia ra đạo, cơ và đội. Đạo gồm có nhiều cơ, cơ có nhiều đội ; đội chịu quyền chỉ huy của cơ, cơ chịu quyền chỉ huy của đạo. Ở mỗi huyện có một viên phân suất giữ trách nhiệm chỉ huy lực lượng binh bị trong toàn huyện.

Quân đội của vua Quang-trung là quân đội bách chiến bách thắng. Từ ngày đánh bại quân của Tổng Phúc Hiệp ở Phú-yên (1775) cho đến ngày cả phá 20 vạn quân Thanh (1789), vua Quang-trung chưa thua một trận nào. Sự chiến thắng liên tiếp này làm cho quân đội của vua Quang-trung có một tinh thần tự tin và tự hào mạnh mẽ. Một nhà truyền giáo ngoại quốc đã viết rằng : Người Việt-nam theo anh em Tây-sơn đi chiến trận, trở nên

gan dạ hùng dũng một người địch nổi mười người, đánh đâu được đấy.

Khi cho sửa định hộ tịch, vua Quang-trung bỏ sự phân biệt về chức vị và về đẳng cấp giữa các hạng người trong xã hội như trên đã nói. Đó là một chính sách tiến bộ, một mặt nó phá được một phần nào hàng rào phân cách giữa các giai cấp xã hội, một mặt khác nó buộc hết thảy các giai cấp xã hội phải gánh vác nhiệm vụ đương binh. Với chính sách đó đặc quyền của giai cấp phong kiến, địa chủ bị tước đi một phần nào.

TIMSÁCH.COM.VN

KẾT QUẢ CHÍNH SÁCH DỰNG NƯỚC CỦA VUA QUANG TRUNG

Nhà Tây-sơn dứng không được bao lâu. Khi nhà Nguyễn lên, thi các tài liệu, các di tích về phong trào Tây-sơn đều bị vua tôi nhà Nguyễn thiêu hủy đi hết. Tuy vậy những tài liệu ít ỏi còn rãi rác ở các sử sách cũng có thể cho ta biết qua loa được chính sách dựng nước của triều đại Quang-trung, một triều đại vĩ đại và vẻ vang vào bậc nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt-nam.

Những chính sách dựng nước ấy tuy chỉ được biết sơ lược cũng đủ biểu thị rằng: Vua Quang-trung không phải chỉ là một nhà quân sự có hùng tài, mà còn là một nhà kinh quốc có trác kiến nữa.

Hùng tài quân sự của nhà vua đem lại kết quả mà các sử gia triều Nguyễn cũng không dám phủ nhận: Đó là việc phá tan hai vạn quân Xiêm, đánh đổ cơ đồ chúa Nguyễn, diệt họ Trịnh, cả phá 20 vạn quân Thanh.

Võ công của vua Quang-trung là những võ công hiển hách vào bậc nhất đến sử sách nhà Thanh như *Đông hoa lục*, *Đại Thanh thực lục* hay

Quán doanh kỷ lược v.v... cũng đều ghi chép một cách kính phục.

Đó là một sự thật lịch sử quá rõ ràng mà ai ai cũng đều biết. Nhưng điều mà người ta chưa biết hay chưa biết được rõ ràng là: Tài kinh bang tế thế của vua Quang-trung đã mang lại những kết quả gì?

Đó thật là một vấn đề khó trả lời cho minh bạch.

Xét các tài liệu còn sót lại như đã ghi chép ở trên, chúng ta chỉ biết đại khái rằng: Việc vua Quang-trung miễn thuế diệu cho nhân dân miền Bắc, việc nhà vua cho các thương nhân phương tây được đi lại buôn bán dễ dàng, việc nhà vua «muốn khi dụng gì cũng chẳng mua của nước Tầu», việc nhà vua mở chợ ở Bình-thủy-quan và ở Du-thôn-ải, việc nhà vua lập nha hàng ở Nam-ninh hẳn đã tạo điều kiện cho công nghiệp và thương nghiệp Việt-nam phát triển.

Về mặt nông nghiệp, việc nhà vua hạ chiếu «khuyến nông» buộc những người đi tha phương phải trở về quê hương bản quán để chăm lo nông nghiệp; việc nhà vua cho những người ấy được lấy những ruộng tư bỏ hoang mà cày cấy; việc nhà vua buộc các chức dịch phải hết sức tìm cách làm cho dân phiêu lưu trở về bản quán làm ăn hẳn đã kích thích mạnh việc sản xuất nông nghiệp.

Chính sách nông nghiệp của vua Quang-trung đến năm canh tuất (1791) hình như đã đem lại kết quả khá quan trọng. Xét câu «*Qua canh tuất lại*

tưới cơn thời vũ (1) *cỏ cây đều gội đức chiêm nhu*», trong bài «*Tụng Tây hồ phú*» của Nguyễn Huy Lượng, ta có ấn tượng rằng năm 1791 (canh tuất) nông dân Việt-nam được mùa. Và sự thực thì theo sử cũ: Năm 1791 nông dân Việt-nam ở các nơi đều phong đăng hòa cốc, quang cảnh thái bình dần dần trở lại.

Về mặt văn hóa và giáo dục, thì chính sách văn hóa, giáo dục của vua Quang-trung một mặt đi sâu xuống tận xã làm cho việc học trong xã được phát triển, một mặt đề cao văn tự dân tộc, cố gắng tiến tới xây dựng một nền học thuật Việt-nam, đã thúc đẩy văn học và giáo dục đương thời phát triển, và tạo điều kiện cho văn học và giáo dục của thời sau phát triển.

Tóm lại, dưới thời Quang-trung, nước Việt-nam, về mặt ngoại giao, đã giành được một địa vị quan trọng ở miền Đông nam châu Á; về mặt kinh tế và văn hóa, nước Việt-nam cũng đang ở cái thế đang lên.

Bài «*Tụng Tây hồ phú*» của Nguyễn Huy Lượng có những câu:

Vùng trì chiểu nước dần dần lặng: nơi đình đài hoa phơi phới đưa.

Chốn bảy cây (2) *còn mấy gốc lăng vân (cao tới mây) chẳng tùng bách cũng khoe hình thương*

---

(1) Mưa kịp thời.

(2) Tên chỉ chỗ đất giáp giới Hồ Tây và Hồ Trúc-bạch xưa có bảy cây to.

lão (xanh và sống lâu) : nơi một bến đã đông đoàn hí thủy, tới uyên ương đều thỏa tình trầm phù.

Vẻ hoa thạch châu thêu gấm dệt, tiếng trùng cầm ngọc gõ vàng khua.

Bãi cỏ non trâu thả ngựa buông, nội Chu đã lắm người ca ngợi : làn nước phẳng, kềnh chìm ngạc lặn, ao Hán nào mấy trẻ reo hò. Mặt đất đùn này thóc này rau, rầu lòng Cô-trúc ; làn nước chảy nọ dòng nọ bến mặc chi Sào, Do.

Đọc những câu trên trong bài phú của Nguyễn Huy Lượng ta thấy hiện ra ở trước mặt cái cảnh thái bình thịnh trị dưới triều đại Tây-sơn, chủ yếu là triều đại Quang-trung : Cảnh loạn lạc đã hết, hoa nở đầy ở chốn đình đài ; bãi cỏ non lại đầy trâu ngựa ; mặt đất lại đầy thóc lúa và rau cỏ...

★

TIMSACH.COM.VN

Các chính sách của vua Quang-trung về các mặt công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp, quân sự, văn hóa, giáo dục tuy vẫn nằm trong khuôn khổ chế độ phong kiến, nhưng có tính chất tiến bộ rõ rệt. Các chính sách ấy không phải là những chính sách buổi đầu của một triều đại mới nhằm thỏa mãn lòng người trong một thời gian ngắn để rồi lại đi vào con đường phản động, mà là những chính sách có tính chất lâu dài đặt ra theo một kế hoạch làm cho nước Việt-nam có một kỷ cương mới để có thể trở nên giầu mạnh. Kỷ cương mới này, mặc dầu vẫn dựng trên cơ sở chế độ phong kiến, nhưng đã trút bỏ được nhiều khuyết điểm và nhược điểm thường có của chế độ phong

kiến. Vì kỷ cương mới ấy nếu được duy trì và thực hiện trong một thời gian tương đương đầy đủ sẽ hạn chế được sự bóc lột phong kiến, phát triển được nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, sẽ dựng được một nền học thuật Việt-nam, mở đường cho nông dân Việt-nam tham gia các hoạt động giáo dục và văn hóa.

Chế độ phong kiến do vua Quang-trung dựng ra vì vậy khác chế độ phong kiến Lê — Trịnh và chế độ phong kiến Nguyễn về nhiều phương diện. Đó là chế độ phong kiến kiểu mới của tầng lớp phong kiến dân tộc có ý muốn đưa nước Việt-nam đến một giai đoạn lịch sử mới mẻ hơn. Trong một tờ chiếu công bố sau khi đánh bại quân Thanh, thu phục được Bắc-hà, chính vua Quang-trung cũng nói « Nay ta cùng dân đổi mới ». Đủ hiểu chế độ phong kiến do vua Quang-trung dựng ra không phải là chế độ phong kiến mà mọi người thường thấy.

Xét theo quan điểm ấy, thì thấy rằng phong trào Tây-sơn có tính chất một cuộc cách mạng đã hai lần thắng phong kiến ngoại xâm, giữ vững được độc lập của đất nước và đang đi vào con đường làm cho đất nước trở nên giàu mạnh.

VIỆC VUA QUANG TRUNG MẤT VÀ TÌNH TRẠNG SUY ĐỐN CỦA TRIỀU ĐẠI TÂY SƠN

Như trên kia đã nói, năm 1789 sau khi đã phá xong 20 vạn quân Thanh rồi lại giảng hòa xong với nhà Thanh, vua Quang-trung giao Bắc-hà cho bọn Ngô Văn Sở rồi lại mang quân vào Phú-xuân. Lúc này Nguyễn Phúc Ánh đã đánh chiếm được cả miền Gia-định. Việc vua Quang-trung cả phá trong mười ngày 20 vạn quân Thanh làm cho Phúc Ánh sợ mất mật không dám tính đến việc mang quân Bắc tiến. Nhưng sự tồn tại chính quyền của Phúc Ánh ở miền Gia-định là một mối đe dọa thường xuyên cho triều đại Tây-sơn. Triều đại Tây-sơn lại là một triều đại không thống nhất. Khoảng đất từ Quảng-nam trở vào đến miền giáp giới Gia-định là địa bàn của vua Thái-đức. Vua Thái-đức, từ sau ngày Nguyễn Huệ phá tan hai vạn quân Xiêm đuổi bọn Nguyễn Phúc Ánh chạy sang Xiêm, liền chia ba thiên hạ, tự mình giữ khoảng đất ở giữa nước Việt-nam. Trên khoảng đất này, vua Thái-đức sống một cuộc đời ưu du hưởng lạc. Năm 1787 Phúc Ánh đánh chiếm lại miền Gia-định, nhà vua vẫn thản nhiên sống yên vui ở thành Hoàng đế. Cuối năm 1788 quân Thanh

kéo vào xâm chiếm Việt-nam, đầu năm 1789 vua Quang-trung mang quân từ Phú-xuân ra Bắc phá quân Thanh vua Thái-đức vẫn sống an nhiên vô sự. Năm 1790, Nguyễn Phúc Ánh sau ba năm dưỡng uy súc nhuệ, dem quân ra đánh Bình-thuận, vua Thái-đức cũng chỉ phái quân đi chống giữ, thế thôi!

Thái độ vua Thái-đức tỏ ra nhà vua không nhìn thấy cái vạ ở đàng xa. Vua Quang-trung thì khác hẳn. Trước sau vua Quang-trung không bao giờ coi thường các hoạt động của bọn Nguyễn Phúc Ánh ở miền Gia-định. Năm 1789 sau khi đại thắng quân Thanh, vua Quang-trung trở ngay về Phú-xuân, ngày đêm cho đóng chiến thuyền, luyện tập quân đội chuẩn bị đánh bọn Nguyễn Phúc Ánh ở miền Gia-định. Mọi việc đang tiến hành thì một hôm vào tháng bảy năm nhâm tý (1792) nhà vua đang ngồi bỗng sầm tối mặt, ngã bất tỉnh nhân sự. Theo *Đại nam chính biên liệt truyện sơ* tập thì sau đó bệnh nhà vua trở nên nặng. Khi thấy bệnh mình đã nguy kịch, nhà vua cho triệu Trần Quang Diệu là trấn thủ Nghệ-an về Phú-xuân và dặn Diệu rằng : « Ta mở mang bờ cõi, khai thác đất đai mà có cả nước Nam này. Nay đau ốm, tất không qua khỏi được. Thái tử (trỏ Nguyễn Quang Toản) tư chất hơi cao, nhưng tuổi còn ít. Ngoài có quân Gia-định là quốc thù, mà Thái-đức thì tuổi già cầu an hưởng lạc, không tính cái lo về sau. Khi ta chết rồi, nội trong một tháng phải táng cho xong. Việc tang làm qua loa thôi. Các ngươi nên giúp Thái tử sớm dời đô ra Nghệ-an để khống chế thiên

hạ. Nếu không thế, khi quân Gia - định tới, các ngươi sẽ không có chỗ mà chôn ».

Đến ngày 29 tháng bảy năm nhâm tý theo ông Hoàng Xuân Hãn trong *La-sơn Phu tử* vào giờ dạ tý tức khoảng từ 11 giờ đến 12 giờ đêm vua Quang-trung mất ở Phú-xuân.

Được tin vua Quang-trung mất, vua Thái-đức Nguyễn Nhạc thân đem 300 quan lại cùng em gái đến Phú-xuân làm lễ viếng. Đi đến địa giới tỉnh Quảng-ngãi, thì bọn vua Thái-đức bị quân đội của vua Cảnh-thịnh giữ lại không cho đi. Vua Thái-đức phải trở về, để một mình em gái đến Phú-xuân.

Sau khi vua Quang-trung mất, nhà Tây-sơn đi vào con đường suy vong. Những ưu điểm của chế độ Tây-sơn không được tiếp tục hoặc phát triển, những khuyết điểm và nhược điểm của chế độ Tây-sơn lại mỗi ngày một nhiều và trầm trọng thêm ra.

Ngay khi vua Quang-trung còn sống, trấn thủ Nghệ-an là Trần Quang Diệu đã tâu cho nhà vua biết rằng bọn phân suất ở các huyện hay tham ô những nhiễu nhân dân. Chính nhà vua đã ra lệnh phải trừng trị rất ngặt bọn quan lại tham ô. Trong việc phát tín bài, và xét hỏi tín bài cũng gây nhiều cản trở cho những người đi lại. Khi đàn áp bọn phản động, quân đội của triều đình nhiều khi giết lầm phải những người lương thiện.

Vua Quang-trung mất thì tình hình nhà Tây-sơn trên trở nên nghiêm trọng, Nguyễn Quang Toản mới mười tuổi lên nối ngôi cha hiệu là Cảnh thịnh. Vua

Cảnh-thịnh ít tuổi chỉ ham chơi, Quyền chính triều đình về Thái sư Bùi Đắc Tuyên là anh cùng cha khác mẹ với mẹ vua Cảnh-thịnh. Tuyên tác uy tác phúc làm cho mọi người oán giận.

Đầu năm 1793, Nguyễn Phúc Ánh sai bọn Tôn Thất Hội, Nguyễn Hoàng Đức và Nguyễn Văn Thành đem bộ binh ra đánh Phan-ri. Còn Phúc Ánh cùng với bọn Nguyễn Văn Trương và Võ Tánh đem thủy binh tiến đánh cửa bể Nha-trang, đánh chiếm các phủ Diên-khánh, Bình-khang, Phú-yên rồi thừa thắng kéo ra cửa Thị-nại. Vua Thái-đức Nguyễn Nhạc sai thái tử là Nguyễn Bảo đem quân ra chống cự. Nguyễn Bảo thua trận phải chạy về Qui-nhơn. Quân bộ và quân thủy của Phúc Ánh liền kéo nhau đến vây đánh Qui-nhơn. Trong trận này Phúc Ánh đã dùng phép thả diều lửa do bọn sĩ quan Pháp chỉ vẽ cho để đốt phá Qui-nhơn.

Vua Thái-đức Nguyễn Nhạc cho quân ra Phú-xuân cầu cứu vua Cảnh-thịnh. Vua Cảnh-thịnh sai Phạm Công Hưng đem 17.000 bộ binh và 80 voi chiến, và Đặng Văn Trấn đem hơn 30 chiến thuyền chia đường cùng kéo vào Qui-nhơn cứu ứng. Nguyễn Phúc Ánh nghe tin viện binh ở Phú-xuân sắp kéo vào, vội hạ lệnh cho quân thủy và quân bộ cùng rút về Gia-định và chỉ để lại một số quân để giữ thành Diên-khánh và thành Bình-thuận mà thôi.

Bọn Phạm Công Hưng giải vây cho Qui-nhơn xong rồi liền kéo vào thành. Hưng ra lệnh tịch thu kho tàng và binh khí ở Qui-nhơn. Vua Thái-đức uất giận thổ ra máu mà chết. Vua Cảnh-thịnh

phong cho Nguyễn Bảo (con Nguyễn Nhạc) là Hiếu Công và cắt cho huyện Phù-ly làm thực ấp. Mẹ Nguyễn Bảo thấy thế tức giận bảo con rằng: « Khai thác đất nước là công của cha mày, nay mày ăn lộc một huyện và chịu nhục, chẳng thà chết đi cho rồi ! »

Sau khi bọn Phạm Công Hưng kéo quân về Phú-xuân, bọn Bùi Đắc Trụ (con Thái sư Bùi Đắc Tuyên) Nguyễn Văn Huấn và Lê Trung thay nhau vừa trấn giữ Qui-nhơn vừa giám thị Nguyễn Bảo. Nguyễn Bảo tức giận lắm tìm cách báo thù.

Nguyễn Phúc Ánh biết rõ Nguyễn Bảo đang căm ghét triều đình Cảnh-thịnh, cho nên khi mang quân tiến đánh Quảng-nam và Đà-nẵng, Phúc Ánh cho người ngầm đến bảo Nguyễn Bảo rằng: « Nay quân ta tiến đánh Quảng-nam rồi đánh Qui-nhơn, nếu ngươi muốn rửa hờn cho cha ngươi, thì ngươi nên chiêu tập quân cũ, chờ quân ta đến dưới thành, ngươi giết bọn Lê Trung đón quân ta để đái tội lập công ».

Sau đó Phúc Ánh đem quân rút về Gia-định.

Nguyễn Bảo từ khi bắt được liên lạc với Phúc Ánh, ngầm chuẩn bị đầu hàng Phúc Ánh.

Trong khi ấy bọn Bùi Đắc Tuyên ở Phú-xuân càng ngày càng chuyên quyền ngang ngược. Sau khi vua Thái-đức Nguyễn Nhạc chết, Tuyên lại càng hống hách không coi ai ra gì nữa. Năm 1795 Tuyên gọi Vũ Văn Dũng ở Bắc-hà về Phú-xuân, và cho Ngô Văn Sở ra thay. Dũng về đến trạm Hoàng-giang thì gặp Trần Văn Kỷ bị đày ở đó. Kỷ đang

căm tức Tuyên, liền khuyên Dũng kéo quân về Phú-xuân bắt Tuyên. Dũng nghe theo, mang quân về Phú-xuân bắt Tuyên. Dũng lại làm chiếu giả cho người ra Bắc-hà đòi Ngô Văn Sở về, và cho quân vào Qui-nhơn bắt con trai Bùi Đắc Tuyên là Bùi Đắc Trụ đang giữ chức lưu thủ ở đó. Dũng kết tội bọn Tuyên là phản bội rồi cho đem dìm xuống sông cho chết đi. Sau đó Dũng cho mời Trần Văn Kỷ ở Hoàng-giang về giữ chức Trung thư lệnh như trước.

Lúc ấy Trần Quang Diệu người của phái Bùi Đắc Tuyên (Bùi thị Xuân vợ Diệu là cháu Tuyên) đang vây đánh thành Diên-khánh. Nghe tin Vũ Văn Dũng trở về Phú-xuân nắm giữ chính quyền, giết Bùi Đắc Tuyên, Diệu cả sợ, mất hết tinh thần chiến đấu. Diệu bảo bộ hạ rằng: « Vua không cứng mạnh để đại thần giết lẫn nhau. Thật là đại biến! Bên trong không yên thì lấy gì chống với ngoài? » Rồi Diệu bỏ thành Diên-khánh mang quân về Quy-nhơn. Vũ Văn Dũng cho Nguyễn Văn Huấn vào Qui-nhơn mưu giết Trần Quang Diệu. Việc không thành, Huấn phải trở về Phú-xuân. Diệu cũng mang quân về Phú-xuân đánh Vũ Văn Dũng. Vũ Văn Dũng cũng mang quân ra chống lại. Vua Cảnh-thịnh hoảng sợ phải sai Phan Huy Ích đi dàn hòa giữa Diệu và Dũng, nên mới tránh khỏi cuộc xung đột quân sự giữa hai đại tướng của triều đình. Sau đó Diệu chịu hạ khí giới đem bộ hạ vào chầu vua Cảnh-thịnh. Vua Cảnh-thịnh phải phong cho Diệu làm Thiếu phó, Dũng làm Đại tư đồ; Nguyễn Văn Huấn người của Dũng

được phong làm Thiếu bảo. Nguyễn Văn Danh người của Diệu được phong làm Đại tư mã. Diệu, Danh, Dũng, Huấn là tứ trụ đại thần, nắm hết quyền chính và tìm cách hại lẫn nhau.

Năm mậu ngọ, bọn Lê Trung ở Qui-nhơn nghe tin Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng xung đột nhau, liền đem quân về Phú-xuân để Uyên thành hầu ở lại giúp Nguyễn Bảo giữ Qui-nhơn. Bảo bắt Uyên thành hầu bỏ vào ngục rồi một mặt chiếm cứ thành Qui-nhơn, sai đô đốc Đoàn Văn Cát và Nguyễn Văn Thiệu chiếm Phú-yên, một mặt viết thư xin đầu hàng Phúc Ánh, và nguyện xin làm tiền phong đánh quân đội Tây-sơn. Được tin Phúc Ánh vội sai Nguyễn Văn Thành đem quân tiếp ứng Nguyễn Bảo. Nguyễn Văn Thành chưa kịp đến, thì Nguyễn Bảo đã bị quân Phú-xuân kéo vào vây bắt ở Quy-nhơn rồi giết chết. Lê Trung là trấn thủ Qui-nhơn cũng bị giết. Lê Chất một dũng tướng có tài thấy bố vợ là Lê Trung bị giết cũng xin hàng Phúc Ánh. Một tướng khác ở Qui-nhơn là Lê Văn Trương thấy thế cũng bỏ hàng ngũ Tây-sơn chạy theo Phúc Ánh.

«Trong khi triều đình (Tây-sơn) suy đốn như thế, thì bọn quan lại ở ngoài đua nhau mà bóc lột đục khoét nhân dân. Họ lại thường lấy nê đàn áp cựu đảng họ Nguyễn (ở Đường trong) và họ Lê (ở Đường ngoài) mà thẳng tay hà hiếp, có khi tàn phá cả làng. Quân lính của Tây-sơn bây giờ thì không giữ kỷ luật như ở đời Quang-trung nữa, thường hay những nhiễu ức hiếp dân chúng. Đối với triều Tây-sơn, nhân dân mỗi ngày một thêm

chán ghét » (*Lịch sử Việt-nam* của Đào Duy Anh trang 359).

Về cuối đời Cảnh-thịnh quan lại của triều đại Tây-sơn thối nát rẻ rúng đến nỗi nhân dân đã có ca dao :

Đô đốc tam thiên đô đốc,
Chỉ huy bát vạn chỉ huy,
Trung úy vệ úy chẳng kể làm chi,
Cai đội phó đội lấy tầu mà chở.
Mười quan thì được tước hầu,
Năm quan tước bá, ai hầu kém ai?

TIMSACH.COM.VN

NGUYỄN PHÚC ÁNH GÂY LỰC LƯỢNG Ở GIA-ĐỊNH

Như trên đã nói, năm 1784, Nguyễn Phúc Ánh theo hai vạn quân Xiêm về Gia-định bị Nguyễn Huệ phá tan. Y lại phải chạy trốn. Trước đấy nghe theo lời khuyên của Bá-đa-lộc, một giáo sĩ Pháp, Phúc Ánh cho con là hoàng tử Cảnh mới lên bốn tuổi theo Bá-đa-lộc sang Pháp cầu viện. Y lại sai phó vệ úy là Phạm Văn Nhân và cai cơ (chức võ quan cao cấp) là Nguyễn Văn Kiêm đi hộ vệ Cảnh.

Tháng sáu 1784 Phúc Ánh đến Xiêm. Bọn Lê Văn Quân cũng đem 600 quân bản bộ sang theo. Các bầy tôi khác của Phúc Ánh cũng lục tục kéo sang Vọng-các. Phúc Ánh truyền lệnh cho mọi người đi làm ruộng để lấy lương thực nuôi quân. Y lại cho người ra hải đảo đóng chiến thuyền, và cho người lẻn về Gia-định chiêu mộ binh linh để chờ cơ hội trở về đánh lại Tây-sơn. Trong thời gian ở Xiêm, Phúc Ánh từng sai bọn Lê Văn Quân giúp vua Xiêm đánh Diến-điện và đánh quân Mã-lai. Lê Văn Quân lập được nhiều chiến công và được vua Xiêm ban thưởng rất hậu.

Năm 1787 Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đánh lẫn nhau. Nguyễn Huệ mang quân vây đánh Quy-nhơn rất gấp. Nguyễn Nhạc cho người vào Gia-định gọi Đặng Văn Trấn mang quân về cứu viện. Quân của Đặng Văn Trấn kéo ra đến Phú-yên, thì bị quân của Nguyễn Huệ phá, Trấn bị bắt, tàn quân chạy vào Gia-định theo Phúc Ánh. Ở Gia-định lúc này bọn hào trưởng địa chủ nhân thấy anh em Tây-sơn đánh lẫn nhau thừa cơ nổi lên. Ở Trấn-biên bọn Nguyễn Văn Nghĩa, Nguyễn Văn Tuyết mộ lính đánh Tây-sơn ; ở Phiên-trấn bọn Lê Công Trấn cũng chiêu mộ nông dân nổi lên đánh Tây-sơn.

Nguyễn Lữ được anh phong cho làm Đông định vương có trách nhiệm trấn giữ miền Gia-định lại là người tầm thường không sao đánh dẹp nổi các đám « nghĩa binh » nổi lên ở nhiều nơi.

TINSACH.COM.VN

Thấy thời cơ đã đến, Nguyễn Phúc Ánh ở Xiêm quyết trở về Gia-định. Tháng chín 1787 Phúc Ánh cùng gia quyến xuống thuyền trở về Gia-định. Y cho gia quyến đến trú ở đảo Phú-quốc, còn y tự mang quân về đóng ở Long-xuyên.

Lúc này ở Gia-định, lực lượng Tây-sơn bạc nhược lắm. Bọn hào trưởng, địa chủ các nơi theo nhau nổi lên chống lại Tây-sơn. Có người Trung-quốc trong Thiên địa hội là Hà Văn Kỷ đem bộ hạ đến theo Phúc Ánh, được Phúc Ánh phong cho làm Tuần hải đô doanh đại tướng quân. Tướng của Tây-sơn là Nguyễn Văn Trương cũng đem 300 quân lính và 15 chiến thuyền hàng Phúc Ánh. Khi Phúc Ánh đem quân vào đánh cửa Cần-giờ, thì

hào trưởng, địa chủ các nơi nổi lên hưởng ứng rất đông. Thanh thế quân của Phúc Ánh rất lớn.

Được tin quân của Phúc Ánh kéo đến đánh Sài-gòn, Nguyễn Lữ tự rút quân về Lạng-phụ (thuộc tỉnh Biên-hòa) đắp lũy đất để chống cự, và sai Thái bảo Phạm Văn Sâm giữ Sài-gòn. Quân Phúc Ánh đánh Sài-gòn, nhưng không hạ được. Phúc Ánh liền dùng kế ly gián Nguyễn Lữ và Phạm Văn Sâm. Nhân quân của Phúc Ánh có bắt được một người ái thiếp của viên Hộ đốc Lý tên là Thị Lộc. Phúc Ánh hậu đãi Thị Lộc, sai Thị Lộc cầm mật thư giả của Nguyễn Nhạc gửi cho Lữ bảo Lữ tìm cách giết Sâm đi, vì Sâm ngang ngược. Phúc Ánh khiến Thị Lộc đưa lầm thư ấy cho Sâm. Sâm xem thư cả sợ, vội cho kéo cờ trắng lên rồi kéo thủy quân đến Lạng-phủ để phân giải với Lữ. Thấy quân của Sâm kéo cờ trắng, Lữ tưởng Sâm đã hàng Phúc Ánh, vội đem quân chạy về Quy-nhơn rồi chết ở đấy. Tuy vậy quân của Phúc Ánh vẫn không chiếm được Sài-gòn.

Tháng tư năm mậu thân (1788), Võ Tánh mang quân bản bộ về theo Nguyễn Phúc Ánh. Tánh là em Võ Nhân bộ tướng của Đỗ Thành Nhơn vốn người ở Bình-dương (Phiên-trấn). Tánh đã từng tập hợp được hơn một vạn quân ở miền Gò-công. Quân Tây-sơn mỗi lần qua lại miền Gò-công thường bị quân của Tánh đánh giết. Vì vậy quân Tây-sơn thường gọi Tánh là một trong tam hùng ở Gia-định (hai người khác là Đỗ Thanh Nhơn và Chu Văn Tiếp). Được Tánh, Phúc Ánh mừng lắm. Y phong cho Tánh làm Tiền phong doanh khâm

sai Tổng nhung chưởng cơ, và gả công chúa Ngọc Du cho Tánh.

Lúc này ở Bắc-hà nhiều cựu thần nhà Lê không chịu theo Tây-sơn cũng rủ nhau vượt biển vào Gia-định theo Phúc Ánh.

Tháng tám 1788 Phúc Ánh cùng với bọn Tôn Thất Hội, Võ Tánh phá quân Tây-sơn ở Ngũ-kiều, quân Tây-sơn bị bắt rất nhiều. Tháng chín 1788, Phúc Ánh đánh bại quân của Phạm Văn Sâm và chiếm thành Sài-gòn. Phạm Văn Sâm lui quân về giữ Ba-xắc. Phúc Ánh biết Sâm muốn chờ gió mùa thả thuyền chạy về Quy-nhơn, liền cho quân đi đóng giữ các cửa bể, Phạm Văn Sâm bị vây chặt quá, chờ mãi không thấy viện binh, đành phải mang quân bản bộ hàng Phúc Ánh.

Thế là Phúc Ánh chiếm được cả miền Gia-định. Và từ đấy miền Gia-định vĩnh viễn là căn cứ của y để y chuẩn bị đánh ra miền Bắc.

Chiếm được miền Gia-định, Phúc Ánh một mặt đặt quan lại tổ chức việc cai trị, một mặt hết sức phát triển nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp.

Về nông nghiệp, Phúc Ánh sai mười hai người văn thần là bọn Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Tùng Chu, Hoàng Minh Khánh v.v... làm điền tuấn quan với nhiệm vụ đi khuyến khích quân và dân chăm lo sản xuất nông nghiệp. Các quan văn võ đều phải đi mộ người lập thành đội gọi là đồn điền đội để đi khai khẩn đất hoang. Tất cả binh linh và thường dân đều phải làm ruộng. Ai không

chịu làm ruộng thì phải đi lính thay cho phủ binh. Đến ngày mùa, những người làm ruộng ở đồng bằng phải nộp 4.200 bát thóc một người, ở miền núi phải nộp 2.940 bát thóc một người. Những người nộp đủ số thóc như thế, nếu là phủ binh thì được miễn một năm không phải đi ra trận ; nếu là thường dân, thì được miễn một năm không phải đi sưu dịch.

Phúc Ánh cho chiêu mộ dân nghèo các nơi làm ruộng. Những người này gọi là điền tốt. Điền tuấn quan phải cấp ruộng hoang cho điền tốt. Điền tốt nào không đủ trâu bò hay cày bừa, thì điền tuấn quan phải giúp đỡ trâu bò và cày bừa ; đến ngày mùa điền tốt phải trả bằng thóc. Người nào mộ được mười người dân trở lên, thì được làm cai trại và được miễn trừ sưu dịch.

TINSACH.COM.VN

Về công nghiệp, Phúc Ánh cho mở ra nhiều xưởng chế nông cụ, đóng thuyền bè, xe cộ. Đáng chú ý là Phúc Ánh lại cho mở cả xưởng đúc súng và đóng tầu biển. Các giáo sĩ phương tây ở Gia-định hồi ấy kể rằng : Phúc Ánh là đốc công số 1 của các công xưởng ở Sài-gòn, y đến xưởng sớm hơn hết mọi người, ra về sau hết cả mọi người, có ngày y ăn cơm trưa ở xưởng để tiện kiểm soát công việc ở xưởng. Các giáo sĩ đó lại cho biết « các kho của Nguyễn Phúc Ánh đều đầy các loại sản phẩm công nghiệp ; đặc biệt là súng có đủ các loại, đại bác có đủ các cỡ... Các vua chúa giàu nhất châu Âu cũng chẳng có ai có nhiều đại bác bằng Nguyễn Phúc Ánh ».

Về thương nghiệp, Nguyễn Ánh tìm cách khuyến khích việc buôn bán để có dịp đem sản phẩm trong nước đổi lấy những đồ gang, đồ sắt, kẽm, lưu hoàng hay súng ống của thương nhân ngoại quốc. Y ra lệnh cho các quan cứ theo giá thị trường mà mua đường cát, hồ tiêu, tơ lụa để đem đổi cho thương nhân ngoại quốc lấy súng đạn. Các tầu buôn các nước cứ theo trọng lượng số sắt, gang, lưu hoàng, súng đạn đã chở đến mà mua một số hàng hóa (đường, hồ tiêu, tơ lụa v.v...) với một trọng lượng tương đương.

Tóm lại chính sách của Nguyễn Phúc Ánh đã tạm thời vuốt ve, mơn trớn nhân dân, nhượng bộ nhân dân để nhân dân theo y trong cuộc chiến tranh đánh đổ triều đại Tây-sơn. Kết quả chính sách nông nghiệp công nghiệp và thương nghiệp đặc biệt là chính sách nông nghiệp của y đã làm biến đổi bộ mặt miền Gia-định, làm cho miền Gia-định từ một nơi đất hoang rậm thưa dân cư thành một miền dân cư trù phú.

Trên cái cơ sở kinh tế tương đối vững chắc ấy, Nguyễn Phúc Ánh tích cực tiến hành mọi công tác chuẩn bị một cuộc tổng phản công vào quân đội Tây-sơn.

VIỆN TRỢ CỦA TƯ BẢN PHÁP

Mùa đông năm giáp thìn (1784), Bá-đa-lộc đem hoàng tử Cảnh và bọn Phạm Văn Nhân và Nguyễn Văn Kiêm (1) xuống tầu đi Pháp. Trên đường đi, Bá-đa-lộc có ghé vào Pông-đi-sê-ri là thuộc địa của Pháp ở Ấn-độ. Bá-đa-lộc đã ở lại Pông-đi-sê-ri gần 20 tháng rồi mới lại xuống tầu đi Pháp. Đến mùa xuân năm đinh mùi (1787) thì chiếc tầu chở bọn Bá-đa-lộc cập bến Lô-ri-ăng (Lorient) ở miền tây nước Pháp. Bá-đa-lộc đưa hoàng tử Cảnh vào yết kiến vua Lu-i thứ XVI. Vua Lu-i thứ XVI lấy vương lễ tiếp hoàng tử Cảnh và ưng chuẩn việc viện trợ cho Phúc Ánh bằng quân sự.

Đến ngày 28 tháng 11-1787, một bên là bá tước Mông-mô-ranh (Montmorin), Thượng thư bộ Ngoại giao đại diện cho vua Lu-i thứ XVI, một bên là Bá-đa-lộc đại diện cho Nguyễn Phúc Ánh ký với nhau một hiệp ước. Theo hiệp ước này, thì vua Lu-i thứ XVI giúp cho Nguyễn vương bốn chiếc tầu chiến và một đạo binh gồm có 1.200 bộ binh, 200 pháo binh, 250 lính Phi châu và đủ các thứ súng ống thuốc đạn.

---

(1) Có sách chép là Nguyễn văn Khiêm.

Đáp lại, Nguyễn vương phải nhường đứt cho nước Pháp cửa bể Hội-an và quần đảo Côn-lôn, Nguyễn vương phải để cho người Pháp ra vào buôn bán tự do ở trong nước và không cho người các nước châu Âu được buôn bán ở Việt-nam. Khi nào nước Pháp cần đến linh thủy, linh bộ, lương thực tầu bè ở phương đông, thì Nguyễn vương phải cung cấp đủ cho nước Pháp; khi Nguyễn vương đã khôi phục được nước rồi, thì mỗi năm phải làm trả Pháp hoàng một chiếc tầu y như chiếc tầu Pháp hoàng đã giúp cho.

Vua Lu-i thứ XVI giao việc thi hành hiệp ước trên cho bá tước Đờ Công-vay (de Conway) là toàn quyền Pháp ở Pông-di-sê-ri lúc bấy giờ.

Vua Lu-i thứ XVI không thể trực tiếp giúp Nguyễn Phúc Ánh được là vì tình hình chính trị ở Pháp bấy giờ đang khủng hoảng: Đệ tam đẳng cấp gồm có tư sản, nông dân và công nhân đang phản đối chế độ xã hội bất công và đang rục rịch khởi nghĩa. Vua Lu-i thứ XVI cần phải dành lực lượng võ trang để đàn áp nhân dân cách mạng sắp nổi lên.

Lực lượng quân sự mà vua Lu-i thứ XVI bằng lòng cho đưa sang Việt-nam giúp Nguyễn Phúc Ánh như vậy là không có gì lớn lắm. Đã thế khi hiệp ước trên kia đưa đến tay Đờ Công-vay, thì Đờ Công-vay lại không muốn thi hành.

Đờ Công-vay tâu với vua Lu-i thứ XVI rằng việc đem quân sang cứu viện Nguyễn vương không những khó khăn, mà lại không có lợi gì. Lúc này tình hình chính trị ở Pháp đang gay go,

vua Lu-i thứ XVI đã phải triệu Nếch-ke (Necker) về cầm quyền, và theo lời khuyên của Nếch-ke, đã cho triệu tập Hội nghị đẳng cấp (Assemblée des Etats généraux) để hòng hòa giải mâu thuẫn giữa các giai cấp xã hội. Cho nên vua Lu-i thứ XVI đã nghe theo lời tâu của Đờ Công-vay mà bãi bỏ việc cho quân đi cứu viện Phúc Ánh.

Thấy Đờ Công-vay không chịu thi hành hiệp ước, Bá-đa-lộc đi vận động bọn thương nhân Pháp buôn bán ở các thương cảng ở bờ bể Ấn-độ-dương. Được bọn này giúp tiền, Bá-đa-lộc đi mua được một số súng đạn và mộ một số người tình nguyện sang giúp Phúc Ánh.

Về súng đạn, tài liệu của Pháp chỉ nói rất lơ mơ. Theo tài liệu của Pháp, chỉ biết chiếc tầu bể đầu tiên chở súng đạn cho Phúc Ánh là chiếc tầu Đờ-ry-át (Dryade). Tháng chín 1789 đã dỡ xuống Côn-lôn cho Phúc Ánh 1.000 khẩu súng trường.

Về người, Bá-đa-lộc mộ được tất cả mười chín người là Ma-gông đờ Mê-din (Magon de Médine), Đờ Phoóc-xăng (de Forsans), Rơ-nu (Renou), Giuy-liêng đờ Lit-xe-lê (Julien de l'Isselé), hai anh em Giăng Ma-ri (Jean marie) và Phê-lích Đay-ô, (Félix Dayot), Phê-lích Van-ni-ê (Félix Vannier), Se-nhô (Chaigneau), Đờ Puy-ma-nen (Victor Olivier de Puymanel), Giăng Báp-tit Ghi-ông (Baptiste Guillon), È-chiên Ma-let-pin (Etienne Malespine), Ghi-ôm Ghi-u (Guillaume Guilloux), Tê-ô-đo Lơ-bờ-roong (Theodore Le Brun), Lơ-phe-bờ-rơ (Charles Stanislas Lefèbres),

Lô-răng Ba-ri-xy (Laurent Barisy), Lô-nay (Launay), Đề-péc-lơ (Desperles), Đề-pi-ô (Despiau).

Trong số 19 người Pháp kể trên, một số là thương nhân, một số là thầy thuốc, một số là sĩ quan, một số là hạ sĩ quan, và một số là thủy thủ.

Tháng bảy 1789 chiếc tàu Mê-duy-dơ (Méduse) chở Bá-đa-lộc và hoàng tử Cảnh đến Gia-định. Sau đó các tầu chở các võ khí với số người Pháp nói trên mới đến sau, trong số đó có tầu La Ga-ron (La Garonne) chở hai khẩu đại bác bán cho Phúc Ánh. Lúc ấy Phúc-Ánh đã chiếm Gia-định được gần một năm rồi.

Phúc Ánh phong quan chức cho số mười chín người Pháp nói trên : Người thì được y cử đi luyện tập quân sĩ, người được cử đi đóng tàu, người đi đúc súng...

TIMSACH.COM.VN

NGUYỄN PHÚC ÁNH PHẢN CÔNG

Như trên đã trình bày, năm 1787 khi anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đánh lẫn nhau, thì Nguyễn Phúc Ánh từ Xiêm trở về Gia-định gây lại lực lượng. Tháng năm 1788, khi Nguyễn Huệ một mặt vẫn còn hiềm khích với vua Thái-đức, một mặt phải ra Bắc giết Vũ văn Nhâm, thì Phúc Ánh đánh chiếm Sài-gòn, lấy lại cả miền Gia-định. Khi vua Quang-trung đốc lực lượng phá quân Thanh rồi đi tới chỗ giảng hòa với nhà Thanh, thì Phúc Ánh tích cực kiến thiết kinh tế ở miền Gia-định là miền đất tốt người thưa.

Nói khác đi, từ năm 1787, quân Tây-sơn để mặc cho Nguyễn Phúc Ánh phát triển lực lượng ở Gia-định. Năm 1789 khi Phạm Văn Sâm bị vây khốn ở Ba-xắc, vua Thái-đức cũng không hề cho quân vào cứu viện. Rồi khi cả miền Gia-định đã về tay Phúc Ánh, vua Thái-đức cũng để mặc cho Phúc Ánh được yên ổn mà kiến thiết kinh tế và tăng cường lực lượng quân đội.

Đến năm 1790 lực lượng của Phúc Ánh ở Gia-định đã mạnh, y bắt đầu nghĩ đến việc đánh vào những nơi ở ngoài miền Gia-định. Tháng Năm 1790, y sai Chưởng tiền quân là Lê Văn Quân đem

5.000 thủy binh và bộ binh ra đánh Bình-thuận. Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh được cử làm tiên phong trong chiến dịch này. Quân của Phúc Ánh chiếm được Phan-ri và Bình-thuận. Vì Lê Văn Quân và Võ Tánh hiềm khích nhau, Phúc Ánh phải ngừng cuộc phản công, cho gọi Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh về Gia-định, để Lê Văn Quân ở lại Phan-ri. Lê Văn Quân tiến quân ra Phan-rang, bị quân Tây-sơn phản công và vây khốn, phải cho người đi cầu cứu Võ Tánh và Nguyễn Văn Thành. Võ Tánh ghét Lê Văn Quân không chịu phát quân. Chỉ có Nguyễn Văn Thành đem quân đến giải vây cho Lê Văn Quân ở Phan-rang, rồi cùng với Quân(1) lui về giữ Phan-ri.

Tháng tư 1792, nhân mùa gió (nồm) Phúc Ánh sai Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Thành có người Pháp là Đay-ô và Van-ni-ê giúp sức, đem chiến thuyền từ cửa Cần-giờ tiến ra đánh quân Tây-sơn ở cửa Thị-nại, rồi lại kéo quân về.

Tin vua Quang-trung mất đưa vào Sài-gòn, Phúc Ánh mừng lắm. Y quyết đem quân bộ và quân thủy mở một cuộc tấn công lớn vào lực lượng Tây-sơn. Tháng tư 1793 khi gió mùa đã nổi, Phúc Ánh sai bọn Tôn Thất Hội, Nguyễn Hoàng Đức và Nguyễn Văn Thành đem bộ binh đánh Phan-ri, còn y cùng với bọn Võ Tánh và

---

(1) Sau chiến dịch này, Quân bị cách hết chức tước, Quân uất ức uống thuốc độc tự tử. Khi Quân đã chết, Phúc Ánh đến nhà Quân, cầm roi đánh vào quan tài Quân một trăm roi (Theo Đại Nam thực lục).

Nguyễn Văn Trương đem thủy quân theo đường bể thuận chiều gió đánh vào cửa bể Nha-trang, rồi đánh chiếm luôn các phủ Diên-khánh, Bình-khang và Phú-yên.

Lúc ấy bộ binh của bọn Tôn Thất Hội vẫn còn ở Bình-thuận. Phúc Ánh cho người đưa thư cho bọn Hội giục tiến quân để cùng vây đánh Quy-nhơn. Thủy quân của Phúc Ánh đánh vào Thị-nại. Vua Thái-đức cho Thái tử Nguyễn Bảo mang quân ra chống giữ. Trong khi quân Tây-sơn đang đánh quân Phúc Ánh ở mặt trước, thì bọn Tôn Thất Hội và Nguyễn Văn Thành đem bộ binh đánh vào mặt sau Nguyễn Bảo, khiến cho Nguyễn Bảo phải chạy về Quy-nhơn. Sau khi bộ binh và thủy binh của Phúc Ánh đã liên lạc được với nhau, Phúc Ánh ra lệnh cho quân đội thủy và bộ cùng tiến đánh Quy-nhơn.

Quy-nhơn bị uy hiếp ở mặt thủy và mặt bộ. Vua Thái-đức vội cho người ra Phú-xuân cầu cứu vua Cảnh-thịnh.

Vua Cảnh-thịnh sai bọn Phạm Công Hưng đem quân vào Quy-nhơn.

Được tin viện binh Tây-sơn sắp đến, Phúc Ánh biết thế không chống nổi liền cho quân rút về Gia-định, để Nguyễn Văn Thành ở lại giữ Diện-khánh, và Nguyễn Hoàng Đức giữ Bình-thuận.

Lúc ấy ở Qui-nhơn, bọn Phạm Công Hưng đã chiếm giữ lấy thành làm cho vua Thái-đức phải hộc máu ra mà chết như đã nói ở trên.

Tháng tư 1794 Phạm Công Hưng mang quân vào đánh Phú-yên, Trần Quang Diệu mang quân

đánh thành Diên-khánh. Hoàng tử Cảnh phải cho người về Gia-định cầu cứu. Nguyễn Phúc Ánh lại cho đại binh ra giải vây thành Diên-khánh rồi để Võ Tánh ở lại giữ Diên-khánh. Tháng hai 1795, Trần Quang Diệu lại mang quân vào đánh Diên-khánh. Võ Tánh hết sức chống giữ.

Được tin Diên-khánh bị đánh, Phúc Ánh vội đem thủy quân ra tiếp viện. Giữa lúc quân Phúc Ánh và quân Trần Quang Diệu đang giao chiến với nhau, thì ở Phú-xuân xảy ra vụ Vũ Văn Dũng bắt thái sư Bùi Đắc Tuyên đem dìm xuống sông cho chết, rồi cho bọn Nguyễn Văn Huấn vào Diên-khánh mưu giết Trần Quang Diệu. Trần Quang Diệu phải bỏ thành Diên-khánh kéo quân về Phú-xuân.

Trần Quang Diệu về Phú-xuân, thì Phúc Ánh cũng mang quân về Gia-định chiêu mộ binh mã và sửa soạn binh lương chuẩn bị cho các cuộc tấn công khác sau này.

Năm 1797, Phúc Ánh để bọn Tôn Thất Hội giữ Gia-định, rồi tự đem thủy binh ra đánh Qui-nhơn. Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh cũng được lệnh kéo quân ra đánh Phú-yên.

Đến Qui-nhơn, Phúc Ánh thấy lực lượng quân Tây-sơn còn mạnh lắm, liền bỏ Qui-nhơn tiến ra đánh Quảng-nam. Vài tháng sau vì hết lương thực và đạn dược, y lại mang quân về Gia-định.

Lần này ở Gia-định, Phúc Ánh chuẩn bị cuộc Bắc tiến khá kỹ càng. Y cho người sang Xiêm xin vua Xiêm mang quân đi qua nước Vạn-tượng (Lào) đánh vào Nghệ-an hoặc Thuận-hóa tức là đánh

vào lưng quân Tây-sơn. Lúc này y lại được Nguyễn Bảo vì bất bình với quân Tây-sơn xin tình nguyện làm nội ứng; khi Nguyễn Bảo bị bắt và bị giết thì y lại được Lê Chất một tướng giỏi, con rể Lê Trung, thấy Lê Trung bị giết chạy vào hàng.

Tháng tư 1799 thừa lúc gió mùa đã nổi, Phúc Ánh lại đem đại quân ra đánh Quy-nhơn. Tháng năm năm 1799 thủy quân của Phúc Ánh đánh chiếm được cửa Thị-nại. Phúc Ánh cho bọn Võ Tánh và Nguyễn Hoàng Đức đem quân lên chiếm Trúc-khê. Lúc này bộ binh của Nguyễn Văn Thành cũng đã lấy được Phú-yên và đã liên lạc được với quân của Võ Tánh. Tháng sáu năm 1799, quân của Phúc Ánh vây Quy-nhơn. Vua Cảnh-thịnh cho Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng đem quân vào cứu. Quân của Trần Quang Diệu đến Bến Đá thì gặp quân của Nguyễn Văn Thành chặn lại, nên không sao tiến đến Quy-nhơn được.

Trấn thủ Quy-nhơn là Lê Văn Thành chờ mãi không thấy viện binh ở Phú-xuân đến, đành mở cửa thành xin hàng Phúc Ánh. Phúc Ánh vào Qui-nhơn rồi đổi thành này ra thành Bình-định.

Được tin Qui-nhơn thất thủ, vua Cảnh-thịnh đem đại quân vào đóng ở Trà - khúc thuộc tỉnh Quảng-ngãi để đốc suất các tướng tiến đánh quân của Phúc Ánh, mưu khôi phục lại Quy-nhơn. Nhưng lúc này trái mùa gió, thủy binh không tiện hành động, nên nhà vua lại nghe lời can ngăn của các quan mà rút quân về Phú-xuân để Nguyễn Văn Giáp giữ Trà-khúc, Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng giữ Quảng-nam.

NHÀ TÂY SƠN ĐỔ

Năm 1800 tức năm Cảnh-thịnh thứ tám, nhiều dấu hiệu báo trước nhà Tây-sơn sắp đổ. Trong triều, các đại thần vẫn tìm cách hại lẫn nhau. Khi Qui-nhơn bị vây, Vũ Văn Dũng mang quân vào cứu, Dũng thua trận. Được Trần Quang Diệu che chở, Dũng không bị tội.

Bấy giờ trong triều có nhiều người ghét Trần Quang Diệu. Họ xin vua Cảnh-thịnh cho người đưa mật thư cho Vũ Văn Dũng để Dũng giết Diệu đi. Được thư của vua Cảnh-thịnh, Dũng đưa cho Diệu. Diệu xem thư cả sợ, liền đem quân về Phú-xuân đóng ở phía nam sông Hương nói là mang quân về bắt bọn nịnh thần. Vua Cảnh-thịnh sai người đi giảng hòa, nhưng không ai dám đi. Bất đắc dĩ, nhà vua phải bắt mấy người đem nộp cho Diệu, Diệu mới chịu vào chầu. Nhà vua tìm lời khuyên giải Diệu, Diệu khóc và xin cùng với Vũ Văn Dũng đem quân vào thu phục lại Qui-nhơn.

Ở các nơi khác, nhiều cuộc nổi loạn đã xảy ra. Ở Nghệ-an, tướng của Phúc Ánh là Lưu Phúc Tường và Nguyễn Văn Thụy đem quân Lào về đánh phá các nơi. Ở Thanh-hóa, bọn Hà Công Thái dấy quân làm loạn đánh lại triều đình. Ở

Hưng-hóa bọn thổ ty Phan Bá Phụng cũng nổi lên đánh cướp nhiều nơi. Ở một số địa phương tại Bắc-hà, nhiều giáo dân Gia - tô giáo bị bọn phản động mê hoặc cũng nổi lên chống lại triều đình, làm nội ứng cho Nguyễn Phúc Ánh.

Trước tình hình ấy, vua Cảnh-thịnh lấy làm lo sợ. Nhà vua hạ chiếu cho trấn thủ Nghệ-an là Nguyễn Văn Thận đem vàng lụa triệu La-sơn Phu tử Nguyễn Thiếp vào Phú-xuân hỏi chuyện.

Nguyễn Thiếp vào triều, vua Cảnh-thịnh hỏi việc nước. Nguyễn Thiếp trả lời :

— Không thể làm được.

Nhà vua hỏi :

— Tiên sinh có dạy gì nữa không ?

Nguyễn Thiếp nói

— Dạy thì ai theo ?

Nhà vua nói :

— Ta giao ấn kiếm cho, ai dám không theo ?

Nguyễn Thiếp hỏi :

— Nếu nhà vua không theo thì sao ?

Vua Cảnh-thịnh nín lặng, không trả lời. Sau đó Nguyễn Thiếp nói với vua Cảnh-thịnh :

— Xin Bệ hạ sớm dời đô ra Thăng-long để cố kết nhân tâm, dự bị sự thi hành phép tắc (Theo *La-sơn Phu tử* của Hoàng Xuân Hãn trang 170).

Trong lúc tình hình nhà Tây-sơn như vậy, thì Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng kéo quân vào Qui-nhơn. Lần này Diệu và Dũng mang phần lớn

TIMSACH.COM.VN

lực lượng quân đội của Tây-sơn vào quyết đánh chiếm kỳ được Quy-nhơn.

Trên bộ thì Trần Quang Diệu mang một đạo quân đến gần 10 vạn người vào vây Võ Tánh ở Quy-nhơn. Ở mặt bể Vũ Văn Dũng mang hầu hết chiến thuyền của Tây-sơn vào cửa Thị-nại. Đội chiến thuyền quan trọng ấy gồm có sáu tàu chiến lớn với 60 đại bác và 700 quân; 5 tầu chiến hạng nhỡ với 50 đại bác nhỏ và 600 quân; 40 tầu chiến nhỏ với 16 đại bác nhỏ và 200 quân; 93 chiến thuyền lớn với 150 quân; 300 pháo thuyền và 100 thuyền nhỏ.

Ngày nay không còn có tài liệu nào để biết đích xác lực lượng hải quân của Phúc Ánh lúc đó ra sao. Tuy vậy ta cũng có thể ước đoán rằng ít nhất Phúc Ánh cũng phải có một lực lượng hải quân tương đương như thế, thì mới tấn công được lực lượng hải quân của Tây-sơn ở Thị-nại.

Trận thủy chiến ở Thị-nại là một trận lớn nhất trong cuộc chiến tranh giữa Tây-sơn và Phúc Ánh, nó đã quyết định vận mạng triều đình Tây-sơn, tạo điều kiện cho Phúc Ánh dễ dàng tiến ra Bắc.

Vì Tây-sơn đã tập trung phần lớn lực lượng vào Quy-nhơn và Thị-nại, cho nên Phú-xuân sơ hở như nhử thủy quân của Phúc Ánh tiến vào. Và khi Phú-xuân đã mất, thì quân đội Tây-sơn ở Quy-nhơn và Thị-nại sẽ lâm vào cái thế bị bao vây. Bởi vậy việc Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng tập trung lực lượng dốc vào Quy-nhơn và Thị-nại là một sai lầm về chiến lược nó làm cho triều đại Tây-sơn sụp đổ nhanh hơn.

Bây giờ ta hãy nghe Ba-ri-xy thuật lại trận thủy chiến ở Thị-nại mà bản thân Ba-ri-xy đã tham dự ở bên cạnh Phúc Ánh như sau :

« Nhà chúa cho Lê Văn Duyệt đem 1.200 quân đồ bộ xuống bãi bể. Bây giờ tối thì cuộc đổ bộ hoàn thành. Lính đổ bộ ngậm miệng tiến đến nấp ở bên cạnh các pháo đài và các cỗ đại bác cạnh bờ bể ở phía nam Thị-nại.

« Mười giờ rưỡi đêm, nhà chúa cho pháo thuyền lẳng lặng tiến vào gần cửa vịnh Thị-nại, vừa do gió thổi, vừa do nước triều lên, nên nước bể từ ngoài khơi dồn vào trong vịnh rất mạnh. Chúa sai Nguyễn Văn Trương đem 62 pháo thuyền tiến sát đến ba chiếc tầu chiến lớn của Tây-sơn bỏ neo ở cửa vịnh, phóng hỏa đốt cả ba chiếc tầu đó, rồi cắt neo cho cả ba chiếc tầu trôi vào trong vịnh làm cháy lây sang các chiếc tầu khác. Nguyễn Văn Trương thi hành mệnh lệnh của chúa xong rồi bắt đầu nổ súng đánh vào trong vịnh.

« Trên mặt biển, 26 chiến thuyền được lệnh nổ đại bác kế tiếp nhau. Trên bãi cát nằm chắn ngang phía tây-nam vịnh, 1200 quân đổ bộ của ta lưỡi lê cắm đầu súng xung phong ào ào vào chiếm cứ các chiến hào, chiến lũy, rồi quay mũi các cỗ đại bác trở lại bắn vào trong vịnh...

« Nguyễn Văn Trương đốt cháy ba chiếc tầu chiến lớn rồi cắt dây neo để cho trôi vào trong vịnh, rồi đem ngay đoàn pháo thuyền do ông chỉ huy tiến theo vào tận chỗ tận cùng của vịnh. Phần thì muốn cho quân sĩ của ông không có đường lui, phần thì thấy lửa cháy sang các tầu

thuyền của Tây-sơn còn chậm quá, nên Nguyễn Văn Trương cho dồn thuyền lại rồi phóng hỏa đốt thêm một số pháo thuyền ở phía sau phân đội pháo thuyền của ông. Ngoài cửa vịnh như một biển lửa lan tràn khắp mọi nơi. Toán quân ở trong chỉ còn có một việc là diệt cho hết quân địch để mà tự cứu lấy thân.

« Ở ngoài khơi chúa ra lệnh cho 26 chiến thuyền vào trong vịnh trợ chiến cho đội pháo thuyền. Đoàn thuyền đi qua cửa vịnh, quân Tây-sơn ở pháo đài bắn phá rất dữ dội. Vũ Di Nguy bị đại bác bắn bay mất đầu. Một chiến thuyền bị mắc cạn ở ngay cửa vịnh. Lê Văn Duyệt cho tùy tướng tới lấy đầu viên thuyền trưởng rồi phóng hỏa đốt chiếc chiến thuyền đó.

« Qua cửa vịnh, Lê Văn Duyệt thấy một số tầu chiến lớn của Tây-sơn bỏ neo ở chân núi phía đông hãy còn ở ngoài biển lửa, lập tức Lê Văn Duyệt cho đoàn chiến thuyền tiến tới rồi phóng hỏa đốt nốt.

« Hồi 4 giờ sáng, toàn vịnh Thị-nại là một biển lửa lớn, tiếng đại bác nổ ầm ầm khắp nơi. Đến sáng rõ thì thấy rất nhiều tầu thuyền bùng nổ, thủy thủ bị bắn tung lên trời... Thế mà các chiến thuyền lớn và các pháo thuyền của Tây-sơn vẫn hãy còn chống cự lại được tới mãi 2 giờ 30 chiều hôm 28 tháng 11 năm 1801.

« Chúa Nguyễn Phúc Ánh thắng trận, nhưng bị thiệt hại lớn. Riêng tướng sĩ đã mất tới 4.000 người.

«Nhưng bên Tây-sơn thì sự thiệt hại còn lớn hơn nhiều. Tướng sĩ tử trận ít nhất là đến 50.000 người...»

Ba-ri-xy có thể thuật không đúng hẳn sự thật. Về sự thiệt hại của Tây-sơn có thể Ba-ri-xy nói thêm ra, cũng như y có thể nói bớt đi sự thiệt hại của Nguyễn Phúc Ánh. Tuy vậy qua lời của Ba-ri-xy ta biết trận thủy chiến ở Thị-nại quả là một trận thủy chiến lớn và ác liệt vô cùng. Kết quả của trận thủy chiến là Vũ Văn Dũng phải rút quân khỏi Thị-nại để cùng với Trần Quang Diệu về vây đánh Quy-nhơn.

Sau khi chiếm được cửa Thị-nại rồi, một mặt Phúc Ánh cho báo tin thắng trận đi khắp các nơi, một mặt sai Nguyễn Văn Trương mang thủy quân ra đánh Quảng-nam và Quảng-ngãi.

Bấy giờ quân Tây-sơn vây đánh Quy-nhơn rất gấp, Phúc Ánh xem chừng không thể giải vây nổi Quy-nhơn, liền cho người lẻn vào trong thành bảo Võ Tánh và Ngô Tòng Chu là hai tướng giữ thành nên bỏ thành mà trốn ra. Võ Tánh bảo cho Phúc Ánh biết rằng: Binh lực Tây-sơn phần lớn ở cả Quy-nhơn, đừng nên lo việc giải vây Quy-nhơn, mà nên mang quân đánh vào Phú-xuân là hơn cả.

Phúc Ánh nghe lời Võ Tánh để Nguyễn Văn Thành ở lại chống giữ với Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng, rồi đem đại quân kéo ra đột nhiên đánh vào Phú-xuân. Lúc ấy là tháng sáu năm 1801, thủy quân của Phúc Ánh kéo vào cửa Tư-dung. Được tin quân Phúc Ánh kéo đến, quân Tây-sơn rất hoang mang. Tướng Tây-sơn là phò mã

Nguyễn Văn Trị đem quân ra lập đồn ở núi Quy-sơn để chống giữ. Phúc Ánh thấy tiền quân của mình không tiến được, liền cho Lê Văn Duyệt và Lê Chất đem thủy quân đánh vào sau lưng Nguyễn Văn Trị. Quả nhiên Nguyễn Văn Trị phải bỏ đồn mà chạy, quân Phúc Ánh kéo vào cửa Thuận-an rồi tiến lên đánh thẳng vào Phú-xuân. Vua Cảnh-thịnh thân đem quân ra chống cự, đến trưa thì quân Tây-sơn tan vỡ. Vua Cảnh-thịnh vội mang tàn quân Tây-sơn chạy ra Bắc. Quân của Phúc Ánh kéo vào chiếm Phú-xuân vào ngày 3 tháng năm năm tân dậu (1801). Lập tức y cho Lê Chất đem bộ binh đuổi đánh quân Tây-sơn, và cho Nguyễn Văn Trương đem thủy binh đi gấp đường ra chiếm lấy sông Gianh chặn đường quân Tây-sơn kéo ra Bắc. Y lại sai Lưu Phúc Tường mang quân đi đường Cam-lộ sang Lào bảo cho các Mường chặn giữ các nơi không cho quân Tây-sơn tràn sang.

Trong khi Phúc Ánh đánh chiếm Phú-xuân, thì bọn Võ Tánh và Ngô Tùng Chu bị Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng vây đánh rất gấp ở Quy-nhơn. Khi được tin Phú-xuân bị đánh, Trần Quang Diệu sai người mang quân ra cứu. Quân Tây-sơn ra đến Quảng-nam thì gặp quân Lê Văn Duyệt do Phúc Ánh sai vào đánh chặn đường, nên đành phải quay trở lại Quy-nhơn. Trần Quang Diệu quyết dốc toàn lực hạ Quy-nhơn cho kỳ được. Quân Phúc Ánh hết lương, không chống cự được nữa. Võ Tánh và Ngô Tòng Chu cùng tự tử. Trần Quang Diệu mang quân vào thành Quy-nhơn. Diệu tha

cho các tướng sĩ của Phúc Ánh không giết, rồi cho làm lễ mai táng Võ Tánh và Ngô Tòng Chu. Diệu lại sai đại đô đốc Trương Phúc Phượng và tư khấu Định đem quân theo đường núi ra đánh Phú-xuân. Quân của Trương Phúc Phượng đi nửa đường thì hết lương, Phượng phải đầu hàng Phúc Ánh, còn tư khấu Định thì thua trận chạy vào Mường rồi chết ở đấy.

Trần Quang Diệu lại sai người mang quân vào đánh Phú-yên, nhưng không được. Quân Tây-sơn do đó ở vào một tình thế oái oăm; thắng mà lại bị bao vây. Vì ở phía bắc, Lê Văn Duyệt và Lê Chất đang đem quân từ Quảng-nam, Quảng-ngãi đánh vào; ở mặt bể, quân của Nguyễn Văn Thành ở Thị-nại đánh lên; ở phía nam quân của Tống Viết Phúc và Nguyễn Văn Tánh đánh ra. Diệu đành chia quân đi giữ các nơi vừa cầm cự vừa chờ quân cứu viện từ Bắc kéo vào.

Lúc ấy vua Cảnh-thịnh đã ra đến Bắc-hà và đã truyền lệnh đi các trấn lấy viện binh. Tháng 12 năm 1801, Nguyễn Quang Thùy mang 30.000 quân của bốn trấn ở Bắc-hà vào Nghệ-an, vượt sông Gianh đánh quân của Phúc Ánh. Trong khi ấy quân Tây-sơn lại cho một trăm chiến thuyền vào giữ cửa Nhật-lệ. Vợ Trần Quang Diệu là Bùi thị Xuân cũng mang 5.000 quân bản bộ vào Nghệ-an dự chiến.

Quân của Phúc Ánh do bọn Nguyễn Văn Trương, Tống Phúc Lương, Đặng Trần Thường chỉ huy đóng ở sông Gianh thấy quân Tây-sơn mạnh, vội rút về giữ Đồng-hới. Phúc Ánh được tin quân Tây-sơn vào đánh, liền tự đem đại binh

ra tiếp viện. Y sai Phạm Văn Nhân và Đặng Trần Thường đem quân giữ mặt bộ, Nguyễn Văn Trương giữ mặt bể.

Tháng hai năm 1802, quân Tây-sơn do Nguyễn Quang Thùy chỉ huy tấn công vào lũy Trấn-ninh. Vì đánh mãi không hạ được lũy, vua Tây-sơn toan hạ lệnh rút quân về. Nhưng Bùi Thị Xuân xin đem quân ra dốc chiến để hạ Trấn-ninh cho kỳ được. Quân Tây-sơn và quân Phúc Ánh giao chiến với nhau từ sáng đến tối chưa phân thắng phụ, thì có tin thủy quân Tây-sơn ở cửa Nhật-lệ đã bị thủy quân của Nguyễn Văn Trương phá. Thế là quân Tây-sơn mất tinh thần rồi tan vỡ. Tướng Tây-sơn là Nguyễn Văn Kiên phải hàng Phúc Ánh. Vua Tây sơn đem tàn quân chạy ra Bắc để Nguyễn Văn Thận ở lại giữ Nghệ-an.

Lúc ấy Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng cũng đã bỏ Quy-nhơn đem voi chiến đi đường núi qua Lào tiến ra Nghệ-an.

Thế là khoảng đất từ sông Gianh trở vào Nam lại trở về với Phúc Ánh.

Tháng sáu năm 1802, Phúc Ánh lên ngôi vua ở Phú-xuân lấy niên hiệu là Gia-long.

Sau khi lên ngôi vua, Gia-long đem đại quân ra đánh Bắc-hà, y sai Nguyễn Văn Trương đem thủy binh, Lê Văn Duyệt và Lê Chất đem bộ binh cùng tiến ra Bắc. Tháng bảy năm 1802, quân bộ Gia-long vượt sông Gianh chiếm Hà-trung, quân thủy của Nguyễn Văn Trương kéo vào cửa Hội-thống rồi tiến lên đánh phá các đồn lũy của Tây

sơn. Nguyễn Văn Thận là trấn thủ Nghệ-an bỏ thành chạy ra giữ đồn Tiền-lý ở Diễn-châu.

Khi Trần Quang Diệu theo đường Lào đi đến Quy-hợp, xuống Hương-sơn thì thấy quân Gia-long đã chiếm Nghệ-an, Diệu cùng với vợ là Bùi thị Xuân về huyện Thanh-chương, quân lính của Diệu bỏ chạy trốn hết, mấy hôm sau, hai vợ chồng Diệu bị bắt. Vũ Văn Dũng chạy đến Nông-cống (Thanh-hóa) cũng bị bắt.

Lúc này quân Gia-long tiến vào Thanh-hóa như vào chỗ không người. Quân Gia-long đi đến đâu, thì quân Tây-sơn tan đến đấy. Vì vậy chỉ một tháng đại quân của Gia-long đã đến Thăng-long.

Vua Tây-sơn cùng hai em là Nguyễn Quang Thủy và Nguyễn Quang Thiệu cùng mấy người cận thần là đô đốc Tú và Nguyễn Văn Tứ vượt sông Nhị chạy sang miền Kinh-bắc, đến huyện Phượng-nhãn thì bị nhân dân bắt và nộp cho Gia-long. Quang Thùy tự tử, đô đốc Tú và vợ cũng tự tử. Còn vua Tây-sơn và mấy người nữa bị đóng cũi giải về Thăng-long.

Ở Thăng-long, Gia-long cho đem một số tướng Tây-sơn ra hành tội một cách vô cùng dã man.

Khi hạ được thành Quy-nhơn, Trần Quang Diệu không giết một tướng sĩ nào của Phúc Ánh. Diệu lại cho làm lễ mai táng Võ Tánh và Ngô Tòng Chu. Vợ Diệu là Bùi thị Xuân cũng có độ lượng khoan hồng như thế. Mỗi khi thắng trận, Bùi thị Xuân không cho quân sĩ giết kẻ đã thua.

Sau khi bị bắt Trần Quang Diệu và vợ Diệu là Bùi thị Xuân bị giải về Thăng-long cùng với hai người con còn nhỏ tuổi. Gia-long ra cửa Đông thành Thăng-long xem hành hình bọn Diệu. Hai đứa con Trần Quang Diệu bị treo ngược rồi dập vào tường thành cho đến chết. Hai đứa trẻ kêu khóc rất thảm thương cho đến chết, Gia-long hỏi Bùi thị Xuân có đau xót không. Bà Xuân khẳng khái chửi vào mặt tên vua tàn ác. Gia-long sai lấy vải bôi sáp quấn vào người Bùi thị Xuân rồi châm lửa đốt. Toàn thân bà Xuân là một cây lửa lớn. Trong cây lửa ấy, người ta nghe thấy bà Xuân chửi tên vua hèn hạ cho đến hơi thở cuối cùng.

Còn vua Tây-sơn và các người bầy tôi khác, Gia-long cho đem vào Phú-xuân. Sau khi làm lễ « hiến phù » ở nhà Thái miếu, Gia-long cho đem tất cả ra hành hình rất dã man. Sau đó y sai đem quật mả vua Thái-đức Nguyễn Nhạc và vua Thái-tổ Nguyễn Huệ, đem vứt hài cốt xuống sông, còn đầu lâu thì y đem bỏ vào ngục tối.

Nhớ lại khi nhân dân khiêng xác Trịnh Khải trình Nguyễn Huệ, Huệ cho dùng vương lễ mai táng cho Khải, thì ta thấy hành động của Gia-long quả là hành động của kẻ tiểu nhân đắc chí, giết cả từ đứa trẻ vô tội giết đi, thù cả từ nắm xương vô tri vô giác. Sự căm thù của y là sự căm thù của giai cấp phong kiến đối với nhân dân. Còn thái độ[6] của vua Quang-trung cũng như thái độ của Trần Quang Diệu và Bùi thị Xuân là thái độ rộng lượng của nhân dân khi đã thắng kẻ thù.

Sự căm thù của nhà Nguyễn đối với triều đại Tây-sơn còn kéo dài cho mãi đến năm Minh-mạng thứ 12. Năm ấy quan lại nhà Nguyễn bắt được Nguyễn Văn Đức và Nguyễn Văn Lương là con Nguyễn Nhạc, và Nguyễn Văn Đâu là cháu Nguyễn Nhạc. Những người này đều bị Minh-mạng cho đem chém ngang lưng. Dòng họ Tây-sơn ở Bình-định vì vậy không còn một người nào.

Sau đó các vua triều Nguyễn còn cấm nhân dân Bình-định không được thờ cúng các lãnh tụ cách mạng Tây-sơn. Nhưng đối với nhân dân Bình-định, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ là những anh hùng của họ, cho nên ngay ở dưới các triều vua Nguyễn dã man, hèn nhát, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ vẫn được thờ cúng ngấm ngầm. Việc này một mặt biểu thị lòng biết ơn của nhân dân Bình-định đối với hai lãnh tụ cách mạng Tây-sơn, một mặt khác còn có ý cảnh cáo cho bọn vua triều Nguyễn biết rằng chính nghĩa không ở phía chúng, mặc dầu chúng tạm thắng trong một thời gian.

NGUYÊN NHÂN THÀNH BẠI VÀ BÀI HỌC CỦA CÁCH MẠNG TÂY SƠN

Cách mạng Tây-sơn bùng ra từ năm 1771 đến năm 1802 thì bị bọn phong kiến phản động Gia-long đánh bại. Tính ra cách mạng Tây-sơn trước sau tồn tại được ba mươi mốt năm. Trong khoảng thời gian ba mươi mốt năm ấy, các lãnh tụ Tây-sơn, chủ yếu là Nguyễn Huệ đã làm nên những sự nghiệp kinh thiên động địa : Diệt chế độ phong kiến Chúa Nguyễn ở Đường trong và chế độ phong kiến Chúa Trịnh ở Đường ngoài ; đánh tan hai vạn quân xâm lược Xiêm-la ; cả phá hai mươi vạn quân của phong kiến Mãn Thanh ; thi hành nhiều cải cách trọng yếu có quan hệ đến quốc kế dân sinh. Sự nghiệp của nhà Tây-sơn nếu được tiếp tục, nước Việt-nam sẽ có dà để tiến vào con đường tư bản chủ nghĩa là con đường tiến bộ trong điều kiện của hoàn cảnh xã hội bấy giờ. Tiếc rằng từ năm 1792 sau khi vua Quang-trung mất, nhà Tây-sơn mỗi ngày một suy yếu rồi đến năm 1802 thì sụp đổ.

Những nguyên nhân nào đã quyết định sự thành công oanh liệt của cách mạng Tây-sơn ? Và

những nguyên nhân nào đã đưa triều đại Tây-sơn đến chỗ bại vong?

Xã hội Việt-nam sau một thời kỳ thịnh trị trong buổi Lê sơ, đến thế kỷ XVI đã bắt đầu khủng hoảng. Sang thế kỷ XVIII các mâu thuẫn xã hội lại càng gay gắt. Sự phát triển các quan xưởng (trong đó có các mỏ) để đúc tiền và nhất là để cung cấp võ khí cho bọn vua chúa, và sự hạn chế thương nghiệp, đặc biệt là ngoại thương làm cho công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp không sao ngóc đầu lên được. Những kẻ buôn bán có tiền rút cuộc cũng phải quay về tậu ruộng để bóc lột địa tô là cách bóc lột chắc chắn nhất, mặc dầu lợi tức không nhiều lắm. Bọn quan lại, bọn địa chủ thi nhau chiếm đoạt ruộng đất của nông dân làm cho nông dân càng ngày càng phá sản. Một nước mà tuyệt đại bộ phận kinh tế là nông nghiệp, nhân dân trong nước chỉ có một nghề sống chủ yếu là nghề làm ruộng, mà bọn vua chúa không chịu chăm lo nông nghiệp, bỏ mặc nhân dân với các thiên tai đủ thứ, cho nên những năm cuối thời Lê — Trịnh các tai nạn như vỡ đê, ngập lụt, hạn hán v.v... liên tiếp xảy ra không ngớt. Năm 1768 nạn đói xảy ra ở nhiều trấn Bắc-hà; năm 1769 lụt lớn ở Thanh-hóa; năm 1773 đại hạn lớn rồi lại vỡ đê Đông-trạch làm ngập lụt các miền Thường-tín, Ứng-thiên, Lý-nhân; năm 1774 đói lớn ở Nghệ-an; năm 1775 nước bể dâng lên tràn ngập các miền Sơn-nam, Hải-dương, An-quảng khiến cho lúa má, hoa màu bị hư hỏng cả; năm 1776 nhân dân nhiều nơi bị đói lớn; năm 1777 miền Nghệ-an đói lớn, người chết nằm

ở ngoài đường như rạ; năm 1778 đại hạn và đói lớn; năm 1785 mưa lụt làm hư hỏng mùa màng; năm 1786 đói lớn xảy ra ở nhiều nơi. Trong khoảng thời gian từ năm 1768 đến năm Nguyễn Huệ ra đánh Bắc-hà lần thứ nhất (1786) hầu như năm nào cũng có ngập lụt hay hạn hán. Đời sống của nhân dân cứ theo đó mà suy cũng đủ thấy là cơ cực biết chừng nào. Giai cấp phong kiến thống trị không những không làm giảm bớt tai họa cho nhân dân, mà chúng còn tìm đủ cách bóc lột nhân dân để lấy tiền ăn tiêu xa xỉ hoặc đánh lẫn nhau.

Trong thời gian này ở Đường trong nạn quan lại, địa chủ chiếm đoạt ruộng đất của nông dân cũng trở nên trầm trọng. Chính sách tham tàn, bạo ngược của Trương Phúc Loan một mặt làm cho công thương nghiệp đình đốn, một mặt khác làm cho nông dân càng ngày càng đói khổ điêu linh. Dưới bàn tay của Loan đến cái vỏ ngoài của công lý cũng không còn được tôn trọng nữa, dù công lý ấy chỉ là công lý phong kiến mà thôi.

Tóm lại, mâu thuẫn giai cấp ở xã hội Đường ngoài cũng như ở xã hội Đường trong hồi nửa cuối thế kỷ XVIII đã đến mức độ hết sức gay go. Các giai cấp xã hội, trừ một thiểu số phong kiến thống trị, đều chán ghét chế độ xã hội đương thời, khao khát một sự thay đổi lớn khả dĩ mở cho họ một con đường sống.

Trong tình trạng xã hội như trên, cách mạng Tây-sơn đã nổ ra, do đó đã được hầu hết các giai cấp xã hội tham gia và ủng hộ.

Điều kiện khách quan đã thuận lợi như thế, các nhà lãnh đạo cách mạng Tây-sơn lại biết thi hành một chính sách một mặt phân hóa và cô lập được bọn thống trị, một mặt khác đoàn kết được đông đảo các tầng lớp nhân dân. Ngay từ ngày đầu của cuộc khởi nghĩa, anh em Tây-sơn đã kéo được bọn hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương làm cho bọn phong kiến thống trị bị chia rẽ lung tung. Cũng ngay từ những ngày đầu của cuộc khởi nghĩa, anh em Tây-sơn đã kéo được tri thức (đại biểu là Huyền Khê), thổ hào (đại biểu là Nguyễn Thung), đồng bào Thượng, người Chiêm-thành và nữ chúa Chiêm-thành là Thị Hỏa, Hoa kiều (đại biểu là Lý Tài, Tập Đình), người Cao-miên, người Xiêm. Không có tài liệu nào cho biết ngay từ ngày đầu cuộc khởi nghĩa, đồng bào công giáo có đi với nghĩa quân Tây-sơn hay không. Nhưng, với chính sách cấm đạo của Nguyễn Phúc Khoát và chính sách cấm đạo của Trương Phúc Loan sau khi Loan quịt tiền của Pi-e Poa-vơ-rơ (Pierre Poivre), ta ngờ rằng anh em Tây-sơn đã kéo được đồng bào công giáo ngay từ lúc mới dấy quân. Năm 1786 khi Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc-hà, thì trong hàng ngũ quân đội Tây-sơn rõ ràng là có đồng bào công giáo. Trong bức thư viết từ Kẻ Vĩnh (Ninh-bình) ngày 6 Tháng 12 năm 1886 gửi về Pháp, giáo sĩ người Pháp là Lơ Roa (Le Roy) có viết rằng : « Trong bọn họ (quân Tây-sơn) có một số là dân bổn đạo, ít ra cũng đã chịu lễ rửa tội rồi... » (*Tập san nghiên cứu Văn Sử Địa* số 14 Tháng hai 1956).

Hàng ngũ đông đảo của nghĩa quân chứng minh rằng: Hầu hết các giai cấp xã hội ở Đường trong cũng như ở Đường ngoài đã tham gia nghĩa quân hay đã ủng hộ nghĩa quân. Tình hình xã hội xô mọi người vào con đường khởi nghĩa. Mâu thuẫn các giai cấp gay go đến nỗi không những giai cấp phong kiến thống trị đã bị chia rẽ, mà tự chúng, chúng cũng không còn biết cai trị làm sao được nữa. Việc các nhà hào phú Bắc-hà năm 1786 không tuân lệnh Trịnh Khải buộc họ bỏ tiền ra mua quan chức là một thí dụ.

Tóm lại chính nghĩa của quân Tây-sơn, chính sách khôn khéo của các lãnh tụ Tây-sơn, tài chỉ huy quân sự đặc biệt của anh em Tây-sơn đã làm cho quân Tây-sơn đánh đâu thắng đấy, và thắng rất nhanh.

Đây là những nguyên nhân chủ yếu đã tạo nên những thắng lợi liên tiếp của cách mạng Tây-sơn.

Bây giờ chúng ta xét đến những nguyên nhân đã đưa triều đại Tây-sơn đến chỗ bại vong.

Nói đến những nguyên nhân làm cho cách mạng Tây-sơn bị thất bại, trước hết phải nói đến những mâu thuẫn giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ nảy mầm từ sau ngày anh em Tây-sơn đem vàng bạc, châu báu của chúa Trịnh về Nam (1786). Đến đầu năm 1787 thì mâu thuẫn ấy nổ tung ra cuộc xung đột võ trang giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ. Cuộc xung đột kéo dài luôn bốn tháng làm cho Nguyễn Nhạc cũng như Nguyễn Huệ tiêu hao mất nhiều lực lượng, và dẫy một số quân sĩ

của Nguyễn Nhạc do Đặng Văn Trấn chỉ huy chạy vào Gia-định để sau này theo Nguyễn Phúc Ánh đánh lại quân Tây-sơn. Cuộc xung đột giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ tạo một cơ hội rất tốt cho Phúc Ánh từ Xiêm trở về hoạt động ở Gia-định để rồi chiếm hẳn Gia-định. Tai hại hơn nữa là cuộc xung đột lại gieo nghi ngờ vào lòng các chiến sĩ trong quân Tây-sơn do Nguyễn Nhạc chỉ huy cũng như do Nguyễn Huệ chỉ huy. Về phía Nguyễn Nhạc thì năm 1788 khi Phúc Ánh mới trở về Gia-định hoạt động, Nguyễn Văn Trương một tướng tài của quân Tây-sơn đã đem 300 quân và 15 chiến thuyền đầu hàng Phúc Ánh. Về phía Nguyễn Huệ, những tướng có tài như Nguyễn Văn Duệ, Nguyễn hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhâm sở dĩ quay ra phản Nguyễn Huệ một phần cũng vì họ thấy các lãnh tụ Tây-sơn đánh lẫn nhau.

Nếu năm 1856 việc Hồng Tú Toàn lãnh tụ phong trào Cách mạng Thái bình Thiên quốc cùng với Vi Xương Huy mưu giết Dương Tú Thanh rồi lại giết Vi Xương Huy để tạ Thạch Đạt Khai làm cho nội bộ quân Cách mạng Thái bình Thiên quốc lủng củng và yếu đi, thì việc anh em Tây-sơn xung đột lẫn nhau cũng làm cho lực lượng quân Tây-sơn yếu đi và nhất là đã tạo cho Nguyễn Phúc Ánh cơ hội tốt trở về chiếm Gia-định, một miền đất đai màu mỡ vào bậc nhất nước Việt-nam.

Cuộc xung đột giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đứng về một phương diện khác mà xét, còn là biểu hiện của mâu thuẫn giữa chủ trương phân cát do Nguyễn Nhạc làm đại biểu, và chủ trương thống nhất đất nước do Nguyễn Huệ làm đại biểu.

Sau khi cùng với Nguyễn Huệ ở Bắc-hà trở về Nam, Nguyễn Nhạc tự tôn lên làm Trung ương hoàng đế, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông định vương cai quản miền Gia-định, Nguyễn Huệ làm Bắc bình vương cai quản miền đất từ đèo Hải-vân trở ra Bắc. Còn Nhạc tự cai quản miền đất ở giữa hai miền đất nói trên. Từ dấy ở thành Hoàng đế (tức thành Qui-nhơn), Nhạc ung dung sống một cuộc đời ưu du hưởng lạc, không những mặc cho Nguyễn Huệ tung hoành ở Bắc-hà, mà còn mặc cho quốc thù là Nguyễn Phúc Ánh tự do phát triển lực lượng ở miền Gia-định nữa. Khi Tôn Sĩ Nghị mang 20 vạn quân Thanh vào Việt-nam đánh quân Tây-sơn, trong kế hoạch tiến công, quân Thanh dự định cho thủy quân đánh vào miền Thuận-quảng (Thuận-hóa và Quảng-nam), Nhạc vẫn an nhiên ngồi ở thành Hoàng đế không giúp đỡ em là Nguyễn Huệ một người lính hay một hộc thóc nào. Giả sử quân Thanh đánh bại Nguyễn Huệ, thì hẳn là họ không để cho Trung ương Hoàng đế ngồi yên ở Qui-nhơn mà vui chơi với một bầy cung nữ.

Chính Nguyễn Huệ cũng nhận thấy Nguyễn Nhạc không những có tư tưởng cầu an hưởng lạc, mà còn có tư tưởng phân cát nữa. Trong bài chiếu tức vị, Nguyễn Huệ đã công khai tuyên bố rằng Nguyễn Nhạc là người « lãng nghĩa, chỉ mong giữ lấy một phủ Qui-nhơn, tự giáng mình làm Tây chúa ».

Nguyễn Phúc Ánh là quốc thù của Nguyễn Nhạc cũng như của Nguyễn Huệ, nhưng nhận thức của

Nguyễn Nhạc và nhận thức của Nguyễn Huệ về sự nguy hại của mối quốc thù ấy lại không giống nhau. Sau khi Phúc Ánh đánh đuổi Nguyễn Lữ chạy về Qui-nhơn, Nguyễn Nhạc không những để mặc Phạm Văn Sâm không tiếp viện để đến nỗi Phạm Văn Sâm cũng đường phải đầu hàng Phúc Ánh, mà còn bỏ hẳn cả miền Gia.định giàu có cho Phúc Ánh chiếm cứ nữa. Đối với Nguyễn Huệ, thì cho đến lúc sắp chết, Huệ vẫn coi Phúc Ánh là một kẻ thù hết sức nguy hiểm. Năm 1789 vừa mới phá xong quân Thanh, Huệ mang ngay đại binh trở về Phú-xuân chính là để sửa soạn cuộc tấn công Phúc Ánh. Với cái đà phấn khởi và tin tưởng của quân và dân Việt-nam sau trận đại thắng ngoại xâm, ta nghĩ rằng Huệ có thể lại thắng Phúc Ánh cũng như đã từng thắng Phúc Ánh trong các cuộc tấn công trước. Tiếc rằng cuộc tấn công đang sửa soạn thì Huệ mất giữa tuổi trung niên đầy hi vọng.

Nguyễn Huệ mất không những mất cả cái hi vọng tấn công Phúc Ánh, mà còn tạo cơ hội và điều kiện cho Phúc Ánh tấn công thắng lợi quân Tây-sơn nữa.

Việc Nguyễn Huệ mất thật là vô cùng quan hệ đến vận mạng triều đại Tây-sơn. Phải coi đó là nguyên nhân chủ yếu đã khiến cho triều đại Tây-sơn sớm đổ.

Đó là một sự thật của lịch sử mà chúng ta phải lưu ý và thừa nhận, mỗi khi nghiên cứu nguyên nhân thành bại của cách mạng Tây-sơn.

Nói đến nguyên nhân làm cho triều đại Tây-sơn sớm sụp đổ, còn phải kể đến một nguyên nhân

khách quan trọng yếu: Do tình trạng bế tắc của xã hội phong kiến Việt-nam hồi thế kỷ XVIII. Trong cái tình trạng bế tắc này, công nghiệp, thương nghiệp không sao ngóc đầu lên được, nông nghiệp cũng suy đồi, nạn chiếm đoạt ruộng đất của nông dân ở xã hội Đường trong cũng như ở xã hội Đường ngoài càng ngày càng trầm trọng. Các cuộc khởi nghĩa nông dân liên tiếp nổ ra chính là để giải quyết cái tình trạng bế tắc đó. Cách mạng Tây-sơn là đỉnh cao chót của tất cả các phong trào nông dân hồi thế kỷ XVIII. Đó là một cố gắng lớn nhất của nông dân Việt-nam hồi nửa cuối thế kỷ XVIII nhằm tìm một con đường thoát khỏi tình trạng bế tắc nói trên.

Nguyễn Huệ là dòng dõi giai cấp phong kiến. Bản thân Nguyễn Huệ thuộc tầng lớp phong kiến hạng dưới. Tầng lớp phong kiến hạng dưới này cũng bị bọn phong kiến thống trị bóc lột và áp bức như nông dân lao động. Họ cũng căm thù bọn phong kiến thống trị như nông dân lao động. Họ đã đi với nông dân và lãnh đạo nông dân đứng lên khởi nghĩa đánh đổ chế độ phong kiến Nguyễn — Trịnh — Lê thối nát. Trong cuộc đấu tranh vĩ đại này, họ đã được hầu hết các tầng lớp nhân dân đồng tình và ủng hộ.

Nguyễn Huệ là lãnh tụ kiệt xuất của phong trào đấu tranh lớn mạnh đó. Bị điều kiện lịch sử giới hạn, sau khi đánh đổ các tập đoàn phong kiến Nguyễn, Trịnh, Lê, Nguyễn Huệ chỉ giải quyết được các mâu thuẫn xã hội trong khuôn khổ chế độ phong kiến mà thôi.

Cuộc cách mạng do Nguyễn Huệ lãnh đạo về căn bản là cuộc cách mạng nông dân, chủ lực của cách mạng ấy là nông dân. Nhưng chế độ xã hội do cách mạng Tây-sơn dựng ra lại dựa vào sự bóc lột nông dân và vẫn ủng hộ phong kiến, địa chủ.

Trong thời đại Tây-sơn, thương nhân có thể thiết tha với chế độ Tây-sơn, nhưng thương nhân ở thời đại ấy đã bị cái chế độ phong kiến Nguyễn — Trịnh — Lê làm cho còm cõi, họ chưa có một địa vị kinh tế đáng kể, bản thân họ, họ chưa thành một lực lượng xã hội đủ mạnh để triều đại Tây-sơn có thể dựa vào đấy mà thi hành các cải cách.

Chính sách ruộng đất, chính sách thuế khóa, chính sách công thương nghiệp của Nguyễn Huệ có tính cách khuyến khích sản xuất, làm cho nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp phát đạt. Chính sách văn hóa và giáo dục của Nguyễn Huệ cũng có khả năng khai thông dân trí, xây dựng nền học thuật Việt-nam. Để thi hành những chính sách mới và tiến bộ ấy, Huệ chỉ có những con người cũ, những quan lại cũ, những hào mục cũ, những sĩ phu cũ. Bọn này bằng sự tham nhũng của chúng đã làm cho nhân dân sinh ra nghi ngờ hoặc chán chế độ Tây-sơn. Do nơi chúng, cho nên trong việc tu bổ hộ tịch và điền tịch « kết quả là do bọn ủy viên của nhà nước nghiêm hay rộng, liêm hay tham mà thành ra thiên khinh thiên trọng có đến bốn, năm phần mười » như sách *Lê Quý dật sử* đã nói. Vì không có lực lượng xã hội mới để thi hành và phục vụ chế độ mới, mà chỉ dựa

vào lực lượng cũ để tiến hành các cải cách xã hội, cho nên khi vua Quang-trung mất, thì triều đại Tây-sơn đi ngay vào con đường suy đốn.

Ở trên tôi đã nói việc vua Quang-trung mất là nguyên nhân chủ yếu khiến cho triều đại Tây-sơn sớm đổ. Chúng ta có thể nói thế mà không sợ rơi vào chủ nghĩa duy tâm về lịch sử.

Ai cũng biết vua Quang-trung là con đẻ của thời đại, là anh hùng của nhân dân, của dân tộc. Vua Quang-trung đã trở nên vĩ đại ở trong lòng nhân dân và dân tộc. Không có nhân dân, không có dân tộc đồng tình và ủng hộ, vua Quang-trung không làm nên gì cả. Nhưng ngược lại, nếu không có vua Quang-trung lãnh đạo, thì nhân dân và dân tộc Việt-nam cũng không thể đi đến những võ công rực rỡ như việc diệt chế độ Nguyễn—Trịnh, phá quân Xiêm và phá quân Thanh được.

Vua Quang-trung không chết, thì không thể có việc Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền, hãm hại đại thần (như trường hợp Trần Văn Kỷ) để làm nổ ra cuộc xung đột giữa Vũ Văn Dũng và Trần Quang Diệu. Trong cuộc xung đột này kẻ được lợi không phải là Dũng, cũng không phải là Diệu, mà lại là Nguyễn Phúc Ánh ở miền Gia-định. Vua Quang-trung còn sống cũng có thể không xảy ra việc Phạm Công Hưng mượn cớ tiếp viện cho Nguyễn Nhạc rồi chiếm luôn Qui-nhơn làm cho Nguyễn Nhạc uất lên mà chết. Việc mượn cớ tiếp viện để chiếm Qui-nhơn trong lúc này là một hành vi rất vô chính trị gây ra nhiều hậu quả hết

sức tai hại. Thật thế trong khi kẻ thù nguy hiểm là Phúc Ánh đang tích cực hoạt động ở đằng trước mặt, nhiệm vụ cần kíp của triều đình Cảnh-thịnh lúc bấy giờ là phải thực tâm giúp Nguyễn Nhạc đánh bại kẻ thù chung và nguy hiểm là Phúc Ánh đi đã. Không đánh Phúc Ánh mà lại chiếm thành của Nguyễn Nhạc là tự tước vây cánh của mình đi, đẩy bạn của mình đi với địch để địch có thêm lực lượng quay lại đánh mình. Và thật sự thì sau khi Phạm Công Hưng chiếm đoạt Qui-nhơn, Nguyễn Bảo đã ngầm đi với Phúc Ánh, sau đó Lê Trung cũng bị giết oan để cho Lê Chất con rể Lê Trung một viên tướng có tài cũng phải quay ra hàng Phúc Ánh để khỏi mất đầu. Bởi vậy kẻ thắng trong vụ chiếm đoạt Qui-nhơn không phải là triều đình Cảnh-thịnh, mà lại là Nguyễn Phúc Ánh.

Ai ra lệnh cho Phạm Công Hưng chiếm Qui-nhơn? Ta có thể trả lời dứt khoát rằng không phải vua Cảnh-thịnh, vì vua Cảnh-thịnh lúc này còn ít tuổi, mà chính là Bùi Đắc Tuyên. Vì lúc này chỉ có Bùi Đắc Tuyên là có đủ quyền lực để ra một cái lệnh có tác dụng tiêu diệt chế độ của Trung ương hoàng đế mà thôi.

Có người cho rằng viện trợ của tư bản Pháp đã giúp Nguyễn Phúc Ánh đánh bại cách mạng Tây-sơn.

Nguyễn Phúc Ánh quả là một kẻ có thói quen «Cõng rắn cắn gà nhà» vào bậc nhất trong lịch sử Việt-nam. Năm 1784, y đã «cõng» hai vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền Xiêm về Gia-định để

quân Xiêm giầy xéo đất nước, cướp bóc của nhân dân. Cũng năm 1784 y lại nhờ Bá-đa-lộc mang Hoàng tử Cảnh sang Pháp vận động triều đình Pháp giúp y quân đội và võ khí để y đánh quân Tây-sơn. Phúc Ánh là kẻ sẵn sàng dâng đất nước của tổ tiên cho ngoại quốc, còn hơn là để đất nước cho nhân dân. Tâm địa của y không hơn gì tâm địa Lê Chiêu-thống. Nhưng phải nhớ rằng năm 1789 khi viện trợ Pháp đến đảo Côn-lôn, thì Phúc Ánh đã thừa dịp anh em Tây sơn đánh lẫn nhau mà chiếm lại cả miền Gia-định rồi. Và như trên đã nói, viện trợ của tư bản Pháp lúc ấy lại không có gì đáng kể. Về người, Bá-đa-lộc chỉ mang cho Phúc Ánh có 19 người trong đó có cả thương nhân và thầy thuốc, còn võ khí thì chỉ có 1.000 khẩu súng trường và hai cỗ đại bác. Sự viện trợ chỉ có thế và chỉ có một lần. Vì ngay từ năm 1789 cách mạng nổ ra ở Pháp lật đổ nền quân chủ của dòng họ Buốc-bông (Bourbons), sau đó lực lượng cách mạng Pháp phải dốc hết khả năng để phá cuộc liên minh của phong kiến châu Âu vào bè với nhau chực phá cách mạng Pháp, giai cấp tư sản Pháp không còn thì giờ và tâm trí đâu để ý đến những miền đất xa xôi ở tận Viễn-Đông nữa.

Cần phải nói thêm rằng những võ khí mà tư bản Pháp giúp cho Gia-long năm 1789 không tinh xảo hơn nhiều lắm những võ khí do người Việt-nam tự chế được hồi ấy. Sách của May-bông (May-bon) và Ruýt-xi-ê (Russier) cho biết rằng ngay từ đầu thế kỷ XVII người Việt-nam đã học được phép đúc súng của người châu Âu rồi: Năm 1614 một người Bồ-đào-nha tên là Giăng đờ la Cờ-roa (Jean

de la Croix) đã giúp chúa Nguyễn (Chúa Sãi) dựng lò đúc súng ở Thuận-hóa. Cho nên trong các cuộc chiến tranh diễn ra ở trên đất Việt-nam ở Đường trong cũng như ở Đường ngoài hồi thế kỷ XVIII, người Việt-nam cũng có những súng ống gần như súng ống của người châu Âu vậy. Nếu ta nhớ rằng năm 1782 trong trận giao chiến với thủy quân Phúc Ánh ở Ngã bảy, Nguyễn Huệ đã phá được một tầu chiến của Pháp do Mạn-hòe (Manuel) chỉ huy làm cho Mạn-hòe phải tự tử, thì thấy rằng võ khí của quân Tây-sơn hồi bấy giờ không đến nỗi kém võ khí của Pháp nhiều lắm.

Rõ ràng là viện trợ của tư bản Pháp chỉ đỡ đần Phúc Ánh một phần nhỏ mọn trong việc đánh bại quân Tây-sơn. Nói khác đi trong việc đánh bại quân Tây-sơn, chủ yếu Phúc Ánh đã dựa vào các lực lượng mà y đã phát động và tổ chức được ở miền Gia-định.

Vậy lực lượng ấy là lực lượng nào?

Trước khi trả lời câu hỏi này, cần phải nhận rõ rằng: Chế độ phong kiến Việt-nam là một chế độ phát triển không đều. Ở Bắc-bộ và miền bắc Trung-bộ, chế độ phong kiến xuất hiện từ lâu. Ở miền nam Trung-bộ mãi đến đầu thế kỷ XVII chế độ phong kiến mới được Nguyễn Hoàng dựng ra làm cơ sở chống lại chính quyền họ Trịnh ở Đường ngoài. Ở miền Nam-bộ, thì mãi đến cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII chế độ phong kiến mới được bọn chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Tần và Nguyễn Phúc Trăn lập ra song song với cuộc Nam tiến của người Việt. Hồi cuối thế kỷ XVII và đầu

thế kỷ XVIII, Nam-bộ là một miền đất mầu mỡ, nhưng dân cư lại thưa. Việc cần thiết trong thời ấy là làm sao chiêu mộ được nông dân để cho họ vui lòng định cư mà khai phá đất hoang, và sản xuất. Muốn chiêu mộ được nông dân, giai cấp địa chủ buộc phải rộng rãi đối với nông dân. Sách *Gia-định thông chí* có nói về công cuộc khai thác đất hoang ở Nam-bộ hồi thế kỷ XVIII như sau :

« Hồi đó người ta rất dễ dãi, rất châm chước đối với nông dân. Vì mục đích chính lúc đó là làm sao cho dân chịu định cư ở một nơi mà khai phá đất đai và cày cấy, cho nên chính quyền cho phép dân Gia-định lấn sang cả đất Biên-hòa, và dân Biên-hòa lấn sang cả đất Gia-định. Đối với những người mới di cư tới, người ta để cho tùy tiện đi lại, tùy tiện chọn đất sinh cơ lập nghiệp. Người dân được tùy tiện làm nhà ở đâu cũng được, khai phá ruộng nương ở đâu cũng được, lập làng mạc thôn xóm ở đâu cũng được... Đất đai đã chọn được rồi, thì chỉ việc trình xin trước cửa quan là lập tức được giấy chứng nhận cho làm chủ đất. Quan cấp đất đai như thế chẳng bao giờ đo đạc cả. »

Đến khi Nguyễn Phúc Ánh trở về Nam-bộ, y lại thi hành một chính sách khuyến khích sản xuất rất khôn khéo như đã nói ở một chương trên. Do đó, nhân dân Nam-bộ chủ yếu là nông dân chưa căm thù bọn chúa Nguyễn như nhân dân miền Thuận — Quảng. Ở Nam-bộ hồi ấy, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ chưa có hay chưa sâu sắc. Nông dân cần có địa chủ để có cày bừa, trâu bò mà cày cấy ; địa chủ cũng cần nhẹ tay đối với nông

dân để nông dân vui lòng định cư thì mới có thể bóc lột được. Nói khác đi, nông dân Nam-bộ hồi thế kỷ XVIII chưa mâu thuẫn sâu sắc với địa chủ. Mà địa chủ ở Nam-bộ hồi ấy lại một lòng ủng hộ Phúc Ánh chống lại Tây-sơn. Quân Đông-sơn ở Ba-giồng (Tam-phụ), quân của Võ Tánh, quân của Chu Văn Tinh sở dĩ đi với Phúc Ánh đánh lại Tây-sơn là vì thế. Trong khi hoạt động chống lại quân Tây-sơn, Phúc Ánh nhiều lần bị quân Tây-sơn đánh cho thua liểng xiểng, và bị quân Tây-sơn lùng bắt, nhờ có địa chủ ủng hộ cho nên trước sau, Phúc Ánh đều trốn thoát. Năm 1783, Phúc Ánh bị Nguyễn Huệ đánh cho đại bại, chỉ còn có non 100 quân lính, y đã chạy vào miền Ba-giồng rồi được thoát thân. Cũng năm 1783, Phúc Ánh bị thủy quân Tây-sơn vây đánh, y chạy được vào đảo Cổ-cốt rồi trở về đảo Phú-quốc. Lúc bấy giờ quân lính của y hết lương, phải hái cỏ và đào củ chuối mà ăn, một người phụ nữ là Thị Uyển đã đem cho y một thuyền gạo. Cuối năm 1783, Phúc Ánh bị quân Tây-sơn đuổi đánh, phải chạy trốn vào miền Trấn-giang. Giữa lúc đói ăn khát uống, thì Phúc Ánh được nhân dân miền ấy đem cho cơm gạo. Năm 1787 khi Phúc Ánh còn ở Xiêm, thì ở Gia-định bọn địa chủ ở Trấn-biên là Nguyễn Văn Nghĩa, Nguyễn Văn Tuyết, bọn địa chủ ở Phiên-trấn là bọn Lê Công Trấn khởi binh đánh lại triều đại Tây-sơn.

* * *

Tóm lại, về mặt chủ quan, thì việc các lãnh tụ cách mạng Tây-sơn xung đột lẫn nhau, việc vua Quang-trung mất giữa tuổi trung niên là nguyên

nhân làm cho triều đại Tây-sơn sụp đổ ; về mặt khách quan, thì nguyên nhân làm cho cách mạng Tây-sơn bị tan vỡ là chỗ cách mạng ấy không có một lực lượng xã hội mới làm nòng cột cho mình, mà chỉ dựa vào tài năng của cá nhân lãnh tụ và sự căm thù bồng bột chốc lát của nhân dân. Cho nên khi lãnh tụ không còn nữa, lòng căm thù của nhân dân đã nguôi đi, thì triều đại Tây-sơn sụp đổ một cách quá dễ dàng.

Sự thất bại của cách mạng Tây-sơn tố cáo tình trạng bế tắc của xã hội Việt-nam hồi thế kỷ XVIII và hồi đầu thế kỷ XIX. Trong các tình trạng bế tắc này, nông dân đã cố vươn mình để đánh đổ các lực lượng phong kiến phản động, lập ra một chế độ phong kiến kiểu mới với một số cải cách tiến bộ để rồi lại bị lực lượng phong kiến phản động cũ đánh đổ.

Cách mạng Tây-sơn chứng minh rằng : nông dân quả là một lực lượng lớn mạnh, khi nông dân đã đứng lên thì họ có thể đánh đổ hết thảy các lực lượng phản động và phá hết thảy các cuộc ngoại xâm, nhưng nếu không có một lực lượng xã hội tiến bộ lãnh đạo, thì tự nông dân không đi đến một kiến thiết nào lâu dài và quan trọng.Nông dân là một giai cấp tự họ không thể giải phóng được. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân trong lịch sử Việt-nam sở dĩ đều thất bại hay chỉ đi đến một sự thay đổi triều đại, chủ yếu là vì như vậy.

THAY LỜI KẾT LUẬN

Lịch sử cách mạng Tây-sơn về căn bản là lịch sử Nguyễn Huệ. Trong phong trào Tây-sơn, Nguyễn Huệ nổi bật lên như một vị lãnh tụ vĩ đại đã đưa nông dân đứng lên đánh đổ chế độ phong kiến Chúa Nguyễn ở Đường trong, đánh bại quân xâm lược Xiêm-la do Phúc Ánh rước về, đánh đổ chế độ phong kiến Chúa Trịnh ở Đường ngoài, và cuối cùng đã lãnh đạo dân tộc cả phá 20 vạn quân xâm lược Mãn Thanh, gìn giữ độc lập cho đất nước.

Nguyễn Huệ đang lãnh đạo các cải cách kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa, thì bị bệnh rồi mất, để thương tiếc cho người xã hội đương thời và hậu thế.

Nhân dân Việt-nam thấy ở việc mất Nguyễn Huệ, không những mất một vị anh hùng dân tộc, và một lãnh tụ nông dân kiệt xuất, mà còn coi việc mất Nguyễn Huệ là mất cả một chế độ xã hội có tính chất tiến bộ và có khả năng đưa dân tộc Việt-nam đến một giai đoạn lịch sử mới và sáng sủa hơn.

Việc Nguyễn Huệ mất giữa tuổi trung niên đầy hy vọng là nguyên nhân chủ yếu khiến cho cách

mạng Tây-sơn suy yếu rồi sụp đổ như đã trình bày ở chương trên.

Nhận định như thế thì có khỏi rơi vào thuyết «anh hùng tạo thời thế » của các nhà sử học duy tâm hay không ?

Tôi thấy nhận việc Nguyễn Huệ mất sớm là nguyên nhân chủ yếu khiến cho triều đại Tây-sơn sụp đổ, không những đúng với sự thật lịch sử, mà cũng không trái với nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử nữa.

Nguyễn Huệ là con đẻ của phong trào nông dân Việt-nam chủ yếu là phong trào nông dân Việt-nam hồi nửa cuối thế kỷ XVIII, nhưng việc Nguyễn Huệ còn hay mất lại có tác dụng quyết định đến sự thành hay bại của phong trào nông dân hồi ấy.

Đó là một chân lý lịch sử mà chúng ta phải nắm cho vững thì mới cắt nghĩa nổi những nguyên nhân thành bại của cách mạng Tây-sơn hồi ấy.

Tuy vậy, người ta vẫn thắc mắc về vấn đề này :

Việc Nguyễn Huệ mất là một hiện tượng hoàn toàn thuộc lĩnh vực sinh vật học, chịu sự chi phối của quy luật sinh vật học, còn cách mạng Tây-sơn là một hiện tượng xã hội phát sinh, phát triển và tiêu diệt theo quy luật của xã hội học. Hiện tượng thứ nhất không chịu sự chi phối của quy luật hiện tượng thứ hai, nhưng sự phát sinh, phát triển và tiêu diệt của hiện tượng thứ hai lại liên quan chặt chẽ với hiện tượng thứ nhất. Nói rõ

hơn việc Nguyễn Huệ còn hay mất tuy là một hiện tượng sinh vật học, nhưng lại có tác dụng quyết định đến sự thành hay bại của cách mạng Tây-sơn.

Nếu sự thật của lịch sử là như vậy, thì trong lịch sử có sự ngẫu nhiên à ?

Nếu hiểu sự ngẫu nhiên là hiện tượng không có nguyên nhân, thì trong lãnh vực lịch sử cũng như bất cứ lãnh vực khoa học nào khác không có sự ngẫu nhiên. Trái lại, nếu hiểu sự ngẫu nhiên trong lịch sử chỉ là những hiện tượng có nguyên nhân ở trong các lãnh vực khác, thì trong lịch sử có sự ngẫu nhiên.

Năm 1588, vua Tây-ban-nha là Phi-lip thứ II sai đội chiến thuyền vô địch Ác-ma-đa (L'Invincible Armada) đi đánh Anh-cát-lợi, đội chiến thuyền bị một trận bão lớn phá tan ; trận bão đối với sự tan vỡ của đội chiến thuyền là một sự ngẫu nhiên, nhưng sự ngẫu nhiên này lại là một hiện tượng bình thường có nguyên nhân trong lãnh vực vật lý học (vì bão là một hiện tượng vật lý học).

Trận bão nổi lên ở ngoài khơi quần đảo Côn-lôn năm 1782 làm cho Nguyễn Phúc Ánh thoát khỏi tay phò mã Tây-sơn là Trương Văn Đa, và chạy lược về đảo Phú quốc. Đối với Phúc Ánh cũng như đối với quân Tây-sơn hồi ấy, trận bão là một sự ngẫu nhiên (Phúc Ánh đã lợi dụng sự ngẫu nhiên này để tuyên truyền rằng trời giúp y thoát khỏi quân Tây-sơn), nhưng sự ngẫu nhiên ấy lại không có gì là ngẫu nhiên trong lãnh vực vật lý học.

Sự ngẫu nhiên với ý nghĩa như trên, thì chủ nghĩa Mác không phủ nhận. Trong bức thư gửi cho Kugelman sau Công xã Pa-ri (1871), Mác thừa nhận sự ngẫu nhiên trong lịch sử. Sự ngẫu nhiên theo Mác có thể làm cho xã hội tiến nhanh lên một chút, hay chậm lại một chút. Cũng theo Mác, tài năng các nhân vật lãnh đạo phong trào xã hội là một trong những sự ngẫu nhiên.

Trong lịch sử có sự ngẫu nhiên, và sự ngẫu nhiên đã ảnh hưởng tới sự tiến triển của xã hội, đặc biệt là đã ảnh hưởng đến những sự kiện lịch sử nhất định. Nhưng đối với toàn bộ quá trình lịch sử, thì sự ngẫu nhiên không có tác dụng gì.

Năm 1925, ông Tôn Văn mất, bọn Tưởng Giới Thạch thừa cơ gây ra phong trào chống cộng, làm cho sự nghiệp giải phóng Trung-quốc bị chậm lại một thời gian. Nhưng rốt cuộc, cách mạng Trung-quốc vẫn thắng, nhân dân Trung-quốc vẫn tiến lên, bọn Tưởng Giới Thạch với sự viện trợ dủ thứ của các đế quốc, đặc biệt là đế quốc Mỹ, vẫn thất bại.

Năm 1792 vua Quang-trung mất, bọn phong kiến phản động mà Nguyễn Phúc Ánh là đại biểu thừa dịp tấn công vào triều đại Tây-sơn, kéo lịch sử lùi trở lại để rồi cuối cùng mở cửa đất nước cho bọn thực dân xâm lược. Nhưng tất cả cố gắng của bọn phong kiến phản động và bọn thực dân đế quốc chỉ kìm hãm lịch sử Việt-nam được 152 năm (1802—1954) thôi. Năm 1954, sau chiến thắng Điện-biên vĩ đại, nhân dân Việt-nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiền phong, đã giành được độc lập

trên già nửa đất nước. Trên khoảng đất này, nhân dân Việt-nam đang kế tục và phát triển sự nghiệp mà vua Quang-trung đã bỏ dở : Phát triển công thương nghiệp, triệt để cải cách ruộng đất, thực sự mang ruộng đất cho người cày ruộng, phát triển văn hóa dân tộc, phát triển giáo dục, đấu tranh để thống nhất đất nước...

Trong khi ấy, trên khoảng đất từ Bến Hải trở vào Nam, Ngô Đình Diệm vâng lệnh Mỹ đang cố tình chia xẻ đất nước; Diệm đang để cho hàng hóa Mỹ tràn ngập trên thị trường miền Nam, bóp chết công thương nghiệp dân tộc ; một thứ cải cách ruộng đất trò hề có lợi cho địa chủ đã được thi hành để bịp bợm nông dân ; văn hóa dân tộc đã bị tấn công dữ dội trước sự tràn ngập của sách báo khiêu dâm Mỹ, phim ảnh khiêu dâm Mỹ. Sự viện trợ của đế quốc Mỹ cho Ngô Đình Diệm hàng nghìn bằng vạn sự viện trợ của tư bản Pháp cho Phúc Ánh hồi cuối thế kỷ XVIII. Dựa vào sự viện trợ ấy, sự viện trợ bằng súng đạn và bằng hàng hóa thừa, Mỹ — Diệm định vĩnh viễn chia xẻ đất nước Việt-nam, biến miền Nam thành một thuộc địa giấu tên của Mỹ.

Âm mưu của Mỹ—Diệm tuy thâm độc, nhưng sớm muộn tất thất bại. Là bởi nhân dân ở miền Nam ngày nay không phải là nhân dân miền Gia-định hồi thế kỷ XVIII. Nhân dân miền Nam ngày nay cảm thù sâu sắc bọn phong kiến và bọn đế quốc. Nhân dân miền Nam ngày nay dưới sự lãnh đạo của Đảng tiền phong, được rèn luyện trong chín năm kháng chiến, đã hiểu thế nào là bọn đế

quốc thực dân, thế nào là bộn buôn giống bán nòi, quyết không bao giờ để cho bọn Mỹ—Diệm thực hiện âm mưu của chúng. Nhân dân Việt-nam ngày nay ở Bắc cũng như ở Nam không những có vị anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh suốt đời hiến thân cho sự nghiệp giải phóng đất nước, mà còn có một lãnh tụ tập thể là Đảng tiền phong hy sinh, dũng cảm, sáng suốt quyết tâm chiến đấu vì lợi ích của Tổ quốc. Cho nên nhân dân Việt-nam nhất định sẽ thắng Mỹ — Diệm, nhất định sẽ làm cho nước Việt-nam được thống nhất hoàn toàn, độc lập hoàn toàn. Nhân dân Việt-nam ngày nay có đủ điều kiện, đủ khả năng để không những kế tục được sự nghiệp của vua Quang-trung, mà còn phát triển sự nghiệp của vua Quang-trung lên một mức rất cao : làm cho nước Việt-nam giầu mạnh nhất ở Đông-nam châu Á, làm cho nhân dân Việt-nam người nào cũng được no đủ, người nào cũng được ăn học hẳn hoi.

Hà-nội, Tháng 11 năm 1957

MỤC LỤC

Trang

1 — Lời nói đầu 5

2 — Sách báo tham khảo 7

3 — Xã hội Việt-nam trước ngày anh em Tây-sơn khởi nghĩa 9

4 — Vài nét về tỉnh Bình-định, nơi chôn rau cắt rốn cách mạng Tây-sơn 24

5 — Dòng dõi anh em Tây-sơn 31

6 — Anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ dấy quân 38

7 — Quân Trịnh tiến vào Nam 47

8 — Nguyễn Huệ diệt Chúa Nguyễn, phá quân Xiêm 55

9 — Nguyễn Huệ hạ Phú-xuân, tiến ra Bắc . . 63

10 — Từ việc Nguyễn Nhạc ra Bắc đến cuộc xung đột giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ . . 73

11 — Nguyễn Hữu Chỉnh mưu phản và bị giết. . 80

12 — Nguyễn Huệ ra Bắc hà lần thứ hai: giết Vũ Văn Nhậm 91

13 — Vua Chiêu-thống rước quân Thanh vào Việt-nam xâm lược. 97

14 — Quân Thanh chiếm cứ Bắc-hà 113
15 — Vua Quang-trung xuất quân cả phá quân Thanh 117
16 — Tôn Sĩ Nghị và quân Thanh trên đường chạy trốn 131
17 — Bí quyết thành công của vua Quang-trung trong trận đại phá quân Thanh 137
18 — Giảng hòa với nhà Thanh 143
19 — Chính sách ngoại giao. 148
20 — Chính sách cán bộ 150
21 — Chính sách kinh tế. 159
22 — Chính sách văn hóa giáo dục 164
23 — Chính sách quân sự 168
24 — Kết quả chính sách dựng nước của vua Quang-trung 171
25 — Việc vua Quang-trung mất với tình trạng suy đốn của triều đại Tây-sơn 176
26 — Nguyễn Phúc Ánh gây lực lượng ở Gia-định 184
27 — Viện trợ của tư bản Pháp 190
28 — Nguyễn Phúc Ánh phản công 194
29 — Nhà Tây-sơn sụp đổ 199
30 — Nguyên nhân thành bại và bài học của cách mạng Tây-sơn 211
31 — Thay lời kết luận 228
32 — Bản đồ chiến tranh Việt — Thanh phỏng theo bản đồ chiến tranh Việt — Thanh trong *Quang Trung Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc* của Hoa Bằng.

HẾT

TVNSACH.COM.VN

CÁCH MẠNG TÂY SƠN

IN TẠI XƯỞNG IN TIẾN-BỘ – HÀ-NỘI
KHỔ 13 x 19 – XONG NGÀY 13-2-1958
SỐ XUẤT BẢN – SỐ IN 2360
GỬI LƯU CHIỂU THÁNG 2 NĂM 1958

Bìa của TRẦN ĐÌNH THỌ

TIMSACHCU.VN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN SỬ ĐỊA

ĐÃ XUẤT BẢN :

SƠ THẢO LỊCH SỬ VĂN HỌC VIỆT NAM

QUYỂN I

(Phần ngữ ngôn văn tự và văn học truyền miệng)

của VĂN TÂN — NGUYỄN HỒNG PHONG
NGUYỄN ĐỔNG CHI — VŨ NGỌC PHAN

LỊCH SỬ TÁM MƯƠI NĂM CHỐNG PHÁP

Quyển I — In lần thứ hai

của TRẦN HUY LIỆU

CHIẾN TRƯỜNG BÌNH TRỊ THIÊN

(những ngày đầu kháng chiến)

của HỒNG CHƯƠNG

SƠ THẢO LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN THỦ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

của PHAN GIA BỀN

VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

Tập I, II và III

Tổ biên dịch trong Ban nghiên cứu Văn Sử Địa
biên dịch và chú giải

SẮP XUẤT BẢN :

NHỮNG THỦ ĐOẠN BÓC LỘT CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT-NAM

của NGUYỄN KHẮC ĐẠM

TIMSACH.COM.VN

Giá : **2,100đ.**